

100

CÂU CHUYỆN HAY THẾ GIỚI
QUÁCH THÀNH Người dịch: TIẾN THÀNH



MƯỜI LƯƠC



TRONG
CHÍNH TRỊ
QUÂN SỰ
& ĐỜI SỐNG



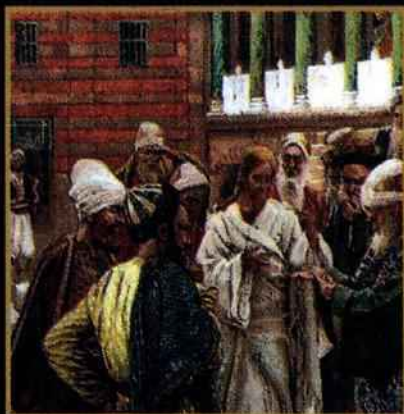
VANLANGBOOKS



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

“Dùng người không nghi,
nghi người không dùng.”

- Tào Tháo



“Bậc tướng giỏi, ắt có người học
rộng tài trí làm tâm phúc, có người
trầm tĩnh thận trọng cẩn mật làm
tai mắt, có người dũng mãnh thiện
chiến làm móng vuốt.”

- Gia Cát Lượng

“Người dụng binh cũng giống như
thể nước chảy, luôn vô định, vô
hình tùy cơ ứng biến, không có
quy mô làm mẫu. Nếu như có thể
tùy theo tình hình biến hóa của
địch mà biến đổi theo đó giành
thắng lợi. Đó chính là cái được gọi
dụng binh như Thần.”

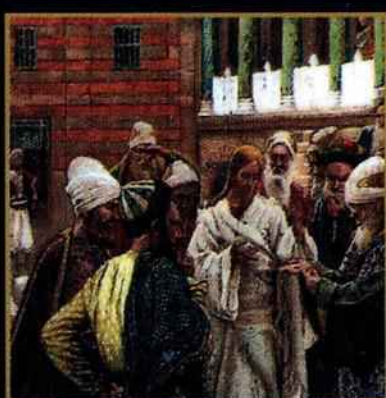
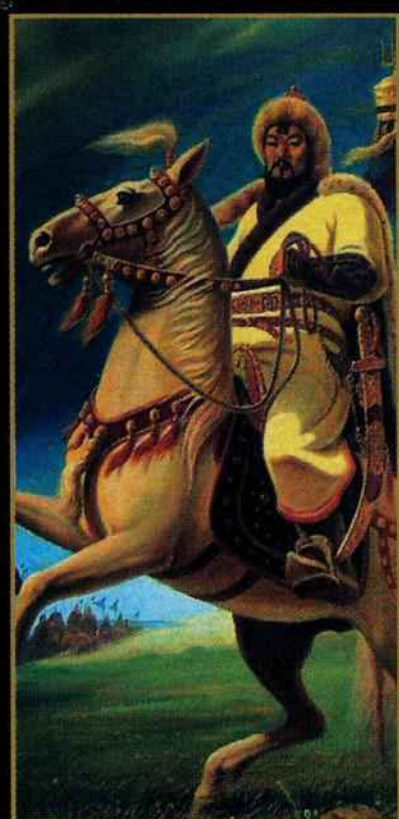
- Tôn Tử



100 CÂU CHUYỆN HAY THẾ GIỚI
QUÁCH THÀNH Người dịch: TIẾN THÀNH

MƯU LƯỢC TRONG CHÍNH TRỊ QUÂN SỰ & ĐỜI SỐNG





Xã hội không ngừng phát triển, trên mọi phương diện đều có sự cạnh tranh gay gắt, vì thế việc vận dụng mưu lược là không thể thiếu. Trong các lĩnh vực chính trị, quân sự hay kinh tế, ngoại giao, ngoài tầm nhìn xa trông rộng, tài phân tích, phán đoán nhạy bén, người lãnh đạo còn phải biết cách nhìn người và dùng người trong mọi hoàn cảnh.

MUÛU LƯỢC TRONG CHÍNH TRỊ - QUÂN SỰ & ĐỜI SỐNG tập hợp nhiều kế sách cũng như thuật dùng người khôn khéo của các nhân vật nổi tiếng trong lịch sử giúp chúng ta nhìn lại quá khứ, học hỏi kinh nghiệm, từ đó vận dụng một cách sáng tạo trong cuộc sống hàng ngày.



VANLANGBOOKS
Tư tưởng tỏa sáng

ISBN: 978-604-318-083-1



9 786043 180831

Mưu lược trong chính trị - quân sự & đời sống



8 935074 123343

GIÁ: 125.000 ĐỒNG

M U U L U O C

TRONG CHÍNH TRỊ
QUÂN SỰ & ĐỜI SỐNG

100 CÂU CHUYỆN HAY THẾ GIỚI
QUÁCH THÀNH Người dịch: TIẾN THÀNH

MƯU LƯỢC

TRONG CHÍNH TRỊ
QUÂN SỰ & ĐỜI SỐNG



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

100 CÂU CHUYỆN HAY THỀ GIỚI

MƯU LƯỢC TRONG CHÍNH TRỊ - QUÂN SỰ & ĐỜI SỐNG

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty CPVH Văn Lang.

Mọi hình thức xuất bản, sao chép, phân phối dưới dạng in ấn hoặc chế bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán qua mạng Internet, nếu không có sự đồng ý của Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang bằng văn bản, đều xem là vi phạm pháp luật.

MỤC LỤC



❁ Lời giới thiệu	9	❁ Dùng mưu thể hiện tài năng	59
❁ Nhấn nhin là vàng	11	❁ Bỏ qua hiềm khích cũ	63
❁ Qua cầu rút ván	13	❁ Tiến cử không vì thân thích	66
❁ Giấu tài giấu nghề	16	❁ Tấm lòng rộng lớn	70
❁ Chọn chúa mà thờ	18	❁ Không nghe sàm ngôn	73
❁ Gây dư luận	24	❁ Đánh vào lòng người là thượng sách	75
❁ Sức mạnh của khen thưởng	29	❁ Bỏ qua khuyết điểm để trọng dụng	77
❁ Nhân trị và pháp trị của Đường Thái Tông	32	❁ Lấy đức phục người	79
❁ Khoan uy tương trợ	34	❁ Biển chứa trăm sông	84
❁ Xoá hiềm khích để đồng lòng	37	❁ Nước trong không có cá	87
❁ Nhìn bò đoán thời tiết	39	❁ Liên hoàn phá địch	90
❁ Chấp pháp giữ phép công	41	❁ Đánh vào lòng người là thượng sách	95
❁ Xoay tay chèo theo gió	43	❁ Nghi binh kế	97
❁ Hiểu ý cấp trên	47	❁ Binh bất yếm trá	100
❁ Tự che giấu vẻ đẹp	50	❁ Cương nhu kết hợp	107
❁ Ném đá giấu tay	51	❁ Nhìn lửa cách bờ	114
❁ Khoe sở trường giấu sở đoản	53	❁ Dương đông kích tây	120
❁ Không câu nệ lễ thường tình	57		

❁ Họ Thi và họ Mãnh	122	❁ Phân biệt trung và gian	155
❁ Con trai Phạm Lãi	124	❁ Trí tuệ và khí khái	156
❁ Tuyệt Anh Yển	127	❁ Nghìn vạn tiền mua láng giềng	158
❁ Gia Cát Lượng và Ngụy Diên	129	❁ Sửa ống khói để tránh hoả hoạn	158
❁ Sợi tóc trên miếng thịt	131	❁ Nhan Hồi nấu cơm	159
❁ Hai quả đào giết ba dũng sĩ	132	❁ Không tin tà	160
❁ Miếng vá của Hoàng Thượng	133	❁ Dĩ dật đãi lao	162
❁ Tề Vương thích áo tím, Sở Vương thích eo thon	134	❁ Tuỳ cơ ứng biến	165
❁ Khổng Tử và Trọng Do	137	❁ Biết người biết ta	169
❁ Hẻm nhân nghĩa	139	❁ Chọn cây mà đậu	174
❁ Ở kho hay ở nhà xí	140	❁ Dám làm dám chịu	176
❁ Sự “thất lễ” của Tăng Quốc Phiên	141	❁ Công cao không kiêu	182
❁ Hồ Lâm Dục chúc thọ	143	❁ Cẩn thận chín chắn	185
❁ Sáng suốt giữ mình	144	❁ Tránh thực theo hư	187
❁ Nỗi bi thương của bà lão	146	❁ Chân nhân bất lộ tướng	192
❁ Đại trí giả ngu	147	❁ Kịch giả làm thật	194
❁ Giảng đạo lý	148	❁ Kế kích tướng	201
❁ Nghệ thuật nói chuyện	149	❁ Liệu địch như thần	204
❁ Ai hầu rượu vua?	151	❁ Sở Trang Vương	207
❁ Tào Bân đối phó tiểu nhân	152	❁ Lấy gập làm duỗi	214
❁ Tình bạn của Quán Trọng và Bảo Thúc Nha	153	❁ Dùng “nhân” chế dũng	217
		❁ Nhân trong biến loạn	221

✿ Lấy khổ làm vui	228	✿ Thả con săn sắt, bắt con cá rô	262
✿ Phú quý thì tự kiềm chế	232	✿ Bắt giặc phải bắt vua	266
✿ Hoãn xưng vương	234	✿ Đục nước béo cò	268
✿ Giấu trời qua biển	237	✿ Mượn đường diệt Quắc	272
✿ Vây Nguy cứu Triệu	239	✿ Trộm xà đổi cột	273
✿ Nhân cháy hôi của	240	✿ Chỉ gà mắng chó	278
✿ Trong không sinh có	243	✿ Biết mà giả ngu	279
✿ Giấu dao trong nụ cười	246	✿ Hoa nở trên cây	281
✿ Mặn chết thay đào	248	✿ Mỹ nhân kế	283
✿ Thuận tay dắt bò	251	✿ Không thành kế	284
✿ Đập cỏ động rắn	255	✿ Kế ly gián	287
✿ Mượn xác hoàn hồn	257	✿ Liên hoàn kế	289
✿ Điều hổ ly sơn	259	✿ Mềm mỏng pha cứng rắn	293

LỜI GIỚI THIỆU



Giáo dục nền tảng bao gồm nhiều lĩnh vực như: triết học, kinh tế, chính trị, lịch sử, văn học, toán học, ... có tác dụng giúp con người phát triển toàn diện những kỹ năng thiết yếu trong cuộc sống. Ngày nay, để có được một vị trí trong xã hội, chúng ta phải không ngừng học tập, trau dồi và bổ sung kiến thức. Thế nhưng để làm được điều đó bạn phải tiêu tốn rất nhiều thời gian và công sức. Đọc sách là một trong những phương pháp học tập vừa có hiệu quả vừa tiết kiệm được thời gian. Để đáp ứng nhu cầu đó, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu một bộ sách hay thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, gồm 7 quyển:

- 1. Gieo nhân gặt quả*
- 2. Triết lý và kẻ trí*
- 3. 100 tác gia và tác phẩm kinh điển*
- 4. Mưu lược trong chính trị, quân sự & đời sống*
- 5. Bài học thành bại*
- 6. 100 câu chuyện về tình cảm*
- 7. Tư duy giàu có*

Bộ sách không chỉ cung cấp kiến thức nền tảng thuộc các chủ đề riêng biệt như: Phật giáo, triết học, chính trị và đời sống, văn học, tình cảm nhân sinh... mà còn có tác dụng khai sáng trí tuệ, phát huy khả năng tư duy logic; bồi dưỡng tâm hồn, dạy ta cách nghĩ, cách sống, ... và còn rất nhiều bài học bổ ích, thiết thực có thể áp dụng trong đời sống hằng ngày.



NHÃN NHỊN LÀ VÀNG



Năm 494 trước Công nguyên, để trả thù nước Việt giết cha, Ngô vương Phù Sai dấy binh đánh Việt, trong trận chiến Mai Sơn, quân Ngô giành đại thắng, quân Việt hầu như hoàn toàn bị tiêu diệt. Trước tình cảnh nước mất nhà tan, Việt vương Câu Tiễn bàn bạc với các đại thần Văn Chủng, Phạm Lãi, quyết định đích thân dắt vợ con sang nước Ngô làm con tin, hầu hạ Phù Sai.

Bất chấp sự phản đối của các đại thần, Phù Sai chấp nhận thỉnh cầu của Câu Tiễn, ông cho xây một ngôi nhà đá tồi tàn ngay bên mộ của tiên phụ Hạp Lư chết bởi nước Việt ngày trước, cho vợ chồng Câu Tiễn vào ở đó và lệnh cho họ bỏ mũ áo, để đầu trần, bôi mặt xấu, mặc trang phục nô lệ, chăn ngựa cho ông. Mỗi khi Phù Sai đi đâu, Câu Tiễn phải cầm cương ngựa đi bên cạnh hầu hạ, trăm họ nước Ngô chỉ trỏ vào ông bàn tán: “Người kia là vua nước Việt đấy!”. Câu Tiễn chỉ biết nhin nhục, cúi đầu không nói. Bình thường Câu Tiễn còn phải chặt củi gánh nước, phu nhân thì nấu cơm may áo, đôi phu phụ hoàng đế này sống như nô lệ.

Để không khiến Phù Sai nghi ngờ dẫn đến chuốc họa bất trắc, Câu Tiễn còn tìm mọi cách nịnh bợ Phù Sai. Một lần Phù Sai bị bệnh, Câu Tiễn xin vào

cung thăm bệnh. Lúc ấy Phù Sai đang bị tiêu chảy, bèn lệnh cho Câu Tiễn tạm lánh đi một chút. Câu Tiễn nói:

- Tiện thần ngày trước từng theo thầy học y, có thể nhìn phân người là biết bệnh tình nặng hay nhẹ.

Chờ Phù Sai đại tiện xong, kẻ hầu bê thùng phân ra khỏi phòng, Câu Tiễn theo ra, nhắc nắp thùng lên, thò tay vào lấy một cục phân rồi quỳ xuống cho vào miệng nếm, mọi người ai nấy nhìn mặt nhú mày. Câu Tiễn nếm phân xong mặt lại tỏ vẻ mừng, vào cung chúc mừng Phù Sai:

- Tiện thần xin chúc mừng đại vương, bệnh của đại vương chỉ đôi ba ngày nữa là khỏi.

Phù Sai hỏi:

- Sao nhà ngươi biết?

Câu Tiễn đáp:

- Tiện thần từng nghe thầy dạy rằng phân có vị ngũ cốc, người khỏe thì vị nó nặng, người bệnh thì vị nó nhẹ. Tiện thần nếm phân của đại vương, thấy vị nó chua lại đắng, nên biết được.

Phù Sai nghe xong vô cùng cảm động, khen:

- Các đại thần của ta, Thái tử của ta không ai làm được như vậy, chỉ mình Câu Tiễn thực sự yêu mến ta thôi!

Thế rồi ông quyết định thả vợ chồng Câu Tiễn về nước.

Sau khi về nước, Câu Tiễn ra sức phấn đấu, sau mười năm gây dựng, nước Việt đã lớn mạnh. Năm 475 trước Công nguyên, Câu Tiễn dốc toàn lực đánh nước Ngô. Phù Sai đại bại, xin đời đời làm tôi tớ nước Việt, Câu Tiễn không chịu, buộc Phù Sai tự sát.

QUA CẦU RÚT VÁN



Sau cuộc “Bình biến Trần Kiều”, Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dẫn đoạt được ngôi đế, bổ nhiệm Triệu Phổ làm Khu Mật Trục học sĩ, mọi việc lớn trong nước đều bàn với ông. Khi ấy, bọn tướng lĩnh cầm quân Thạch Thủ Tín, Vương Thấm Kỳ đều là thân tín của Triệu Khuông Dẫn, là những người ủng hộ đưa Triệu Khuông Dẫn lên ngôi trong cuộc “Bình biến Trần Kiều”, có thế lực rất lớn trong quân đội.

Triệu Khuông Dẫn từng hỏi Triệu Phổ:

- Từ cuối thời Đường đến nay, mấy mươi năm đã thay mấy họ Hoàng đế, thiên hạ không yên, rốt cuộc là bởi làm sao? Muốn nước nhà thịnh trị lâu dài, khanh có kế sách gì hay?

Triệu Phổ đáp:

- Thiên hạ không yên là bởi quyền tướng nặng mà quyền vua nhẹ. Muốn nước nhà thịnh trị lâu

dài thì phải đoạt quyền, thu binh và kiểm soát tiền lương...

Bất chợt hiểu ra, không đợi Triệu Phổ nói hết lời, Triệu Khuông Dẫn ngăn lại.

Một chiều mùa thu năm đó, Triệu Khuông Dẫn chuẩn bị bữa tiệc thịnh soạn, cho mời bọn Thạch Thủ Tín, Vương Thẩm Kỳ đến yến ẩm. Rượu đang ngấm, Triệu Khuông Dẫn bất chợt than thở:

- Không nhờ sức các vị ở đây thì ta đâu có ngày hôm nay, nhưng làm Hoàng đế cũng khó lắm thay! Chẳng sung sướng bằng một Tiết độ sứ. Từ khi lên làm Hoàng đế, ta chẳng được lấy một đêm yên giấc.

Bọn Thạch Thủ Tín nghe xong vội hỏi nguyên nhân. Triệu Khuông Dẫn đáp:

- Các khanh thử nghĩ, ngôi Hoàng đế có ai không thèm muốn? Ta luôn lo sợ bị người ta đoạt mất đế vị, nên sao có thể yên giấc?

Bọn Thạch Thủ Tín vội nói:

- Sao Hoàng thượng lại nói như vậy? Nay thiên hạ đã định, còn ai dám mưu đồ phản nghịch, tự chuốc lấy diệt vong?

Triệu Khuông Dẫn cười, lạnh lùng nói:

- Các khanh ắt là không bao giờ làm điều đó. Song nếu thuộc hạ của các khanh cứ nhất quyết khoác hoàng bào lên người các khanh, ép các khanh tạo phản, giống như các khanh đối với ta hồi trước, thì e các khanh không tự quyết định được.

Bọn Thạch Thủ Tín hốt hoảng khẩu đầu, nói:

- Chúng thần ngu muội, chưa từng nghĩ xa xôi. Mong Hoàng thượng nể tình theo hầu nhiều năm, chỉ cho chúng thần một con đường sống.

Triệu Khuông Dẫn lòng mừng khắp khởi, nhưng ngoài miệng vẫn ra vẻ ôn tồn:

- Hỡi ôi, đời người ngắn ngủi, chi bằng tranh thủ hưởng an nhàn. Ta thì chẳng có cách nào, nhưng các khanh thì còn kịp. Các khanh cũng coi như đã công thành danh toại, sao không giữ bỏ binh quyền, chọn đại ấp phiên trấn mà đặt điền sản, an hưởng phú quý? Như thế vừa có thể khiến con cháu đời sau không còn nỗi lo thiếu thốn, vừa có thể làm cho vua tôi hết nghi kỵ nhau, trên dưới đều yên, như vậy thật tốt biết mấy!

Bọn Thạch Thủ Tín nghe đến đây, lòng đã ngầm hiểu Triệu Khuông Dẫn muốn đoạt binh quyền của họ, dù có sẵn lòng hay không cũng chỉ còn cách quỳ xuống tạ ơn, nói:

- Hoàng thượng quan tâm đến chúng thần như vậy, thực là tình cốt nhục sinh tử! Chúng thần còn có gì để nói nữa?

Ngày hôm sau, bọn Thạch Thủ Tín lên triều xin nghỉ bệnh, xin miễn quân chức. Triệu Khuông Dẫn lập tức phê chuẩn và trọng thưởng cho từng người. Và rồi Thạch Thủ Tín được phong làm Thiên Bình tiết độ sứ, Vương Thẩm Kỳ được phong làm Trung Chính tiết độ sứ, Cao Hoài Đức được phong làm Quy Đức tiết độ sứ, Trương Lệnh Phong được phong làm

Trấn Ninh tiết độ sứ, tất cả đều ra giữ nơi khác. Khi ấy, quân quyền địa phương đều quy về các châu thống nhất cai quản, Tiết độ sứ chẳng qua chỉ là chức tước không quyền lực mà thôi.

GIẤU TÀI GIẤU NGHỀ

Vào thời Ngụy Minh Đế, Tào Sảng và Tư Mã Ý cùng nắm triều chính. Tư Mã Ý được thăng làm Thái phó, thực chất là tuy thăng mà giáng, đại quyền quân chính rơi vào tay gia tộc Tào Sảng. Tư Mã Ý thấy vậy thì chán nản, bèn giả bệnh xin về ở ẩn để chờ đợi thời cơ.

Tào Sảng là kẻ kiêu ngạo chuyên quyền, không coi ai ra gì, chỉ sợ mỗi Tư Mã Ý. Khi ấy Lý Thắc được thăng bổ làm Thứ sử Thanh Châu, Tào Sảng bèn bảo ông ta đến phủ Tư Mã từ biệt lên đường, nhưng thực chất là đến thám thính hư thực. Tư Mã Ý hiểu rõ điều này, bèn bỏ mũ, xoa tóc, ôm chần ngồi trên giường, giả vờ bệnh nặng, sau đó mời Lý Thắc vào gặp.

Lý Thắc bái kiến rồi nói:

- Lâu nay không gặp Thái phó, ai ngờ bệnh đến mức này. Nay kẻ hèn này được điều làm Thứ sử Thanh Châu nên đến chào từ biệt Thái phó.

Tư Mã Ý giả nặng tai, nói:

- Tịnh Châu sát phương bắc, phải cẩn trọng đấy!

Lý Thắng nói:

- Tôi đến Thanh Châu, không phải Tịnh Châu!

Tư Mã Ý cười hỏi:

- Ông từ Tịnh Châu đến ư?

Lý Thắng đáp to:

- Là Thanh Châu ở Sơn Đông!

Tư Mã Ý cười:

- Từ Thanh Châu đến à?

Lý Thắng nghĩ bụng:

- Sao lão già này lại bệnh nặng như vậy? Điếc đặc rồi!

- Mang bút đến đây! – Lý Thắng bảo, rồi viết chữ cho ông xem.

Tư Mã Ý giả vờ xem xong mới hiểu, cười nói:

- Không ngờ tai ta lại điếc đặc.

Ngón tay chỉ vào miệng, người hầu bèn cho ông ăn canh, ông mở miệng húp, rồi sắc phun đầy giường. Tư Mã Ý bảo Lý Thắng:

- Ta không xong rồi, nhưng hai đứa con ta lại không thành tài, mong tiên sinh dạy bảo chúng, nếu gặp Tào đại tướng quân, hãy xin ông ấy chiếu cố!

Nói xong nằm lăn ra giường, thở khò khè.

Lý Thắng đi thăm trở về, kể lại tình hình cho Tào Sảng, Tào Sảng cả mừng, nói:

- Lão mà chết thì ta mới yên tâm được.

Từ đó không đề phòng Tư Mã Ý nữa.

Tư Mã Ý thấy Lý Thắng đã đi, bèn ngồi dậy bảo hai con:

- Từ nay Tào Sảng đã thực sự yên tâm về ta, chờ hấn ra khỏi thành đi sẵn, sẽ cho hấn ném mùi lợi hại.

Không lâu sau, Tào Sảng hộ giá theo Minh Đế đi cúng tổ tiên. Tư Mã Ý lập tức tập trung bộ hạ ngày trước, dẫn gia tướng đến chiếm kho vũ khí, uy hiếp Thái hậu, trừ bỏ vây cánh của Tào Sảng, sau đó lại lừa Tào Sảng rằng chỉ cần giao binh quyền thì sẽ không hại ông ta. Khi cục thế đã ổn định, Tư Mã Ý đem xử trảm Tào Sảng cùng vây cánh, nắm lấy đại quyền quân chính triều Ngụy.

CHỌN CHÚA MÀ THỜ



Phạm Tuy là một nhà chính trị, nhà ngoại giao rất nổi tiếng trên vũ đài chính trị thời Chiến Quốc, nhưng ông bước lên vũ đài chính trị lại trải qua rất nhiều thăng trầm.

Ông vốn là người nước Ngụy, từ nhỏ đã có chí đi theo phò Ngụy vương, do xuất thân nghèo hèn không thể gặp được Ngụy vương, nên ông theo làm môn hạ của đại phu Tu Giả.

Một năm nọ, ông theo Tu Giả đi sứ nước Tề, Tề Tương Vương biết Phạm Tuy là người hiền, bèn ban

tặng rất nhiều vàng bạc, bò rượu, Phạm Tuy khôn khéo từ chối, không nhận. Tu Giả hay chuyện, cho rằng Phạm Tuy trước nay luôn tiết lộ bí mật của nước Ngụy, rất tức giận, sau khi về nước bèn báo cáo chuyện này lên Tướng quốc Ngụy Tề của nước Ngụy. Ngụy Tề không hỏi rõ trắng đen phải trái, ra lệnh đánh Phạm Tuy một trận thừa sống thiếu chết, đến khi bị gãy sườn rụng răng, Phạm Tuy giả chết, bị bó lại bằng chiếu rách, vứt vào nhà xí. Tu Giả chứng kiến hết mọi chuyện, nhưng không can ngăn một lời, còn hùa với bọn khách say rượu cùng vào nhà xí tiểu tiện lên người Phạm Tuy.

Chờ bọn người kia đi hết, Phạm Tuy thò đầu ra nói với người coi nhà xí:

- Nếu bác giúp tôi, sau này tôi nhất định sẽ hậu tạ bác.

Người coi nhà xí bèn đi xin Ngụy Tề cho phép ông mang thi thể trong nhà xí đi. Ngụy Tề đang ngà say chấp thuận, Phạm Tuy nhờ thế thoát chết.

Trải qua muôn vàn gian khó, Phạm Tuy đến đô thành Hàm Dương của nước Tần và đổi tên thành Trương Lộc. Nước Tần khi đó do Tần Chiêu Vương chấp chính, nhưng trên thực tế người nắm đại quyền khổng chế lại là Tuyên thái hậu, mẹ của Tần Chiêu Vương, và Tắc Hầu, Hoa Dương Quân – các em trai của Tuyên thái hậu, cùng với hai người con trai khác của bà ta là Hính Dương Quân, Cao Lăng Quân. Những người này cậy quyền mưu lợi, chính sách nội chính ngoại giao có nhiều sai lầm,

Tần Chiêu Vương hoàn toàn bị bịt mắt, giống như bù nhìn.

Nhưng Phạm Tuy nhận thấy, trên vũ đài các nước phân tranh thời bấy giờ, Tần là nước có lực lượng mạnh nhất, Tần Chiêu Vương cũng không phải là một ông vua bất tài, ông càng tin rằng, ở đây hoài bão của ông nhất định sẽ được thực hiện, thế nên sau nhiều lần gặp trắc trở, cuối cùng ông đã gặp được Tần Chiêu Vương. Bằng tài hùng biện xuất sắc, ông chỉ cho Tần Chiêu Vương thấy những sai lầm trong chính sách của nước Tần, địa vị cô lập không quyền của bản thân Chiêu Vương, đồng thời đề ra một loạt chủ trương về nội chính ngoại giao.

Tần Chiêu Vương kinh ngạc, lập tức áp dụng biện pháp quyết đoán, phế Thái hậu, đuổi bọn Tác Hâu, Cao Lăng, Hoa Dương ra ngoài quan ải, thu đại quyền về mình và phong Phạm Tuy làm tướng quốc.

Chính sách ngoại giao mà Phạm Tuy đề ra chính là “viễn giao cận công” (xa hoà gần đánh) nổi tiếng sau này, mà nước ông muốn đánh đầu tiên chính là cố quốc Ngụy.

Nước Ngụy rất sợ hãi, phái sứ thần đến nước Tần cầu hoà, viên sứ thần này chính là chủ nhân Tu Giả của Phạm Tuy ngày trước. Nhưng Tu Giả chỉ biết tướng quốc nước Tần tên là Trương Lộc chứ không biết đó chính là Phạm Tuy, còn nghĩ Phạm Tuy đã chết từ lâu.

Phạm Tuy được biết Tu Giả đến, bèn thay y phục cũ nát, cũng không mang theo tùy tùng, một mình

đến chỗ ở của Tu Giả. Tu Giả vừa gặp thì cả kinh, hỏi:

- Phạm thúc từ khi ly biệt đến nay vẫn khỏe chứ?

Phạm Tuy đáp:

- May vẫn còn sống!

Tu Giả lại hỏi:

- Phạm thúc định du thuyết nước Tần sao?

Phạm Tuy đáp:

- Không. Từ khi đắc tội với tướng quốc nước Ngụy, ta đào vong đến đây, nào còn dám du thuyết?

Tu Giả hỏi:

- Hiện thúc làm gì?

Phạm Tuy đáp:

- Làm công cho người ta.

Tu Giả bất giác lấy làm thương xót, bèn giữ Phạm Tuy lại ăn cơm, nói:

- Không ngờ Phạm thúc bần hàn đến mức này.

Đồng thời biểu ông một chiếc áo bào lụa.

Trong bữa ăn, Tu Giả hỏi:

- Thúc có biết tướng quốc nước Tần là Trương quân không? Tôi nghe nói việc thiên hạ ngày nay đều phụ thuộc vào vị tướng quốc họ Trương này, thành bại chuyển đi này của tôi cũng phụ thuộc vào ông ta, thúc có người bạn nào quen biết ông ta không?

Phạm Tuy đáp:

- Chủ nhân tôi rất thân quen với ông ta, tôi cũng từng gặp ông ta, tôi có thể tìm cách giúp ông gặp tướng quốc.

Tu Giả nói:

- Ngựa của tôi bị bệnh, trục xe cũng gãy, không có xe lớn tứ mã, không đi đâu được.

Phạm Tuy nói:

- Tôi có thể mượn một chiếc xe của chủ nhân nhà tôi.

Ngày hôm sau, Phạm Tuy cho một chiếc xe tứ mã đến, còn đích thân đánh xe, đưa Tu Giả đến phủ tướng quốc. Khi vào tướng phủ, mọi người đều tránh ra, Tu Giả rất lấy làm lạ. Đến đại cổng tướng phủ, Phạm Tuy nói:

- Ông chờ một chút, để tôi đi thông báo một tiếng giúp ông.

Tu Giả đứng chờ ngoài cổng mãi lâu cũng không thấy người ra, bèn hỏi người giữ cửa:

- Phạm tiên sinh này sao mãi không thấy ra?

Người giữ cửa đáp:

- Làm gì có Phạm tiên sinh nào.

Tu Giả nói:

- Chính là người vừa đi cùng tôi vào đây đó!

Người giữ cửa nói:

- Đó là Trương tướng quốc.

Tu Giả thất kinh, mặt biến sắc, hiểu rằng mình

đã mắc lừa, bèn cởi áo, làm ra vẻ kẻ có tội, xin người giữ cửa dẫn ông ta vào thỉnh tội. Phạm Tuy ngồi uy nghi trên đường, bên cạnh thị tùng đông nghịt. Tu Giả đi bằng đầu gối đến trước chỗ Phạm Tuy ngồi, khấu đầu nói:

- Tiểu nhân không thể ngờ đại nhân lại ở địa vị cao như vậy, tiểu nhân từ nay không còn dám xưng mình là kẻ đọc sách có học, cũng không còn dám dự nghe chuyện thiên hạ. Tiểu nhân có tội chết, xin thả tiểu nhân đến nơi hoang dã, sống hay chết do đại nhân sắp đặt.

Phạm Tuy hỏi:

- Nhà ngươi có mấy tội?

Tu Giả đáp:

- Tội của tiểu nhân nhiều hơn tóc tiểu nhân.

Phạm Tuy nói:

- Nhà ngươi có ba tội lớn: Ta sinh ra ở Ngụy, lớn lên ở Ngụy, nay phần mộ tổ tiên vẫn ở Ngụy, lòng ta hướng về nước Ngụy, vậy mà ngươi lại vu cho ta lòng hướng về nước Tề, còn vu cáo ta với Ngụy Tề, đó là tội lớn thứ nhất. Khi Ngụy Tề làm nhục ta trong nhà xí, người đã chẳng can ngăn, đó là tội lớn thứ hai. Không chỉ có vậy, ngươi còn nhân lúc say rượu tiểu tiện lên người ta, đó là tội lớn thứ ba. Hôm nay sở dĩ ta không xử tử ngươi, là vì hôm qua ngươi đã tặng ta một chiếc áo bào lụa, xem ra ngươi vẫn chưa quên tình nghĩa cũ, ta có thể thả cho ngươi trở về, nhưng ngươi phải chuyển lời của ta đến Ngụy Vương, mau

chóng gửi thủ cấp của Ngụy Tề đến! Nếu không ta sẽ phát binh rửa Ngụy đô Đại Lương thành bằng máu.

Nước Tần khi đó uy lừng thiên hạ, không ai dám tranh giành; Phạm Tuy khi ấy quyền cao chức trọng, lời nói ra như mệnh lệnh. Ngụy Tề sợ hãi chạy trốn khắp nơi, nhưng các nước Triệu, Ngụy sợ uy binh nước Tần nên không ai dám lưu giữ, cuối cùng Ngụy Tề buộc phải tự sát.

GÂY DƯ LUẬN



1. Trong những kẻ đoạt quyền, mưu quyền xưa nay ở Trung Quốc, Vương Mãng là kẻ giỏi gây dư luận nhất. Thủ đoạn gây dư luận của y chính là ám thị, khích cho đại thần dâng sớ ca tụng công đức của y.

Thí dụ, y bỏ tiền ra nhờ người mua một con chim trĩ trắng đến biểu, thế mà có quần thần dâng sớ khen y có công yên định tông miếu xã tắc nên y được phong làm An Hán Công.

Hay như, y muốn gả con gái mình cho Hoàng đế làm Hoàng hậu, nhưng trước đó lại tấu xin tuyển chọn rộng rãi con gái nhà thánh hiền công hầu. Đến khi danh sách các cô gái được báo lên, y sợ con gái mình đức hạnh, tài năng, dung mạo đều không

bằng con người ta, không được nhập tuyền, bèn dọa sẽ gạch bỏ tên con gái mình. Nhưng miệng lại nói là mình đức hạnh không đủ cao, con gái mình tài đức thấp kém, không xứng cùng con gái người khác nhập cung. Việc này khiến cho thứ dân, thư sinh, trăm họ lũ lượt dâng tấu, nói rằng con gái An Hán Công mà không làm Hoàng hậu thì còn cô gái nào xứng làm Hoàng hậu? Chiêu giả đồ nhượng bộ này của Vương Mãng không chỉ gây nên dư luận cần thiết, mà còn được lợi ích vật chất to lớn, tăng thêm 25.600 khoảnh đất, hai vạn cân vàng, hai triệu đồng tiền sính lễ.

Thế nhưng trong những dư luận tạo ra trước đó, mặc dù dấy lên cao trào, thanh thế không nhỏ, nhưng đều là tùy việc mà làm, không khỏi có tính chất tùy cơ ứng biến, đến khi y chuẩn bị soán ngôi nhà Hán, đổi họ giang sơn, thì cần phải có một thứ dư luận toàn diện hơn, hệ thống hơn, có chiều sâu lý luận hơn. Thế nên, có một người tên là Trần Sùng dâng lên một bản tấu hàng nghìn chữ, đại thể ca ngợi công đức của Vương Mãng. Mở đầu bản tấu sử dụng phương pháp đi sâu từng bước, quy nạp công đức của Vương Mãng về 12 phương diện, như “nghèo mà vui, giàu mà ưa lẽ”, thẳng thắn không a dua, không sợ cường quyền, “biết khiêm nhường, biết nhân nhượng”, trừ bỏ cái xấu, công sánh với Chu Công v.v... Tóm lại, “đó đều là những điều mới mẻ trên đời, những việc mà thánh nhân cũng khó làm được”, là người hoàn hảo xưa nay. Kết luận là, có công lao trọng hậu, xứng đáng được đền đáp trọng hậu. Như

thế, kết luận lấy Mãng thay Hán cũng được miêu tả sinh động. Vương Mãng soạn quyền thành công, thay thế Hán đế, đổi quốc hiệu là “Tân”.

Nếu thuần túy xét từ góc độ văn chương học thì bản tấu này quả thực là một bài văn hay. Mở đầu 12 đoạn, mỗi đoạn liệt kê ra một phương diện công đức của Vương Mãng, lời văn rõ ràng, khí thế mạnh mẽ; nhưng không chỉ giới hạn ở liệt kê sự việc, mà còn dùng sự tích của cổ nhân để so sánh, dùng lời của thánh hiền làm căn cứ. Có được cái nền phong phú, vững chắc và thuyết phục như thế, kết luận cuối cùng tất nhiên là giàu sức thuyết phục.

Một chính trị gia mà tấu luận đạt đến độ như vậy thì có thể nói là hiếm có trên đời.

2. Vi Huyền Thành từ nhỏ hiếu học, kế thừa học thuật của cha. Ông là người khiêm tốn, rất kính trọng người đọc sách. Đi trên đường, gặp người có tri thức, học vấn đi bộ, ông dừng xe lại, hoặc là đi bộ cùng, hoặc là dùng xe chở họ. Hơn nữa, ông còn rất tôn trọng người nghèo khó, vì thế được tiếng thơm. Nhờ hiếu học, thông kinh thư, ông được triều đình bổ làm Giám đại phu, không lâu sau lại thăng làm Đô úy Đại Hà (nay là huyện Đông Bình tỉnh Sơn Đông).

Trên Vi Huyền Thành còn có ba người anh, huynh trưởng Vi Phương Sơn đã qua đời, nhị huynh Vi Hoằng, tam huynh Vi Thuấn. Cha là Vi Hiền tuổi già có bệnh, muốn lập Vi Hoằng làm người thừa kế tước vị. Vi Hoằng làm Thái thường thừa, trông

coi tông miếu và các việc lăng ấp, lo lắng về chính sự, có không ít lỗi lầm. Vi Hiền sớm lo lắng ông phạm tội bị trách ảnh hưởng đến việc kế thừa tước vị, nên từng bảo ông thác bệnh từ quan, nhưng Vi Hoằng không nghe. Đến khi Vi Hiền bệnh nặng, mà Vi Hoằng đang bị tội vì việc tông miếu lăng ấp, bị nhốt trong ngục, vụ án chưa được xử rõ ràng, người nhà hỏi Vi Hiền lập ai làm người thừa kế tước vị, Vi Hiền buồn bã, không chịu nói. Môn sinh của Vi Hiền là Bác Sĩ Nghĩa Tín thương nghị với quý tộc, giả mượn ý của Vi Hiền, dâng sớ thỉnh cầu cho Vi Huyền Thành kế thừa tước vị của Vi Hiền. Khi Vi Hiền mất, Vi Huyền Thành đang ở trong cung. Biết tin cha mất, cũng hay tin mình được kế thừa tước vị, Vi Huyền Thành một là biết rõ cho mình làm người thừa kế tước vị không phải là ý nguyện của cha, hai là có lòng nhường, thậm nghĩ trên còn có anh hai, mình không nên vượt vai vế, nên quyết ý từ chối. Thế nên ông giả ngây ngô, nói năng lộn xộn, khóc cười thất thường, thậm chí đại tiểu tiện ngay trên giường. Tuyên Đế truyền triệu ông vào Trường An, chôn cất cha xong kế thừa tước vị, ông vẫn giả điên không đi. Đại Hồng Chung vì thế tấu rõ, triều đình lệnh cho Thừa tướng ngự sử tra rõ. Vì Vi Huyền Thành vốn có thanh danh, các sĩ đại phu đều hoài nghi ông giả bệnh giả điên, muốn nhường tước vị cho huynh trưởng. Thừa tướng ngự sử xử lý cụ thể việc này viết thư cho Vi Huyền Thành, nói:

- Việc từ nhường ngày xưa phải có văn bản để xem mới có thể lưu danh hậu thế. Nay ngài cố tình giả

điên, làm hỏng hình tượng, chịu đựng sỉ nhục, làm cho ánh sáng của mình bị che khuất, cái danh mà ngài muốn dựng thật quá nhỏ! Tôi xưa nay ngu muội nông cạn, cũng như các quan viên khác, mong được biết tình hình chân thực. Nếu không, tôi lo sẽ làm tổn thương đến sự cao khiết của ngài mà khiến tôi mang tiếng tiểu nhân!

Vi Huyền Thành có một người bạn, cũng dâng sớ lên hoàng đế, nói:

- Minh vương thánh chúa lấy lễ để trị nước, vì vậy nên ưu đãi Vi Huyền Thành, đừng buộc ông ấy thay đổi chí tiết, nên để con người có đức như ông ấy yên ổn với chí mình.

Tiếp đó, Thừa tướng ngự sử dâng tấu chỉ ra Vi Huyền Thành không hề mắc bệnh. Hoàng đế đã biết ý Vi Huyền Thành, hạ chiếu lệnh cho Thừa tướng ngự sử không truy cứu nữa, dẫn Vi Huyền Thành vào gặp. Vi Huyền Thành hết cách, đành ứng chiếu vào cung. Hoàng đế hạ lệnh cho ông thừa kế tước vị, Vi Huyền Thành thấy không thể từ chối được nữa, đành nhận tước vị. Tuyên Đế thấy Vi Huyền Thành có tiết nghĩa, bổ ông làm Thái thú Hà Nam; đồng thời phong cho anh ông là Vi Hoằng làm Đô úy Thái Sơn, sau thăng làm Thái thú Đông Hải. Kết quả, Vi Huyền Thành vừa được thừa kế tước vị, vừa được tiếng hiền nhường vị, trở thành một giai thoại đẹp.

SỨC MẠNH CỦA KHEN THƯỞNG



Trong cuộc đại chiến Sở Hán, tướng quan lực lượng giữa Hạng Vũ và Lưu Bang rất chênh lệch. Hạng Vũ hơn hẳn Lưu Bang cả về uy vũ dũng mãnh, sức ảnh hưởng danh vọng, sự tinh nhuệ của sĩ tốt lẫn chiến công, nhưng cuối cùng lại bại dưới tay Lưu Bang, tại sao lại như vậy? Một nguyên nhân quan trọng chính là Hạng Vũ không khôn ngoan bằng Lưu Bang trong việc phong thưởng quan tước.

Hàn Tín là một nhân vật then chốt giúp Lưu Bang giành được thắng lợi, có thể nói, không có Hàn Tín thì không có giang sơn của Lưu Bang, mà Hàn Tín vốn lại là bộ hạ của Hạng Vũ, tại sao lại bỏ Hạng theo Lưu? Khi nói chuyện với Lưu Bang về Hạng Vũ, Hàn Tín có nói:

- Hạng Vũ là người uy phong lẫm liệt, ông ta mà nổi giận thì không ai dám ho he một tiếng. Nhưng ông ta không biết phát huy vai trò của các tướng giỏi khác, đó chỉ là cái dũng của kẻ thất phu mà thôi. Ông ta cũng cung kính yêu mến người khác, nói chuyện với binh lính cũng gần gũi bình dị, giống như người nhà; ai bị bệnh ông ta cũng sốt ruột rơi lệ, gửi cho đồ ăn thức uống. Nhưng khi người khác lập công lớn, đáng lẽ cần phong quan thưởng tước, thì ông ta

lại mê mê mãi cái ấn phong thưởng không nỡ trao cho người, như vậy thật quá hẹp hòi.

Xem ra Hạng Vũ không biết lợi dụng cách phong thưởng quan tước để khích lệ người khác hết lòng vì mình, những hành động từ bi lật vạt của ông ta chỉ là ngoài miệng nói suông chứ không phải thực chất, chẳng trách Hàn Tín bỏ ông ta ra đi. Hàn Tín kiến nghị với Lưu Bang, muốn chống lại Hạng Vũ thì phải mạnh dạn sử dụng tướng giỏi trong thiên hạ, phong thưởng thành ấp cho người có công, như vậy sẽ có thể đánh đâu thắng đó.

Có vẻ Lưu Bang đã nghe theo kiến nghị của Hàn Tín. Trước đó, ông đã phá lệ thăng Hàn Tín – một sĩ tốt bình thường đến theo dưới trướng – làm đại tướng, hơn nữa lễ nghi phong tướng cũng rất long trọng. Hàn Tín quả nhiên hết lòng hết sức vì ông, hết lần này đến lần khác giành các thắng lợi lớn, sau đó chiếm được một vùng rộng lớn ở Sơn Đông. Để ổn định lòng người nơi đây, Hàn Tín xin Lưu Bang phong mình làm “Giả Tề Vương” (tức là thay mặt Tề Vương). Khi đó Lưu Bang đang bị vây khốn ở Huỳnh Dương, mong ngóng Hàn Tín đến giải cứu, vừa nhận được thỉnh cầu của Hàn Tín, Lưu Bang vô cùng giận dữ, bất giác lớn tiếng mắng chửi:

- Ta bị vây khốn ở đây, mới mong hấn đến cứu, thế mà hấn lại muốn tự xưng vương.

Lúc đó các mưu sĩ Trương Lương, Trần Bình ngầm giâm chân Lưu Bang một cái, ghé miệng sát tai ông nói:

- Hiện hoàn cảnh chúng ta rất khó khăn, sao còn có thể cấm cản Hàn Tín tự xưng vương? Chi bằng cứ thuận thế chiều theo hần, lập hần làm vương, khách khí với hần một chút, để hần cố thủ đất Tề. Nếu không sẽ gây ra loạn mất!

Lưu Bang lập tức tỉnh ngộ, quả thực hiện thời ông không khống chế nổi Hàn Tín, đành phải thuận nước đẩy thuyền, đồng ý với Hàn Tín mới kìm chế được hần. Thế nên Lưu Bang lập tức đổi giọng:

- Đại trượng phu bình định thiên hạ, muốn làm phải làm vương thật, việc gì phải làm vương giả?

Bèn phái Trương Lương đến chỗ Hàn Tín, phong cho ông ta làm Tề vương.

Sau đó, đến giai đoạn then chốt của cuộc tranh hùng Hán – Sở, Lưu Bang lại một lần nữa gặp khó khăn, bèn thông báo cho Hàn Tín và một viên đại tướng nữa là Bành Việt đến hội chiến, hai người này đều không thể đến đúng hẹn, Lưu Bang vô cùng bức bối, lại là Trương Lương bày mưu hiến kế cho ông:

- Quân Sở sắp sửa thất bại, mà Hàn Tín, Bành Việt chưa được phong đất đã hoạch định, nên họ không đến cũng là điều đương nhiên. Bệ hạ nếu có thể cùng chia thiên hạ với họ, họ sẽ đến ngay; nếu không thì sự thế rất khó dự liệu. Nếu bệ hạ ban cho Hàn Tín dải đất từ Hoài Dương đến bờ biển, ban cho Bành Việt dải đất từ Tuy Dương trở lên bắc đến Cốc Thành, để họ tự tác chiến thì phe Sở sẽ nhanh chóng thất bại.

Lưu Bang nghe theo kiến nghị của Trương Lương, Hàn Tín và Bành Việt bèn cùng tiến quân hợp đánh Sở, đánh bại Hạng Vũ ở Cai Hạ, buộc Hạng Vũ phải nhảy xuống dòng Ô Giang tự vẫn, đưa Lưu Bang lên ngôi Hoàng đế.

NHÂN TRỊ VÀ PHÁP TRỊ CỦA ĐƯỜNG THÁI TÔNG



Trong thời kỳ Đường Thái Tông ở ngôi, xã hội phong kiến Trung Quốc đã đến mức cực thịnh, điều này có liên quan mật thiết đến tài trị nước của ông. Phương pháp của ông không hề phức tạp, đó là áp dụng cả nhân trị và pháp trị, thi hành cả ân và uy; khen thưởng không tị hiềm thù địch, trừng phạt không tránh né thân thích, tạo nên cực diện nhân hoà, quốc thái dân an, sử gọi là thời đại “Trinh Quán chi trị”.

Năm Trinh Quán thứ nhất, triều đình thi hành hình luật gắt gao, điều này rất bất lợi cho việc làm dịu mâu thuẫn giai cấp, khôi phục nông nghiệp. Sau đó Đường Thái Tông ra sức chủ trương trị dân bằng đức, thi hành nền chính trị nhân ái và khoan dung, nên nhân dân mới được nghỉ ngơi. Ông từng nói:

- Mạng người vô cùng quan trọng, chết rồi thì không sống lại được, bởi vậy dùng hình phạt nhất định phải rộng lượng, phải cẩn thận.

Xuất phát từ quan điểm này, Đường Thái Tông chủ trương trước khi thực hiện tử hình, phải được chức quan Cửu khanh thảo luận tội trạng của phạm nhân, sau đó trải qua năm lần trình báo thẩm tra mới được chấp hành, nghiêm cấm coi mạng người như cỏ rác. Song song đó, ông tin tưởng sâu sắc rằng lòng người vốn dĩ lương thiện, có thể đổi ác theo thiện.

Năm Trinh Quán thứ sáu, Đường Thái Tông đích thân tra duyệt các vụ án tử hình, qua các vụ án, ông cảm nhận sâu sắc sự thảm khốc của tử hình, vì thế ông hạ lệnh tạm thời phóng thích toàn bộ tội phạm tử hình, cho họ về quê lo vụ xuân, hẹn đến mùa thu năm sau trở lại Trường An. Tháng 9 năm sau, 290 phạm nhân quả nhiên toàn bộ đã quay trở lại, Đường Thái Tông bèn hạ lệnh xá miễn hết cho họ.

Đường Thái Tông thi hành nhân trị và khen thưởng cũng tuân thủ nghiêm ngặt chế độ pháp luật. Ngụy Trưng vốn là viên quan dưới trướng của Thái tử Kiến Thành, ông từng khuyên Kiến Thành sớm giết chết Đường Thái Tông để đoạt lấy ngôi báu. Sau sự biến Huyền Vũ Môn, Đường Thái Tông xem trọng tài năng của Ngụy Trưng nên trọng dụng ông.

Sau đó Ngụy Trưng một lòng trung thành với Thái Tông, còn dám thẳng thắn góp ý trước mặt Thái Tông. Một lần, Đường Thái Tông phá vỡ quy củ, triệu nam giới trên 18 tuổi làm tráng đinh, Ngụy Trưng cho rằng làm như vậy là vi phạm chế độ trưng tráng đinh, bèn nói với Thái Tông:

- Bệ hạ lên ngôi mới mấy tháng mà đã mấy lần thất tín với dân, lẽ nào đây là trị nước bằng chữ tín hay sao?

Đường Thái Tông cho rằng lời Ngụy Trưng có lý, bèn thưởng cho ông một chiếc vò bằng vàng và hạ lệnh trưng binh theo chế độ trước kia.

Đường Thái Tông cũng là một tấm gương về chấp pháp. Năm Trinh Quán thứ mười bảy, Triệu Tiết – con trai của chị gái Thái Tông là công chúa Trường Quảng – tham gia vào việc mưu hại người chồng sau của công chúa, Dương Sư Đạo là một trong các Tể tướng đương triều, ngầm cầu xin cho Triệu Tiết. Thái Tông hay biết, đem giết Triệu Tiết, giáng chức Dương Sư Đạo xuống làm Thượng thư bộ lại, sau đó mới đến chỗ công chúa Trường Quảng để giải thích. Cách làm này được tán đồng rộng rãi trong triều đình.

KHOAN UY TƯỚNG TRỢ



Gia Cát Lượng xuống núi phò tá Lưu Bị, đảm nhận chức quân sư. Sau khi Lưu Bị xây dựng chính quyền nhà Thục Hán, Gia Cát Lượng luôn nhậm chức Thừa tướng, được phong là Võ Hương Hầu, hết lòng tận tụy, dốc toàn bộ tinh lực cho sự nghiệp Thục Hán.

Trong giai đoạn đầu nhà Thục Hán, Gia Cát Lượng thi hành luật pháp nghiêm minh, gặt gao. Ông chủ trương tăng cường tập trung quyền lực cho trung ương, đả kích các thế lực chia rẽ cát cứ, lập ra “Thục khoa” làm bộ luật cho nhà Thục Hán, chấp pháp nghiêm minh.

Những biện pháp này khiến một số người không đồng tình. Thượng thư lệnh, Hộ quân tướng quân Pháp Chính kiến nghị thi hành chính sách ôn hoà, ông dâng sớ lên Gia Cát Lượng, nói:

- Ngày trước, Hán Cao Tổ Lưu Bang tiến vào Quan Trung từng lập ba chương pháp lệnh, trăm họ nước Tần đều hiểu được nền chính trị dựa trên đạo đức. Mong rằng Thừa tướng có thể từng bước nói lỏng nghiêm hình để vỗ về nguyện vọng của trăm họ Thục Hán.

Nhưng Gia Cát Lượng cho rằng, tình hình của Thục Hán khác với thời Lưu Bang bình định Tam Tần khi đó, không thể đưa ra so sánh. Ông nói:

- Nước Tần thi hành bạo chính hà khắc khiến trăm họ oán giận, không thể chịu đựng nên dấy lên khởi nghĩa, khiến thiên hạ đại loạn, Hán Cao Tổ dựa vào đó mà thi hành chính sách khoan dung. Lưu Chương trị Thục mềm yếu ngu muội, nền chính trị đạo đức không thi hành được, hình pháp cũng không nghiêm, khiến cho quan hệ quân thần dần đảo lộn. Nay ta thi hành nghiêm hình, pháp trị, người ta bèn biết được thế nào là ân đức, lại lấy quan vị để hạn chế, được quan vị, người ta sẽ biết thế nào là vinh

dự. Vinh dự và ân đức cùng thi hành, quan hệ quân thần rõ ràng mới là đạo trị nước quan trọng nhất.

Sau khi Lưu Bị chết, con trai ông là Lưu Thiện lên kế vị, xưng là “Hậu chúa”. Để hiệp trợ Lưu Thiện trị Thục, Gia Cát Lượng tình giản bộ máy quan liêu, chế định rõ ràng pháp quy, trị nước bằng biện pháp vừa mềm mỏng vừa cứng rắn.

Để ổn định chính quyền Thục Hán, Gia Cát Lượng quyết định xuất binh đến vùng giao giới giữa Vân Nam, Quý Châu và Tứ Xuyên để thảo phạt Ung Diêm phản loạn. Trước khi xuất phát, Tham quân Mã Tốc nói với Gia Cát Lượng:

- Đất ấy dựa vào địa thế hiểm trở, từ lâu đã có dạ phản loạn; nay bị chinh phục, mai sẽ lại trở mặt... Trong đạo dùng binh, đánh vào lòng người là thượng sách, đánh thành là hạ sách; tâm chiến là thượng sách, binh chiến là hạ sách. Chỉ mong Thừa tướng có thể khiến bọn họ tâm phục.

Gia Cát Lượng nghe theo lời khuyên đúng đắn này, lấy nhu khắc cương, ân uy cùng trọng, dùng biện pháp mạnh bảy lần bắt Mạnh Hoạch, rồi lại dùng lòng nhân từ bảy lần tha Mạnh Hoạch, từ đó bình định được vùng dân tộc thiểu số tây nam, đặt nền móng cho chính quyền Thục Hán.

Sau đó, Gia Cát Lượng tiếp tục thi hành phương pháp khoan uy tương trợ vào việc trị Thục Hán, đạt được hiệu quả rất tốt.

XOÁ HIỀM KHÍCH ĐỂ ĐỒNG LÒNG



Sau khi khởi nghĩa không lâu, Lưu Tú dẫn quân đến Hà Bắc, lúc này thế lực của ông rất yếu, mà Hà Bắc đang ở tình trạng quần hùng chia cắt tranh đoạt lẫn nhau. Trong đó Vương Lang chiếm cứ Hàm Đan có binh lực cường thịnh, thanh thế hơn hẳn Lưu Tú. Ông ta treo thưởng giá mười vạn lạng vàng cho ai bắt được Lưu Tú, nhiều lần đánh bại quân Lưu Tú trong các trận đánh chính diện. Nhưng Lưu Tú hữu dũng hữu mưu trải qua nỗ lực không mệt mỏi, cuối cùng chuyển bại thành thắng, tiêu diệt được Vương Lang.

Sau khi chiếm Hàm Đan, quân Hán lục tìm được rất nhiều hồ sơ từ phủ đệ của Vương Lang, bao gồm nhiều thư tín, trong đó có mấy nghìn bức thư vật chứng bộ hạ của Lưu Tú khi trước ngấm ngầm qua lại với Vương Lang. Binh sĩ gửi những bức thư này đến chỗ Lưu Tú để ông định đoạt. Lưu Tú không thèm nhìn đến, hạ lệnh đốt hết tại chỗ, nói:

- Đừng để những bức thư này làm xáo trộn nội bộ chúng ta. Ta chờ bọn họ, tim ai cũng đều bằng thịt, những ai từng hai lòng sẽ một lòng một dạ đi theo ta.

Sự việc tương tự lại một lần nữa xảy ra ở cuối thời

Đông Hán, nhân vật chính lần này là Tào Tháo, Tào Tháo và Viên Thiệu giao chiến ở Hà Bắc, sau một chiến dịch, quân Tào lấy được rất nhiều văn kiện từ chỗ Viên Thiệu, trong đó phát hiện không ít là thư tín bộ hạ của Tào Tháo ngấm ngầm qua lại với Viên Thiệu. Lần này tay nắm đằng chuôi, có người kiến nghị với Tào Tháo:

- Chúng ta nên nhân cơ hội này loại bỏ nội gián, nếu không sự tình sẽ rất bất lợi.

Nhưng Tào Tháo lại hạ lệnh đốt hết số thư tín quan trọng này, ông bảo:

- Ta làm như vậy là có lý do. Khi ấy Viên Thiệu binh hùng tướng mạnh, thanh thế to lớn. Còn ta thế lực mỏng yếu, địa bàn không ổn định, quả thực không thể mang lại niềm tin tất thắng. Trong lúc địch mạnh ta yếu, thắng bại chưa rõ ấy, ngay chính ta cũng không biết mình có được bảo toàn tính mạng không, huống hồ là các tướng lĩnh? Đó là điều khó tránh khỏi. Con người ta có bản năng cầu sinh, những người nhất gan tìm cho mình con đường lùi, ngấm câu kết với Viên Thiệu, cũng chẳng phải việc gì lớn lao, không cần truy cứu nữa.

Thư tín cuối cùng bị đốt hết, rất nhiều người khâm phục Tào Tháo.

NHÌN BÒ ĐOÁN THỜI TIẾT



Một ngày cuối xuân, Thừa tướng của Hán đế là Bính Cát dẫn theo mấy tùy tùng đi xe ngựa ra ngoài làm việc.

Xe ngựa đang đi trên đường phố Trường An, nhưng con đường trước mặt lại bị tắc. Thì ra vừa rồi một nhóm người ẩu đả ở đây, không chỉ đả thương mấy người, mà còn có hai người nằm dưới đất bất tỉnh. Mọi người thấy có án mạng, vô cùng kinh hoảng, bàn tán xôn xao, không biết phải làm sao, đến nỗi thấy xe Thừa tướng đến cũng không kịp nhường đường.

Người đánh xe dừng ngựa. Anh ta nghĩ Thừa tướng nhất định sẽ sai người đi tìm hiểu tình hình vụ ẩu đả rồi xử lý. Nhưng Bính Cát lại xua tay bảo người đánh xe tiếp tục đi như không có chuyện gì xảy ra.

Người đánh xe vung roi, xe ngựa lại tiếp tục đi. Vừa ra khỏi thành, Bính Cát nhìn thấy một người nông dân đang lừa một con bò, con bò vừa đi vừa thở hồng hộc, còn liên tục thè lưỡi. Bính Cát lập tức bảo người đánh xe dừng lại và bảo tùy tùng cưỡi ngựa:

- Người đi hỏi xem người nông dân kia lừa bò đi được mấy dặm đường rồi, sao con bò ấy lại thở hồng hộc không ngừng?

Một viên quan thuộc hạ ngồi bên cạnh Bính Cát

rất lấy làm khó hiểu trước hành động của Bính Cát, bất giác hỏi:

- Đại nhân vừa rồi không quan tâm đến mạng người, mà giờ thấy một con bò thở hồng hộc lại cho dừng xe đi hỏi, phải chăng có chút không thoả đáng?

Bính Cát nghe xong đáp:

- Người sai rồi! Thị dân ẩu đả làm bị thương người, việc này do các quan Trường Anh Lệnh, Kinh Triệu Doãn xử lý. Chức trách của Thừa tướng là khảo hạch thành tích chính trị của những viên quan này rồi tấu xin Hoàng thượng thưởng phạt. Là Thừa tướng, ta không cần phải đích thân hỏi đến mọi việc, mà nên quan tâm đến đại sự nước nhà.

- Vậy sao đại nhân lại quan tâm đến con bò đó như vậy? – Viên quan vẫn không thể hiểu.

Bính Cát đáp:

- Con bò đó thì lại khác. Nay vẫn là mùa đông, theo lẽ thường thì thời tiết không quá nóng, nhưng ta lại thấy con bò đó nóng đến thè lưỡi và thở hồng hộc. Nếu là vì đã đi đường rất xa thì đương nhiên không có gì lạ; nhưng nếu là vì trời quá nóng mà thè lưỡi thở gấp thì điều đó có nghĩa thời tiết năm nay không bình thường, việc nông sẽ bị ảnh hưởng. Đây là việc lớn quan hệ đến quốc kế dân sinh, chính là việc người làm Thừa tướng phải quan tâm.

Viên quan khi đó mới vỡ lẽ, nghĩ bụng:

- Người ta nói bụng tể tướng chứa được cả con tàu, Bính thừa tướng quả thực là bậc uyên bác.

CHẤP PHÁP GIỮ PHÉP CÔNG



Vào thời Tống Hiến Tông, Hứa Mạnh Dung ra làm chức Kinh Triệu Doãn, xử lý chính sự ở kinh thành Trường An.

Ông vừa lên nhậm chức thì gặp phải một việc gai góc. Từ sau năm Đường Đức Tông Hưng Nguyên thứ nhất, cấm quân trú đóng ở Trường An lập đại công nhờ bảo vệ hoàng thất nên kiêu ngạo vô cùng, lại thêm thủ lĩnh cấm quân đều có gốc gác nhất định, không phải quyền quý trong triều thì cũng là người được Hoàng đế ân sủng, vì thế các cấm quân cậy có công, lại có chỗ dựa, không coi ai ra gì. Lòng kiêu ngạo của bọn họ ngày càng lớn, quan quân binh sĩ trên dưới ngày một phóng túng ngang ngược, điều võ dương oai, làm nhiều điều xấu trong kinh thành, gây chuyện xong lại bỏ đi, ngay cả phủ Kinh Triệu và nha môn thuộc huyện cũng không quản chế được. Nhưng Hứa Mạnh Dung là người cương trực, ông nhất định muốn vượt đuôi hổ, tiêu diệt uy phong của cấm quân.

Khi đó vừa hay có một vụ án xảy ra. Trong một cánh cấm quân có một viên quan quân tên là Lý Hiến, cậy quyền thế luôn gây chuyện trong thành, hai năm trước đã vay một nghìn quan tiền của một

nhà phú hộ ở huyện Trường An, đến nay vẫn chưa chịu trả. Phú hộ đến đòi nợ, bị Lý Hiển đuổi ra khỏi cửa, lại còn bị chửi mắng. Đây nào phải là vay tiền, mà rõ ràng là ăn cướp! Phú hộ nọ không nén được cơn giận, kiện lên Kinh Triệu Doãn.

Hứa Mạnh Dung nghe xong cáo trạng của phú hộ, gật gù, nghĩ bụng, tên cấm quân này đã đến nước này! Dưới chân thiên tử mà hấn dám lộng hành, không trị bọn chúng thì chúng không biết đến còn có thiên lý vương pháp!

Các nha lại xung quanh đều can ông:

- Đại nhân, vụ án này đã ba năm rồi, chưa được giải quyết. Cấm quân thần thông quảng đại, ngay cả Kinh Triệu Doãn cũng không đấu lại bọn họ, vì vậy Kinh Triệu Doãn tiền nhiệm mãi không dám động đến Lý Hiển, cũng xin đại nhân suy nghĩ cho kỹ.

Hứa Mạnh Dung nói:

- Ta làm quan Đại Đường thì phải trung với việc của Đại Đường, ai dám làm gì ta?

Ông phái nha dịch đi bắt Lý Hiển quy án, Lý Hiển ban đầu còn mạnh miệng, ngạo mạn vô cùng; Hứa Mạnh Dung rất tức giận, lệnh cho tả hữu lôi hình cụ ra, tra tấn nghiêm hình, đến khi Lý Hiển khóc cha kêu mẹ xin tha mạng mới chịu dừng tay. Hứa Mạnh Dung cảnh cáo hấn:

- Phải trả hết nợ! Nếu không trả đúng hạn, sẽ theo pháp luật Đại Đường, phán người tử hình, quyết không khoan thứ!

Hứa Mạnh Dung tính tình cương trực, chấp pháp giữ phép công, dám dùng pháp luật để chế tài quan viên căm quân kiêu ngạo, việc này gây tiếng vang rất lớn trong cấm quân, người ta buộc phải thu mình lại, ai mượn tiền thì nhanh chóng đem trả, ai đánh người vội vàng bồi thường xin lỗi, phong khí kinh thành đổi mới. Uy vọng của Kinh Triệu Doãn Hứa Mạnh Dung vang lừng bốn phương, được tiếng thơm chính trực liêm minh.

XOAY TAY CHÈO THEO GIÓ



Thúc Tôn Thông nhờ chế định lễ nghi triều kiến đế vương nên được Hán Cao Tổ Lưu Bang trọng dụng, trở thành một nhân vật đáng chú ý thời kỳ đầu khai quốc nhà Tây Hán, sách Hán thư còn dành hẳn một thiên truyện ký viết về ông.

Thực ra, tài năng của ông đã được thể hiện ở triều Tần, ngay từ thời kỳ Tần Thủy Hoàng, ông đã dốc sức cho vương triều Tần với hàm cấp Tiến sĩ. Trong vụ Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn nho, những người bị chôn đều là những người có hàm tước Tiến sĩ, số người bị chôn khi đó lên đến hơn 460 người, nhưng Thúc Tôn Thông lại may mắn sống sót, không biết ông đã lấy lòng Tần Thủy Hoàng bằng cách nào.

Đến thời kỳ Tần Nhị Thế, các nông dân Trần

Thắng, Ngô Quảng khởi nghĩa, Tần Nhị Thế cho vời một nhóm tiến sĩ nho sinh đến hỏi đối sách:

- Phương nam có một đám sĩ tốt công thành đoạt đất, các khanh thấy nên làm thế nào?

Hơn 30 tiến sĩ lần lượt dâng tấu rằng:

- Thần dân không được phép tụ tập gây sự, tụ tập gây sự là tạo phản, đó là tội chết không thể tha, xin bệ hạ lập tức phát binh thảo phạt.

Nhưng Tần Nhị Thế không chịu thừa nhận trăm họ sẽ dấy binh chống lại ông ta, vừa nghe những lời này thì mặt biến sắc, tức giận. Thúc Tôn Thông hiểu rõ tâm tư của Tần Nhị Thế, vội bước lên nói:

- Bọn họ nói đều không đúng. Nay thiên hạ một nhà, tường thành, cửa ải của quận huyện đều đã bị đầy sập, binh khí cũng đã bị tịch thu tiêu huỷ từ lâu, vì thiên hạ trăm họ, bày tỏ không bao giờ còn dùng binh nữa. Hơn nữa trên có nhà vua anh minh, dưới có luật pháp nghiêm khắc, các quan ai nấy làm tròn chức trách, bốn phương lòng dân hướng về triều đình, sao lại có người tạo phản? Nhóm sĩ tốt phương nam chẳng qua chỉ là lũ chuột nhắt, có gì đáng sợ? Các quan địa phương từ lâu đã bắt diệt chúng, không cần phải kinh hãi.

Những lời này quả nhiên khiến Tần Nhị Thế hài lòng, kết quả những tiến sĩ nói có tạo phản đều bị giao cho bộ phận tư pháp thẩm vấn, còn Thúc Tôn Thông lại được thưởng 20 tấm lụa, thăng quan một cấp. Sau khi Thúc Tôn Thông trở về nơi ở, các tiến sĩ kia trách vấn ông:

- Sao ông lại nịnh hót như vậy?

Thúc Tôn Thông nói:

- Các ông thật không thông minh, suýt chút nữa tôi cũng không thoát được miệng hùm!

Thực ra, ông đã thấy rõ tình thế sẽ bị diệt vong của nước Tần, nên ngay đêm đó ông trốn khỏi kinh đô Hàm Dương của nước Tần, đi theo đội ngũ của Trần Thắng, Ngô Quảng. Sau khi Trần Thắng, Ngô Quảng thất bại, ông lại lần lượt quy thuận Hạng Lương, Nghĩa Đế, Hạng Vũ, cuối cùng Hạng Vũ thất bại, ông đầu hàng Lưu Bang.

Lưu Bang không thích những kẻ đọc sách, để lấy lòng Lưu Bang, Thúc Tôn Thông cởi bỏ trang phục nho sinh, thay bằng bộ quần áo ngắn thính hành ở quê Lưu Bang, quả nhiên gây được thiện cảm với Lưu Bang.

Khi ông đầu hàng Lưu Bang, có hơn một trăm học trò theo ông, nhưng ông không tiến cử với Lưu Bang, mà người ông tiến cử toàn là những tráng sĩ không sợ chết, dám liều mạng, bọn học trò không khỏi có lời oán trách:

- Chúng con theo thầy nhiều năm, lại cùng thầy đến hàng Hán, thầy không tiến cử chúng con, lại đi tiến cử những kẻ chỉ biết cầm đao động kiếm, thật không biết thầy nghĩ thế nào?

Thúc Tôn Thông nói:

- Nay đang là lúc Lưu Bang giành lấy giang sơn, tất nhiên là cần những người có thể xung phong

hãm trận, các anh có biết đánh trận không? Các anh đừng nóng vội, cứ nhẫn nại chờ đợi, thầy không quên các anh đâu!

Sau khi Lưu Bang lên làm hoàng đế, những bộ hạ cũ không ai hiểu một chút đại lễ quân thần, đôi khi lên triều đường còn tranh công đấu tài, uống rượu hô vang, thậm chí rút kiếm chĩa vào nhau, Lưu Bang hẩn nhiên rất bức bối, Thúc Tôn Thông đã nhận thấy điều này, ông bèn thừa cơ kiến nghị chế định một bộ lễ nghi đại thần triều kiến hoàng đế, Lưu Bang tất nhiên đồng ý.

Như vậy, đám học trò của ông đã có đất dụng võ, đồng thời ông còn đến đất Lỗ, nơi thịnh về lễ nghi, để mời những người hiểu biết về đại lễ triều đình. Có hai người có học không chịu đi, mà chỉ mặt ông chỉ trích:

- Người đạp trên hoạn lộ mà đi, trước sau đã hầu hạ mười mấy ông chúa, đều là a dua nịnh hót mà được sủng ái. Nay thiên hạ mới vừa được yên, trăm họ người chết còn chưa được an táng, người bị thương chưa được chữa trị, nước nhà trăm sự đang chờ phục hưng, thế mà người lại dành tâm tư vào những lễ nghi không lấy gì làm gấp. Việc làm của người hoàn toàn không phù hợp với tôn chỉ lễ nghi mà cổ nhân đặt ra, ta sẽ không đi với người, người mau đi đi, đừng làm vấy bẩn ta!

Thúc Tôn Thông không một chút giận dữ, mà cười nhạo:

- Thực là một gã hủ nho, hoàn toàn không biết thích ứng với lẽ biến đổi của thời cuộc!

Bộ lễ nghi của ông nâng cao sự tôn nghiêm của Hoàng đế rất nhiều nên Lưu Bang rất vui lòng, bảo:

- Hôm nay trẫm mới cảm nhận được sự tôn quý của người làm hoàng đế!

Thúc Tôn Thông lại được thăng quan tấn cấp, một lần được thưởng năm trăm lạng vàng, trở thành cận thần triều đình, đến đời Hán Huệ Đế ông vẫn được ân sủng.

HIỂU Ý CẤP TRÊN



Phong Luân vốn là đại thần triều Tuỳ, triều Tuỳ lập nước chưa lâu thì Tuỳ Văn Đế lệnh cho tể tướng Dương Tố phụ trách xây sửa cung điện, Dương Tố bổ nhiệm Phong Luân làm Thổ mộc giám, giao cả công trình cho ông chủ trì, ông không tiếc sức dân, xa xỉ cực độ, xây dựng cung điện vô cùng hào hoa. Tuỳ Văn Đế, một người xưa nay luôn làm gương tiết kiệm, thấy vậy thì cả giận, mắng:

- Lão già Dương Tố lòng dạ bất lương, hao phí quá nhiều sức người sức của, xây dựng cung điện hoa lệ thế này chẳng khiến trăm họ chửi ta hay sao?

Dương Tố sợ bị mất mũ ô sa vì chuyện này, vội bàn đối sách với Phong Luân, nhưng Phong Luân lại tự tin an ủi Dương Tố:

- Tể tướng đừng lo, hoàng hậu mà đến ắt sẽ thưởng lớn cho ngài.

Ngày hôm sau, Dương Tố được triệu vào cung điện, hoàng hậu Độc Cô Thị quả nhiên khen ông:

- Tể tướng biết phu thê ta tuổi đã cao, cũng không có chuyện gì vui, nên dành công sức xây sửa cung điện, lòng hiếu này thực khiến ta cảm động!

Lời Phong Luân quả nhiên ứng nghiệm. Dương Tố lấy làm kinh ngạc trước khả năng liệu việc như thần của ông, sau khi từ trong cung trở về, bèn hỏi ông:

- Sao người đoán được điều này?

Phong Luân thủng thẳng đáp:

- Hoàng thượng thiên tính tiết kiệm nên vừa thấy cung điện sẽ nổi giận. Nhưng ông ấy việc gì cũng nghe theo hoàng hậu, hoàng hậu dẫu sao cũng là phụ nữ, việc gì cũng thích hoa lệ đẹp đẽ, chỉ cần hoàng hậu thích thì ý kiến của hoàng thượng ắt sẽ thay đổi, vì vậy hạ quan đoán sẽ không có chuyện gì đâu.

Dương Tố cũng được coi là nhân vật lão luyện, vậy mà cũng không khỏi thán phục trước việc này:

- Tài năng xoay sở thật ta không bằng được!

Từ đó nhìn Phong Luân bằng con mắt khác, còn nhiều lần chỉ vào chiếc ghế tể tướng, nói:

- Phong Luân rồi sẽ chiếm mất cái ghế này của ta thôi!

Nhưng Phong Luân chưa kịp leo lên chức tể tướng thì nhà Tùy đã bị tiêu diệt. Ông quy thuận nhà Đường, lại phải xoay sở với chủ mới. Có lần, ông theo Đường Cao Tổ Lý Uyên xuất du, đi qua mộ Tần Thủy Hoàng, lăng viên nổi tiếng kéo dài hàng chục dặm, kiến trúc trên đất dưới đất rất hùng vĩ, vật báu chôn theo trong mộ vô cùng phong phú này trải qua cuộc chiến Hán Sở đã bị phá hoại hết, chỉ còn lại gạch ngói vỡ. Lý Uyên bất giác ngậm ngùi, bảo Phong Luân:

- Đế vương cổ đại, hao hết sức người sức của của trăm họ nước nhà, xây dựng lăng viên tốn kém, phỏng có ích gì?

Phong Luân nghe xong biết là Lý Uyên không tán đồng việc hậu táng; con người từng tự đắc vì xây dựng cung điện cực kỳ xa hoa này lập tức thay đổi vẻ mặt, phụ họa:

- Trên làm dưới bắt chước, ảnh hưởng đến phong khí hết đời này đến đời khác. Từ hai triều Tần Hán đế vương thực hiện hậu táng, bá quan trong triều, lê dân trăm họ tranh nhau bắt chước theo. Phần mộ cổ đại, nếu chôn theo nhiều vật báu thì sẽ nhanh chóng bị đào trộm. Nếu người chết mà không biết thì hậu táng chỉ là lãng phí; nếu người chết có biết thì bị đào trộm, lẽ nào không đau lòng?

Lý Uyên khen ông nói hay, bảo:

- Từ nay về sau, từ trên xuống dưới, tất cả đều mai táng đơn giản thôi!

TỰ CHE GIẤU VẼ ĐẸP



Sau khi lên làm Hoàng đế, Tào Phi rất hà khắc với các anh em của mình và đề phòng chặt chẽ. Tuy rằng những người anh em này đều được phong vương, cũng có danh tiếng nhưng lại bị điều đến các vùng đất cách xa kinh thành, không được tùy tiện trở về kinh; thủ hạ của mỗi người chỉ có hơn trăm người lính già làm hộ vệ, để họ không thể dựa vào võ lực làm loạn; ông còn phái quan viên đến giám sát họ, sai một chút là bị báo cáo về triều đình, bị khiển trách. Những người anh em này tuy là thân thích của hoàng đế, nhưng thực tế không bằng cả kẻ bình dân.

Chỉ có Bắc Hải Vương Tào Trung là người cẩn thận, chăm chỉ hiếu học, không có bất kỳ lỗi lầm nào. Những viên quan giám sát ông nói:

- Chúng ta phụng mệnh hoàng đế đến giám sát hành động của đại vương, có lỗi ắt phải bẩm tấu, có điều tốt cũng nên báo cáo sự thực.

Thế rồi họ cùng nhau viết một bản báo cáo, khen ngợi đức tính tốt của Tào Trung.

Tào Trung vừa hay tin thì sợ hãi thất sắc, trách bọn quan viên:

- Yêu cầu nghiêm khắc bản thân là việc bất cứ ai cũng nên làm, vậy mà các ông lại báo cáo lên triều

đình, thế chẳng phải là tăng thêm phiền phức cho ta sao? Nếu ta thật sự có phẩm đức gì tốt, triều đình tự sẽ biết, các ông liên danh dâng sớ như vậy chỉ e sẽ phản tác dụng.

Ông từng bảo con trai mình:

- Thà nghèo hèn mà không tai không nạn còn hơn là được sung ái mà bị tai hoạ.

Cuộc sống của ông rất giản dị, ông còn bắt các phi thiếp phải tự tay dệt vải may áo, giống như nhà bình dân, vì thế bảo toàn được tính mạng.

NÉM ĐÁ GIẤU TAY



Võ Tam Tư là cháu của Võ Tắc Thiên, ông ta dựa vào mối quan hệ với Võ Tắc Thiên mà được làm chức Đặc tiến và Thái tử tần khách. Võ Tắc Thiên thường đến nhà ông, rất sủng tín ông, còn ban thưởng rất nhiều.

Khi Võ Tắc Thiên lâm bệnh nặng, bọn đại thần Trương Giản Chi giết chết anh em họ Trương mà Võ Tắc Thiên sủng tín, ủng hộ Đường Trung Tông Lý Dục trở lại ngai vàng, Trương Giản Chi lên làm tể tướng, Võ Tam Tư rất bất mãn về việc này. Có người khuyên Trương Giản Chi giết chết Võ Tam Tư, nhưng ông không đồng ý.

Con gái của Trung Tông Lý Dục là công chúa An Lạc được gả cho con trai của Võ Tam Tư là Võ Sùng Huấn; Thượng Quan Uyển Nhi, người rất được Võ Tắc Thiên và Trung Tông tín nhiệm tư thông với Võ Tam Tư. Sau khi Trung Tông trở lại ngôi báu, Vi hoàng hậu can dự triều chính, Thượng Quan Uyển Nhi tiến cử Võ Tam Tư với Vi hoàng hậu, khiến ông ta được trọng dụng, tham dự triều chính, Trương Giản Chi chịu sự kìm chế của ông ta.

Trương Giản Chi nhận thấy Võ Tam Tư có dã tâm, nhiều lần khuyên Trung Tông giết họ Võ, Trung Tông không những không nghe theo, trái lại còn đề bạt Võ Tam Tư và ban cho trọng trách.

Khi đã nắm được đại quyền trong tay, Võ Tam Tư một lòng muốn trừ khử chính địch của mình. Ông ta nhiều lần cùng Vi hoàng hậu sàm tấu, nói năm đại thần trong đó có Trương Giản Chi và Kính Huy cậy công chuyên quyền, rất bất lợi cho chính trị triều đình, chỉ bằng phong năm người đó làm vương, bãi miễn chức quan của họ, như vậy vừa đoạt được quyền của họ, vừa khiến người ngoài cho rằng hoàng thượng đối xử tốt với công thần.

Thế là, Trung Tông phong Trung thư lệnh Trương Giản Chi làm Hán Dương Vương, phong Kính Huy làm Bình Dương Vương, ba người còn lại cũng được phong vương, miễn đi chức quan của họ, đại quyền tập trung trong tay một mình Võ Tam Tư.

Nhưng Võ Tam Tư vẫn không cam tâm, lại nhăm nhăm mưu trục xuất năm người này. Ông ta ngấm ngấm

cho người liệt kê các việc làm xấu của Vi hoàng hậu, dán bảng ở cầu Thiên Tân, yêu cầu Trung Tông phế truất Vi hoàng hậu. Trung Tông xem bảng xong vô cùng tức giận, lệnh cho Ngự sử đại phu Lý Thừa Tổ xử lý việc này. Lý Thừa Tổ là đồng mưu của Võ Tam Tư, ông ta thừa cơ vu cáo với Trung Tông rằng việc này là do bọn Trương Giản Chi năm người làm, bọn họ về danh nghĩa là yêu cầu phế truất Vi hoàng hậu, nhưng thực tế là muốn soán quyền.

Trung Tông nghe xong vô cùng giận dữ, hạ lệnh trục xuất năm người. Trương Giản Chi bị đày đến La Định – Quảng Đông, Kính Huy bị đày đến Quỳnh Sơn – Hải Nam, ba người khác đều bị đày đến nơi xa xôi, các con từ mười sáu tuổi trở lên của họ cũng bị lưu đày.

Sau khi loại bỏ chính địch, Võ Tam Tư ngày càng lộng quyền trong triều đình.

KHOE SỞ TRƯỜNG GIẤU SỞ ĐOẢN



Mùa đông năm Hán Văn Đế thứ mười bốn (năm 166 trước Công nguyên), Hung Nô thường xuyên xâm phạm biên giới, Văn Đế thường suy nghĩ về tướng giỏi trấn thủ biên giới.

Một lần, trong triều không có việc gì, Văn Đế bèn đi tuần, đi qua nơi làm việc của quan lang, thấy một

ông lão đứng trước phòng, bèn xuống xe bước đến hỏi:

- Phụ lão đứng ở đây, muốn làm quan lang, không biết nhà ở nơi nào?

Ông lão đáp:

- Thần họ Phùng tên Đường, tổ tiên vốn người Triệu, đến đời cha thần thì di cư đến đất Đại (nay là huyện Uý tỉnh Hà Bắc).

Văn Đế trước khi lên ngôi từng là Đại Vương, sống ở đất Đại nhiều năm. Nghe ông lão nói, bất giác nhớ lại chuyện xưa, nói:

- Lúc ta còn ở đất Đại, Thượng thực giám Cao Khiếp thường nói với ta về tướng nước Triệu là Lý Tề, ông ta và tướng Tần là Vương Ly đánh nhau ở Cự Lộc (nay là huyện Cự Lộc tỉnh Hà Bắc), rất kiêu dũng, đáng tiếc nay đã không còn, nhưng trẫm luôn nhớ đến người này, không biết phụ lão có biết người này không?

Phùng Đường thấy hỏi, bèn đáp:

- Lý Tề tuy dũng, nhưng không bằng Liêm Pha, Lý Mục.

Văn Đế nói:

- Nếu ta được Liêm Pha, Lý Mục làm tướng thì sợ gì Hung Nô.

Phùng Đường nhìn Văn Đế, lắc đầu nói:

- Bệ hạ dù có được Liêm Pha, Lý Mục cũng chưa chắc sẽ trọng dụng.

Văn Đế thấy Phùng Đường chỉ trích mình trước mặt chúng nhân, trong lòng không vui, phủ tay áo lên xe về cung.

Trở về đến cung, Văn Đế càng nghĩ càng giận, không biết Phùng Đường ý muốn nói gì, bèn lệnh nội thị cho triệu Phùng Đường.

Phùng Đường phụng mệnh vào cung, thấy Văn Đế mặt mang sắc giận, lòng biết nguyên nhân, bèn thi lễ rồi đứng sang một bên, ngậm miệng không nói. Văn Đế mở miệng hỏi:

- Sao phụ lão lại làm nhục trẫm trước mặt chúng nhân, lẽ nào không nói riêng được sao?

Phùng Đường thấy Văn Đế như vậy, vội nói:

- Thần không biết kỵ huý, xin bệ hạ khoan dung!

Văn Đế lại hỏi:

- Sao phụ lão biết ta không thể trọng dụng Liêm Pha, Lý Mục?

Phùng Đường đáp:

- Thần nghe các minh chủ thượng cổ, khiến tướng xuất chinh đều rất trịnh trọng, trước khi đi ắt cúi người dặn dò tướng: “Trong triều thì nghe mệnh quả nhân; ngoài triều thì nghe lệnh tướng quân. Quân công tước thưởng giao cho tướng quân xử lý, có thể làm trước tấu sau”. Đây hoàn toàn không phải là nói suông; thần nghe Lý Mục là tướng nước Triệu, tô thuế ở thị thành vùng biên, thu được thì tự dùng, khao thưởng quân sĩ, không cần báo lên, nhà vua

cũng không kiểm soát từ xa, như thế Lý Mục mới được thể hiện đầy đủ tài năng, thống lĩnh quân sĩ bắc đuổi Hung Nô, tây chế ngự nước Tần lớn mạnh, nam phòng ngự Hàn, Ngụy, đông diệt Đàm Lâm. Thử hỏi bệ hạ có thể tin dùng người khác được như vậy không? Gần đây Ngụy Thượng làm Vân Trung Thủ, tô thuế thu được đem khao thưởng quân sĩ hết, còn xuất tiền riêng giết trâu thết rượu khao quân sĩ, xá nhân. Vì vậy tướng sĩ một lòng hợp lực trấn thủ biên giới. Một lần Hung Nô xâm phạm biên giới, liền bị Ngụy Thượng dẫn quân xuất kích, đánh cho quân Hồ đại bại, ôm đầu bỏ chạy, không dám trở lại. Nhưng bệ hạ lại vì ông ta báo công không sát thực, bèn bắt ông ta bỏ ngục, phạt làm khổ công. Như thế, chẳng phải là pháp luật quá minh, thưởng quá nhẹ, phạt quá nặng hay sao? Vì thế thần nói bệ hạ dù có được Liêm Pha, Lý Mục cũng sẽ không thể trọng dụng.

Văn Đế nghe xong, cảm thấy Phùng Đường nói có lý, bèn chuyển giận làm mừng, lệnh cho thả Ngụy Thượng ra, vẫn cho làm Vân Trung Thủ. Nhờ có công tiến cử người nên Phùng Đường được phong là Quân ký đô úy.

Ngụy Thượng trở lại trấn giữ biên cương, người Hung Nô hay tin, quả nhiên lo sợ, không dám xâm phạm biên giới. Biên cương phía bắc tạm thời được an ninh.

KHÔNG CÂU NỆ LỄ THƯỜNG TÌNH



Hán Cao Tổ Lưu Bang là hoàng đế khai quốc của vương triều Tây Hán, phu nhân của ông là Lã Trĩ (tức Lã Hậu, Cao Hậu) phò tá ông đoạt lấy thiên hạ, củng cố chính quyền, đóng vai trò quan trọng trong lịch sử giai đoạn Tần Hán. Cuộc hôn nhân giữa Lưu Bang và Lã Trĩ hoàn toàn do sự tác hợp của Lã Công, cha của Lã Trĩ.

Lã Công là người Đơn Phụ (nay là huyện Đơn tỉnh Sơn Đông), là bạn của huyện lệnh huyện Bái. Để tránh sự truy tìm của kẻ thù, ông đến huyện Bái đi theo huyện lệnh. Một lần, huyện lệnh thiết tiệc mời khách quý, quan lại và phú hào địa phương đều đến chúc mừng. Chủ lại huyện Bái là Tượng Tiêu Hà đảm trách việc lễ nghi cho bữa tiệc, ông căn cứ vào độ dày mỏng quà tặng của khách để sắp xếp chỗ ngồi. Những người dâng lễ một nghìn tiền trở lên được ngồi trên đường, những người dâng lễ chưa đầy một nghìn tiền thì ngồi dưới đường. Khi đó, Lưu Bang chỉ là một Đình trưởng nhỏ nhoi, thân không đáng tiền, nhưng vào đến cửa lại hô vang “Dâng lễ vạn tiền”. Mọi người vô cùng kinh ngạc, còn Lã công thì lấy làm lạ. Ông ngắm kỹ tướng mạo và khí độ của Lưu Bang, quả có chỗ hơn người, nên rất quý mến, bất chấp cái nhìn nghi kỵ của mọi người,

ông đích thân đến dắt Lưu Bang lên chỗ ngồi. Tiêu Hà lấy làm bất mãn về việc này. Ông cho rằng Lưu Bang chỉ giỏi nói khoác, thành sự thì thiếu mà bại sự có thừa. Nhưng Lưu Bang lại nói cười tự nhiên, luôn tỏ vẻ khinh miệt những vị khách quý nọ.

Khi tiệc rượu sắp kết thúc, Lã Công cố tình giữ Lưu Bang lại, bảo Lưu Bang:

- Ta biết chút ít về xem tướng người, cũng xem tướng cho nhiều người, nhưng không được như tướng của Quý (Lưu Bang tự là Quý), mong Quý tự yêu lấy mình. Ta có đứa con gái, nguyện gả cho Quý.

Nghĩa là Lã Công muốn gả con gái mình làm vợ Lưu Bang. Phu nhân Lã Công hay chuyện, cứ trách Lã Công, rằng ông thường nói con gái chúng ta khí chất phi phàm, sau này sẽ trở thành quý nhân. Huyện lệnh huyện Bái cầu hôn, ông cũng không chịu, sao lại gả cho hạng người như Lưu Bang? Lã Công bỏ ngoài tai, cuối cùng hứa gả Lã Trĩ cho Lưu Bang.

Theo Lã Công, Lưu Bang không chỉ có tướng mạo và khí độ phi thường, mà sự khoáng đạt độ lượng, không câu nệ tiểu tiết của ông đã thể hiện phong độ đại gia coi thường truyền thống, quan lại phú hào, nhận định sau này Lưu Bang nhất định làm nên việc lớn. Biết người từ lúc chưa thể hiện mới là khả năng nhìn người độc đáo. Sau đó, Lưu Bang quả nhiên lãnh đạo chúng dân phản Tần, đoạt lấy thiên hạ. Còn bọn Tiêu Hà ngày trước ở trên Lưu Bang thì lại trở thành đại thần phò tá cho ông.

DÙNG MƯU THỂ HIỆN TÀI NĂNG



Hàn Tín là nhà quân sự xuất sắc thời Sở Hán. Tài năng quân sự của ông không được người ta biết đến trong một thời gian dài. May là Tiêu Hà có con mắt nhìn người, nhận ra tài năng của ông và thành khẩn níu giữ, ra sức tiến cử nên Hàn Tín mới có cơ hội thể hiện tài quân sự xuất sắc của mình.

Hoàn cảnh của Hàn Tín rất giống câu chuyện Biện Hoà dâng ngọc.

Cuối thời Tần, Hàn Tín mang gươm theo Sở, được bổ làm Lang trung. Ông từng nhiều lần hiến kế cho Hạng Vũ nhưng đều không được áp dụng nên âm ức bất đắc chí.

Năm nhà Hán thứ nhất (năm 206 trước Công nguyên), Hàn Tín bỏ Sở theo Hán, được Lưu Bang bổ làm Liên ngao, vẫn chưa được thoả sức vẫy vùng, nên bụng rất âm ức và do đó mắc tội đáng chém với các đồng僚. Khi đó, quan giám trảm là Hạ Hầu Anh, 13 người lần lượt bị chém đầu, đến lượt Hàn Tín, ông chợt kêu lên: “Hán vương chẳng phải muốn được thiên hạ sao? Thế thì sao lại giết tráng sĩ?”. Hạ Hầu Anh nghe xong, vội ra lệnh dừng hình, gọi ông đến trước mặt hỏi mới biết là Hàn Tín, thấy thân hình cao lớn, lời nói khác người, biết rằng ông không

phải người thường. Thế nên sai người giải ông về đại lao, rồi tự mình đến thăm báo với Lưu Bang, nói rằng Hàn Tín là một nhân tài, không thể vì tội nhỏ mà đem chém, đồng thời kiến nghị Lưu Bang trọng dụng. Lưu Bang nghe xong hạ lệnh xá miễn cho Hàn Tín, đồng thời đề bạt ông làm Trị túc đô úy, nhưng không trọng dụng.

Thừa tướng Tiêu Hà biết chuyện, sai người cho gọi Hàn Tín đến, thấy ông tướng mạo phi thường thì mừng thầm, khi bàn luận, Hàn Tín hiểu rõ tình thế Hán Sở như lòng bàn tay, nói về binh pháp thì thao thao bất tuyệt cách trị quân, cách bố trận. Tiêu Hà cảm thấy Hàn Tín là một tướng tài hiếm có trên đời, bèn đảm bảo với Hàn Tín sẽ ra sức tiến cử với Hán vương Lưu Bang.

Hàn Tín được Tiêu Hà khen ngợi, cứ tưởng rằng thừa tướng quyền cao, mình chắc chắn sẽ được Hán vương trọng dụng để thực hiện tâm nguyện kiến công lập nghiệp. Nào ngờ, Tiêu Hà bao lần tiến cử Hàn Tín với Lưu Bang đều không được Hán vương hồi đáp. Sau một thời gian dài, Hàn Tín thấy không có động tĩnh, lòng biết không thể được Hán vương trọng dụng, bèn quyết tâm đến nơi khác. Một buổi chiều tối, ông thu dọn xong hành trang rồi rời khỏi doanh trại Hán. Tiêu Hà hay tin, cảm thấy như mất ngọc quý, vội cưỡi ngựa phi nhanh đuổi theo hướng Hàn Tín đi. Vì đi vội vã nên Tiêu Hà không kịp thông báo với Lưu Bang. Sáng sớm hôm sau, có người đến báo Thừa tướng đã bỏ trốn. Lưu Bang nghe xong thất kinh, nghĩ bụng: Ta coi Tiêu Hà như thủ túc, sao y

lại dễ dàng bỏ ta mà đi! Vội phái người đi tìm khắp nơi. Hai ngày sau, trong lúc Lưu Bang đang sốt ruột thì Tiêu Hà dẫn Hàn Tín trở về doanh trại Hán. Lưu Bang nhìn thấy Tiêu Hà, vừa mừng vừa giận, hỏi:

- Sao ngươi lại không từ mà biệt?

Tiêu Hà đáp:

- Thần nào dám bỏ trốn, thực là đuổi theo người!

Lưu Bang hỏi:

- Người khanh đuổi theo là ai?

Tiêu Hà đáp:

- Chính là Đô úy Hàn Tín!

Lưu Bang nghe đáp, bất giác cả giận, nói:

- Ta từ Quan Trung đến Nam Trịnh, số người bỏ trốn biết bao nhiêu mà khanh không đuổi theo, sao lại đuổi theo Hàn Tín?

Tiêu Hà đáp:

- Những người bỏ đi trước đây đều không quan trọng, đi ở tùy ý, chỉ có Hàn Tín là bậc quốc sĩ, hiếm có đời nay, sao có thể để y bỏ đi? Đại vương nếu muốn ở mãi tại Hán Trung, có thể không dùng Hàn Tín. Nếu muốn tranh đoạt thiên hạ thì ngoài Hàn Tín, không còn ai đảm nhận được trọng trách, bởi vậy thần mới đuổi theo đưa y về.

Lưu Bang nói:

- Sao ta có thể ở mãi nơi này, nhất định phải đem binh đông tiến!

Tiêu Hà nghe xong, tiếp lời:

- Đã vậy thì phải dùng Hàn Tín, dùng Tín, Tín tất ở lại; không dùng, Tín tất bỏ đi.

Lưu Bang thấy Tiêu Hà ra sức tiến cử Hàn Tín như vậy, bất giác hỏi:

- Khanh nhiều lần tiến cử Hàn Tín, Hàn Tín quả có chân tài thực học sao?

Tiêu Hà đáp:

- Thần đã kiểm tra từ lâu, Hàn Tín quả là kỳ tài đời nay.

Lưu Bang thấy việc đã đến nước này, đành nói:

- Vậy ta bổ y làm tướng để thử tài.

Tiêu Hà nói:

- Chỉ dùng làm tướng thì vẫn không thể giữ được Hàn Tín.

Lưu Bang trầm ngâm một lát rồi nói:

- Vậy cho y làm đại tướng!

Tiêu Hà nghe xong mới yên lòng, vội từ biệt Lưu Bang, chuyển tin này cho Hàn Tín.

Vài ngày sau, Lưu Bang lập đàn phong Hàn Tín làm đại tướng. Từ đó, Hàn Tín phò tá Lưu Bang diệt Tam Tần, bình định Ngụy, Triệu, Tề, vây diệt Hạng Vũ ở Cai Hạ, lập công lao to lớn giúp Lưu Bang thống nhất thiên hạ.

BỎ QUA HIỀM KHÍCH CŨ



“*K*hông có vàng mười, nhân vô thập toàn”, đây là một câu danh ngôn chí lý. Phàm đã là người thì đều có khiếm khuyết, cũng đều phạm sai lầm. Ngay cả những danh nhân tài tử cũng vậy. Phạm sai lầm rồi phải làm sao? Có lỗi thì phạt, sửa lỗi thì dùng. Đây cũng là một nguyên tắc lớn trong cách dùng người.

Có lỗi thì phạt, không phạt thì không đủ nghiêm minh, cũng không có ích cho bản thân người mắc lỗi. Sửa lỗi thì dùng, không dùng nghĩa là phủ định toàn bộ, là một sự lãng phí lớn đối với nhân tài. Trong việc sử dụng Tô Uy, Tuỳ Cao Tổ Dương Kiên về cơ bản đã áp dụng nguyên tắc dùng người này.

Tô Uy là quan tể tướng nổi tiếng đầu thời Tuỳ, ông có nhiều thành tích chính trị nổi bật trong thời gian nhậm chức, được người đời ca ngợi, nhưng việc ban đầu Tuỳ Cao Tổ Dương Kiên phát hiện và sử dụng Tô Uy lại không đơn giản.

Tô Uy vốn sớm đã có tài danh, nhưng mãi không được triều đình trọng dụng. Khi Dương Kiên còn làm Thừa tướng Bắc Chu, tướng quân Cao Đại từng nhiều lần tiến cử Tô Uy, trình bày tài năng của ông. Dương Kiên cho triệu Tô Uy đến rồi dẫn vào phòng

nói chuyện, hai người rất hợp nhau. Sau đó Tô Uy nghe nói Dương Kiên muốn phế Chu lập Tùy, tự mình xưng đế, bèn trốn về nhà, đóng cửa không ra. Tướng quân Cao Đại muốn bắt ông quay lại, Dương Kiên bảo:

- Giờ ông ấy không muốn tham gia việc của ta, cứ để ông ấy đi.

Sau khi Dương Kiên lên ngôi hoàng đế, Tô Uy lại ra phò giúp, Dương Kiên không tính hiềm khích cũ, bổ Tô Uy làm Thái tử thiếu bảo, truy phong cho cha Tô Uy làm Đô quốc công, cho Tô Uy kế thừa tước cha, không lâu sau lại bổ Tô Uy kiêm nhiệm hai chức Nạp tín và Dân bộ thượng thư. Tô Uy dâng tấu từ chối, Dương Kiên hạ chiếu:

- Thuyền to chở được nặng, ngựa hay chạy được xa. Khanh có tài năng hơn người, không được chối từ, hãy làm thêm công việc.

Qua đó có thể thấy được sự tín nhiệm của Dương Kiên đối với Tô Uy.

Tô Uy từng chủ trương giảm miễn tô thuế, Dương Kiên nghe theo chủ trương của ông, chính sách này rất được lòng dân nên Tô Uy cũng càng được Dương Kiên sủng tín. Dương Kiên cho Tô Uy và tướng quân Cao Đại cùng nắm việc triều chính, Tô Uy thấy móc rèm trướng trong cung toàn làm bằng bạc nên chủ trương thay bằng vật liệu khác để tiết kiệm, được Dương Kiên tán thành. Có lần, Dương Kiên nổi giận với một người và định đem giết, Tô Uy can gián, Dương Kiên không những không nghe, mà còn thêm

thịnh nộ. Một lát sau, Dương Kiên nguôi giận, tỏ ý cảm tạ lời can gián của ông, còn nói:

- Khanh làm được như vậy, quả trăm không nhìn lầm người.

Trị thư thị ngự sử Lương Tỳ khi ấy thấy Tô Uy kiêm nhiệm năm chức mà không có ý tiến cử người khác, bèn dâng sớ tố cáo Tô Uy. Dương Kiên bảo ông ta:

- Tô Uy tuy kiêm nhiệm năm chức, nhưng luôn không biết mệt mỏi, chí hướng lớn. Hơn nữa chức vụ có khuyết mới có thể tiến cử người khác, nay Tô Uy làm rất tròn nhiệm vụ, sao khanh lại tố cáo ông ấy không tiến cử người khác?

Có lần, Dương Kiên còn nói với triều thần:

- Tô Uy không gặp trăm thì không thể thực hiện chủ trương của ông ấy; trăm không được Tô Uy thì không thể hành đạo lớn. Tài hùng biện của Dương Tố là vô song hiện thời, nhưng về thông hiểu cổ kim, nắm bắt đại cuộc, giúp trăm trị nước thì ông ấy không bằng được Tô Uy.

Năm Khai Hoàng thứ mười hai (năm 592), có người cáo giác Tô Uy kết bè đảng với quan chủ trì khoa cử khảo thí, bổ nhiệm người của mình. Dương Kiên sai Thục vương Dương Tú thẩm tra việc này, kết quả đúng có chuyện đó. Dương Kiên chỉ ra trong thiên “Tạ Hồi truyện” thuộc sách “*Tống thư*” có chỗ kể về chuyện kết bè đảng, bảo Tô Uy đọc. Tô Uy sợ lắm, bỏ mũ xuống tạ tội. Dương Kiên nói:

- Nay khanh tạ tội thì đã quá muộn rồi.

Rồi miễn chức quan của Tô Uy.

Sau đó có lần nghị sự, Dương Kiên lại nhớ đến Tô Uy, ông bảo quần thần:

- Nhiều người cứ nói Tô Uy giả vờ thanh liêm, còn thực tế vàng ngọc trong nhà rất nhiều, đấy là lời giả dối. Con người Tô Uy chẳng qua tính tình có đôi chút ương bướng, gàn dở, quá theo đuổi danh lợi, người ta phục tùng mình thì rất vui, nghịch mình thì rất giận, đấy là cái tật lớn nhất của ông ta. Những việc khác thì không có gì.

Quần thần cũng đều đồng ý, thế nên Dương Kiên lại trọng dụng Tô Uy. Quả nhiên Tô Uy không phụ lòng mọi người, lòng trung canh cánh, hết lòng làm việc cho nhà Tùy đến khi qua đời.

TIẾN CỬ KHÔNG VÌ THÂN THÍCH



Trong truyện thần thoại, “hoả nhãn kim tinh” thi triển bản lĩnh, còn trong thực tế thì không tồn tại, song trong lịch sử và hiện thực, những người giỏi nhìn người như “hoả nhãn kim tinh” lại rất nhiều. Lã Mông Chính thời Bắc Tống trong phần kể dưới đây là một người như thế.

Lã Mông Chính là người đỗ đầu tiến sĩ năm Thái

Bình Hưng Quốc thứ hai (năm 977), nên rất được Tống Thái Tông yêu mến và trọng dụng, ông từ Thông phán Thăng Châu (nay là phía tây nam huyện Đường Hà tỉnh Hà Nam) đến nhậm chức Trung thư thị lang kiêm Hộ bộ thượng thư, Đồng trung thư môn hạ bình chương sự, Giám tu quốc sử, rồi trở thành Tế tướng, tất cả chỉ vỏn vẹn 12 năm, khi ấy cũng chỉ 42 tuổi. Các nguyên lão khai quốc triều Tống, tế tướng Triệu Phổ ra sức nâng đỡ, ủng hộ Lã Mông Chính, khen ông không phụ lòng mong mỏi của mọi người.

Lã Mông Chính việc gì cũng dám nói thật. Có lần, Tống Thái Tông thiết tiệc đêm Nguyên tiêu, Lã Mông Chính hầu tiệc. Tống Thái Tông bảo ông:

- Vào thời Ngũ Đại, sinh linh lầm than, Chu Thái Tổ từ đất Lang (nay là trấn Bình phía tây nam huyện Lâm Chương, Hà Bắc) dẫn quân về nam, trăm họ bị cướp bóc thậm tệ. Khi ấy dưới đất có hoả tai, trên trời có sao chổi, thấy những điều này, dân chúng đều vô cùng sợ hãi, đều nói thiên hạ sẽ không còn có ngày thái bình. Trẫm đích thân xử lý chính sự, khiến cho muôn sự hài hoà, thường cảm thấy đây là phước trời ban, nay nước nhà phồn vinh mới biết rằng việc trị loạn hoàn toàn ở nơi con người.

Triệu Quang Nghĩa xưa nịnh theo vua những mong được chúng đại thần phụ hoạ, nhưng Lã Mông Chính lại đứng dậy nói:

- Kinh thành nơi Thiên tử sống, mọi hạng người đều quy tụ về đây nên mới có vẻ phồn vinh, thần từng thấy một nơi cách kinh thành chỉ mấy dặm đã

có rất nhiều người chết vì đói rét. Thiên hạ còn chưa được phần vinh như bệ hạ nói. Mong bệ hạ phóng tầm nhìn xa, ấy là cái may của trăm họ trong thiên hạ.

Tổng Thái Tông vốn rất tự đắc, nghe xong những lời này thì mặt biến sắc trông rất khó coi, không nói gì nữa. Lã Mông Chính đang hoàng trở lại chỗ ngồi, mọi người đều khen ông nói thẳng thắn và chân thực.

Tổng Thái Tông từng định phái người đi sứ Sóc Phương, lệnh cho Tể tướng tìm người vừa có tài vừa có thể đảm nhận được trọng trách này. Lã Mông Chính tiến cử với Tổng Thái Tông một người, Tổng Thái Tông không đồng ý. Một ngày sau, Tổng Thái Tông lại hỏi đến vấn đề chọn người đi sứ, Lã Mông Chính lại tiến cử người đó. Tổng Thái Tông rất không vui, hỏi Lã Mông Chính:

Sao khanh lại cố chấp như vậy?

Lã Mông Chính đáp:

Không phải thần cố chấp, mà là bệ hạ không hiểu cho nỗi khổ tâm của thần. Người này có thể làm sứ thần, những người khác không bằng được y. Thần không muốn vì làm vừa lòng hoàng thượng mà di hại cho nước nhà.

Thái độ của vua tôi đều rất kích động, quần thần không dám can ngăn. Cuối cùng, Tổng Thái Tông chấp thuận ý kiến của Lã Mông Chính, phái người mà ông tiến cử đi sứ Sóc Phương. Sự thực chứng

minh, người mà Lã Mông Chính tiến cử quả thực giàu tài năng, hoàn thành rất tốt sứ mệnh.

Lã Mông Chính làm quen, tiến cử người không luận thân sơ xa gần. Năm Cảnh Đức thứ hai (năm 1005), Lã Mông Chính cáo lão về quê, trở về Lạc Dương an hưởng tuổi già. Vào năm Đại Trung, Tống Chân Tông đi tế bái lăng Vĩnh Chiêu của Tống Thái Tông Triệu Quang Nghĩa. Khi đi qua Lạc Dương, hai lần đến nhà thăm Lã Mông Chính. Tống Chân Tông muốn tìm một số nhân tài, bèn hỏi Lã Mông Chính:

Trong mấy người con của khanh, ai có thể gánh vác trọng trách, có thể dùng được không?

Lã Mông Chính đáp:

Mấy đứa con của thần đều không dùng được. Nhưng thần có đứa cháu, tên là Lã Tú Giản, hiện ở Dĩnh Châu làm Thôi quan. Nó có tài của Tể tướng, có thể trọng dụng.

Tống Chân Tông ghi nhớ cái tên Lã Tú Giản. Sau đó, Lã Tú Giản quả nhiên trở thành một bậc danh tướng thời Tống.

Nếu nói Lã Mông Chính tiến cử sứ thần, tiến cử cháu mình đều là vì hiểu sâu về họ, thì việc ông vừa nhìn đã biết một đứa trẻ mười mấy tuổi sau này sẽ làm Tể tướng giống như ông thì thực là một việc lạ. Khi đó có người tên là Phú Ngôn có qua lại với Lã Mông Chính. Một hôm Phú Ngôn nói với Lã Mông Chính:

Con trai tôi đã mười mấy tuổi, tôi muốn cho nó vào thư viện để học.

Lã Mông Chính đồng ý, bảo Phú Ngôn dẫn con đến cho ông xem. Vừa nhìn thấy con trai Phú Ngôn, Lã Mông Chính kinh ngạc bảo:

Đứa bé này sau này sẽ có danh vị giống như ta, mà công huân còn vượt xa ta.

Rồi ông cho con trai Phú Ngôn học cùng với mấy đứa con mình, con trai Phú Ngôn tên là Phú Bất. Phú Bất sau này từng hai lần làm Thừa tướng, cũng trở thành một vị danh tướng của nhà Tống.

TẤM LÒNG RỘNG LỚN



*K*hi dùng người, người ta đều mong thủ hạ của mình có công chứ không muốn có lỗi, không cho phép họ có lỗi. Tuy nhiên người giỏi dùng người lại biết lợi dụng lỗi, biến tiêu cực thành tích cực, phát huy hết tính tích cực chủ quan của thuộc hạ.

Đường Cao Tông là một người như vậy.

Lý Tĩnh từ thời trẻ đã có văn tài võ lược, ông thường nói với người thân cận:

Đại trượng phu nếu sinh ra gặp thời, gặp được minh chủ ắt sẽ kiến công lập nghiệp, đạt được phú quý.

Cậu ông là Hàn Cầm Hồ là một danh tướng, mỗi lần bàn luận việc quân với Lý Tịnh đều luôn miệng khen hay, vỗ lưng ông bảo:

Người có thể đàm luận về binh pháp Tôn Tử, Ngô Khởi với ta chỉ có người này thôi.

Lý Tịnh ban đầu làm quan nhà Tùy, nhậm chức Công tào huyện Trường An, sau làm Giá bộ viên ngoại lang. Tả bộc xạ Dương Tố, Lại bộ thượng thư Ngưu Hoảng đều rất tốt với ông. Khi ấy Cao Tổ Lý Uyên đánh Đột Quyết ngoài biên ải, Lý Tịnh quan sát hành động của Cao Tổ, biết Cao Tổ có chí đoạt lấy thiên hạ, bèn mật cáo với Tùy Dạng Đế chuyện Cao Tổ Lý Uyên âm mưu tạo phản. Ông định đi Giang Đô (nay là Dương Châu – Giang Tô), khi đến Trường An (nay là thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây), vì đường đi bị tắc nên đành dừng lại. Cao Tổ công phá kinh thành Trường An, bắt được Lý Tịnh, định chém đầu ông, Lý Tịnh hô vang:

Ngài dấy binh nghĩa vốn là trừ bạo loạn cho thiên hạ, muốn làm nên việc lớn, nhưng lại vì ân oán cá nhân mà chém đầu tráng sĩ sao?

Cao Tổ cho rằng ông có ngôn từ hùng tráng, Thái Tông lại ra sức xin cho ông, nên Cao Tổ tha, không lâu sau, Thái Tông cho vời Lý Tịnh vào mặt phủ.

Năm Võ Đức thứ hai (năm 619), Lý Tịnh theo Thái Tông thảo phạt Vương Thế Sung, nhờ lập công lớn nên được ban chức Khai phủ. Khi đó, Tiêu Tiên chiếm cứ Kinh Châu (thuộc Giang Lăng – Hồ Bắc ngày nay), Cao Tổ phái Lý Tịnh đến vỗ về ông ta.

Lý Tịnh dẫn kỵ binh mặc thường phục đến Kim Châu (thuộc An Khang – Thiểm Tây ngày nay), gặp hàng vạn man binh do thủ lĩnh dân tộc thiểu số phương nam soái lĩnh trú đóng ở hang núi, Lư Giang Vương Lý Viện dẫn quân đi thảo phạt, nhiều lần bị man binh đánh bại. Lý Tịnh hiến kế giúp Lý Viện đánh man binh, nhiều lần giành thắng lợi. Lý Tịnh dẫn quân đến Quyết Châu (thuộc Nghi Xương – Hồ Bắc ngày nay), bị quân của Tiêu Tiên ngăn cản, mãi không tiến được. Cao Tổ cả giận vì Lý Tịnh bị ứ quân giữa đường trong thời gian dài, ngầm lệnh cho Đô đốc Quyết Châu là Hứa Thiệu chém đầu Lý Tịnh. Hứa Thiệu mến tài Lý Tịnh nên xin cho ông, nhờ vậy Lý Tịnh mới thoát chết. Khi ấy thủ lĩnh man binh ở Khai Châu (phía đông huyện Khai – Tứ Xuyên ngày nay) là Nhiễm Triệu Tắc tạo phản, dẫn man binh tấn công Quỳ Châu (thuộc huyện Tấu Tiết – Tứ Xuyên ngày nay), Triệu Quân Vương Lý Hiếu giao chiến với man binh gặp bất lợi. Lý Tịnh dẫn tám vạn tinh binh đột kích doanh trại man binh, sau đó lại mai phục ở nơi hiểm yếu, man binh quả nhiên trúng kế, trong giao chiến, Lý Tịnh chém đầu thủ lĩnh man binh, bắt được hơn 5000 man binh, Cao Tổ hay tin mừng lắm, ban chỉ cho Lý Tịnh:

Khanh đã hết lòng nỗ lực, công lao vô cùng hiển hách. Trẫm ở xa tận đô thành đã thấy được lòng chí thành của khanh, nên khen ngợi ban thưởng đặc biệt.

Rồi đích thân viết thư cho Lý Tịnh, rằng:

- Trăm đối với khanh vẫn như xưa, chuyện cũ trăm đã quên từ lâu.

Lý Tịnh nhận được thư đích thân Cao Tổ viết, cảm động vô cùng, càng thêm nỗ lực hết lòng trung thành báo đền đất nước, tạ ơn tri ngộ của Cao Tổ.

KHÔNG NGHE SÀM NGÔN



Xưa nay các bậc đế vương làm nên đại nghiệp thường dựa vào nhiều yếu tố, trong đó dùng người là yếu tố rất quan trọng. Tôn Quyền tín nhiệm Gia Cát Cẩn chính là một bằng chứng.

Gia Cát Cẩn nhà Tôn Ngô, tự là Tử Du, người Dương Đô - Lang Tà. Ông sinh năm 174, mất năm 241, là huynh trưởng của Gia Cát Lượng. Cuối đời Đông Hán, chư hầu hỗn chiến, Gia Cát Lượng làm ruộng ở Long Trung, sau được Lưu Bị “tam cố thảo lư” (ba lần đến nhà cỏ) mời nên xuống núi theo phò; anh trai ông thì lánh nạn đến Giang Đông, được em rể Tôn Quyền là Hoảng Tư tiến cử lên Tôn Quyền, được trọng dụng. Ban đầu làm Trưởng sử, sau làm Thái thú Nam Đô, rồi lại làm đại tướng quân, Dự Châu mục.

Gia Cát Cẩn được trọng dụng khiến một số kẻ ghen ghét, ngầm sàm ngôn rằng ông giả theo Tôn Ngô,

nhưng thực là ngầm thông đồng với Lưu Bị, được em trai là Gia Cát Lượng trọng dụng. Một thời gian, lời đồn bay khắp nơi, cuộc sống của ông rất khó khăn. Danh tướng Tôn Ngô là Lục Tốn giỏi phân biệt thị phi, ông nghe nói chuyện này thì rất kinh ngạc, vội dâng tấu đảm bảo, nói rằng Gia Cát Cẩn tấm lòng ngay thẳng, trung thành với Ngô, hoàn toàn không có chuyện bất trung, khẩn xin Tôn Quyền đừng nghe lời sàm tấu, cần loại bỏ hoài nghi đối với Gia Cát Cẩn. Tôn Quyền nói:

Tử Du với ta cộng sự nhiều năm, ân như cốt nhục, hiểu rất rõ về nhau. Còn người ông ấy ta biết, việc không hợp đạo lý dứt khoát không làm, lời không hợp đạo nghĩa dứt khoát không nói. Ngày trước Lưu Bị từng phái Gia Cát Lượng đến Đông Ngô, ta có hỏi Tử Du: “Ông và Khổng Minh là anh em ruột, hơn nữa em trai phải theo anh, đó là điều hợp lẽ, sao ông không giữ Khổng Minh lại? Nếu ông giữ Khổng Minh lại thì ông ta sẽ không dám cãi lời anh, ta cũng sẽ viết thư khuyên Lưu Bị, Lưu Bị chắc cũng không từ chối”. Khi đó Tử Du đáp: “Em tôi Gia Cát Lượng đã theo Lưu Bị, nên trung với Lưu Bị; tôi làm việc dưới trướng của đại vương, cần phải trung với ngài. Điều này quyết định sự phân cấp quân thần, xét theo đạo nghĩa, đều không thể ba lòng hai ý. Anh em tôi sẽ không ở lại Đông Ngô, cũng như tôi sẽ không đi Thục Hán”. Những lời này đủ cho thấy phẩm cách cao quý của ông ấy, làm gì có chuyện xảy ra như lời đồn? Tử Du sẽ không phụ ta, ta cũng quyết không phụ Tử Du. Cách đây không lâu, ta có đọc thấy một

số tấu chương có lời lẽ giả dối, bèn lập tức sai người mang đến cho Tử Du, đồng thời đích thân viết cho ông ấy một bức thư và nhanh chóng nhận được hồi đáp của Tử Du. Trong thư Tử Du đã trình bày đạo lý quân thần trong thiên hạ tự có danh phận nhất định, khiến ta vô cùng cảm động. Có thể nói, ta và Tử Du đã là tâm đầu ý hợp, đồng thời còn là bạn tri âm, những lời dối trá hoang đường kia sao có thể gây chia rẽ? Ta biết ông và Tử Du là bạn thân, cũng một lòng chân thành đối với ta. Vì vậy ta cũng đem bản tấu này cho Tử Du xem, để ông ấy biết nỗi khổ trong lòng ông.

ĐÁNH VÀO LÒNG NGƯỜI LÀ THUỢNG SÁCH



Mục đích dấy binh của Chu Nguyên Chương là lật đổ nhà Nguyên, có thể nói ông và nhà Nguyên như nước lửa không dung nhau. Thế nhưng Chu Nguyên Chương lại rất chú trọng nhân tài văn võ của triều Nguyên, nỗ lực tranh thủ lôi kéo về với mình. Bọn Tần Tùng Long và Quách Vân chính là những văn thần và võ tướng tiêu biểu được Chu Nguyên Chương chiêu vờ.

Chu Nguyên Chương coi trọng việc đánh vào lòng người, từ lâu đã tuyên bố chính sách “không coi lỗi

lầm ngày trước là lỗi” đối với nhân sĩ triều Nguyên, vì trong những người làm quan nhà Nguyên không thiếu hiền tài. Tần Nguyên Long là Hành đài thị ngự sử Giang Nam của nhà Nguyên, rất có danh tiếng. Sau khi chiến loạn nổ ra, Tần Tùng Long từ quan về ẩn cư ở Trấn Giang, Chu Nguyên Chương từ lâu đã lưu ý đến nhân vật này, nên trước khi Từ Đạt dẫn quan tấn công Trấn Giang, ông giao hẹn với Từ Đạt: “Trấn Giang có Tần Nguyên Chi (tự của Tần Tùng Long), tài khí lao thành. Vào thành, ta sẽ đến thăm”. Ông coi việc tìm thăm Tần Tùng Long là một nhiệm vụ quan trọng mà Từ Đạt phải làm được khi vào thành.

Sau khi Từ Đạt tìm thăm được Tần Tùng Long, Chu Nguyên Chương lập tức phái cháu ông là Chu Văn Chính đem theo vàng hoả tốc đến mời. Khi Tần Tùng Long đến, Chu Nguyên Chương đích thân ra cửa đón, tỏ ra vô cùng kính trọng.

Quách Vân là một võ tướng nhà Nguyên, rất trung thành với Nguyên thất. Khi Chu Nguyên Chương bắc phạt, “chúa Nguyên trốn lên bắc, quận huyện Hà Nam đều hàng, riêng Quách Vân kiên thủ, đại tướng quân Từ Đạt phái chỉ huy Tào Lương bao vây, Vân xuất chiến và bị bắt. Đại tướng quân Từ Đạt quát bắt quỳ, Vân đứng thẳng người, chửi mắng và chờ chết”. Từ Đạt áp giải Quách Vân về Nam Kinh, Chu Nguyên Chương yêu mến con người của Quách Vân, bèn cởi trói. Khi ấy Chu Nguyên Chương đang đọc Hán thư, hỏi Quách Vân có biết chữ không, Quách

Vân nói “biết”, Chu Nguyên Chương giao sách Hán thư cho Quách Vân đọc, Quách Vân đọc lâu lâu, “Vua cả mừng, ban thưởng hậu, bổ làm tri huyện Đàm Thủy, có thành tích, vua cho là người hiền, bổ làm Vệ chỉ huy xí sự Nam Dương”. Vì Quách Vân tương đối có ảnh hưởng ở quê nhà Nam Dương – Hà Nam, khi ấy quy tụ được rất nhiều người trong gia tộc, Chu Nguyên Chương lại cho ông về Nam Dương chiêu tập quân lính, phụ trách việc quân phòng địa phương, cho đến khi Quách Vân bị bệnh qua đời.

BỎ QUA KHUYẾT ĐIỂM ĐỂ TRỌNG DỤNG



Trần Bình là người Nguyên Dương tỉnh Hoà Nam thời Tây Hán, thuở thiếu niên nhà rất nghèo, sống cùng anh trai và chị dâu, chỉ có mấy mẫu ruộng cằn. Anh trai ông là Trần Bá khoan hậu nhân từ, cần cù lao động cho Trần Bình ra ngoài đi học. Sau đó, Trần Bình lấy vợ, người vợ này đã từng năm lần xuất giá, năm lần đều chết chồng, nhưng nhà rất giàu có. Trần Bình được ra làm quan cũng đều nhờ sự trợ giúp của nhà vợ.

Sau khi xa nhà, trước tiên Trần Bình theo Ngụy vương, bị sàm ngôn, nên ông lại theo Hạng Vũ. Ông thấy Hạng Vũ thô bạo vô đạo, bèn bỏ theo Lưu Bang,

qua sự tiến cử của Ngụy Vô Tri, Lưu Bang tiếp kiến ông. Trong khi nói chuyện, luận bàn việc lớn thiên hạ, Lưu Bang nhận thấy rất hợp, bèn phong Trần Bình làm Đô úy, giữ bên mình làm tham mưu và giám sát tướng lĩnh ba quân.

Tướng sĩ của Lưu Bang bất mãn vì việc phá cách đề bạt, nói:

Đại vương được một tên đào ngũ của quân Sở, không thèm tìm hiểu tài năng và phẩm hạnh của hắn đã cùng đi một xe, còn cho hắn làm kẻ trưởng giả giám hộ trong quân, thực không khỏi thái quá.

Lưu Bang không tin những lời bàn tán này, còn thăng Trần Bình làm phó tướng.

Đại tướng Chu Hắc và Quán Anh bất mãn với cách làm của Lưu Bang, nói:

Nghe nói Trần Bình ở nhà từng thông gian với chị dâu, rời khỏi nhà còn hai lần bỏ trốn, ba lần chọn chủ nhân. Nay đại vương ban cho hắn quan cao, để hắn giám sát tướng sĩ. Phàm những kẻ mua chuộc hắn thì hắn sẽ cho lợi ích. Hắn hoàn toàn là kẻ tráo trở, không coi pháp quy ra gì, mong đại vương suy xét kỹ.

Lưu Bang nghe xong, lòng sinh nghi ngại, cho gọi Ngụy Vô Tri và Trần Bình đến hỏi rõ. Ngụy Vô Tri nói:

Chỉ cần có tài kiến công lập nghiệp, thì dù có thông gian với chị dâu, nhận hối lộ cũng có gì trở ngại?

Trần Bình tự biết những việc này không phải sự thực, bèn nói với Lưu Bang:

Trước kia tôi theo Ngụy vương và Hạng Vũ, vì họ không tin tôi nên tôi mới theo đại vương. Nếu đại vương cho rằng tôi dùng được thì dùng nên câu nệ tiểu tiết; nếu cho rằng tôi không dùng được thì số tiền mọn tôi nhận đều ở đây, đại vương cứ lấy đi! Tôi xin cáo từ.

Lưu Bang cảm thấy đã hiểu lầm Trần Bình, vội xin lỗi và đề bạt ông làm Hộ quân trung uý. Sau đó Trần Bình toàn lực phò tá Lưu Bang, nhiều lần cứu Lưu Bang và đại nghiệp của ông lúc nguy nan, trở thành một trong những công thần hàng đầu của Vương triều Tây Hán. Sau khi Lưu Bang chết, Trần Bình còn cùng Chu Bột dẹp yên phản loạn, giữ vững giang sơn nhà Tây Hán.

LẤY ĐỨC PHỤC NGƯỜI



Võ Tắc Thiên vốn tên là Võ Chiếu, người huyện Văn Thủy – Bính Châu thời Đường, cha là khai quốc công thần của vương triều Lý Đường, mẹ từ nhỏ cũng được học hành. Trước năm 14 tuổi, Võ Tắc Thiên được học cả văn lẫn võ, 14 tuổi vào cung làm “tài nhân” của Đường Thái Tông Lý Thế Dân. Sau khi Cao Tông Lý Trị lên ngôi, địa vị của Võ Tắc Thiên

không ngừng thăng tiến, cuối cùng trở thành hoàng hậu và người nắm quyền thực tế của Lý Đường. Cao Tông mắc bệnh qua đời, Võ Tắc Thiên lại nhanh chóng leo lên ngôi Hoàng đế, trở thành vị nữ hoàng đầu tiên và cũng là duy nhất trong lịch sử Trung Quốc.

Thượng Quan Uyển Nhi là cháu gái của Thượng Quan Nghi, ông tổ của thể thơ Thượng Quan ngũ ngôn thời Lý Đường. Thượng Quan Nghi là trọng thần của triều Đường, từng làm quan đến Tể tướng. Cao Tông Lý Trị nhu nhược, sau lại bất mãn Võ Tắc Thiên độc đoán chuyên quyền, nên mật lệnh cho Thượng Quan Nghi thay ông khởi thảo chiếu thư phế hoàng hậu. Sau bị Võ Tắc Thiên phát giác, Thượng Quan Nghi bị bỏ ngục với tội danh “đại nghịch”, đồng thời tru di cả họ. Uyển Nhi năm ấy mới được một tuổi, bị sung vào làm nô tỳ trong cung cùng với mẹ, được đưa đến cung đình ở Đông kinh Lạc Dương. Năm Uyển Nhi 14 tuổi, Thái tử Lý Hiền và các đại thần Bùi Viêm, Lạc Tân Vương lên kế hoạch lật Võ gây chính biến, để báo thù, Uyển Nhi cũng tích cực tham gia. Nhưng sự việc bại lộ, Thái tử bị phế, Bùi Viêm bị chém, Lạc Tân Vương bỏ trốn. Thượng Quan Uyển Nhi biết rõ mình cũng sẽ bị xử tử, nhưng kết quả hoàn toàn trái ngược: Cô lại được Võ Tắc Thiên phá lệ nhận làm Cơ yếu mật thư.

Nguyên nhân là gì? Chủ yếu là Thượng Quan Uyển Nhi có tài, mà Võ Tắc Thiên lại rất mến người tài. Năm 14 tuổi Uyển Nhi từng làm một bài thơ có tên “Thái thư oán”, được Võ Tắc Thiên vô tình phát

hiện. Võ Tắc Thiên không tin ý thơ hay đến thế lại từ một cô bé, bèn lấy hoa giả trong phòng làm đề, bảo cô tức hứng làm một bài ngũ luật, đồng thời phải dùng vần tương tự như bài “Thái thư oán”. Uyển Nhi suy nghĩ đôi chút rồi nhanh chóng viết ra:

*“Mật điệp nhân tài thổ,
Tân hoa trực tiền thư.
Phan điều tuy bất mậu,
Trích nhụy ký tri hư.
Xuân chí do lai phát,
Thu hoàn vị khảng sơ.
Tá vấn đào tương lý,
Tương loạn dục hà như?”*

Võ Tắc Thiên đọc xong, luôn miệng khen hay và bảo cô là một tài nữ. Nhưng bà giả vờ không hiểu hai câu “Tá vấn đào tương lý, Tương loạn dục hà như”, hỏi Uyển Nhi có ý gì? Uyển Nhi đáp: Nghĩa là hoa giả, là lấy giả làm thật.

Phải chăng người muốn ám chỉ điều gì?

Uyển Nhi bình tĩnh đáp:

Thưa thiên hậu bệ hạ, thần nghe nói thơ không có cách giải thích nhất định, phải xem tâm cảnh của người đọc như thế nào. Nếu bệ hạ nói thần có ý ám chỉ thì nô tỳ không dám biện hộ.

Đáp hay lắm! – Võ Tắc Thiên không những không tức giận, mà còn mỉm cười bảo:

Rồi Võ Tắc Thiên kể lại cho Uyển Nhi nghe câu chuyện mình đã chế phục con ngựa bất kham Sư Tử Bảo năm 14 tuổi khi còn là tài nhân. Sau đó bà hỏi Uyển Nhi:

Trẫm đã giết tổ phụ ngươi, cũng giết cả cha ngươi, hễ ngươi có mối thù không đội trời chung với ta phải không?

Uyển Nhi vẫn bình tĩnh nói:

Nếu bệ hạ cho rằng phải thì nô tỳ cũng không dám nói không phải.

Võ Tắc Thiên cũng khen cô nói hay, còn tỏ ý đang chờ cô trả lời như vậy. Tiếp đó, Võ Tắc Thiên khen ngợi tài văn của ông nội cô Thượng Quan Nghi, chỉ ra tội thảo chiếu thư phế hậu của Thượng Quan Nghi, mong Uyển Nhi hiểu cho bà, trung thành với bà.

Tuy nhiên, Uyển Nhi không những không trung thành với Võ Tắc Thiên, mà còn tham gia chính biến với mục đích báo thù cho người nhà. Điều này hể Cao Tông rất cảm thông và tìm cách che chở. Nhưng ông lại sợ Võ Tắc Thiên, nên chỉ có thể mượn cớ có bệnh, không thể suy nghĩ nhiều, để Võ Tắc Thiên quyết định. Với đại thần tư pháp thì việc này chỉ có thể “xử giảo hình” theo luật; nếu tuổi còn nhỏ thì cũng phải xử tội lưu hình (tức đày đi Lĩnh Nam để sung quân). Nhưng Võ Tắc Thiên thì cho rằng: Tội này nên xử giảo hình, song niệm tình tuổi mới mười mấy, nếu được dạy bảo thêm thì sẽ tốt hơn. Bởi vậy không nên xử tử, còn đày đến Lĩnh Nam, núi cao đường xa, cũng chẳng khác nào đòi mạng đối

với một cô thiếu nữ. Vì vậy cũng hơi nặng. Đặc biệt nàng ta rất thông minh, nếu được bồi dưỡng kỹ thì chắc chắn sẽ trở thành nhân tài rất xuất sắc. Theo đó, Võ Tắc Thiên quyết định xử kinh hình đối với Uyển Nhi, tức là thích một bông hoa mai lên trán cô, bôi chu sa vào. Đồng thời giữ Uyển Nhi bên mình, “cảm hoá nàng bằng sức mạnh của mình”. Còn bày tỏ: Nếu ngay cả một cô gái mười mấy tuổi mà ta cũng không cảm hoá nổi thì sao có thể “dùng đạo đức cảm hoá thiên hạ” được?

Kết quả, Võ Tắc Thiên đã cảm hoá được Uyển Nhi. Đáng giết mà không giết, trái lại còn giữ bên mình, điều này khiến Uyển Nhi vô cùng cảm kích. Sau đó, Võ Tắc Thiên lại luôn hết lòng chỉ bảo Uyển Nhi, cảm hoá, bồi dưỡng, trọng dụng cô ở nhiều phương diện. Từ lời nói hành động của Võ Tắc Thiên, Uyển Nhi đã hiểu được tài trị quốc, tấm lòng bao la và nghệ thuật dùng người của bà, đã giải toả hết oán hận và hiểu lầm, thay vào đó là lòng kính phục, tôn trọng và yêu mến, đồng thời bằng sự thông minh tài trí của mình, cô chia sẻ gánh nặng với bà, hết lòng tận lực, trở thành người tâm phúc đắc lực nhất của bà. Thậm chí thân mẫu của Uyển Nhi cũng từng nói nhỏ với người ta: Uyển Nhi đã hoàn toàn bị Võ Hậu mê hoặc.

BIỂN CHỨA TRĂM SÔNG



Tiêu Đạo Thành là người Nam Lan Lăng (nay là tây bắc Thường Châu – Giang Tô), là Hoàng đế khai quốc của nhà Nam Tề. Trước khi làm Hoàng đế, ông là một viên đại tướng của nhà Lưu Tống, nhờ nhiều lần lập chiến công nên địa vị cũng ngày càng cao. Trong thời kỳ Tống Minh Đế Tần Thuỷ (465 – 471), Tiêu Đạo Thành làm quan đến Đốc nam Khắc Châu, Từ Châu cảng quân sự, trì tiết; Giả quán quân tướng quân; Đốc đốc bắc thảo tiền phong chư quân. Năm Tần Thuỷ thứ năm (469), Tiêu Đạo Thành còn làm Quân sự ba châu Đốc Duẫn, Thanh Châu, Dục Châu, quyền lực ngày càng lớn.

Khi ấy Tiêu Đạo Thành đang trấn thủ Hoài Âm (nay là tây nam Thanh Giang – Giang Tô), dân gian đồn đại: “Tiêu Đạo Thành đáng được làm thiên tử”. Còn có người nói với Tống Minh Đế, Tiêu Đạo Thành có tướng quý nhân, Tống Minh Đế vốn mê tín, nghe được những lời này, lại thấy Tiêu Đạo Thành quyền lực ngày một lớn, nên ngày càng không yên tâm. Tiêu Đạo Thành cũng nhận thấy sự hoài nghi của Minh Đế đối với mình, nên củng cố quyền lực đề phòng bất trắc. Phía bắc của Tiêu Đạo Thành là Thanh Châu (nay là Ích Đô - Sơn Đông), Vương Huyền Mạo làm thứ sử. Để có đường lùi cho mình sau này, Tiêu Đạo

Thành viết thư cho Vương Huyền Mạo giao thiệp.

Vương Huyền Mạo là em trai của danh tướng nhà Lưu Tống, Vương Huyền Mạc, ông có tác phong của sĩ quân tử. Đọc thư, ông biết được ý đồ của Tiêu Đạo Thành, nhưng thân là tướng nhà Tống, ông không muốn phản bội. Phòng Thúc An cũng khuyên ông:

- Tôi nghe nói kẻ sĩ áo vải, ăn một bữa cơm của người cũng không quên ơn, ấy mới là nghĩa sĩ. Nay tướng quân thân gánh trọng trách châu trấn, có nghĩa quân thần với triều đình, nếu vô duyên vô cớ bỏ nghĩa trung hiếu thì người Thanh Châu thà nhảy xuống bể đông mà chết chứ không theo tướng quân.

Lời của Phòng Thúc An càng kiên định niềm tin của Vương Huyền Mạo, ông bèn phái Phòng Thúc An trở về kinh đô Kiến Khang (nay là Nam Kinh – Giang Tô), báo cáo với triều đình ý đồ của Tiêu Đạo Thành.

Sau khi viết thư cho Vương Huyền Mạo, mãi không thấy thư hồi âm, Tiêu Đạo Thành rất sốt ruột. Hôm đó, binh sĩ thủ hạ bắt được một sứ giả đến từ Thanh Châu, Tiêu Đạo Thành tra hỏi, biết là Phòng Thúc An do Vương Huyền Mạo phái về kinh sư. Tiêu Đạo Thành đòi thư Vương Huyền Mạo gửi cho triều đình, Phòng Thúc An nói:

- Thư này là tướng quân chúng tôi gửi cho triều đình chứ không phải gửi cho ngài. Vả lại lời tôi muốn nói chỉ có lợi cho nước nhà, đã không có lợi cho ngài thì cũng xin ngài đừng hỏi nhiều.

Thủ hạ khuyên Tiêu Đạo Thành giết quách Phòng Thúc An, Tiêu Đạo Thành nói:

- Giết y càng bất lợi cho chúng ta, huống hồ ai thờ chủ nấy, không trách được Phòng Thúc An.

Nói xong bảo thả Phòng Thúc An. Sau đó Vương Huyền Mạo rời Thanh Châu về kinh, đi qua Hoài Âm, Tiêu Đạo Thành sai người chờ ông giữa đường, mời ông đến phủ trò chuyện. Vương Huyền Mạo giả dò đồng ý, nhưng khi đi qua Hoài Âm, ông không xuống xe, mà đánh xe đi thẳng với sự hộ vệ của vệ binh, khi về đến kinh thành, ông cũng báo với Minh Đế âm mưu của Tiêu Đạo Thành.

Sau đó, Tiêu Đạo Thành bình tĩnh ứng phó, phá tan mối hoài nghi của Tống Minh Đế, vượt qua nguy hiểm. Nhưng Tiêu Đạo Thành không hề oán hận Vương Huyền Mạo, trái lại còn ái mộ lòng trung thành của ông. Sau khi Tống Minh Đế chết, địa vị trong triều của Tiêu Đạo Thành ngày càng cao. Trong thời kỳ Tống Thuận Đế Thảng Minh (477 – 479), Tiêu Đạo Thành trở thành đại thần phụ chính, hoàng đế trở thành con rối trong tay ông, Vương Huyền Mạo không ngờ sự thế lại có kết cục như vậy, rất sợ Tiêu Đạo Thành sẽ gia hại ông. Thái độ của Tiêu Đạo Thành với ông vẫn như trước, còn đề bạt ông làm Phiêu kỵ tư mã, Thái thú Thái Sơn. Sau đó, lại cho ông làm Hiệu úy Tây Nhung, Thứ sử hai châu Lương Châu, Nam Tần, đồng thời phong ông làm Huyện hầu Hà Dương. Không những vậy, các anh em của Vương Huyền Mạo cũng đều được phong làm

quan cao, khiến Vương Huyền Mạo rất cảm động, từ đó một lòng trung với Tiêu Đạo Thành.

Năm 479, Tiêu Đạo Thành chính thức thay thế đế vị của Tống Thuận Đế, dựng nên nhà Nam Tề. Không lâu sau, Lý Ô Nô người Lương Châu dấy binh làm loạn, Vương Huyền Mạo không kịp điều binh chinh phạt, bèn dẫn bảy trăm người tức tốc ứng chiến, bị đánh bại. Vương Huyền Mạo thấy không chống lại được, bèn sai người trá hàng, nói với Lý Ô Nô:

- Vương Huyền Mạo toàn quân già yếu, đã mang theo người nhà trốn ra khỏi thành.

Lý Ô Nô cả mừng, dẫn một ít quân vào thành, bị phục binh của Vương Huyền Mạo đánh tan. Lý Ô Nô bại tẩu, Lương Châu được bảo toàn. Tiêu Đạo Thành hay tin vui mừng nói:

- Huyền Mạo quả không phụ lòng tri ngộ của ta.

NUỚC TRONG KHÔNG CÓ CÁ



*B*ính Cát là thừa tướng thời Hán Tuyên Đế, nổi tiếng là người hiểu rõ đại cuộc, lại đối xử khoan hậu, trừng phạt cái ác, nêu cao điều thiện. Đặc biệt ông không bao giờ trách móc thuộc hạ. Với thuộc hạ tốt, ông hết lòng khen thưởng; với thuộc hạ từng

mắc lỗi lầm thì ông cố gắng tha thứ, khoan dung cho họ.

Bính Cát có một người đánh xe rất giỏi, những mặt khác thì không có vấn đề gì, duy có một tật xấu – thích uống rượu. Anh ta thường xuyên say bí tỉ, ra ngoài cũng vậy.

Một lần, Bính Cát ra ngoài làm việc, bảo người đánh xe cùng đi. Không ngờ lần này anh ta say mèm, đi nửa đường anh ta bị ói làm bắn hết chiếu ngồi trên xe. Người đánh xe thấy mình đã làm bắn chiếu ngồi, sợ hãi không biết làm sao. Nhưng Bính Cát không hề trách móc, chỉ bảo anh ta lau sạch đồ ô uế trên xe rồi tiếp tục lên đường.

Về đến tướng phủ, quản gia biết việc thì rất tức giận, đánh cho người đánh xe một trận, đồng thời kiến nghị với Bính Cát:

- Thưa đại nhân, tên đánh xe này thật chẳng ra sao, thôi thì hãy đuổi hắn đi.

Bính Cát lắc đầu bảo:

- Không nên làm như vậy. Vì hắn uống say phạm một lỗi nhỏ mà đuổi hắn đi, người bảo hắn đến chốn nào dung thân? Hắn chỉ làm bắn chiếu ngồi của ta thôi, có phải tội lớn gì đâu. Cứ tha cho hắn, ta tin hắn sẽ biết sửa đổi.

Vì thế quản gia mới không đuổi người đánh xe. Người đánh xe biết nhờ lòng đại lượng của thừa tướng nên mình mới giữ được việc làm, lòng vô cùng cảm kích, quyết tâm báo đền. Từ đó càng hết lòng đánh xe, rượu cũng bớt uống đi nhiều.

Người đánh xe vốn là người biên cương, biết rõ sự tình biên phòng báo về. Một lần, anh ta nhìn thấy một viên quan dịch trạm hối hả đi trên đường phố Trường An, đoán biết nhất định là biên cương đã xảy ra chuyện khẩn cấp, bèn vội vã đến dịch quán dò hỏi tin tức, quả nhiên được biết người Hung Nô đã xâm nhập quận Trung và quận Đại, Quận thú ở đó phái người về cấp báo.

Người đánh xe lập tức trở về tướng phủ, báo cáo với Bính Cát tình hình dò hỏi được. Bính Cát biết Tuyên Đế sẽ lập tức triệu mình vào cung thương nghị, nên cho gọi thuộc hạ, cho họ biết rõ tình hình để suy nghĩ đối sách.

Không lâu sau, Hán Tuyên Đế quả nhiên triệu kiến Bính Cát và ngự sử đại phu để bàn chuyện cứu viện. Do Bính Cát đã biết trước thông tin và đã có chuẩn bị, nên rất tự tin, nhanh chóng đề xuất biện pháp cứu viện khả thi. Còn bọn ngự sử đại phu thì vội vã vào cung, không biết một chút thông tin, cũng không thật hiểu tình hình vùng bị xâm nhập, nên nhất thời không biết nói gì, chứ đừng nói đến biện pháp.

Sự tương phản rất rõ ràng. Hán Tuyên Đế khen Bính Cát “biết lo cho biên cương và có tinh thần trách nhiệm với chức vụ”, đồng thời rất không hài lòng với bọn ngự sử đại phu.

Sau khi bãi triều, các đại thần khác đều rất khâm phục Bính Cát, nhưng Bính Cát nói:

- Thực không dám giấu, hôm nay nhờ người đánh xe đã dò hỏi tin tức trước và báo tôi biết, nên tôi mới

có thể chuẩn bị. Ngày trước hấn từng uống say bị ói, làm bắn chiếu ngời trên xe của tôi, tôi tha thứ cho hấn nên hấn mới có hành động ngày hôm nay.

LIÊN HOÀN PHÁ ĐỊCH



Dưới sự lãnh đạo của Spartacus, sau khi lên núi, quân nổi dậy Spartacus trước hết tiến hành tự xây dựng đội ngũ. Những người nổi dậy cùng đốn cây, dựng trại, tập võ, đắp lũy. Đồng thời còn thường xuyên xuống núi tấn công trang trại của chủ nô để bổ sung lương thực, hoặc tập kích các trại lính của vùng La Mã cướp vũ khí. Không lâu sau, xa gần đều biết tiếng của Spartacus, các nô lệ bỏ trốn và dân mất mùa liên tục kéo đến theo đội quân nổi dậy, trong đó còn có rất nhiều phụ nữ, quân số lên đến một vạn người.

Spartacus là một người giỏi tổ chức, lãnh đạo quân chúng đấu tranh, lại thêm ông xuất thân quân ngũ, thông hiểu thao lược quân sự, từ phương trận của Hy Lạp, quân chế của Mithridates đến chiến lược chiến thuật của đoàn quân La Mã, ông đều hiểu rõ. Ông quyết định “lấy gậy ông đập lưng ông”, xây dựng theo hình thức nghiêm mật của đoàn quân La Mã, để quân khởi nghĩa trở thành một đội quân chiến đấu ngoan cường phù hợp với chiến lược chiến thuật. Xét

theo trình độ quân sự lúc bấy giờ, kỵ binh quân La Mã thường được bố trí ở hai cánh của bộ binh, khi tấn công thì xông lên với đội hình dày đặc ba lớp hàng dọc, cũng có thể tản ra tác chiến. Sự phối hợp binh chủng và bố trí chiến trận như vậy quả thực là tiên tiến, như Engel nói: “Quân đội La Mã đã cung cấp chiến thuật bộ binh hoàn thiện nhất trong thời đại chưa biết sử dụng thuốc súng”. Đồng thời, bản thân Spartacus cũng tích cực chỉ đạo mọi người rèn luyện quân sự, học tập các hoạt động tấn công và phòng thủ, chuẩn bị ứng phó sự tấn công của quân đội La Mã.

Ngoài ra, Spartacus còn thực hiện một số chế độ có ý nghĩa sâu sắc trong nội bộ quân nổi dậy, thí dụ toàn bộ của cải cướp được, nếu là thứ thường ngày sử dụng thì chia đều cho mọi người; những thứ tạm thời chưa dùng đến thì sung công bảo quản; không được đụng chạm vào tài sản của dân thường v.v... Những quy định này không chỉ cho thấy Spartacus cực kỳ thông minh, mà còn đóng vai trò tích cực đối với sự phát triển của cả cuộc nổi dậy sau này.

Khi cuộc nổi dậy Spartacus bắt đầu, chính quyền vùng Capua báo cáo cuộc nổi dậy này về La Mã, tuy nhiên không được chính quyền La Mã coi trọng. Vì vào thời La Mã cổ, việc trốn chạy của nô lệ là việc thường xuyên xảy ra, mấy võ sĩ giác đấu hèn kém trốn chạy chẳng có gì đáng phải bận tâm. Huống hồ bản thân chính quyền cũng đang bận bịu với cuộc chiến Ionian Greek of Asia Minor và Tây Ban Nha. Thế nên, chính quyền La Mã đành phải lệnh cho

chính quyền vùng Capua ra sức bắt bớ trong thành, treo cổ hoặc đóng đinh trên giá thập tự các nô lệ bị tình nghi.

Cùng với sự mở rộng không ngừng của đội ngũ quân nổi dậy Spartacus, chiến sự với chính quyền địa phương La Mã cũng không ngừng tăng lên. Thành Campania ở phía nam núi Vesuvius thường xuyên bị quân nổi dậy tập kích, các điền chủ vùng này bị trừng phạt, nô lệ trong trang trại được giải phóng, lôi kéo ngày càng nhiều nô lệ và nông dân cùng khổ chống lại chính quyền. Việc này khiến chính quyền La Mã rất tức giận, lệnh cho chính quyền vùng Capua phải tìm cách diệt trừ “cứ điểm bạo loạn nguy hiểm” này. Viện nguyên lão, cơ quan ra quyết sách của chính quyền La Mã, đồng ý cho chính quyền Capua xuất binh, vì vậy họ hợp với quân đội ở các thành lân cận, do Thống lĩnh Glaber chỉ huy, bùng bùng khí thế tiến đến núi Vesuvius.

Spartacus trầm ngâm trước thế địch, ông cho rằng trận chiến này phải thắng bằng bất cứ giá nào, vì trận đánh đầu có ảnh hưởng rất sâu sắc. Quân địch không hiểu tình hình thực lực của quân nổi dậy, cần phải ra tay trước để giành phần thắng. Ông lợi dụng tâm lý tác chiến kiêu ngạo của quân địch, quyết định áp dụng biện pháp phòng ngự tích cực “dụ địch vào sâu rồi không chế”, lợi dụng địa thế núi để mai phục.

Người La Mã quả nhiên đã xuất chiến với “thái độ miệt thị”, không coi quân nổi dậy ra gì. Khi họ

đi đến chân núi, nhìn thấy những nô lệ “kinh hoảng bỏ trốn”, họ càng tự đắc. Glaber kêu gọi nào biết là kế dụ địch vào lưới, vội lệnh cho bộ hạ truy đuổi. Hơn nghìn quan binh La Mã ồ ạt tiến vào hẻm núi Vesuvius.

Spartacus vui mừng khi thấy địch đã trúng kế, chờ quân địch đã lọt hết vào ổ phục kích, ông hô to một tiếng hạ lệnh, quân nổi dậy mai phục ở hai sườn núi lập tức đứng dậy, ném đá vào quân La Mã. Trong khoảnh khắc mưa đá từ trên trời rơi xuống, quân địch không biết đường nào chống đỡ, không đường bỏ chạy. Trong chốc lát, quân địch kẻ gãy tay gãy chân, kẻ vỡ đầu chân, kêu gào thảm thiết. Khi Glaber biết mình đã bị mai phục thì bị một hòn đá rơi trúng trán, lăn ra chết tốt. Tàn quân địch đành phải buông vũ khí bỏ chạy tìm đường thoát thân.

Trận đầu toàn thắng đã cho thấy tài chỉ huy quân sự của Spartacus, trận chiến này khiến cả vùng Campania rung động.

Chính quyền La Mã hay tin Glaber thảm bại thì vô cùng giận dữ, lập tức quyết định tập trung binh lực, chọn Clodianus – người từng làm pháp quan La Mã, rất lão luyện và giáo hoạt – làm thống soái, dẫn 3000 quân La Mã đến đánh núi Vesuvius.

Mùa xuân năm 73 trước công nguyên, người ngựa của Clodianus ào ào tiến đến chân núi Vesuvius. Clodianus quả là một tay chiến đấu lão luyện, ông ta biết rõ mình ở vào thế yếu so với quân nổi dậy đang chiếm giữ địa hình có lợi, nếu cứ tấn công thì

không thể giành chiến thắng. Thế nên ông ta không vội tấn công, mà quan sát địa hình, nhận thấy bốn mặt núi đều là vách, chỉ có một con đường nhỏ ngoằn ngoèo trước mặt là có thể đi lên đỉnh núi, bèn nảy ra một kế, cho rằng nếu không chế đường núi, vây khốn quân nổi dậy, đến khi lương thực trên núi cạn hết, thì quân nổi dậy sẽ tự phải xuống núi. Ông ta gọi kế này là “mở túi vải bắt chuột”. Vì vậy ông ta cho đóng trại tại chân núi, cắt quân canh giữ đường xuống núi, ngồi đợi các nô lệ không đánh mà tự hàng.

Lúc đó, quân nổi dậy trên núi cũng đang nghiên cứu đối sách. Ban đầu khi được biết quan La Mã đã đến chân núi, Spartacus lệnh cho bộ hạ bày trận chờ đợi, chuẩn bị gỗ, đá còn nhiều hơn lần trước, chờ quân địch tự tìm chỗ chết. Nhưng quân địch lại án binh bất động, bất kể trên núi chửi mắng, khiêu chiến thế nào quân địch cũng giả câm giả điếc. Spartacus cảm thấy đã gặp phải đối thủ mới, ông một mặt kêu gọi mọi người không được hoảng hốt, khắc phục khó khăn bị bao vây tạm thời, mặt khác cũng tích cực tìm biện pháp tác chiến. Spartacus phân tích tỉ mỉ tình hình địch, hiểu rõ dụng ý của quân La Mã, nên nghĩ ra một kế tuyệt diệu biến bị động thành chủ động.

Spartacus phát động các chiến sĩ chặt dây nho dài chắc chắn trên núi, bện thành thang mềm dài. Đồng thời chuẩn bị tốt mọi thứ trước khi xuất trận. Một buổi chiều tối lơ mờ, Spartacus dẫn các chiến sĩ nô lệ nổi dậy dùng thang bện bằng dây nho dài, men theo vách núi, người nọ nối người kia leo xuống, trong

suốt buổi tối, Spartacus dẫn một cánh quân tinh nhuệ ra khỏi vòng vây của địch một cách bí mật, chuyển đến sau lưng địch, từ đó biến tuyến trong bị bao vây thành tuyến ngoài tấn công.

Sáng sớm hôm sau, doanh trại quân La Mã im ắng, quân địch đều đang ngủ say. Bất chợt, tiếng thét vang lên, quân nổi dậy xông vào, trước sự đột kích bất ngờ, quân địch choáng váng quay đầu bỏ chạy. Quân nổi dậy theo hẹn ước, từ trái chuyển sang phải, chia đường đánh địch. Trong chốc lát ánh đao kiếm sáng loáng, gậy gộc bay loạn, tiếng gào thét rền vang. Quân La Mã hoảng hốt, tán loạn. Ban đầu Clodianus còn định tổ chức chống cự, nhưng thấy binh sĩ đã tứ tán, không còn khả năng điều khiển, ông cảm thấy thế lớn đã mất. Lúc đó lại có rất nhiều dao găm phi đến, ông đành phải nhảy lên một con ngựa còn chưa đóng yên, mở một đường máu, mang theo giấc mộng tàn “thắng lợi” còn chưa kịp thực hiện chạy về La Mã.

ĐÁNH VÀO LÒNG NGƯỜI LÀ THƯỢNG SÁCH



Lỗ Kỳ, thủ lĩnh bộ lạc vùng Trang Lãng thời nhà Minh vốn là phó tướng giữ Cam Túc, ông yêu cầu triều đình cho làm đại tướng nhưng không được

chấp thuận. Dựa vào sự lớn mạnh của bộ lạc mình, Lỗ Kỳ thị uy với triều đình, tự ý rời bỏ cương vị, trở về bộ lạc Trang Lãng, không phòng thủ biên giới với lý do con còn nhỏ dại. Trước tình hình này, trong triều có người chủ trương phong ông làm đại tướng, có người chủ trương triệu ông về kinh, phong đất cho ông. Duy chỉ có Thượng thư Lưu Đại Hạ nói:

- Lỗ Kỳ tàn bạo ngang ngược, không biết quản lý dân trong bộ lạc, hấn sẽ chẳng làm gì được đâu. Tuy nhiên hấn lại không hề phạm tội. Nay nếu ban cho hấn quan ấn đại tướng thì không hợp với pháp quy của triều đình; nếu triệu hấn về kinh thành mà hấn không đến thì tổn hại đến sự uy nghiêm của triều đình.

Thế nên mặc kệ y, xa lánh y, ngoài ra biểu dương lòng trung trinh đối với triều đình của tổ tiên y, cho phép y được nhàn nhã ở nhà - cứ thế, Lỗ Kỳ tự thấy vô vị, tâm tình u uất mà chết.

Kiểm quốc công Mộc Triều Bật (trú đóng ở Vân Nam) đã vi phạm quốc pháp, đáng lẽ phải bị bắt, khi thương thảo chuyện này trong triều, mọi người đều cho là khó, đều nói Triều Bật có hàng vạn quân được huấn luyện bài bản, bắt y e khiến binh sĩ bất mãn, khơi dậy sự phản kháng của các dân tộc thiểu số biên cương. Sau khi thăng cấp cho con trai của Triều Bật, Trương Cư Chính phái một sứ giả đi bắt Triều Bật, binh sĩ đều không dám ngăn cản. Đưa Triều Bật về kinh thành, lại thỉnh cầu hoàng thượng miễn tử hình cho ông, rồi giam ông trong đại lao ở

Nam Kinh. Mọi người đều vui mừng với kế sách của Trương Cư Chính.

Biểu dương công tích của tổ tiên Lỗ Kỳ, khiến ông cảm thấy xấu hổ, không thể nói ra ý kiến bất mãn việc triều đình không phong cho ông chức đại tướng. Thăng cấp cho con trai của Triều Bật thì yên được lòng người, cũng khiến nổi lo lắng về gia đình của họ thêm nặng, cột chặt chân tay của đối phương. Trọng điểm xử lý của hai việc này đều là đặt sự yên định của đất nước lên hàng đầu, những việc khác đều là thứ yếu.

NGHI BINH KẾ



Hà Gián Vương Lý Hiếu Cung là con trai của đường huynh (anh con bác) Đường Cao Tổ Lý Uyên. Cao Tổ đánh vào kinh thành Trường An, phong Lý Hiếu Cung làm Tả quang lộc đại phu, không lâu sau lại bổ ông làm Chiêu uý đại sứ đạo Sơn Nam. Ông rất giỏi dùng trí, đến hai vùng Ba, Thục, ông dùng lễ để vỗ về, có hơn 30 châu kéo nhau đến hàng phục. Sau khi đánh bại và bắt được Chu Tương, các tướng đều nói:

- Đây là một tên cướp ăn thịt người, hại người vô số, xin hãy chôn sống hắn.

Lý Hiếu Cung khuyên các tướng:

- Từ đây về phía đông đều là đất giặc cướp kiểm soát, chúng nghe nói đã xử tử Chu Tường thì ai còn chịu ra hàng?

Lý Hiếu Cung xá miễn không giết, vì thế quan lại các châu huyện có công văn khuyên hàng đều kéo đến đầu hàng.

Năm Võ Đức thứ hai (619), Cao Tổ cho Lý Hiếu Cung làm tổng quản Tín Châu. Khi ấy Tiêu Tiển chiếm cứ Giang Lăng, Lý Hiếu Cung hiến kế dẹp Tiêu Tiển cho Cao Tổ, Cao Tổ rất tán thành và áp dụng kế sách của ông.

Năm Võ Đức thứ ba (620), Lý Hiếu Cung được tấn phong làm vương. Tín Châu đổi tên thành Quỷ Châu (nay là phía đông huyện Phụng Tiết – Tứ Xuyên), Lý Hiếu Cung vẫn được bổ làm tổng quản châu này. Ông lệnh cho bộ hạ đóng chiến thuyền lớn, diễn tập thủy chiến với quy mô lớn để diệt Tiêu Tiển khi điều kiện đầy đủ. Lý Hiếu Cung cho gọi con em các trưởng quan hành chính hai quận Ba (nay là Trùng Khánh – Tứ Xuyên), Thục (nay là Thành Đô - Tứ Xuyên), sử dụng họ tùy theo tài năng, ban cho quan chức, sắp xếp họ làm bộ hạ của mình, bề ngoài là đề bạt nhưng thực tế coi họ là con tin.

Không lâu sau, triều đình bổ Lý Hiếu Cung làm Hành quân tổng quản đạo Kinh Tương, thống lĩnh 12 tổng quản của thủy quân, lục quân, xuất phát từ Hiệp Châu (nay là Nghi Xương – Hồ Bắc), tiến quân đến Giang Lăng (nay là huyện Giang Lăng –



Hồ Bắc) đánh Thuỷ Thành thuộc Giang Lăng. Sau khi công chiếm Thuỷ Thành – Giang Lăng, Lý Hiếu Cung ra lệnh thả rải rác các thuyền lấy được trên dòng Trường Giang, để mặc chúng trôi theo dòng nước. Các tướng đến nói:

- Địch lấy được những chiếc thuyền này ắt sẽ đem sử dụng. Sao chúng ta không phá hỏng chúng? Đây chẳng phải là trợ giúp địch hay sao?

Lý Hiếu Cung nói:

- Không phải vậy. Vùng đất Tiêu Tiển quản hạt, nam đến Lĩnh Ngoại (Ngũ Lĩnh trở về nam), đông đến hồ Động Đình. Nếu chúng ta đánh thành thì viện binh địch sẽ tới, chúng ta sẽ hai mặt gặp địch, không đường tiến thoái. Đến khi đó, dù có thuyền cũng có ích gì? Nay các châu trấn ven sông nơi Tiêu Tiển quản hạt bất chợt thấy thuyền trôi loạn theo dòng nước, ắt sẽ nhận định Tiêu Tiển đã chiến bại, không dám mạo hiểm tiến binh. Chúng phái người đến do thám tình hình cũng phải mất mười ngày đến nửa tháng. Dùng cách này để kéo dài thời gian cứu binh của địch đến, khi đó chúng ta chắc chắn sẽ đánh bại Tiêu Tiển.

Quả nhiên không ngoài dự liệu của Lý Hiếu Cung, cứu binh của Tiêu Tiển đến Ba Lăng (nay là Nhạc Dương – Hồ Nam), thấy thuyền trôi loạn trên sông thì nghi hoặc, không dám tùy tiện tiến binh. Khi ấy Tiêu Tiển đang ở trong cảnh cách biệt với bên ngoài, bất đắc dĩ phải ra khỏi thành đầu hàng.

Cao Tổ hay tin mừng lắm, phong Lý Hiếu Cung

làm đại tổng quản Kinh Châu, phái thợ vẽ đến vẽ chân dung ông gửi về kinh thành Trường An cho Cao Tổ xem để thoả nỗi nhớ mong.

BINH BẤT YẾM TRÁ



Ngày 2 tháng 9, tin Villeneuve tiến vào Cadiz truyền đến Luân Đôn. Nelson dự cảm một trận đại chiến sắp bùng nổ. Vì vậy, ông một mặt trình báo cáo chủ chiến lên Bộ hải quân, một mặt sắp xếp hậu sự. Ông dặn người nhà chuẩn bị sẵn chiếc quan tài mà thuyền trưởng Howard tặng cho ông, đồng thời khắc lên đó lời thề quyết tâm hy sinh vì nước của ông. Công văn phê chuẩn của bộ hải quân nhanh chóng gửi đến, Nelson lập tức đến chiếc kỳ hạm Victory (thắng lợi) của ông. Ngày 28 tháng 9, Nelson đến vùng biển Cadiz hội cùng Collingwood và tiếp quản quyền chỉ huy hạm đội. Để Villeneuve không biết ông đã trở lại, ông ra lệnh không treo cờ, không bắn pháo, Gibraltar cũng không đăng các tin tức liên quan. Nelson lặng lẽ trở về hạm đội của mình và được các sĩ quan chào đón nồng nhiệt.

Ngày hôm sau, ông cho gọi mọi thuyền trưởng vào khoang của chiếc kỳ hạm “Victory”, cho họ biết phương án tác chiến mà ông suy tính đã lâu. Chiến thuật ông đưa ra khiến các thuyền trưởng đều vô

cùng phần chấn và đồng thanh khen ngợi. Ngày 9 tháng 10, Nelson chính thức hạ lệnh tác chiến. Ông nhắc lại: Trong trận quyết chiến sắp tới, các thuyền trưởng có thể tùy cơ hành sự, cố gắng áp sát địch, thực hiện quyết chiến, dù không có tín hiệu cũng có thể hành động, chỉ cần như vậy là sẽ giành được thắng lợi. Điều cuối cùng của mệnh lệnh tác chiến, ông đặc biệt nhắc nhở phải nhanh chóng báo cáo từng sĩ quan và binh sĩ tử trận cùng tên gia quyến của người đó cho ông để quyến thuộc của những sĩ quan, binh sĩ hy sinh vì nước này được an ủi và chăm sóc.

Nelson không hổ là một chỉ huy xuất sắc.

Người chỉ huy xuất sắc luôn biết mang lại hy vọng thắng lợi cho binh sĩ, niềm tin tất thắng cho toàn quân. Vì bản thân ông chính là một thứ sức mạnh cổ vũ. Người chỉ huy xuất sắc biết phân tích tình thế một cách khoa học, giảng giải rõ con đường thắng lợi cho cấp dưới, đề ra phương pháp mục tiêu tấn công, như vậy có thể giải tỏa được những nghi hoặc trong đầu sĩ quan và binh lính, tăng cường dũng khí chiến đấu. Người chỉ huy xuất sắc luôn yêu thương binh lính bằng tấm lòng của người cha hiền và làm cho họ cảm thấy hy sinh là một điều cao cả khi sắp ra chiến trường.

Sáng ngày 20 tháng 10 năm 1805, Nelson phát hiện ra hạm đội của Villeneuve, để lừa rấn ra khỏi hang, Nelson không có hành động nào khác ngoài phái một chiếc tuần dương hạm theo dõi chặt chẽ.

Khi đó, Nelson đã điều chỉnh một chút phương án tác chiến ban đầu. Do 6 chiến hạm trong số 331 chiếc tàu bảo vệ cho đội tàu vận chuyển chưa về đội, nên ông huỷ bỏ đội dự bị, nhiệm vụ tấn công kỳ hạm địch của biên đội số 1 do ông đích thân hoàn thành. Biên đội số 2 do Collingwood soái lĩnh, nhiệm vụ không thay đổi.

Sáng sớm hôm sau, hạm đội liên hợp Pháp – Tây Ban Nha xếp thành đội hình chiến đấu, đến vùng biển Trafalgar thuộc Tây Ban Nha. Nelson không nói không rằng, cứ lặng lẽ quan sát sự phát triển của tình thế, mãi đến 6 giờ 10 phút mới hạ lệnh cho hạm đội bắt đầu hành động, “thành hai hàng dọc tuần tự tiến lên”. 12 phút sau, Nelson phát tín hiệu chuẩn bị chiến đấu, toàn bộ hạm đội chăm chăm áp sát hạm đội liên hợp Pháp – Tây Ban Nha. Hai giờ sau, Villeneuve thấy cuộc chiến sắp sửa diễn ra, vội phát lệnh chuyển hướng tàu, hòng trở về Cadiz, nhưng đã muộn. Trong giây phút cuối cùng, tên tướng bất tài này thay đổi kế hoạch hành động, phạm đại kỵ nhà binh, khiến toàn bộ hạm đội của y rơi vào hỗn loạn. Cho đến khi cuộc chiến diễn ra, hạm đội liên hợp Pháp – Tây Ban Nha vẫn chưa hoàn thành việc xếp đội hình chiến đấu.

11 giờ 45 phút, Nelson cho rằng thời cơ tấn công đã đến, bèn phát tín hiệu nổi tiếng của ông trên kỳ hạm: “Nước Anh chờ đợi mỗi quân nhân tận trách!”. Tất cả các tàu Anh lập tức giương cờ phản hồi, toàn quân phấn chấn chiến đấu, nhiệt huyết dâng trào.

Biên đội của Collingwood lao vào chiến đấu trước tiên. Tuy nhiên, biên đội này không giữ được đội hình như mong muốn, cuộc tấn công được tiến hành tương đối hỗn loạn. Chiếc kỳ hạm “Sovereignty” (chủ quyền) của Collingwood bị 7 chiếc tàu địch tấn công dữ dội trong một khoảng thời gian, nhưng nó vẫn đột phá được phòng tuyến của chiếc tàu Pháp “Exciting” và tàu Tây Ban Nha “Santa Ana”. Không lâu sau, tám chiếc tàu Anh khác theo sau hoàn thành việc đan xen, cắt đứt sự liên hệ trước sau của hạm đội liên hợp Pháp – Tây Ban Nha. Chiến hạm hai bên đan xen vào nhau, một cuộc cận chiến dữ dội bắt đầu. Trong chiến đấu, biên đội Collingwood bị tổn thất nặng nề, chiếc tàu “Sovereignty” may được cứu thoát sau khi mất kiểm soát, binh sĩ trên tàu tử thương nặng nề. Nhưng thủy binh quân Anh được huấn luyện bài bản, anh dũng ngoan cường; hỏa pháo bắn nhanh, tỷ lệ bắn trúng cao, còn phát huy được ưu thế bắn đồng thời của hai khẩu hỏa pháo, khiến hậu vệ của hạm đội liên hợp Pháp – Tây Ban Nha trúng đạn pháo hư hỏng nặng. 3 giờ chiều, khi chiếc quân hạm cuối cùng của Collingwood tiến vào tác chiến, toàn cuộc chiến đã gần đến hồi kết. 10 chiếc tàu địch đầu hàng, 1 chiếc bị bắn chìm, chỉ có 4 chiếc chạy thoát, trong đó một chiếc chở chủ tướng Tây Ban Nha đang bị trọng thương.

Biên đội Nelson lao vào chiến đấu muộn hơn. Biên đội của ông giữ khoảng cách nhất định và chạy song song với biên đội tiên phong của địch. 12 giờ 17 phút, ba chiếc tàu chiến do Nelson dẫn đầu bất chợt

rẽ phải, lao vào bộ phận kết hợp giữa biên đội tiên phong và biên đội trung ương của địch. Chiếc chiến hạm kiểu mới của Nelson được trang bị rất nhiều pháo hành trình ngắn nòng lớn phù hợp với cận chiến, vì thế, để phát huy hết sở trường của mình, Nelson dẫn tàu nhanh chóng áp sát tàu địch. Quân Pháp cũng ghê gớm, chống lại sự tấn công của quân Anh bằng hoả pháo dữ dội, cuộc chiến đấu khốc liệt nhất bùng nổ ở đây.

Như thường lệ, chiếc tàu “Victory” của Nelson treo mấy lá cờ tư lệnh bắt mắt trên cột buồm chính. Do rõ rệt nên nó trở thành mục tiêu chủ yếu của pháo kích địch. 12 giờ 50 phút, cuối cùng Nelson đã phát hiện trên cột buồm trước một chiếc tàu boong hai tầng có treo cờ tướng của tư lệnh Villeneuve thuộc hạm đội liên hợp Pháp – Tây Ban Nha, nó chính là tàu “Bucentaure”. Đường hẹp gặp nhau, kẻ dừng thắng. Nelson lập tức đâm thẳng vào kỳ hạm địch, rất nhiều đạn pháo xuyên qua cửa sổ khoang tàu Bucentaure nổ bên trong khoang, khiến chiếc tàu này thiệt hại nặng nề. Đồng thời, các tàu khác của Nelson đang tự chiến đấu theo lệnh ông. 2 giờ 5 phút chiều, trong sự giáp kích của ba chiếc tàu Anh khác, Villeneuve cuối cùng không chống đỡ nổi, lệnh cho tàu Bucentaure hạ cờ đầu hàng.

Niềm tin “Nước Anh chờ đợi mỗi quân nhân tận trách” đã giúp Nelson tránh được cái chết trong cuộc chiến đấu. Bất chấp đạn bay vèo vèo, khói súng mịt mù, ông đã khích lệ sĩ quan và binh lính của mình, kiên trì chỉ huy trên tàu. Ông mặc lễ phục thường,

ngực trái đeo 4 tấm huân chương. Bác sĩ, mục sư và các tùy viên của ông trên tàu luôn khuyên ông thay quần áo để tránh bị các tay súng địch phát hiện, ông cũng kiên quyết từ chối. Ông nói:

- Tôi đã nhận được chúng từ trong chiến đấu thì cũng phải cùng chung số phận với chúng trong chiến đấu.

Tử thần chiến tranh luôn ở bên mình Nelson. 1 giờ 15 phút chiều, một tay súng Pháp phát hiện ra Nelson trên ngọn buồm sau của chiến hạm, tiếp đó một phát đạn bắn trúng vai trái Nelson. Viên đạn xuyên qua vai trái đi vào ngực. Ông không muốn các sĩ quan và binh sĩ thấy mình bị thương, nên dùng khăn tay che mặt và huân chương của mình. Mọi người lập tức khiêng ông xuống khoang cấp cứu. Nelson biết mình sắp từ giã cõi đời, nên dặn dò hậu sự và bắt các bác sĩ phải chăm sóc cho các thương binh khác. Ông nhịn đau để giữ cho thần sắc bình thường, còn liên tục yêu cầu mọi người báo cáo tình hình chiến sự. Mỗi khi có tiếng hò reo của binh sĩ bắn trúng tàu địch vang đến, khóe mắt ông lại lộ ra niềm vui khôn tả. 4 giờ 30 phút chiều, Nelson ngừng thở. Lời cuối cùng ông để lại trước khi mất là:

- Cảm tạ Thượng đế, con đã làm tròn trách nhiệm của mình!

Đúng lúc đó, sự chống cự của biên đội tiền vệ hạm đội liên hợp Pháp – Tây Ban Nha bị bóp vụn, tiếng pháo cuối cùng đã tắt.

Hoàng hôn sắp đến, mặt biển gió lớn thổi tới, suốt

bốn ngày, tàu Pháp – Tây Ban Nha bị bắn trúng trong trận hải chiến đa số bị chìm, chỉ có bốn chiếc may mắn thoát nạn. Nhưng hạm đội Anh sau thử thách của trận hải chiến và gió bão lại không thiệt hại chiếc quân hạm nào. Theo thống kê sau trận chiến, trong cả trận hải chiến Trafalgar, trong số các chiến hạm của hạm đội liên hợp Pháp – Tây Ban Nha, có 12 chiếc bị quân Anh bắt giữ, 8 chiếc bị tiêu hủy, 13 chiếc chạy thoát, trận vong 4.395 người, bị thương 2.538 người.

Trong cuốn *“Lịch sử châu Âu hiện đại”*, tác giả viết: “Thứ giành được trong trận hải chiến Trafagal không chỉ là thắng lợi vĩ đại nhất trên biển, mà còn là thắng lợi nổi tiếng nhất và vĩ đại nhất trong mọi thắng lợi giành được suốt thời kỳ chiến tranh cách mạng”. Trận hải chiến Trafagal là một cuộc chiến “đẹp” lấy ít địch nhiều trong lịch sử hải chiến tàu buồm, cũng là trận hải chiến có quy mô lớn nhất trong suốt thế kỷ 19. Trận hải chiến này kết thúc với thắng lợi triệt để của hạm đội Anh. Do chủ lực hải quân Pháp bị tiêu diệt trong trận hải chiến này, nên kế hoạch muốn chiếm lĩnh lãnh thổ Anh của Napoleon cũng phá sản. Ý nghĩa quan trọng của trận hải chiến này còn ở chỗ từ đây nó hoàn toàn xác lập địa vị bá chủ trên biển của nước Anh, đồng thời giúp ưu thế trên biển này kéo dài suốt một thế kỷ.

CƯỜNG NHU KẾT HỢP



Montgomery là một chỉ huy cao cấp trong quân đội, thiên tài chỉ huy được thể hiện toàn diện lần đầu tiên tại trận chiến trọng đại trong thế chiến thứ hai – Trận El Alamein. Trong trận chiến này, ông đã chỉ huy thành công Tập đoàn quân số 8 của Anh đánh bại “Quân đoàn châu Phi” do Thống chế Đức Rommel – người được mệnh danh là “con cáo sa mạc” – chỉ huy, xoay chuyển cục diện bất lợi thất bại liên tiếp trên chiến trường của quân Anh.

Năm 1939, từ khi Thế chiến thứ hai bùng nổ, quân Đức có những tiến triển nổi bật trên các chiến tuyến. Theo ý tưởng chiến lược của Hitler, y dự tính sẽ nhanh chóng hợp lực với người Nhật trên bờ biển Ấn Độ Dương. Để đáp ứng nhu cầu chiến tranh, quân Đức rất muốn chiếm lĩnh khu vực Bắc Phi và Trung Đông có rất nhiều dự trữ quân nhu. Đầu năm 1941, Ý liên tiếp thất bại trên chiến trường Bắc Phi, đáp ứng thỉnh cầu của Mussolini, Hitler phái Rommel đang tràn đầy khí thế dẫn hai sư đoàn tăng viện cho chiến trường Bắc Phi.

Rommel là chiến tướng rất được Hitler coi trọng. Ông theo Hitler nhiều năm, thiên tư thông minh, có mưu lược, kinh nghiệm tác chiến phong phú. Trong Thế chiến thứ nhất, ông nhiều lần lập chiến công.

Kể từ Thế chiến thứ hai, ông càng chứng tỏ tài năng trên chiến trường châu Âu. Sư đoàn thiết giáp số 7 do ông chỉ huy được mệnh danh là “Sư đoàn ma” do tốc độ chớp nhoáng và tính bất ngờ khi nó làm nhiệm vụ được giao. Đầu năm 1941, Rommel đến tiền tuyến Lybia, dưới sự chỉ huy của ông, quân đội Đức – Ý nhanh chóng xoay chuyển tình thế bất lợi trên chiến trường. Lợi dụng cơ hội Anh điều chỉnh binh lực, ông liên tiếp tổ chức tấn công. Ngày 8 tháng 4 công chiếm Darnah, ngày 10 bao vây Tobruk, ngày 15 tháng 10 công chiếm Sallum trên biên giới phía tây Ai Cập. Chỉ mấy tháng đã xóa bỏ toàn bộ chiến quả của quân Anh. Rommel khi đó danh tiếng lẫy lừng, được mệnh danh là “con cáo sa mạc”. Đầu năm 1942, tình thế ở Địa Trung Hải lại nảy sinh biến động, quân Đức giành được quyền kiểm soát biển, Quân đoàn châu Phi của Rommel có thể trực tiếp nhận được rất nhiều viện trợ quân sự từ trên biển. Ngày 21 tháng 1, Quân đoàn châu Phi lại tổ chức tấn công, liên tiếp phá vỡ các trận địa của quân Anh, ngày 28 chiếm được Benghazi, ngày 7 tháng 2 đến Gazala, ngày 21 tháng 6 công chiếm Tobruk, một lần nữa giành được rất nhiều vật tư quân nhu. Tiếp đó Rommel chỉ huy tấn công Ai Cập, tháng 7 đến vùng El Alamein.

Ngày 1 tháng 7 năm 1942, tập đoàn quân số 8 của Anh vốn luôn bị Quân đoàn châu Phi của Rommel đánh bại từ sa mạc Bắc Phi rút đến vùng El Alamein cách châu thổ sông Nil 100 cây số. Mặc dù toàn quân đã chống cự anh dũng, nhưng vẫn đối mặt với nguy

cơ thất bại. Khi đó Thủ tướng Anh Churchill đang hội đàm với Tổng thống Roosevelt tại Washington, hay tin vô cùng lo lắng. Từ khi quân Anh tham chiến, dù quân Anh nhiều lần bị đánh bại, nhưng chưa bao giờ khiến ông đứng ngồi không yên như lần này. Ông thấy rằng, nếu quân Đức lại phá vỡ phòng tuyến một lần nữa và tiến vào Ai Cập, rồi đến kênh đào Suez, sau đó đả thông Iran, Pakistan, thì cánh nam của người Nga sẽ bị đe dọa, hạm đội của Ý và Đức sẽ có thể tự do ra vào Biển Đỏ, kiểm soát đường biển Nam Phi, thâm nhập Ấn Độ Dương. Như thế sẽ không có bất kỳ sức mạnh nào có thể ngăn cản được việc hợp lực của Đức và Nhật. Ngày 4 tháng 8, Churchill bay đến Cairo, tước quyền chỉ huy Tập đoàn quân số 8 của Auchinleck, bổ nhiệm Montgomery làm tư lệnh Tập đoàn quân này, đồng thời lệnh cho Tướng quân Alexander làm Tổng chỉ huy chiến trường Trung Đông. Ông hạ lệnh, đánh bại Quân đoàn châu Phi của Rommel bằng bất cứ giá nào.

Ngày 10 tháng 8 Montgomery bay đến Cairo, kiến nghị Alexander xây dựng một đội quân hậu bị cơ động để giúp toàn tuyến phản kích. Ngày 15 tháng 8 ông đến tiền tuyến sa mạc tiếp quản Bộ tư lệnh Tập đoàn quân số 8, huỷ bỏ mọi mệnh lệnh cho tập đoàn quân số 8 chuẩn bị rút lui trước đó, đồng thời tước bỏ chức vụ của ban chỉ huy ý chí mềm yếu. Ông ra lệnh cho quân đội, không được rút lui trong bất kỳ trường hợp nào; ông kêu gọi binh lính “tấn công quân địch và tiêu diệt chúng”. Để nắm chắc phần thắng, Montgomery đã nghiên cứu kỹ lưỡng chiến

thuật nhất quán của Rommel, ông nhận thấy thủ pháp mà Rommel quen dùng là để cho xe tăng quân Anh đánh trận đầu trước rồi mới phát động tấn công, còn ông thì tập kết xe tăng ở phía sau. Trước tiên ông dùng hỏa lực xe tăng đẩy lùi quân Anh rồi mới đưa đội thiết giáp vào chiến đấu, như thế sẽ đạt được hiệu quả chiến lược lấy nhu khắc cương rồi lấy cương chế nhu. Montgomery quyết định lấy gậy ông đập lưng ông. Ông một mặt lệnh cho cấp dưới tăng cường công sự phòng ngự, mặt khác tích cực chuẩn bị sức mạnh không trung để oanh kích và phá hoại quân thiết giáp của quân Đức. Ông lệnh cho trận địa tuyến đầu, cứ phát hiện xe tăng Đức nhắm nhe đột phá là đánh mạnh, quân Anh còn được trang bị rất nhiều vũ khí chống tăng kiểu mới. Như thế căn cứ vào phân tích và nghiên cứu các thông tin tình báo cũng như phán đoán về khả năng tấn công của Rommel, Montgomery đã tổ chức trận địa một cách có mục tiêu, quyết tâm đánh bại “con cáo sa mạc”.

Ngày 20 tháng 8, Rommel ngạo mạn bắt đầu tấn công. Đội tiên phong của quân Đức bắt đầu gỡ mìn hòng cho xe tăng có thể lao thẳng vào. Montgomery trước đó đã thấy rõ ý đồ của quân Đức, ông lệnh cho không quân hoàng gia oanh kích phá hoại xe tăng Đức, sau đó bắn quét bộ binh gỡ mìn với mật độ dày đặc. Quân Đức nhanh chóng rơi vào cạm bẫy tử vong. Sư trưởng Sư đoàn tăng thiết giáp 11 tử trận, Quân trưởng Quân đoàn châu Phi bị thương. Rommel buộc phải thay đổi kế hoạch, làm chậm cuộc tiến quân đến cảng Alexandria và Cairo, chuyển sang

coi Alam Halfa là mục tiêu tấn công trực tiếp, trên chiến tuyến chật hẹp này, Rommel đổ vào toàn bộ lực lượng gồm Sư đoàn tăng thiết giáp số 65, số 21 cùng Quân đoàn số 19 và số 20. Mặc dù đã đột phá được hai khu vực gài mìn của quân Anh, tiến được 7 dặm, nhưng bị bãi mìn thứ ba ngăn cản, khiến phần lớn xe tăng bị tê liệt, kết quả bị hoả pháo và oanh kích không quân của Anh. Đến hoàng hôn, quân Đức buộc phải rút lui.

Ngày 1 tháng 9, quân xe tăng của Đức lại tấn công lữ đoàn tăng thiết giáp số 22 của Anh và buộc phải rút lui sau khi bị thương vong nặng nề. Cuộc tấn công buổi chiều lại bị Sư đoàn tăng thiết giáp số 10 nấp trong công sự đánh trả dữ dội. Lúc này Montgomery tập trung binh lực, khép chặt vòng vây đối với quân xe tăng và pháo binh của Quân đoàn châu Phi. Khi màn đêm buông xuống, quân Anh xuất kích rất nhiều oanh tạc cơ bay đêm oanh kích liên tục trong thời gian dài. Rommel không còn chống đỡ nổi, buộc phải chuyển sang phòng ngự chiến lược. Montgomery quyết định tấn công tiêu diệt địch quy mô lớn trên tuyến El Alamein.

Để kìm chế chủ lực quân Đức, không cho chúng thoát, Montgomery không phát động tấn công trong thời gian dài. Ông kiên trì không đánh trận mà không nắm chắc, ông cho rằng các tướng sĩ thuộc Tập đoàn quân số 8 tuy đã đánh bại quân Đức, nhưng sĩ khí của đoàn quân vẫn cần phải chỉnh đốn chặt chẽ, ông quyết định tổng tấn công địch vào đêm thượng huyền tháng sau. Trong khoảng thời gian

này, Montgomery đã thực hiện hàng loạt hành động nghi binh địch, khiến Rommel phán đoán sai tình thế, cho rằng quân Anh sẽ đột kích từ phía nam, nên chủ lực quân Đức tập trung đến trận địa phía nam. Montgomery quyết định chia ba đường đồng thời xuất kích, đơn vị chủ công ở trận địa phía bắc quân Đức. Quân đoàn 3 đảm nhận nhiệm vụ chủ công nhằm mục đích đột phá phòng tuyến quân Đức, mở hai đường thông. Đường nam có hai địa điểm tấn công, quân đoàn 13 đảm nhận nghi binh, thu hút quân xe tăng chủ yếu của quân Đức. Montgomery thay đổi cách đánh truyền thống, áp dụng chiến thuật sa mạc mới, đó là “trình tự nghiền nát”. Giai đoạn đầu tấn công, sẽ tiến hành oanh kích và pháo kích quy mô lớn từ không trung và trên bộ để đánh phá trận địa pháo binh quân Đức, tiếp đó tấn công trận địa bộ binh, cuối cùng sử dụng đội tăng thiết giáp hùng mạnh cắt đứt quân thiết giáp với quân phi thiết giáp của quân Đức, chia ra để diệt.

9 giờ 40 phút ngày 23 tháng 10, cuộc tổng tấn công bắt đầu. Toàn bộ một nghìn hòng đại pháo trên phòng tuyến El Alamein của quân Anh đồng thời khai hoả vào trận địa quân Đức, đại pháo quân Đức tổn thất nặng nề. Tiếp đó hoả pháo chuyển hướng sang trận địa tuyến đầu của quân Đức, sau đó Quân đoàn 30 của quân Anh tấn công địch dữ dội. 5 giờ 30 phút sáng, mục tiêu tấn công giai đoạn 1 của quân Anh đã cơ bản được thực hiện, đã thông hai hành lang. Xe tăng quân Anh đi qua vùng gài mìn thuận lợi, phát động tấn công mãnh liệt. Theo

kế hoạch của Montgomery, một cánh quân liên tiếp xuất kích. Trên chiến trường người đông đúc, máy bay, đại pháo, xe tăng nhất tề tiến về trận địa quân Đức. Mặc dù quân đội Đức – Ý chống trả ngoan cường, nhưng cuối cùng buộc phải vừa đánh vừa rút lui vì tổn thất nặng nề.

Đầu tháng 11, quân tăng thiết giáp Anh xông vào chỗ hổng trận địa quân Đức đã bị xé tang, đồng thời triển khai theo hình dải quạt, hình thành thế bao vây quân Đức bị chia cắt. Để tránh bị tiêu diệt hết, Rommel quyết định rút quân. Tuy nhiên, ngày 3 tháng 11, Hitler hạ lệnh: “Tình thế yêu cầu các bạn phải tử thủ ở trận địa El Alamein cho đến người lính cuối cùng. Không được phép rút lui, dù chỉ một cm cũng không được phép rút lui. Không thắng lợi thì thà chết!”. Rommel biết đây là mệnh lệnh hoang đường đẩy quân đội vào chỗ chết, nhưng ông đã phục tùng. Tư lệnh Quân đoàn châu Phi, tướng Von Thomas bức tức nói:

- Tôi không thể chịu được mệnh lệnh này của Hitler.

Sau đó ông rút 30 chiếc xe tăng cùng tàn quân của Quân đoàn châu Phi về phía tây. Rommel nhắm mắt làm ngơ trước sự việc này, ông tự biết thế lớn đã mất. Trên chiến trường chất đồng xe tăng bị bắn cháy, xe thiết giáp bị tàn phá, đại pháo bị oanh kích, cả sa mạc biến thành nơi vùi thây của quân đoàn châu Phi lừng lẫy một thời. Sau 12 ngày kịch chiến, quân đội phe trục cuối cùng rút lui toàn tuyến.

Montgomery đã thực hiện được mục tiêu đặt ra trước trận chiến của ông, “Chúng ta sẽ đánh tan Rommel và quân đội của y, đồng thời đuổi hết chúng ra khỏi châu Phi”.

Trận El Alamein thắng lợi! Trận chiến này không chỉ thiệt hại nặng nề cho 6 vạn người, 350 chiếc xe tăng và hàng trăm khẩu đại pháo của quân đội Đức – Ý, mà còn chinh phục được “con cáo sa mạc” lầy lừng một thời – Rommel. Xét theo xu thế toàn cuộc chiến, trận El Alamein là bước ngoặt kể từ khi quân đồng minh tuyến tây tuyên chiến với Đức. Churchill chỉ ra: “Trước trận El Alamein chúng ta đánh đâu thua đó; sau trận El Alamein chúng ta đánh đâu thắng đó”.

Nhờ chiến công hiển hách, Montgomery được thăng làm Thượng tướng, được trao tặng huân chương kỵ sĩ Bath, còn được phong làm Tử tước El Alamein.

NHÌN LỬA CÁCH BỜ



Năm 1926, sau khi quân bắc phạt tấn công Vũ Hán, tháng 1 năm 1927, Chính phủ quốc dân Quảng Châu di chuyển lên bắc đến Vũ Hán, sử gọi là chính phủ quốc dân Vũ Hán, với Uông Tinh Vệ làm Chủ tịch Chính phủ, tự xưng là Chính phủ quốc dân chính



thống; tháng 4 cùng năm, sau khi Tưởng Giới Thạch phát động chính biến phản cách mạng “Tứ Nhất Nhị” (tức ngày 12 tháng 4), một chính phủ quốc dân khác được thành lập ở Nam Kinh với Tưởng Giới Thạch làm Tổng tư lệnh. Hồ Hán Dân làm Chủ tịch Chính phủ quốc dân. Chính phủ Nam Kinh phủ nhận địa vị hợp pháp của Chính phủ Vũ Hán, Uông Tinh Vệ của Chính phủ Vũ Hán thì tuyên bố tước bỏ chức vụ Tổng tư lệnh của Tưởng Giới Thạch bằng danh nghĩa Chủ tịch Chính phủ quốc dân, phía Vũ Hán chuẩn bị tổ chức “quân đông chinh” để thảo phạt Chính phủ Nam Kinh, hạ bệ Tưởng. Hệ Tân Quế của nội bộ Chính phủ Nam Kinh cũng rất bất mãn với Tưởng Giới Thạch, cũng ép Tưởng từ chức, dưới sức ép cả trong lẫn ngoài, Tưởng Giới Thạch quyết định từ chức.

Ngày 13 tháng 8 năm 1927, Tưởng Giới Thạch rời Nam Kinh đến Thượng Hải. Ngày 14, Tưởng Giới Thạch phát biểu “tuyên ngôn từ chức” của ông tại Thượng Hải, cùng ngày trở về quê nhà Khê Khẩu – Phụng Hoá.

Tưởng Giới Thạch từ chức không có nghĩa là ông rút khỏi vũ đài chính trị, đối với Tưởng, từ chức là mưu lược chính trị lấy lùi làm tiến, nhìn lửa cách bờ của ông. Ông phải tránh sự công kích của phe Uông Tinh Vệ, phe Hội nghị Tây Sơn và sự chèn ép của hệ Tân Quế, ông phải chờ đợi thời cơ, lặng lẽ quan sát sự đấu đá giữa ba phe và vùng dậy khi thời cơ thích hợp.

Khi đó nội bộ Quốc dân đảng có bốn phe: Một là phe Hội nghị Tây Sơn; hai là phe Ôn Đình Vệ; ba là phe Tưởng Giới Thạch; bốn là hệ Tân Quế đứng đầu là Lý Tông Nhân. Tưởng Giới Thạch không từ chức thì ba phe còn lại đều phản đối ông; nay Tưởng đã rút lui, ở địa vị tự do, phe phe sẽ đấu đá nhau, Tưởng Giới Thạch sẽ có thể toạ sơn quan hổ đấu, nhìn lửa cách bờ, chờ cho ba phe suy yếu sẽ xuất hiện với bộ mặt của bậc công chính thu dọn tàn cục.

Sự thực phát triển sau đó là: Sau khi Tưởng Giới Thạch rút lui, phía Vũ Hán không còn “đông chinh” nữa, phe Hội nghị Tây Sơn, phe Ôn Đình Vệ và Chính phủ Nam Kinh tạm thời “thống nhất”. Tháng 9, tại Nam Kinh, ba phe hiệp thương thành lập một Ủy ban đặc biệt gồm 32 người làm cơ quan lâm thời trung ương, thực hiện chức quyền trung ương. Ôn Đình Vệ vốn muốn một mình nắm đại quyền sau khi Tưởng Giới Thạch từ chức, kết quả hệ Tân Quế và phe Hội nghị Tây Sơn liên hợp lại đối phó Ôn Đình Vệ khiến địa vị chính thống của ông bị phủ quyết, Ôn Đình Vệ chỉ được làm một uỷ viên trong Ủy ban đặc biệt.

Không giành được quyền lực, Ôn Đình Vệ rất tức giận, ngày 18 tháng 9 thành lập Ủy ban đặc biệt, không lâu sau ông trở về Vũ Hán, hợp tác với Đường Sinh Trí thành lập Phân hội chính trị Vũ Hán. Chính phủ Nam Kinh lệnh cho Ôn Đình Vệ huỷ bỏ Phân hội chính trị Vũ Hán, phục tùng thống nhất, phía Vũ Hán làm ngơ. Thế nên hai phe giao

chiến, hệ Tân Quế của Lý Tông Nhân đánh bại quân đội của Đường Sinh Trí, chiếm lĩnh Vũ Hán.

Thấy hai bên giao chiến, Tưởng Giới Thạch vô cùng mừng rỡ, lửa đã cháy, nhưng ông cho rằng vẫn chưa đủ lớn, chưa phải thời cơ xuất núi, nên ông sang Nhật.

Uông Tinh Vệ thấy Đường Sinh Trí thất bại, bèn chạy đến Quảng Châu, lại thành lập Chính phủ Quảng Châu.

Ngày 10 tháng 11, Tưởng Giới Thạch từ Nhật về nước.

Trong lúc nguy nan, ngày thứ hai sau khi Tưởng Giới Thạch về nước, Uông Tinh Vệ bèn tổ chức diễn thuyết ở Quảng Châu, tỏ ý sẵn sàng hợp tác với Tưởng Giới Thạch. Từ ép Tưởng từ chức cho đến hợp tác với Tưởng, ý đồ của Uông Tinh Vệ là lợi dụng Tưởng Giới Thạch để đối phó với hệ Tân Quế của Lý Tông Nhân.

Hệ Tân Quế sợ Uông, Tưởng liên hợp nên cũng tích cực chìa bàn tay hữu nghị với Tưởng Giới Thạch, kiến nghị ba bên Chính phủ Nam Kinh, Chính phủ Quảng Châu và Tưởng Giới Thạch tổ chức hội nghị tại Thượng Hải.

Việc Tưởng Giới Thạch từ chức đã khiến nội bộ Quốc dân đảng hỗn loạn, Trương Tác Lâm phát động thế công về phía Phùng Ngọc Tường, Diêm Tích Sơn ở phương bắc, Phùng, Diêm chịu sức ép rất lớn, đều kêu gọi Tưởng Giới Thạch nhanh chóng phục chức.

Như thế, Tưởng Giới Thạch bỗng chốc trở thành “người cực tốt” mà các thế lực đều cần, ngoại trừ phe Hội nghị Tây Sơn không mắc nợ ông, các phe phái trong nước đều lấy lòng ông. Vô hình trung phe Hội nghị Tây Sơn bị cô lập, nên Tưởng Giới Thạch một tay vạch ra kế hoạch hành động lật đổ phe Hội nghị Tây Sơn.

Ngày 22 tháng 11, Nam Kinh tổ chức “khánh chúc thảo đường đại hội”, trong đại hội có người phát biểu bài diễn thuyết “đả đảo phe Hội nghị Tây Sơn”. Sau đại hội thì tổ chức diễu hành, khi đội ngũ diễu hành đến cầu Phục Thành, tiếng súng rền vang, 10 người chết, hơn 20 người bị thương, hung thủ bỏ trốn. Sau sự việc, các nơi phát động phong trào phản đối “thảm án 22 tháng 11”, tố cáo vụ thảm án này do Cát Kiến Thời - Thường uỷ đảng bộ tỉnh Giang Tô, một người thuộc phe Hội nghị Tây Sơn – gây ra, yêu cầu trừng phạt hung thủ Cát Kiến Thời, phát động “chinh thảo” đối với phe Hội nghị Tây Sơn.

Trên thực tế, vụ thảm án này do một tay Tưởng Giới Thạch sai khiến Trần Quả Phu gây ra.

Sau sự kiện này, phe Hội nghị Tây Sơn rơi vào thế bị thăm vắn, mất đi mọi quyền phát ngôn.

Trong thời gian Tưởng Giới Thạch từ chức, phe Ưông Tinh Vệ, phe Hội nghị Tây Sơn bị lật đổ, chỉ còn lại hệ Tân Quế.

Ngày 3 tháng 12, Hội nghị dự bị cho Đại hội toàn quốc lần thứ 4 khoá 2 của Quốc dân đảng tổ chức tại Thượng Hải, Chính phủ Nam Kinh của hệ Tân

Quế, Chính phủ Quảng Châu của hệ Uông và phe Hội nghị Tây Sơn đều tham gia. Ba phe tranh cãi gay gắt, hệ Tân Quế lên án Uông Tinh Vệ, để bảo vệ mình, Uông Tinh Vệ đề xuất:

- Chỉ có xin hội nghị dự bị ngay ngày hôm đó thúc giục Tưởng Giới Thạch tiếp tục chấp hành chức Tổng tư lệnh quân cách mạng quốc dân mới là nhiệm vụ cấp bách để giải quyết các vấn đề Đảng vụ, chính vụ và quân sự.

Lý Tông Nhân vội tuyên bố với báo giới rằng Uông Tinh Vệ ủng hộ Tưởng rồi lại phản Tưởng là thái độ thất thường, chỉ có mình là nhất quán ủng hộ Tưởng.

Hội nghị dự bị đại hội toàn quốc lần thứ 4 khoá 2 đã thông qua nghị quyết cho Tưởng Giới Thạch phục chức, đồng thời quyết định tổ chức đại hội toàn quốc lần thứ 4 khoá 2 tại Nam Kinh vào tháng 1 năm 1928, cùng đề cho Tưởng Giới Thạch trừ bị. Như thế, Tưởng Giới Thạch lại bước lên vũ đài chính trị.

Uông Tinh Vệ đã ra sức cho việc Tưởng Giới Thạch trở lại sân khấu chính trị, nhưng Tưởng Giới Thạch không nể mặt, mà ép ông rời khỏi Thượng Hải với thiện ý “khuyến cáo”. Uông Tinh Vệ hết cách, đành phải vong mệnh ở nước Pháp, đây là điều Uông Tinh Vệ không bao giờ ngờ tới.

Trong thời khắc then chốt, Tưởng Giới Thạch lấy lùi làm tiến, khiến ba phe trong nước đấu đá triệt hạ nhau, còn bản thân ông thì ngồi vào thế ngư ông đắc lợi, không chỉ giúp ông trở lại vũ đài chính trị,

mà còn đuổi được Ưng Tinh Vệ, có thể nói là mưu cao kế hiểm, thâm độc giáo hoạt.

DƯƠNG ĐÔNG KÍCH TÂY



Tháng 2 năm Kiến An thứ năm, Viên Thiệu chuẩn bị xuống nam vượt Hoàng Hà đánh Hứa Đô diệt Tào Tháo, phái đại tướng Nhan Lương làm tiên phong dẫn quân tấn công Thái thú Đông Quân là Lưu Diên trú đóng ở Bạch Mã.

Khi ấy, Viên Thiệu đã thôn tín Công Tôn Trợ, sở hữu địa bàn Thanh Châu, Dục Châu, U Châu, Bính Châu và mười vạn quân đội, thế lực rất lớn.

Tướng lĩnh dưới trướng Tào Tháo hay tin Viên Thiệu sắp đến đánh Hứa Đô, đều cho rằng khó chống lại. Tào Tháo nói:

- Ta hiểu con người Viên Thiệu, chí hướng lớn mà tài trí thấp, bề ngoài mạnh mà gan nhỏ, đồ kỵ hà khắc mà thiếu uy nghiêm, binh sĩ nhiều mà thuộc hạ không khôn, tướng lĩnh kiêu ngạo mà chính lệnh bất nhất. Bởi thế đất hấn tuy rộng, lương thực tuy nhiều nhưng chỉ để dành cho chúng ta dùng mà thôi.

Nói thì nói vậy, nhưng quân do thám cho biết, Bạch Mã đã bị quân Nhan Lương vây chặt, tình hình rất nguy cấp. Một khi Bạch Mã thất thủ thì tình thế

sẽ cực kỳ bất lợi. Vì vậy Tào Tháo quyết định giải vây cho Bạch Mã trước.

Mưu sĩ Tuân Du nói với Thào Tháo:

- Nay chúng ta binh lực không bằng Viên Thiệu, nếu trực tiếp đi cứu Bạch Mã ắt sẽ không địch lại hắn. Do đó cần phân tán binh lực của hắn.

Tào Tháo nói:

- Tiên sinh nói đúng! Nhưng làm sao phân tán được binh lực của hắn?

Tuân Du nói:

- Thừa tướng có thể dẫn quân sang tây đến Diên Tân, đánh tiếng rêu rao là vượt Hoàng Hà đánh hậu phương của Viên Thiệu, như thế Viên Thiệu ắt sẽ chia binh đến chống lại chúng ta. Sau đó chúng ta phái quân kỵ bất chợt đi cứu Bạch Mã, đánh cho hắn trở tay không kịp, có thể phá được quân Nhan Lương.

Tào Tháo nghe xong cả mừng, lập tức áp dụng mưu kế của Tuân Du. Tiến quân đến Diên Tân, dọc đường đi hư trương thanh thế. Viên Thiệu nghe nói Tào Tháo sang tây vượt Hoàng Hà, quả nhiên cũng dẫn đại quân đến Diên Tân ngăn cản, quyết tâm quyết một trận tử chiến với Tào Tháo.

Tào Tháo thấy Viên Thiệu đã trúng kế, bèn dẫn kỵ binh ngày đêm trở về cứu Bạch Mã. Khi cách Bạch Mã chỉ còn hơn mười dặm, Nhan Lương mới hay, nhất thời hoảng hốt, vội vàng nghênh chiến.

Khi đó, Lưu Bị vừa bị Tào Tháo đánh bại, Quan Vũ vì muốn tìm Lưu Bị, cũng vì bảo vệ hai phu nhân của Lưu Bị nên tạm hàng Tào Tháo, Tào Tháo phái ông cùng Trương Liêu làm tiên phong. Quan Vũ một ngựa đi đầu đối trận với Nhan Lương, Tào Tháo đứng trên núi quan sát chỉ thấy Quan Vũ uy dũng giục ngựa Xích Thố, vung đao thanh long xông thẳng vào trận địch. Nhan Lương trở tay không kịp, bị Quan Vũ chém đầu giữa hàng vạn quân mã. Quân Viên Thiệu không còn thủ lĩnh, trở lên đại loạn, quân Tào thừa thế xông lên chém giết, Bạch Mã nhanh chóng được giải vây.

HỌ THI VÀ HỌ MÃNH



Một nhà họ Thi ở nước Lỗ có hai người con trai, một người thích văn chương, người kia thích binh pháp. Người con thích văn chương du thuyết vua nước Tề bằng đạo lý nhân nghĩa, kết quả được vua Tề thu dùng và cho làm thầy các hoàng tử. Người con thích binh pháp du thuyết vua Sở, vua Sở rất mừng, bổ nhiệm anh làm quân sư. Bổng lộc của hai người giúp gia đình họ trở nên giàu có; quan vị của hai người giúp người thân cảm thấy hãnh diện.

Hàng xóm của nhà họ Thi là họ Mãnh, cũng có hai người con trai, sở trường của họ cũng giống nhà

họ Thi, một người thích văn chương, người kia thích binh pháp. Họ Mãnh nghèo khó, rất ngưỡng mộ họ Thi giàu có, bèn đến nhà họ Thi hỏi cách làm giàu. Hai người con nhà họ Thi thực tình cho họ biết.

Sau đó, một người con nhà họ Mãnh đến nước Tần, dùng đạo lý nhân nghĩa du thuyết Tần Vương. Tần Vương nói:

- Nay chư hầu phân tranh gay gắt, cái cần thiết nhất không ngoài luyện binh và trữ lương. Nếu dùng nhân nghĩa để trị nước thì sẽ tự chuốc diệt vong.

Rồi Tần Vương xử anh ta cung hình và thả đi.

Người con trai thứ hai nhà họ Mãnh đến nước Vệ, dùng binh pháp du thuyết vua Vệ. Vua Vệ nói:

- Nước ta là nước rất yếu, mà nay lại bị kẹp giữa các nước lớn, với nước lớn chúng ta phải phục tùng họ; với nước nhỏ chúng ta phải vờ về họ, đây là cách giúp chúng ta được bình an. Nếu dựa vào binh lực thì chúng ta sẽ nhanh chóng mất nước. Nếu để người ra đi lênh lặn, người lại đến nước khác du thuyết thì khả năng gây họa cho nước ta sẽ không nhỏ!

Vua Vệ bèn ra lệnh chặt đôi chân anh ta rồi thả về nước Lỗ.

Hai người con nhà họ Mãnh về đến nước Lỗ, cha con họ vội vã đến nhà họ Thi phàn nàn.

Họ Thi nói:

- Người nào nắm được thời cơ thì hưng thịnh, còn bỏ lỡ thời cơ thì diệt vong. Các con ông cũng có học vấn như các con tôi, nhưng sự nghiệp xây dựng lại

khác nhau. Nguyên nhân là bởi chúng bỏ lỡ thời cơ, chứ không phải chúng sai lầm về phương pháp. Huống hồ đạo lý trong thiên hạ không phải luôn luôn đúng, việc trong thiên hạ cũng không phải luôn luôn sai. Cái dùng được ngày trước có thể bị loại bỏ ngày nay; cái ngày nay loại bỏ có thể ngày sau sẽ hữu dụng. Sự dùng và không dùng này không có một tiêu chuẩn khách quan nào. Con người ta phải biết nhìn thời cơ mà hành sự, phải biết quyền biến, vì xử sự không hề có quy tắc cố định, điều này hoàn toàn phụ thuộc vào trí tuệ. Nếu trí tuệ không đủ thì dù có học vấn uyên thâm như Khổng Khâu, có chiến thuật tinh thâm như Khương Thượng cũng thất bại mà thôi.

Cha con họ Mạnh nghe xong, hết giận, nói:

- Chúng tôi hiểu rồi, xin đừng nói nữa!

CON TRAI PHẠM LÃI



Phạm Lãi, người thời Xuân Thu, được phong là thủy tổ của thương nhân Trung Quốc, người đời sau tôn xưng ông là Đào Chu Công. Ông từng phò tá Việt Vương Câu Tiễn đánh bại nước Ngô, sau công thành doanh toại, ông cáo quan, di cư đến nơi khác buôn bán, nhờ thông minh tài trí, ông nhanh chóng trở nên giàu có.

Sau đó người con thứ của ông mắc tội giết người bị giam ở nước Sở, Đào Chu Công định dùng vàng để bảo toàn tính mạng cho con, chuẩn bị sai con trai út đi làm việc này.

Người con cả nghe nói, kiên quyết xin để mình đến nước Sở cứu em:

- Con là con cả trong nhà, nay em con mắc nạn, cha không sai con đi mà sai chú út, thế chẳng phải chê con không hiếu thuận và không đáng tin sao?

Rồi hùng hổ bước lên, định dùng cái chết để đe dọa.

Không thể để bên kia chưa cứu được người mà bên này đã chết một người. Đào Chu Công bất đắc dĩ phải sai con trai cả đi làm việc này. Ông viết một bức thư bảo anh ta đem đến cho người bạn ngày trước là Trang Sinh, còn nói:

- Khi đến nước Sở, con hãy trao thư và tiền cho Trang Sinh, mọi việc nghe ông ấy sắp đặt, bất kể ông ấy xử lý thế nào.

Người con cả đến nước Sở, thấy nhà Trang Sinh tồi tàn, cỏ mọc đầy sân, chẳng ra vẻ gì là đạt quan hiển quý. Tuy cũng trao thư và tiền cho Trang Sinh theo lời cha dặn, nhưng trong lòng không nghĩ người này có thể cứu được em mình.

Trang Sinh nhận tiền và thư, bảo anh ta:

- Anh hãy mau chóng rời khỏi nơi này, dù em của anh được cứu ra cũng không được hỏi nguyên do.

Nhưng vì có lòng nghi hoặc, nên anh ta chưa vội

đi, còn đi hồi lộ những người quyền quý khác. Thực ra Trang Sinh tuy nghèo, nhưng rất liêm chính, trên dưới nước Sở đều kính trọng ông, lời nói của ông cũng có trọng lượng đối với Sở vương.

Trang Sinh cầu kiến vua Sở, nói rằng gần đây có chòm sao xấu, bất lợi cho nước nhà, chỉ có ban ân đức rộng rãi mới mong thoát khỏi tai hoạ. Vua Sở bèn quyết định đại xá. Người con cả nghe nói sắp đại xá, cho rằng nhất định em mình sẽ được tha, như thế số tiền biếu Trang Sinh chẳng phải uổng phí sao? Bèn trở lại tìm Trang Sinh đòi lại tiền, lòng dương dương tự đắc, cho là vừa không tốn tiền lại vừa làm được việc.

Trang Sinh tức giận vì cảm thấy bị một đứa trẻ con lừa, bèn đi gặp Sở vương, nói:

- Nghe nói con trai Đào Chu Công phạm tội bị giam ở nước ta, nay người ta đồn rằng đại xá là vì Đào Chu Công bỏ tiền mua chuộc đại thần, điều này bất lợi cho danh tiếng của đại vương.

Nghe xong, Sở vương quyết định chém con Đào Chu Công rồi mới thực hiện đại xá. Kết quả, người con cả đành phải mang xác em về nhà.

Người con cả về đến nhà, Đào Chu Công tuy đau buồn nhưng cũng chỉ biết cười mà nói:

- Ta đã biết thế nào nó cũng giết em nó! Không phải nó không thương em, nhưng có một điều nó không thể chịu nổi. Nó từ nhỏ đã từng chịu khổ cùng ta, thấy việc làm ăn khó khăn nên bỏ của thì tiếc! Trái lại thằng út để ra đã thấy ta giàu. Đứa út chỉ

biết cưỡi ngựa tốt, theo đuổi cây cỏ, nào biết của cải do đâu mà có, nên phung phí tiền một cách dễ dàng, chẳng tiếc rẻ gì. Trước đây sở dĩ ta sai thằng út đi chỉ vì nó biết coi thường tiền bạc đó thôi! Thằng cả thì không biết thế, vì vậy mà giết chết em nó. Lẽ đời là thế, có gì đáng xót. Ta ngày đêm vẫn đợi nó đưa đám tang em nó về.

TUYỆT ANH YẾN



Sở Trang Vương có lần dẹp xong phản loạn mở đại tiệc thết quần thần, các phi tần sủng ái cũng được tham dự để giúp vui. Trong tiệc tiếng tơ tiếng trúc ngân nga, lời ca du dương, điệu múa lả lướt, rượu ngon say nồng, mãi cho đến hoàng hôn vẫn chưa tận hứng. Sở vương lệnh cho đốt nến tiệc đêm, còn đặc biệt bảo hai mỹ nhân mình sủng ái nhất là Hứa Cơ và Mạch Cơ thay phiên nhau chuốc rượu cho văn thần võ tướng.

Bất chợt một cơn gió lớn thổi tới, nến trên bàn tiệc tắt hết. Lúc này một viên quan bạo gan nắm lấy tay Hứa Cơ, trong khi co kéo, Hứa Cơ xé rách tay áo để thoát, đồng thời bứt đứt dải mũ của người đó. Hứa Cơ trở về chỗ Sở Trang Vương tố cáo, bảo Sở vương đốt nến rồi tra dải mũ của mọi người để tìm ra kẻ vô lễ vừa rồi.

Sở Trang Vương nghe Hứa Cơ nói xong, truyền lệnh không cho đốt nến, còn lớn tiếng bảo:

- Quả nhân hôm nay thết yến, phải cùng các khanh vui vẻ hết mình. Giờ các khanh hãy tháo dải mũ để tăng thêm hứng rượu.

Nghe Sở Trang Vương nói vậy, quần thần đều tháo bỏ dải mũ, sau đó mới đốt nến, quân thần hết hứng mới về.

Tiệc tan về cung, Hứa Cơ trách Sở Trang Vương không trút giận giúp mình. Sở Trang Vương nói:

- Lần này quân thần yến ẩm là để vui vẻ, thắt chặt quan hệ vua tôi. Rượu say sinh cợt nhả cũng là chuyện thường tình. Nếu ta trị tội một người mà làm cho các quan không được vui thì ta không muốn.

Hứa Cơ khi ấy mới hiểu rõ dụng ý của Sở Trang Vương. Đây chính là tiệc “Tuyệt anh yến” hay tiệc “Bứt dải mũ” nổi tiếng trong lịch sử.

Bảy năm sau, Sở Trang Vương phạt Trịnh. Một chiến tướng chủ động dẫn bộ hạ tiên phong mở đường. Viên chiến tướng này đến đâu cũng liều mình tử chiến, đánh bại quân địch cho đến quốc đô nước Trịnh.

Sau khi chiến thắng, Sở Trang Vương luận công ban thưởng, mới hay viên chiến tướng đó tên là Đường Giao. Đường Giao bày tỏ không mong ban thưởng, còn thừa nhận người vô lễ trong bữa tiệc bảy năm trước chính là mình, nay hành động này hoàn toàn là để báo ơn không truy cứu bảy năm trước.

Sở Vương vô cùng cảm động, bèn ban Hứa Cơ cho chàng.

GIA CÁT LƯỢNG VÀ NGUY DIÊN



Gia Cát Lượng là nhân vật nổi tiếng, trí tuệ hơn người. Ông thần cơ diệu toán, liệu việc như thần, những chuyện về ông được lưu truyền rộng rãi trong dân gian.

Khi đó ba nước ở thế chân vạc, lực lượng nước Thục yếu hơn cả, Gia Cát Lượng rất lo cho đại cuộc, nên chú trọng tìm kiếm nhân tài. Danh tướng nước Thục ngoài Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Tử Long, Mã Siêu, Hoàng Trung, còn có một người tên là Ngụy Diên, Gia Cát Lượng rất nhọc công trong việc sử dụng Ngụy Diên.

Ngụy Diên kiêu dũng thiện chiến, nhiều lần lập công, nhưng người này sau đầu có “phản cốt” (xương ngược), không thật trung thành, Gia Cát Lượng liệu định sau này y sẽ mưu phản. Nhưng nước nhà đang lúc cần dùng người, người này không thể không dùng, nhất là sau khi Quan, Trương, Triệu, Mã, Hoàng đã già yếu. Nếu không dùng, Ngụy Diên rất có khả năng được địch dùng, thế nên Gia Cát Lượng vừa dùng vừa đề phòng Ngụy Diên.

Khi đến Ngũ Trượng Nguyên, Gia Cát Lượng lo nghĩ quá nhiều sinh bệnh nặng, mật lệnh cho Ngụy Diên chặn hậu. Đêm đó Ngụy Diên nằm mộng, mơ thấy đầu mình mọc hai cái sừng, bèn hỏi người thông Dịch lý xem là cát hay hung. Người đó nói là điềm lành, đầu rồng xanh mọc sừng, đầu kỳ lân có sừng, ấy là ý biến hoá bay lên. Ngụy Diên vui mừng trở về. Nhưng người giải mộng lại nói với Thượng thư Phí Vĩ:

- Thực ra đấy là điềm đại hung, sừng giống hình thanh đao. Đầu có đao ắt có bất trắc. Nhưng nếu nói thực thì e y lòng dạ hẹp hòi, ắt gây tai hoạ.

Mấy người bàn bạc, quyết định phải mau chóng có biện pháp ứng biến.

Quả nhiên, Ngụy Diên thực sự dấy binh phản loạn, may là Gia Cát Lượng đã sắp đặt trước, để lại cấm nang diệu kế mới có chuyện Mã Đại chém đầu Ngụy Diên.

Biết người có lòng mưu phản mà vẫn dùng, điều đó giống như làm xiếc đi trên dây thép. Gia Cát Lượng biết rõ: Mình còn sống thì Ngụy Diên vẫn có lòng lo, không dám ngang nhiên tạo phản, không dùng thì tiếc; giết khi y chưa mưu phản e tướng sĩ hoang mang. Chỉ còn cách cho phục binh bên cạnh, đợi y tạo phản sẽ ra tay giết chết.

SỢI TÓC TRÊN MIẾNG THỊT



Tấn Văn Công rất thích ăn thịt nướng, đầu bếp chuyên làm món thịt nướng cho ông tất nhiên rất được ông quý mến và đãi ngộ hậu hĩ.

Một hôm, trong lúc ăn thịt nướng, Tấn Văn Công phát hiện thấy trên miếng thịt có một sợi tóc. Tấn Văn Công cả giận, cho gọi đầu bếp ra trị tội.

Đầu bếp dập đầu lia lịa, nói mình đã phạm ba tội lớn.

Tấn Văn Công lấy làm lạ, hỏi anh ta sao lại phạm ba tội lớn?

Đầu bếp đáp:

- Một là thần mài dao rất bén mà không cắt đứt được sợi tóc này; hai là thần xâu thịt vào que rất cẩn thận tỉ mỉ, mắt mở to mà cũng không nhìn thấy sợi tóc; ba là lửa lò cháy to, thịt đã chín mà sợi tóc cũng không bị cháy.

Tấn Văn Công bèn hỏi:

- Trong bếp có ai có thể thay thế vị trí của người không?

Đầu bếp nói ra một người. Tấn Văn Công lệnh dẫn người đó ra thẩm vấn. Quả nhiên là do người này làm, hòng chọc giận Văn Công để ông trị tội đầu bếp và cho mình lên thay.

HAI QUẢ ĐÀO GIẾT BA DŨNG SĨ



Thời Xuân Thu, nước Tề có ba dũng sĩ là Công Tôn Vô Kỵ, Điền Khai Cương và Cổ Dã Tử, sức địch muôn người, lập được rất nhiều công lao. Nhưng ba dũng sĩ này cậy công lao hơn người, rất ngạo mạn, dám vô lễ với không chỉ đại thần, mà còn cả nhà vua.

Khi ấy Yến Anh làm tể tướng nước Tề, rất lo lắng vì ba người này. Bởi họ vũ dũng hơn người, nhưng lại không có đầu óc, cũng không thật trung thành với vua, lỡ bị kẻ khác lợi dụng mua chuộc thì ắt gây họa lớn. Yến Anh bàn với Tề Cảnh Công, phải tìm cách trừ bỏ ba người này.

Một hôm Lỗ Chiêu Công đến thăm, Tề Cảnh Công thết yến chiêu đãi, Yến Anh dâng lên một mâm đào lớn mới hái. Tiệc vẫn, còn thừa lại hai quả đào, Tề Cảnh Công quyết định thưởng hai quả đào này cho chúng thần, ai công lao lớn thì thưởng cho người đó. Đương nhiên đây là mưu kế của Yến Anh.

Luận công lao thì đương nhiên công của ba dũng sĩ lớn nhất, nhưng đào chỉ có hai quả, chia thế nào? Ba người đều kể công, không ai chịu ai, tranh nhau vinh dự này, trong đó hai người động thủ trước, một người lỡ tay giết chết một người, sau tự thấy có lỗi với bạn, đành tự sát, người còn lại thấy việc đã đến

nước này, ba người vì hai quả đào mà hai người mất mạng, không muốn sống một mình, cũng tự sát tại chỗ.

Như thế, Tề Cảnh Công đã trừ được mối lo trong lòng. Đây chính là câu chuyện “Hai quả đào giết ba dũng sĩ” nổi tiếng trong lịch sử.

MIẾNG VÁ CỦA HOÀNG THƯỢNG



Hoàng đế Đạo Quang nhà Thanh coi trọng tiết kiệm. Một lần, gối quần ông bị rách, ông không muốn may cái mới, mà chỉ vá một bên thì khó coi, bên vá hình mặt trăng ở cả hai gối quần. Theo bản tấu thanh toán của phủ nội vụ, hai miếng vá này hết 50 lạng bạc.

Trên làm dưới theo, hoàng đế như vậy, chúng thần cũng bắt chước đua nhau tiết kiệm. Một lần, trạng nguyên của Tô Châu, Phan Thế Ân - khi ấy làm Đại học sĩ – lên triều cũng mặc quần có vá hai vầng trăng. Hoàng đế Đạo Quang trông thấy vui lắm, bèn hỏi ông hai miếng vá này hết bao nhiêu tiền.

Đại học sĩ họ Phan tất nhiên là người thông minh, ông hiểu không thể qua loa tùy tiện trả lời câu hỏi này, nói ít thì sẽ vấy tội cho người của phủ nội vụ, cũng gieo mầm hoạ cho mình. Thế nên ông bạo dạn đáp:

- Mất 20 lạng bạc.

Đạo Quang nghe xong, vừa kinh ngạc vừa tức giận:

- Sao lại rẻ như vậy, hai miếng vá này của trăm hết những 50 lạng bạc, thì ra bọn nô tài này đang gạt trăm.

TÊ VƯƠNG THÍCH ÁO TÍM, SỞ VƯƠNG THÍCH EO THON



Tê Cảnh Công thích mặc hoàng bào màu tím, nên người trong cả nước đều mặc áo tím, khiến cho vải tím lùa tím lên giá. Sở vương thích phụ nữ eo thon, nên phụ nữ cả nước đều giảm béo bằng cách nhịn ăn.

Trẻ con đầu đường hát:

*Ai nấy mặc áo tím,
Mặc lên trông có thần;
Thăng quan lại phát tài,
Chẳng cần phải phí sức.
Sở vương thích eo thon,
Eo thon thật thon thả;
Ba năm không ăn cơm,
Đói thành ra eo rắn.*

Tê Cảnh Công hỏi Yến Anh, một người thấp nhỏ nhưng cơ trí:

- Này ái khanh, trăm nghe Khổng lão phu tử nói với học trò: “Quân tử hoà nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hoà” (quân tử hoà với mọi người mà không hùa với ai, tiểu nhân hùa theo mọi người nhưng không hoà với ai). Thế nghĩa là gì?

Yến Anh đáp:

- Tâu chúa công, “hoà” nghĩa là vua ngọt mà tôi chua, vua nhạt mà tôi mặn.

Vua mà ngọt thì bề tôi phải chua; vua mà nhạt thì bề tôi phải mặn. Chỉ có như vậy mới có thể tạo nên kết cấu tập đoàn lãnh đạo có năng lực cao. Vua ngọt mà đại thần cũng ngọt thì sẽ gây ngấy, không nuốt nổi. Văn võ cả triều cùng một vị thì tập đoàn lãnh đạo đó không có sinh khí, đất nước đó không có sức sáng tạo, không có lực ngưng tụ và sức chiến đấu. Hơn nữa làm cho dân tình lười biếng, đầu cơ trục lợi, dù có Chu Công lập pháp, Thượng Phụ lãnh binh cũng không thể làm nên việc lớn.

Tề Cảnh Công nói:

- Trăm hiểu rồi! Thiên hạ một màu thành ra mất màu. Tiên thái sử Sử Bá từng nói: Đỏ vàng xanh trắng đen, nhiều màu phối hợp hài hoà sẽ rất đẹp. Vậy thế nào là “đồng”?

Yến Tử đáp:

- Màu đơn điệu gây cảm giác mệt mỏi, âm đơn điệu gây cảm giác bức bối, vị đơn điệu gây cảm giác phản vị. Như vậy là sự khuyết thiếu của “đồng”. Sử Bá là Tiên thái sử, ông ấy đến tiên triều “để hoà mà

lấy đồng”, không cho phép có ý kiến bất đồng, phong cách bất đồng, trường phái bất đồng tồn tại, từ đó dự đoán triều chính nhất định sẽ suy bại, quả nhiên ông ấy nói đúng.

Cảnh Công nói:

- Quả nhân trị nước, có nguy cơ như vậy không?

Yến Tử đáp:

- Tâu chúa công, nay người Tề chúng ta bắt kể già trẻ gái trai, nghe nói chúa công thích mặc áo tím, nên người ta cũng mặc áo tím, làm cho cả nước một màu tím, vì thế vật giá tăng lên, nghề nghiệp đơn nhất, bất lợi cho nước nhà, thần hàng ngày nhìn thấy toàn một màu tím, trộm cho như ở trong một đồng đá cùng màu.

Tề Cảnh Công nói:

- Khanh nói rất đúng. Quả nhân đã không điều tra, vậy sửa lỗi như thế nào?

Yến Tử đáp:

- Thời tiên vương, Quản Tử nói: Không được làm cho mọi thứ giống nhau, nghìn người một khuôn mặt, mà phải là “làng có lệ, nước có luật, ăn uống không cùng vị, áo mặc khác màu”. Bản ý của ông ấy là vua ngọt tôi chua.

Tề Cảnh Công ngộ được ý Yến Tử, bèn cởi bỏ áo tím, thường xuyên thay y phục khác màu, phong trào mặc áo tím trên toàn quốc tự nhiên được hoá giải, nhân dân mặc y phục màu sắc phong phú, trông tràn đầy sức sống.



KHỔNG TỬ VÀ TRỌNG DO



Trọng Do đến chợ Giáp chơi, thấy một người mua và một người bán cãi nhau mãi không thôi. Người bán nói:

- Một thước lụa Lỗ tôi bán ba tiền, ông mua tám thước, tổng cộng 24 tiền, bớt một cái cũng không bán.

Người mua cãi:

- Rõ ràng ba tám hai mươi ba, ông đòi thêm tiền là có làm sao?

Trọng Do chính trực, cười bảo người mua:

- Ba tám hai mươi tư mới đúng. Ông sai rồi.

Người mua không phục, cãi không được, bèn đánh cược. Trọng Do tính nóng, đánh cược tại chỗ bằng chiếc mũ mới mua. Người mua cũng đang bực bội, lấy y phục ra đánh cược. Hai người giơ tay thề, đi tìm Khổng Tử nói lý. Khổng Tử nghe xong nguyên do, cười bảo Trọng Do:

- Này Tử Lộ, anh sai rồi, mau đưa mũ cho người ta.

Trọng Do nhất thời bực tức, từ biệt thầy rồi bỏ về nhà với người thân. Trước khi đi, Khổng Tử dặn:

- Lần này về thăm người thân, anh phải ghi nhớ hai câu: “Cổ thụ mạc tổn thân, sát nhân mạc động nhân”.

Trong Do hứa rồi trở về nước.

Trên đường đi, chợt gặp sấm chớp mưa giăng, Trọng Do hốt hoảng, không có chỗ trú mưa, chỉ thấy bên đường có một cây cổ thụ, hốc cây rất lớn, đủ để trú thân. Đang định vào hốc cây trú mưa, Trọng Do chợt nhớ lời thầy dặn: Cổ thụ mạc tồn thân (chớ trú thân chỗ cổ thụ). Bèn đứng dậy rời khỏi cổ thụ. Đi không bao xa thì một tia sét đánh xuống chặt đứt cây cổ thụ. Trọng Do may mắn thoát nạn, thầm cảm ơn thầy.

Đến nửa đêm, Trọng Do mới về đến nhà. Chàng lo lắng, mình xa nhà đã lâu, không biết vợ có còn thủy chung? Chi bằng khê mở cửa âm thầm theo dõi xem sao. Thế nên chàng leo qua tường sân, dùng mũi dao cạy chốt cửa, nhẹ bước đến trước giường, lặng lẽ lần mò, thấy có hai đầu người ngủ chung chăn. Trọng Do cả giận, rút dao định chém, nhưng chợt nhớ lời thầy dặn: sát nhân mạc động nhãn (giết người chớ động dao). Bèn buông dao xuống, châm đèn cho sáng, thì ra là vợ và em gái ngủ chung. Trọng Do toát mồ hôi lạnh, may nhờ thầy sáng suốt nên mới không ngộ sát người thân.

Trọng Do chỉ ở lại nhà một ngày, sau đó về thành Lỗ tạ ơn thầy chỉ bảo. Chàng nghi hoặc hỏi:

- Thưa thầy, rõ ràng ba tám hai mươi tư, sao thầy lại nói là hai mươi ba?

Khổng Tử cười đáp:

- Nay Tử Lộ, anh thua thì mũ còn mua lại được, còn nếu người mua lựa thua thì sao?

HẸM NHÂN NGHĨA



Thời xưa có một người nọ làm quan trong triều, một hôm chợt nhận được thư nhà. Mở thư ra xem, mới biết ở nhà tranh chấp với hàng xóm, nguyên nhân là bức tường ngăn cách sân hai nhà bị đổ, khi xây lại tường cả hai nhà đều cho rằng nhà kia lấn đất của mình nên không nhượng bộ nhau. Người nhà gửi thư đến nhờ ông ra mặt nói chuyện để nhà hàng xóm rút lui.

Không lâu sau, người nhà viên quan nhận được thư trả lời, trong thư chỉ có một bài vè:

Nghìn dặm gửi thư việc xây tường,
Nhượng người ba thước có làm sao.
Vạn dặm Trường Thành nay còn đó,
Chẳng thấy Tần Vương của năm xưa.

Người nhà ngẫm ra đạo lý trong đó, chủ động lùi nhường ba thước, nhà hàng xóm không chịu thua kém, cũng lùi lại ba thước, thế là ở giữa thành một con hẻm rộng sáu thước để dân thôn đi lại. Người làng bèn đặt tên cho con hẻm đó là “Hẻm nhân nghĩa”.

Ở KHO HAY Ở NHÀ XÍ



Mọi người đều biết, Lý Tư là Thừa tướng nhà Tần, phò tá Tần Thủy Hoàng thống nhất và trị vì đất nước, lập chiến công hiển hách. Nhưng ít người biết rằng, lúc trẻ Lý Tư chỉ là một viên quản lý kho lương nhỏ nhoi, ông trở nên có chí lớn là nhờ một lần đi nhà xí.

Khi ấy, Lý Tư 26 tuổi, là một viên văn thư nhỏ trông coi kho lương trong phủ quận Thượng Thái nước Sở. Công việc của ông là đăng ký việc xuất nhập lương trong kho, ghi lại rõ ràng tình hình xuất nhập từng đấu lương thực.

Cuộc sống cứ thế trôi qua. Lý Tư không thể nói hoàn toàn chán ghét, nhưng cũng không cảm thấy có gì không ổn. Cho đến một hôm, ông đến một nhà xí ở ngoài kho lương, và cái việc bình thường ấy đã làm thay đổi thái độ sống của Lý Tư.

Ông vào nhà xí, chưa kịp đi thì làm kinh động một đàn chuột trong đó. Lũ chuột an thân trong nhà xí này, con nào con nấy gầy gò ốm yếu, màu lông xám xịt, thân mình bắn thửu hôi thối, gây cảm giác buồn nôn.

Nhìn thấy bầy chuột, Lý Tư chợt nhớ đến lũ chuột sống trong kho lương mà mình quản lý. Lũ chuột đó



ăn uống no nê, lông bóng mượt, suốt ngày phè phỡn trong kho lương, tiêu dao tự đắc. So với lũ chuột trong nhà xí này, thực là một trời một vực.

Đời người như lũ chuột, không ở kho thì ở nhà xí, vị trí khác nhau thì số phận cũng khác nhau. Mình làm một viên văn thư nhỏ suốt 8 năm trong cái kho nhỏ bé thuộc thành Thượng Thái, chưa từng đi ra ngắm nhìn thế giới bên ngoài, khác nào lũ chuột trong nhà xí? Suốt ngày giãy giụa ở đây, không biết còn có thiên đàng giống như kho lương này.

Lý Tư quyết định thay đổi cách sống, ngày hôm sau ông rời khỏi thành, đi theo Tuân Huống - bậc thầy Nho học thời bấy giờ, bắt đầu tìm con đường “kho lương”. 20 năm sau, ông đã sắp xếp cho gia đình ở trong phủ Thừa tướng thuộc Hàm Dương – kinh đô nước Tần.

SỰ “THẤT LỄ” CỦA TĂNG QUỐC PHIÊN



Khi Tăng Quốc Phiên dẫn quân Tương vây quân Thái Bình Thiên Quốc, triều đình nhà Thanh có thái độ rất phức tạp đối với ông: Không dùng ông thì thanh thế Thái Bình Thiên Quốc lớn mạnh, không ai địch lại; dùng thì một là người Hán nắm trọng binh, hai là quân Tương của Tăng Quốc Phiên là quân con cháu từng một tay gây dựng, sợ gây đe dọa

cho mình. Với ý nghĩ, việc bổ nhiệm đối với Tăng Quốc Phiên thường là dùng để làm việc chứ không cho chức cao và thực quyền. Tăng Quốc Phiên rất cẩn trọng thần nói đỡ cho mình để tiêu trừ mối nghi ngờ của triều đình nhà Thanh.

Chợt một hôm, Tăng Quốc Phiên đang ở trong quân thì nhận được mật hàm của Túc Thuận do Hồ Lâm Dục gửi tới, được biết vị cố mệnh đại thần thông minh giỏi giang này đã tiến cử với Tây thái hậu bổ nhiệm mình làm Tổng đốc Lương Giang. Tăng Quốc Phiên mừng lắm, vua Hàm Phong mới qua đời, Thái tử tuổi còn nhỏ, cố mệnh đại thần tuy đông, nhưng thực tế chỉ mình Túc Thuận nắm quyền, có ông nói đỡ cho mình thì còn gì bằng.

Tăng Quốc Phiên cất bút định viết thư tỏ lòng cảm tạ Túc Thuận. Nhưng viết được vài câu, ông ngừng lại. Ông biết Túc Thuận là người bảo thủ, coi thường tất cả, nói theo ngôn ngữ ngày nay thì là tài đi đôi với tật. Ông lại nghĩ đến Tây thái hậu, người đàn bà này hiện tuy không có động tĩnh gì, nhưng tuyệt đối không phải người thường với kinh nghiệm nhìn người nhiều năm của Tăng Quốc Phiên, Tây thái hậu có chí rất lớn, ham muốn quyền lực mạnh, lại giàu cơ trí. Cách làm chuyên quyền này của Túc Thuận có thể kéo dài được bao lâu? Tây thái hậu có hợp được với Túc Thuận hay không?

Nghĩ trước suy sau, Tăng Quốc Phiên không viết tiếp bức thư này.

Sau đó, Túc Thuận bị Tây thái hậu đem chém.

Trong số thư tín lấy lòng Túc Thuận của rất nhiều quan viên, tuyệt đối không có thư của Tăng Quốc Phiên.

HỒ LÂM DỤC CHÚC THỌ



“Tăng, Tả, Bành, Hồ” là bốn vị đại thần nổi tiếng thời Trung Hưng nhà Thanh, Hồ Lâm Dục tuy đứng cuối, ở một chừng mực nào đó là vì ông qua đời sớm, nhưng thực ra công huân của ông không thua kém ba vị xếp trên bao nhiêu, hơn nữa trong lúc ba vị xếp trên gian nan nhất thì đều nhờ cậy sự trợ giúp to lớn của Hồ Lâm Dục. Hồ Lâm Dục kiến thức hơn người, làm việc làm quan đều rất có bài bản.

Khi Hồ Lâm Dục làm Quân môn đề đốc ở Hồ Bắc, tuần phủ Hồ Bắc người Mãn tên là Quan Văn, là một quan hồ đồ, nhưng rất được triều đình tín nhiệm. Hồ Lâm Dục muốn toàn lực hỗ trợ chiến sự tiền tuyến của Tăng Quốc Phiên thì phải tạo quan hệ tốt với Quan Văn, nếu không sẽ rất khó làm chiến sự.

Một ngày nọ, Quan Văn phát thiệp mời rộng rãi, nói là để chúc thọ cho phu nhân. Hồ Lâm Dục chuẩn bị lễ đến, khi đến cửa, thấy một số viên quan khác sắc mặt giận dữ, phát tay áo bỏ đi, hỏi ra mới biết Quan Văn tổ chức thọ cho bà vợ thứ năm chứ không phải bà cả chính thất. Theo tập tục thời bấy giờ,

vợ lẽ không có địa vị gì, mặc dù Quan Văn rất yêu người vợ lẽ này, nhưng vẫn có rất nhiều viên quan thấy khó chịu.

Với thân phận danh vọng của Hồ Lâm Dục, ông hoàn toàn có thể không đi chúc thọ. Nhưng ông không chỉ vào phủ chúc thọ, mà trong bữa tiệc còn đề xuất, mẹ mình không có con gái, luôn muốn nhận một cô con gái nuôi, người có nhân phẩm như bà năm của Quan Văn hẳn lão phu nhân sẽ rất hài lòng.

Quan Văn và bà năm thấy Hồ Lâm Dục đến chúc mừng đã lấy làm mừng, nay nghe thế lại càng vui, như vậy địa vị xuất thân của bà năm sẽ cao quý hơn rất nhiều. Ngày hôm sau bà năm lập tức đến bái kiến lão phu nhân, chính thức nhận thân.

Trong các tỉnh thời bấy giờ, thường toàn là người Mãn, người Hán sống đan xen với nhau, đa số không hợp nhau, kiềm chế nhau. Chỉ có Hồ Bắc, tướng sĩ hoà mục, Hồ Lâm Dục được toàn lực làm việc, còn Quan Văn không những không gây thêm loạn, mà còn luôn ca ngợi đức tốt của ông trước triều đình.

SÁNG SUỐT GIỮ MÌNH



Khi trấn thủ Tây An, đại tướng Niên Canh Nghiêu thời Ung Chính triều Thanh cầu hiền rộng rãi trong thiên hạ, một vị hiếu liêm tên là Tưởng

Hoành đến xin theo. Niên Canh Nghiêu rất quý tài Tưởng Hoành, bảo chàng:

- Trạng nguyên khoa sau chắc chắn là của cậu.

Khẩu khí nói chuyện của Niên Canh Nghiêu lớn đến vậy chính là nhờ công lao của chính ông cũng như mối quan hệ đặc biệt với Hoàng đế. Tưởng Hoành thấy ông uy dũng tự phụ, kiêu ngạo vô cùng, bèn nói với một đồng liêu của chàng:

- Niên Canh Nghiêu đức không bằng uy, nay vạn tuế anh minh thần võ, Niên sắp gặp đại họa, chúng ta không thể ở đây lâu.

Đồng liêu của chàng không nghĩ vậy, quyền thế của Niên Canh Nghiêu như mặt trời giữa trưa, bao nhiêu người còn phải theo làm môn hạ của ông ta nữa là.

Bất chấp đồng liêu can ngăn, Tưởng Hoành dứt khoát cáo bệnh về nhà. Niên Canh Nghiêu không níu giữ được, lấy 1000 lạng vàng tặng cho, Tưởng Hoành từ chối không nhận, cuối cùng vì Niên nài ép, chỉ nhận 100 lạng. Tưởng Hoành về nhà không bao lâu thì quả nhiên Niên Canh Nghiêu xảy ra chuyện, liên lụy đến rất nhiều người. Vì Niên Canh Nghiêu luôn xa hoa, thường không ghi tên những người được tặng 500 lạng trở xuống, Tưởng Hoành nhờ chỉ nhận 100 lạng nên bình an vô sự.

NỖI BI THƯƠNG CỦA BÀ LÃO



Ngô Khởi là một danh tướng thời Chiến Quốc, quân đội do ông thống lĩnh chiến đấu rất anh dũng, đánh đâu thắng đấy, khiến quân địch vừa nghe tiếng đã vỡ mật. Tại sao các tướng sĩ đều sẵn lòng bỏ mạng vì ông? Thì ra Ngô Khởi đối xử với thuộc hạ rất tốt, thương quân như con, rất biết thu phục lòng người.

Một lần một binh sĩ trong quân bị lở loét mưng mủ đau đớn vô cùng, Ngô Khởi thấy vậy bèn cúi xuống dùng miệng hút sạch mủ hôi tanh, lại xé chiến bào băng bó vết thương cẩn thận. Các binh sĩ có mặt đều cảm động rơi nước mắt.

Đồng hương của người lính này sau đó kể lại chuyện cho mẹ anh nghe, bà lão nghe xong bật khóc. Mọi người tưởng bà cảm động mà khóc, không ngờ bà nói:

- Tôi đau lòng đấy thôi, mạng con tôi sắp không giữ được rồi. Ngày trước ông nhà tôi làm lính dưới trướng Ngô tướng quân, Ngô tướng quân cũng rất tốt với ông ấy, sau trong chiến tranh, ông nhà tôi liều chết xông lên để báo đáp ân tình của tướng quân, kết quả chiến tử nơi sa trường. Nay lại đến lượt con tôi.

ĐẠI TRÍ GIẢ NGU



Cuối thời Chiến Quốc, đại tướng nước Tần là Vương Tiễn phụng mệnh xuất chinh, trước khi xuất phát, ông xin Tần Vương ban cho ruộng tốt nhà đẹp.

Tần Vương nói:

- Tướng quân yên lòng xuất chinh, hà tất phải lo lắng?

Vương Tiễn nói:

- Làm tướng quân của đại vương, có công cũng không hẳn được phong hầu, bởi vậy nhân lúc đại vương thưởng cho thần cơm rượu, thần bạo gan xin ban cho ruộng vườn, làm gia nghiệp cho con cháu đời sau.

Tần Vương cả cười, chấp thuận thỉnh cầu của Vương Tiễn.

Vương Tiễn đến Đồng Quan, lại phái sứ giả về triều xin ruộng tốt, Tần Vương sáng khoái chấp thuận.

Thủ hạ tâm phúc khuyên can Vương Tiễn. Vương Tiễn vỗ về tả hữu, thẳng thắn nói:

- Ta không phải kẻ tham lam, vì Tần Vương đa nghi, nay ông ấy giao quân đội cả nước cho mình ta chỉ huy, trong lòng ắt có điều bất an, bởi vậy ta

nhiều lần xin thưởng ruộng đất, danh nghĩa là cho con cháu, nhưng thực ra là để yên lòng Tần vương, như thế ông ấy sẽ không nghi ta tạo phản.

GIẢNG ĐẠO LÝ



Khổng Tử dẫn học trò chu du các nước, có lần một con ngựa đang kéo xe tuột dây cương bỏ chạy, ăn hoa màu của một người nông dân, người nông dân bèn bắt ngựa không trả.

Trong số các học trò, Tử Cống là người biết ăn nói, bèn bước lên xin, kết quả Tử Cống giảng đạo lý cả buổi, nói rất nhiều điều hay, nhưng người nông dân vẫn không trả ngựa, Tử Cống đành tui ngui quay về.

Khổng Tử thấy vậy, cười bảo:

- Du thuyết bằng những đạo lý người ta không hiểu nổi chẳng khác nào dùng tế phẩm cao cấp dâng cho dã thú, dùng âm nhạc mỹ miều lấy lòng chim bay, làm sao có kết quả?

Rồi bảo người đánh xe đến xin lại ngựa.

Người đánh xe đến trước mặt người nông dân, cười nói:

- Thưa ông anh, ông anh chẳng phải trồng trọt ở biển đông, tôi cũng chẳng phải du lịch ở biển tây,

chúng ta đã gặp nhau thì ngựa tôi ăn vài miếng hoa màu của anh cũng chẳng phải việc gì to tát.

Người nông dân nghe người đánh xe nói vậy, lại thấy anh ta ăn vận giống mình, cảm thấy thân thiết, bèn vui vẻ trả lại ngựa.

NGHỆ THUẬT NÓI CHUYỆN



Hoàng đế khai quốc nhà Minh, Chu Nguyên Chương xuất thân bần hàn, thời thiếu niên phải đi chăn trâu, làm thuê cho nhà giàu, thậm chí còn xuất gia làm tăng để được ăn no. Nhưng Chu Nguyên Chương lại ôm chí lớn, trải bao thăng trầm, cuối cùng làm nên bá nghiệp.

Sau khi Chu Nguyên Chương lên làm hoàng đế, một hôm có một người bạn nghèo thuở nhỏ của ông đến kinh cầu kiến. Chu Nguyên Chương rất muốn gặp người bạn cũ thuở thiếu thời, nhưng lại sợ ông ta nói ra những lời không hợp ý mình. Do dự mãi, không thể để người ta nói mình phú quý rồi quên bạn cũ, thôi cứ truyền cho vào.

Người đó vừa vào đại điện, lập tức quỳ xuống làm lễ, hô vang vạn tuế, nói:

- Thừa vạn tuế! Hồi ấy vì thần theo giá quét sạch phủ Lư Châu, phá tan thành Quán Châu. Thang

nguyên soái đang trốn, bắt lấy Đậu tướng quân, trẻ đở hồn tòng quân, may có Lai tướng quân.

Chu Nguyên Chương nghe y nói ngắn gọn dễ nghe, bụng lấy làm vui, nhớ lại cảnh thuở trước mọi người đói rét có phúc cùng hưởng, có hoạ cùng chịu, lòng thấy nao nao, bèn trọng thưởng cho người bạn cũ.

Thông tin lan đi, một người bạn chăn trâu thuở trước khác cũng tìm đến, gặp được Chu Nguyên Chương, mừng lắm, sợ Hoàng đế quên mình, bèn hoa chân múa tay nói:

- Muôn tâu vạn tuế! Hẳn người còn nhớ, khi ấy hai chúng ta đều chăn trâu cho người ta. Một lần chúng ta trốn trong bụi lau, bỏ đậu trộm được vào nồi đất luộc ăn, chưa chín mọi người đã giành nhau ăn, đập vỡ cả nồi đất, đậu văng tung tóe, nước nóng đổ hết xuống đất, ngài chỉ biết nhặt đậu dưới đất ăn, kết quả bị rết cỏ hồng mắc trong họng, may nhờ thần bảo ngài nuốt rau cải xanh nên mới đưa cả rết cỏ hồng đó vào bụng.

Trước mặt bá quan văn võ, “chân mệnh thiên tử” Chu Nguyên Chương vừa giận vừa bực, khóc cười không được, đành quát bảo tả hữu:

- Đâu đến gã điên này, người đâu, đuổi hẳn ra.

AI HẦU RƯỢU VUA?



Thời Xuân Thu, Yến Anh và Nhương Thư là hai danh thần của nước Tề, lần lượt đảm nhiệm các chức vụ quan trọng Tướng quốc và Đại tư mã, chủ trì chính sự và quân sự.

Một hôm, Tề Cảnh Công chợt thấy nhàm chán khi uống rượu trong cung, dặn kẻ hầu mang rượu, định đến nhà Yến Anh uống tiếp. Yến Anh nhận được thông báo, vội mặc triều phục, tay cầm thẻ trúc đứng ngoài cửa, chờ Cảnh Công đến. Tề Cảnh Công chưa xuống xe, Yến Anh đã đến đón, hỏi:

- Chư hầu được mất có nguyên cớ không? Nước nhà mất có nguyên cớ không?

Khi Tề Cảnh Công nói rõ mục đích đến, Yến Anh nói:

- Việc yên nước nhà, dẹp chư hầu, thần xin hiến mưu. Còn việc hầu rượu đại vương, đại vương tả hữu đông đúc, thần không dám dự phần.

Tề Cảnh Công bị làm cho hết hứng, đành phải bảo chuyển sang nhà Nhương Thư. Không ngờ đến cửa thì thấy vị Đại tư mã này mặc giáp trụ, tay cầm giáo, thấy Tề Cảnh Công liền hỏi:

- Chư hầu được mất có binh không? Đại thần được mất có kẻ phản không?

Khi Tề Cảnh Công nói chỉ muốn uống vài chung rượu, Nhưng Thư cũng từ chối với lý do giống như Yến Anh.

Chư hầu các nước hay chuyện, đều tự cảnh giác, không dám tùy tiện gây thù địch với nước Tề, vì họ biết nước Tề có hai cây cột chống trời này.

TÀO BÂN ĐỐI PHÓ TIỂU NHÂN



Danh tướng khai quốc Bắc Tống Tào Bân là người thành thực, khoan hậu nhân nghĩa. Tào Bân đối phó với tiểu nhân cũng có phương cách rất hay.

Một lần, Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dã bổ Tào Bân làm chủ tướng, dẫn quân chinh phạt Nam Đường, trước khi đi Thái Tổ trao cho ông một thanh Thượng phương bảo kiếm, nói:

- Từ phó tướng trở xuống, kẻ nào không tuân lệnh thì bị chém.

Tiếp đó lại hỏi Tào Bân còn có yêu cầu gì không. Tào Bân thưa:

- Xin bệ hạ ân chuẩn, bổ tướng quân Điền Khâm Tộ làm chỉ huy một lộ khác.

Thỉnh cầu này khiến bộ hạ lấy làm khó hiểu, vì mọi người đều biết họ Điền vừa giảo hoạt lại tham lam, thích tranh công danh, điều đáng ghét nhất là

thích tổ giắc sau lưng. Hạng người này mọi người tránh còn không kịp, sao còn cho hấn vào trong quân?

Sau đó Tào Bân cho tâm phúc biết lý do:

- Lần này nam chinh, nhiệm vụ gian khó, thời gian sẽ rất dài, cần quần thần trong triều toàn lực ủng hộ, mình lãnh binh ở ngoài, nếu trong triều có người luôn miệng sàm ngôn thì rất có thể làm hỏng đại sự, mà gã họ Điền này rất có khả năng là nhân vật đó; muốn đề phòng hấn, cách tốt nhất là đặt hấn ở tầm mắt mình, cho hấn chút việc làm, chia cho chút công danh, bịt miệng hấn lại; vả lại còn có Thượng phương bảo kiếm, không sợ hấn gây chuyện.

Nghe xong, tâm phúc mới hiểu dụng ý sâu xa của Tào Bân, luôn miệng khen hay.

TÌNH BẠN CỦA QUẢN TRỌNG VÀ BẢO THÚC NHA



Thời Xuân Thu, Bảo Thúc Nha và Quản Trọng là bạn thân của nhau, hai người rất hiểu nhau. Họ từng hợp tác làm ăn, bỏ vốn bỏ sức như nhau, khi phân chia lợi nhuận, Quản Trọng luôn đòi phần nhiều hơn. Người ta đều bất bình thay cho Bảo Thúc

Nha, nhưng Thúc Nha nói, Quản Trọng không phải tham tài, chỉ là nhà nghèo mà thôi.

Quản Trọng mấy lần giúp Bảo Thúc Nha làm việc nhưng không xong, ba lần làm quan đều bị bãi chức, người ta đều nói Quản Trọng bất tài, Bảo Thúc Nha lại ra mặt nói đỡ cho Quản Trọng:

- Không phải Quản Trọng không có tài cán, chỉ là chưa gặp cơ hội thi thố tài năng.

Thậm chí, Quản Trọng từng ba lần bị trưng binh tham gia chiến tranh nhưng cả ba lần đều bỏ trốn, người ta cười chê ông tham sống sợ chết. Bảo Thúc Nha lại nói thẳng:

- Quản Trọng không phải phường sợ chết, nhà ông ấy còn có mẹ già phải phụng dưỡng.

Sau đó Bảo Thúc Nha làm mưu sĩ cho Công tử Tiểu Bạch nước Tề, Quản Trọng lại giúp sức cho Công tử Cừ cũng của nước Tề. Trong cuộc tranh giành kế thừa ngôi báu của hai Công tử, Quản Trọng từng đánh xe chặn Tiểu Bạch, giương cung bắn trúng thất lưng Tiểu Bạch, Tiểu Bạch cong lưng giả chết, lừa được Quản Trọng, ngày đêm đánh xe về nước, kế thừa ngôi báu, xưng làm Tề Hoàn Công. Công tử Cừ thất bại bị giết, Quản Trọng cũng bị bỏ tù.

Sau khi lên ngôi, Tề Hoàn Công định phong Bảo Thúc Nha làm Tướng quốc, đồng thời muốn giết Quản Trọng để báo thù bị bắn. Bảo Thúc Nha kiên quyết từ chối chức Tướng quốc, còn nói tài Quản Trọng vượt xa mình, xin Tề Hoàn Công bỏ qua hiềm khích cũ, dùng Quản Trọng làm Tướng quốc. Thế nên Tề

Hoàn Công trọng dụng Quán Trọng, quả nhiên đúng như Bảo Thúc Nha nói, tài năng của Quán Trọng dần được thể hiện, giúp Tề Hoàn Công trở thành một trong ngũ bá thời Xuân Thu.

PHÂN BIỆT TRUNG VÀ GIAN



Năm Đường Thái Tông Trinh Quán thứ nhất, có người dâng sớ xin Đường Thái Tông Lý Thế Dân thanh trừ gian thần, Thái Tông hỏi:

- Những người trăm dùng đều là trung thần hiền lương, người biết ai là gian thần?

- Thần xin bệ hạ giả vờ nổi giận để thử thách quần thần. Nếu ai không sợ cơn thịnh nộ của bệ hạ mà dám thẳng lời can gián thì đó là bề tôi trung chính; nếu chỉ biết cúi đầu thuận theo ý chỉ của bệ hạ, nhất mực a dua bợ đỡ thì ấy là phường gian nịnh.

Thái Tông nghe xong, phá lên cười, nói:

- Nước chảy trong hay đục là do nguồn nước. Vua là người ra lệnh, ví như đầu nguồn nước, quần thần trăm họ ví như nước chảy. Vua dẫn đầu giả dối mà đòi hỏi bề tôi hành vi trung trực, thì ví như nguồn nước bị đục mà mong nước chảy phải trong, thế thì không hợp lẽ. Trẫm muốn làm cho đại tín được hành trong thiên hạ, không muốn dùng phương cách giả

dối để phá hoại phong khí xã hội. Cách của khanh tuy linh nghiệm, nhưng trăm tuyệt đối không thể áp dụng.

TRÍ TUỆ VÀ KHÍ KHÁI



Vào thế kỷ 17, Hoàng đế Pháp Louis XIV làm một bài thơ tối nghĩa, nhưng đặc ý, hỏi nhà phê bình văn học nổi tiếng thời bấy giờ, Boileau:

- Bài thơ này thế nào?

Boileau nhúu mày đọc bài thơ một lượt rồi đáp:

- Hoàng thượng quả là thiên tư anh minh, không gì không biết – muốn làm một bài thơ tối nghĩa cũng làm ra được, hạ thần khâm phục vô cùng.

Louis XIV nghe xong đỏ bừng mặt.

So với đồng nghiệp nước ngoài thì văn nhân Trung Quốc gian nan hơn nhiều, vì Hoàng đế Trung Quốc còn hống hách hơn. Giản Văn Đế nhà Đông Tấn lúc nhàn rồi thích thư pháp, viết xong hỏi Vương Hiến Chi:

- Khanh thấy chữ của trăm thế nào?

Nhà đại thư pháp Vương Hiến Chi đáp:

- Chữ của Hoàng thượng tất nhiên là đẹp.

- Đẹp như thế nào? So với khanh thì sao? – Giản Văn Đế hỏi dồn.



- Chữ của Hoàng thượng đẹp trong số các Hoàng thượng, chữ của hạ thần đẹp trong số các hạ thần.

Giản Văn Đế nghe xong lấy làm hồ thẹn.

Hoàng đế Càn Long nhà Thanh tự xưng “thập toàn lão nhân”, tương truyền trong đời thơ ông làm không dưới mười vạn bài. Nếu thơ luận về lượng chứ không luận về chất thì ông đứng hàng đầu trong thi đàn Trung Quốc. Một lần, ông cùng văn thần Kỳ Hiểu Lam đến chùa Bạch Long thắp nhang, Càn Long đánh một tiếng chuông chùa, tiếng chuông chưa dứt, “thơ” ông đã xuất:

Bạch Long Tự lý chàng kim chung

(Trong chùa Bạch Long đánh chuông vàng)

Kỷ Hiểu Lam nghe xong bật cười thành tiếng. Càn Long vội đánh mặt lại:

- Thơ trẫm không hay sao? Sao khanh lại cười?

Kỷ Hiểu Lam đáp:

- Vì thần nhớ đại thi nhân Lý Bạch thời Đường có câu “Hoàng Hạc Lâu trung xuy ngọc địch” (trong lầu Hoàng Hạc thổi sáo ngọc), xưa nay đứng một mình không có vế đối, câu thơ của hoàng thượng chẳng phải là một vế đối hay đó sao?

Thực ra thơ Càn Long so với câu “Hoàng Hạc lầu trung xuy ngọc địch”, hơn kém thế nào đọc là thấy ngay.

Vào thời đại chuyên chế, văn nhân muốn giữ khí khái rất khó, ba người nêu trên vừa giữ được khí khái của mình, vừa giữ được cái đầu, thông minh thay!

NGHÌN VẠN TIỀN MUA LÁNG GIỀNG



Vào thời Nam Bắc Triều, một người tên là Quý Nhã bị bãi chức quận thú Nam Khang, mua một ngôi nhà cạnh nhà danh sĩ Tăng Trân.

Tăng Trân hỏi ông mua ngôi nhà này hết bao nhiêu tiền.

Quý Nhã đáp:

- Một nghìn một trăm vạn tiền.

Tăng Trân nghe nói giá đắt như vậy, rất lấy làm lạ.

Quý Nhã nói:

- Tôi mua nhà hết một trăm vạn tiền, còn mua láng giềng hết một nghìn vạn tiền!

SỬA ỐNG KHÓI ĐỂ TRÁNH HOẢ HOẠN



Một ông khách đến thăm chủ nhà nọ, thấy trên bếp có xây một ống khói rất thẳng, cạnh ống khói còn chất rất nhiều củ rơm.

Khách bèn bảo chủ nhà:



- Bác nên sửa ống khói lại thành hình cong, cúi rơm chuyển ra xa một chút, nếu không sẽ gây hoả hoạn.

Chủ nhà nghe xong không nói năng gì.

Không lâu sau, nhà ông quả nhiên bị cháy, hàng xóm lũ lượt đến chữa cháy, may là kịp dập ngọn lửa.

Sau đó, ông mổ dê bày rượu, cảm tạ những láng giềng đã giúp đỡ, những người bị sém đầu đều được mời ngồi chiếu trên, những người khác cũng được sắp xếp ngồi theo thứ tự công lao lớn nhỏ, nhưng người khách khuyên ông sửa ống khói sang hình cong lại không được mời đến. Nếu chủ nhà nghe lời khuyên của ông thì đâu phải mất tiền mổ dê bày rượu, cũng đâu xảy ra trận cháy này?

NHAN HỒI NẤU CƠM



Trong thời gian bị vây khốn giữa nước Trần và nước Thái, Khổng Tử phải ăn rau dại mà không được hạt gạo nào.

Khổng Tử ban ngày nằm ngủ. Nhan Hôi đi xin gạo, rồi thổi lửa nấu cơm, cơm sắp chín, Khổng Tử thấy Nhan Hôi vốc cơm trong nồi ăn.

Một lát sau, cơm chín, Nhan Hôi bái kiến Khổng Tử và bưng cơm lên, Khổng Tử giả vờ không nhìn thấy Nhan Hôi vốc cơm ăn, đứng dậy nói:

- Hôm nay ta mơ thấy tiên quân, hãy đem cơm trắng tế tiên quân.

Nhan Hồi đáp:

- Không được. Vừa rồi bụi rơi vào nồi cơm, cơm còn dính bụi không sạch, con đã vớt ra ăn.

Khổng Tử thở dài nói:

- Người ta chỉ tin vào mắt mình, những thứ mắt nhìn thấy vẫn không tin được; người ta dựa vào lòng mình, những thứ suy nghĩ trong lòng không thể dựa dẫm. Các trò nhớ lấy: Hiểu người vốn không dễ!

KHÔNG TIN TÀ



Trụ Vương nhà Thương hoang dân vô đạo khiến dân oán thán. Chu Võ Vương kế tục di chí của cha là Chu Văn Vương, được Khương Thái Công phò tá, dấy binh phạt Trụ. Trước khi xuất quân, Võ Vương nhờ quốc sư đoán quẻ. Nào ngờ lại là “đại hung”, càng bói càng hung. Chúng tướng mặt thất sắc, cho rằng chuyến xuất quân chinh phạt bạo chúa này nghịch ý trời.

Trong thời khắc quyết định, Khương Thái Công đứng dậy, vứt hết mai rùa và cỏ thi dùng để bói xuống đất và giẫm nát mai rùa (đây là hành động đại nghịch bất đạo thời đó), lớn tiếng nói:



- Xương khô cỏ chết sao dự đoán được cát hung? Chúng ta đừng vì sùng tín những thứ này mà bỏ sự nghiệp chính nghĩa của nước nhà! Xuất binh thôi!

Toàn quân cảm nhận được uy vọng đại nghĩa của ông, chỉnh đốn nghiêm trang, ồ ạt xuất phát.

Nào ngờ vừa ra khỏi biên giới, một trận gió lớn thổi gãy cột cờ của quân kỳ. Điềm chẳng lành, chúng tướng lo lắng bất an, lũ lượt khuyên Võ Vương lui binh. Nhưng Võ Vương lại nói, đó là “thiên lạc binh” (binh từ trên trời rơi xuống), trời cho binh (cờ) xuống giúp người Chu, điềm đại cát!

Quân đội tiếp tục tiến lên, không bao lâu, trời lại mưa lớn. Khi ấy đang đông giá, binh sĩ lạnh cóng run rẩy. Thấy tình cảnh đó, Chu Võ Vương nói với tướng sĩ toàn quân, trời ân sủng, ban cho sương giá, ấy là “thiên tẩy binh” (binh trời ban xuống để tẩy rửa).

Khó khăn lắm mới đến nơi đã định, Võ Vương lệnh cho quốc sư bói lại. Vốn muốn bói được quẻ tốt để yên lòng quân, nhưng “lửa thần” đốt mai rùa đều bị gió thổi tắt hết. Võ Vương không đợi thuộc hạ phản ứng, nói ngay:

- Đây là ý chỉ của trời, lửa tắt nghĩa là triều Thương ắt bị diệt, điềm lành rõ ràng, không cần bói nữa, cầm lấy binh khí, chuẩn bị chiến đấu!

Để khơi dậy sĩ khí, Chu Võ Vương tuyên đọc bài hịch, toàn quân tuyên thệ sống chết với kẻ thù. Kết quả, đánh bại Trụ Vương ở Mị Dã, diệt nhà Thương, lập nên triều Chu.

DĨ DẬT ĐÃI LAO



Năm 684 trước Công nguyên, nước Tề phái đại quân đánh nước Lỗ. Lỗ Trang Công chuẩn bị dẫn quân nghênh chiến.

Một người tên là Tào Quệ nghe nói Lỗ Trang Công định chiến đấu với quân Tề, bèn định vào cung hiến kế cho Lỗ Trang Công. Hàng xóm khuyên Tào Quệ:

- Bên cạnh Trang Công có rất nhiều mưu sĩ, cần ông tham dự làm gì?

Tào Quệ nói:

- Họ đều là những kẻ thiển lậu tầm thường, không có tầm nhìn xa.

Rồi ông vào cung gặp Lỗ Trang Công. Tào Quệ hỏi Lỗ Trang Công dựa vào cái gì để quyết định chiến đấu với quân Tề, Lỗ Trang Công đáp:

- Ta có áo tốt lương ngon, không bao giờ dám độc chiếm hưởng một mình, nhất định phải chia sẻ với người xung quanh.

Tào Quệ nói:

- Đại vương như thế chỉ là ân huệ nhỏ. Ân huệ nhỏ thì không thể khiến dân cả nước được ích lợi, bởi vậy trăm họ sẽ không theo đại vương.

Lỗ Trang Công lại nói:

- Ta rất thành kính khi tế lễ thần linh, vật tế lễ không bao giờ dám tùy tiện, lời khấn khi tế đều tràn đầy tình cảm chân thực.

Tào Quê nói:

- Đại vương như thế chỉ là thành kính của riêng mình, không thể đại diện cho tất cả, thần linh cũng sẽ không phù hộ đại vương.

Lỗ Trang Công suy ngẫm, rồi nói:

- Nhưng có một điểm, với mọi vụ án lớn nhỏ xảy ra trong nước, ta tuy không thể tra xét rõ từng vụ, nhưng vụ nào do ta đích thân xử lý cũng có kết quả hợp tình hợp lý.

Tào Quê khen:

- Đây mới là tiền đề đáng tin cậy để đánh thắng trận. Vì đại vương làm như vậy là tỏ được tâm ý hết lòng vì trăm họ, dựa vào điểm này, có thể chiến đấu với nước Tề. Nhưng thần xin đại vương cho thần cùng đi.

Lỗ Trang Công đồng ý. Tào Quê bèn ngồi cùng chiến xa với Lỗ Trang Công ra tiền tuyến. Quân đội hai nước Tề, Lỗ bày trận thế ở vùng Trường Thước, Lỗ Trang Công định gióng trống tác chiến. Tào Quê cản lại, khuyên:

- Vẫn chưa đến lúc, chờ thêm chút nữa.

Lúc này, quân Tề bắt đầu đánh trống xuất quân. Khi quân Tề gióng xong ba hồi trống, Tào Quê mới nói:

- Đến lúc có thể giống trống nghênh chiến rồi.

Kết quả, quân Lỗ phấn chấn sĩ khí, đánh bại quân Tề.

Quân Tề thua trận, rút lui. Lỗ Trang Công chuẩn bị hạ lệnh truy kích, Tào Quê nói:

- Xin đợi một chút.

Nói xong, ông xuống chiến xa, quan sát kỹ vết xe của quân Tề, sau đó lại leo lên tấm lót trước xe nhìn ra xa, cuối cùng mới nói:

- Có thể truy kích.

Trận chiến này quân Lỗ toàn thắng.

Cuộc chiến kết thúc, Lỗ Trang Công hỏi Tào Quê tại sao đợi quân Tề giống xong ba hồi trống mới đánh trống nghênh chiến? Tào Quê đáp:

- Tác chiến phải dựa vào dũng khí của binh sĩ. Khi quân Tề giống hồi trống thứ nhất, dũng khí của chúng đang thịnh; hồi trống thứ hai, dũng khí của chúng đã suy yếu; đến hồi trống thứ ba, dũng khí của chúng không còn nữa. Dũng khí quân Tề đã hết, còn dũng khí quân ta đang thịnh, cho nên đánh là thắng.

Lỗ Trang Công lại hỏi:

- Sao quân Tề thất bại, tiên sinh lại không cho quân ta lập tức truy kích?

Tào Quê đáp:

- Nước Tề là nước lớn, nước lớn tác chiến khó lòng nắm bắt. Thần sợ chúng rút lui là mưu, đặt mai

phục. Thần đã quan sát kỹ vết xe khi chúng rút lui, thấy vết xe rối loạn, lại leo lên cao nhìn lá cờ của chúng, thấy chiến kỳ của chúng đã đổ. Vì vậy đoán định chúng thật sự đã thất bại, nên mới hạ lệnh truy kích.

TUỶ CƠ ỨNG BIẾN



Năm Ung Hy thứ ba (986), Tống Thái Tông nghe báo cáo từ biên cương, cho rằng vua Liêu vừa mất, chúa nhỏ nước yếu, là thời cơ rất tốt để phạt Liêu, nên hạ lệnh chia quân làm ba đường đánh U Châu (nay là thành phố Bắc Kinh), hòng thu phục mười sáu châu Yên Vân. Giai đoạn đầu cuộc chiến, quân Tống thế như chẻ tre, liên tiếp đoạt được thành, nhưng quân chủ lực đánh U Châu do Tào Bân soái lĩnh không hành sự theo kế hoạch mà Tống Thái Tông sắp đặt trước đó, mà tham công mạo hiểm tấn công theo yêu cầu của chúng tướng, đánh chiếm Trác Châu (nay là huyện Trác tỉnh Hà Bắc), vì không được tiếp tế lương thảo nên buộc phải rút khỏi Trác Châu, kết quả tạo cơ hội cho quân Liêu, mười vạn đại quân bị quân Liêu đánh bại tại ải Kỳ Câu (nay là tây nam huyện Trác tỉnh Hà Bắc), kế hoạch phạt Liêu chiếm mười sáu châu Yên Vân phá sản. Quân trung lộ và tây lộ cũng buộc phải rút lui.

Đại quân tây lộ do Phan Mỹ, Dương Nghiệp soái lĩnh. Khi rút lui, Tống Thái Tông ra lệnh dời trăm họ ở biên giới vào nội địa. Trong quá trình yểm hộ cho trăm họ rút lui, chủ soái Phan Mỹ không nắm rõ tình thế, tin theo sàm ngôn, lâm trận bỏ trốn, khiến Dương Nghiệp binh bại tử trận. Dương Nghiệp chiến đấu anh dũng, được ca ngợi là vô địch. Quân Liêu rất sợ ông. Cái chết của Dương Nghiệp khiến biên phòng miền bắc khuyết một viên đại tướng. Ai sẽ trám vào chỗ trống này? Điều này khiến Tống Thái Tông rất lo lắng, ông hỏi cận thần người kế nhiệm phù hợp. Lúc này, Tả gián nghị đại phu Trương Tề Hiền chủ động xin đi trấn thủ biên giới phía bắc, Tống Thái Tông bèn bổ ông làm Tri châu Đại Châu (nay là huyện Đại – Sơn Tây), cùng Phan Mỹ thống lĩnh binh mã chống lại quân Liêu.

Trương Tề Hiền từ nhỏ đã chăm chỉ học hành, có chí hướng lớn. Khi Tống Thái Tổ đến tây kinh Lạc Dương (nay là Lạc Dương – Hà Nam) tuần du, Trương Tề Hiền lấy thân phận bình dân áo vải chặn ngựa của Tống Thái Tổ, dâng lên Tống Thái Tổ 10 sách lược trị nước. Tống Thái Tổ về đến kinh thành, bảo Tống Thái Tông:

- Ta đi Lạc Dương, thu hoạch duy nhất được một người là Trương Tề Hiền, ta không dự định phong quan cho hắn, cứ để hắn sau này đến phò tá con.

Sau khi lên kế ngôi, Tống Thái Tông rộng mở khoa cử, Trương Tề Hiền đậu tiến sĩ. Sau khi vào triều làm quan, Trương Tề Hiền đã đưa ra quan điểm



độc đáo về rất nhiều vấn đề trọng đại: Về việc bắc chinh phạt Liêu, ông cho rằng nhân dân làm gốc, cương thổ là ngọn, cần giữ gốc trước ngọn sau, an trong dưỡng ngoài.

Trương Tề Hiền đến Đại Châu nhậm chức chưa bao lâu thì quân Liêu từ Hồ Cốc (nay là tây bắc huyện Quách tỉnh Sơn Tây) xâm nhập, đại quân tiến thẳng đến chân thành Đại Châu. Thần vệ đô hiệu Mã Chính trong thành Đại Châu dẫn bộ hạ bày trận nghênh địch ở ngoài cửa thành nam, nhưng quân số quá ít, còn phó tướng Lư Hán Đại lại kinh sợ không chiến đấu, nấp trong thành giữ mình, Trương Tề Hiền thấy tình cảnh này, bèn chọn ra 2000 người, khảng khái thề xuất chinh, rồi đích thân soái lĩnh, đánh ra từ bên phải Mã Chính, quân Liêu thấy thế quân Tống mạnh, bèn rút khỏi chân thành.

Ban đầu khi quân Liêu đến xâm phạm, Trương Tề Hiền phái người gửi thư cho Phan Mỹ, bảo ông ta xuất quân liên thủ đẩy lùi quân Liêu. Nhưng người mà Trương Tề Hiền phái đi gửi thư bị quân Liêu bắt giữ trên đường trở về, vì vậy Trương Tề Hiền rất lo việc Phan Mỹ xuất quân đã bại lộ, lỡ Phan Mỹ dẫn quân đến thì sẽ bị quân Liêu phục kích. Trong lúc Trương Tề Hiền đang lo lắng thì Phan Mỹ cho người gửi thư đến, cho biết đại quân xuất phát từ Tịnh Châu (nay là thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây), vừa đến Bách Tỉnh (nay là đông bắc huyện Trữ Khúc – Sơn Tây) thì nhận được mật chiếu của Tống Thái Tông: quân Tống đại bại trong cuộc hội chiến với quân Liêu ở Quân Tử Quán (nay là phía tây bắc

huyện Quảng tỉnh Hà bắc), hàng vạn người chiến tử, binh mã ở Tịnh Châu không được phép xuất chiến, vì vậy Phan Mỹ dẫn đại quân đã lui về Tịnh Châu. Trương Tề Hiền được biết đại quân của Phan Mỹ không đến nữa, thở phào nhẹ nhõm, nhưng làm sao đẩy lui quân Liêu trước mắt? Trương Tề Hiền lại bắt đầu suy nghĩ. Sau khi ông hỏi rõ sự phân bố của quân Liêu và hình thế sông núi xung quanh, một kế hoạch phá địch đã hình thành trong đầu.

Trước tiên, Trương Tề Hiền giam lỏng mật sứ đưa thư do Phan Mỹ phái đến, phong toả chặt chẽ thông tin lui binh của Phan Mỹ, rồi bảo chúng tướng:

- Quân Liêu biết Phan Mỹ sắp dẫn quân đến hội chiến, nhưng không biết Phan Mỹ đã lui binh, đây chính là thời cơ rất tốt để chúng ta phá địch.

Thế rồi đến nửa đêm, Trương Tề Hiền cử ra 200 người, mỗi người tay cầm một lá cờ, vai vác một bó củi, đến núi cách Đại Châu 30 dặm về phía tây nam, cắm cờ khắp nơi, đốt củi, hư trương thanh thế, sau đó lại cử ra 2000 bộ binh, mai phục ở trại Thổ Trùng (nay là phía đông huyện Ninh Võ tỉnh Sơn Tây). Quân Liêu nhìn từ xa thấy phía tây nam thành Đại Châu có ánh lửa, trong ánh lửa còn có cờ bay phấp phới, tưởng là đại quân của Phan Mỹ đã đến ngoài thành Tịnh Châu, bèn sợ hãi rút lên bắc, gặp quân Tống phục binh ở trại Thổ Trùng, quân Tống ào lên chém giết, đánh quân Liêu đại bại. Trận này quân Tống bắt được con trai của Bắc Đại Vương và một viên tướng khác, chém đầu hàng trăm người, bắt



giữ 2000 con chiến mã, còn có rất nhiều binh khí, áo giáp. Người đời sau bình luận trận chiến chống quân Liêu sau khi đại chiến thất lợi tại ải Kỳ Câu của quân Tống: Lớn nhỏ mấy mươi trận chiến, chỉ có Trương Tề Hiền đánh một trận thắng đẹp.

BIẾT NGƯỜI BIẾT TA



Năm 1074, Tống và Liêu tranh giành biên giới. Hai bên cử đại biểu đàm phán tại Hoàng Bình trên biên giới Đại Châu. Nhưng do phía Liêu liên tục gây trở ngại, nên cuộc đàm phán bị huỷ bỏ. Năm sau, phía Liêu phái sứ thần Tiêu Hy đến kinh đô Tống, rêu rao: “Không giải quyết được vấn đề, thề không về Liêu”. Các quan phía Tống cùng Tiêu Hy đàm phán thâu đêm suốt sáng, nhưng vì phía Liêu đòi hỏi vô lý nên đàm phán không chút tiến triển.

Thần Tông vô cùng lo lắng, ông không muốn giao chiến với quân Liêu, cũng không muốn cắt nhượng lãnh thổ cầu hoà, cuối cùng quyết định phái Thẩm Khoát đi đàm phán.

Thẩm Khoát thời trẻ đã nghiên cứu kỹ biên giới Tống, Liêu, lần này nhận được sứ mệnh đi sứ Liêu quốc, ông lại tra hồ sơ, điển tịch, tìm hiểu các quan viên liên quan, làm rõ phía Liêu hai lần đề xuất phân giới tiền hậu bất nhất. Phân giới lần thứ nhất

và phân giới lần thứ hai chênh lệch nhau 30 dặm. Ông suốt đêm viết bản tấu, trình lên Thần Tông. Thần Tông đọc xong tấu chương, bảo quần thần:

- Đại thần chủ trì đàm phán ngày trước không nghiên cứu rõ gốc ngọn, làm lỡ quốc sự. Thẩm Khoát có tinh thần ấy, trăm không còn phải lo nữa.

Thần Tông căn cứ tư liệu Thẩm Khoát cung cấp, đích thân vẽ một tấm bản đồ.

Ngày hôm sau, Thẩm Khoát mang tấm bản đồ đến quán xá gặp sứ Liêu là Tiêu Hy. Thẩm Khoát nói:

- Hạ quan được hoàng thượng uỷ thác, đến hầu các hạ, quý quốc có yêu cầu gì, xin cứ cho tôi biết.

Tiêu Hy nói với giọng rất ngạo mạn:

- Tổng triều vi phạm điều ước, xâm phạm biên giới Đại Liêu ta. Chúng ta sớm đã đối chiếu, yêu cầu định lại biên giới. Hoàng đế Đại Liêu phái ta đến Đông Kinh, việc này không giải quyết, ta không thể về triều phục lệnh.

Thẩm Khoát mỉm cười nói:

- Tôi có biết đôi chút về tình hình biên giới. Địa giới mà quý quốc tranh chấp chênh lệch với địa giới thoả thuận khi trước 30 dặm. Không biết ngài lần này đến Đông Kinh là để giải quyết tranh chấp biên giới hay là muốn lấy lãnh thổ?

Tiêu Hy không có chuẩn bị tư tưởng, giả vờ trấn tĩnh đáp:

- Đại Liêu chỉ yêu cầu định lại biên giới theo thoả

thuận ban đầu, tuyệt đối không có yêu cầu lãnh thổ đối với Tống quốc.

Thẩm Khoát lấy tấm bản đồ từ tay áo ra, nói:

- Ngài nói là không có yêu cầu về lãnh thổ, thực là đại lượng của quý quốc. Bản đồ này do ngự bút vẽ, mời ngài xem.

Tiêu Hy xem bản đồ, thấy sông núi rất rõ ràng, nhất thời không biết đối đáp sao, đành nói khéo:

- Đã vậy, ta đành phải sớm về nước báo cáo với Hoàng đế Đại Liêu.

Tiêu Hy đi rồi, mọi người say sưa trong niềm vui. Nhưng Thẩm Khoát lại rất lo lắng. Ông biết sứ Liêu tuy đã về, nhưng tranh chấp biên giới vẫn chưa được giải quyết. Nay đại quân Liêu áp sát biên giới, nếu không nhanh chóng sang Liêu, diện kiến Liêu đế, giải quyết viên mãn chuyện này, thì phía Liêu có thể xua quân xuống nam bất cứ lúc nào. Ông bèn trình suy nghĩ của mình lên Thần Tông, Thần Tông rất tán thành và phái Thẩm Khoát đi sứ Liêu quốc.

Hội trường đàm phán đặt trong một lán trại rộng rãi. Đại diện phía Liêu là Tể tướng Dương Ích Giới, là nhân vật nắm thực quyền của nước Liêu. Ông mở lời trước:

- Địa giới Liêu, Tống cần được phân định lại, Đại Liêu chúng ta nhiều lần phái sứ thần sang Tống, mãi vẫn chưa được phúc đáp. Lần này quý sứ đến, hy vọng sẽ sớm thương định, tránh lại động can qua.

Thẩm Khoát ung dung đáp:

- Địa giới Tống, Liêu đã được phân định từ lâu, nhưng vấn đề lấy núi Hoành Khắc làm địa giới mà quý quốc đề ra không hề được ghi chép trong tư liệu, tể quốc không dám tuân theo. Tôi có mang theo tư liệu đây, xin ngài xem qua.

Tuỳ tùng đưa tư liệu hai nước đã ký lên bàn đàm phán, trong tư liệu có ghi rõ: “Núi Hoành Khắc lấy chân núi làm địa giới”.

Dương Ích Giới không lời đối đáp, cuối cùng nói bằng giọng đe dọa:

- Quý quốc không chịu cắt nhượng mấy chục dặm đất, chẳng lẽ muốn đoạn tuyệt quan hệ hữu hảo giữa hai nước?

Thẩm Khoát đáp:

- Quân đội có lý do chính đáng thì mạnh mẽ, lý do bất chính thì suy yếu. Bắc triều bỏ đi đại tín của tiên quân, lấy uy áp đặt cho dân mình, không phải là điều bất lợi cho chúng tôi.

Dương Ích Giới thấy Thẩm Khoát thái độ cứng rắn, ngôn từ sắc sảo, đành phải tuyên bố dừng hội nghị.

Trong lần đàm phán thứ hai, Dương Ích Giới thấy ép đòi đất không được, bèn từ bỏ chuyện địa giới núi Hoành Khắc, mà đề xuất vấn đề thu hồi Thiên Trì Tử. Thiên Trì Tử thuộc lãnh địa nước Tống, điều này đã được xác định từ lâu trong thoả thuận ký giữa Tống, Liêu, nhưng hiệp định cho phép một phần dân Liêu chăn ngựa ở Thiên Trì Tử.

Thẩm Khoát nói:

- Thiên Trì Tử là cương thổ nước Tống, sao có thể thay đổi?

Dương Ích Giới nói:

- Dân Liêu chặn ngựa ở đấy, rất dễ gây xung đột, tổn hại đến quan hệ hai nước, xin các hạ suy nghĩ kỹ.

- Thiên Trì Tử thuộc Tống là do tiên đế đã định, bản triều không có quyền thay đổi. Còn về xung đột vũ trang, bản triều nhận nhận có hạn, cũng xin quý quốc suy nghĩ kỹ.

Hai bên đã tiến hành sáu lần hội nghị, Thẩm Khoát đều đối đáp trôi chảy, lời nói sắc sảo. Dương Ích Giới không ngờ triều Tống lại có sứ thần kiệt xuất đến thế, lại nghe nói Tống triều đang tập kết quân đội ở biên giới để chuẩn bị ứng chiến, đành phải từ bỏ yêu cầu đòi đất, duy trì biên giới đã được xác định trong hiệp nghị, mau chóng kết thúc đàm phán.

Thẩm Khoát đã thắng lợi hoàn toàn trong sứ mệnh đi sứ Liêu quốc, trở về Biện Lương. Thần Tông ban cho ông chức Hàn lâm học sĩ để tưởng thưởng cho công lao của ông.

CHỌN CÂY MÀ ĐẬU



“Chọn cây mà đậu” là một phương diện của lập thân xử thế. Nếu chọn được một cái “cây” tốt để đậu, còn biết cất cánh tung bay thì mưu lược xử thế không thể xem thường. Lý Tư chính là một người như vậy.

Lý Tư sinh vào cuối thời Chiến Quốc, hồi trẻ từng làm chức quan nhỏ, rất bất mãn với tình hình đương thời và hoàn cảnh của bản thân, một lòng muốn kiến công lập nghiệp. Ông thường xuyên nhìn thấy lũ chuột kiếm ăn trong nhà xí, gặp người hoặc chó là vội vàng chạy trốn, trông rất thảm thương. Lại thấy lũ chuột béo trong kho lương, tự do thoải mái ăn trộm lương thực, không ai quấy rầy.

Vì thế Lý Tư than thở, con người phải như lũ chuột trong kho lương mới có thể muốn làm gì thì làm, tự do tự tại. Ông đến nước Tề bái Tuân Tử làm thầy, chuyên học phương pháp trị nước.

Sau khi học thành, Lý Tư phân tích tỉ mỉ tình thế đương thời. Sở Vương bất tài, không đáng để ra sức; mấy nước khác thế đơn lực mỏng, cũng không thể làm nên việc lớn; chỉ có nước Tần có thể có tương lai, thế nên ông quyết định đến nước Tần.

Trước khi đi, Tuân Tử hỏi Lý Tư nguyên nhân đến nước Tần, Lý Tư đáp:

- Học trò nghe nói không được bỏ lỡ thời cơ, cần phải kịp thời nắm bắt. Nay các nước tranh hùng, chính là thời cơ tốt để lập công thành danh. Nước Tần muốn thôn tính sáu nước, thống nhất thiên hạ, đến đó sẽ có thể làm nên nghiệp lớn. Con người sống trên đời, mỗi sỉ nhục lớn nhất là ti tiện, nỗi bi thương lớn nhất là bần cùng. Một người luôn ở địa vị thấp hèn bần cùng thì chẳng khác nào cầm thú. Không thích danh lợi, không làm gì cả thì không phải là suy nghĩ chân thực của kẻ đọc sách. Bởi vậy con muốn đến nước Tần.

Tuân Tử rất tán thành việc này.

Khi vừa đến nước Tần, Lý Tư không được dùng, sau Tướng quốc Lã Bất Vi phát hiện Lý Tư học rộng hiểu nhiều nên trọng dụng, Lý Tư mới có cơ hội tiếp cận Tần Thủy Hoàng.

Lúc này Tần Thủy Hoàng đang muốn thống nhất thiên hạ, Lý Tư nhân cơ hội hiến kế:

- Phàm những người muốn thành đại nghiệp đều cần nắm được thời cơ. Nước Tần thời Mục Công tuy cường thịnh, nhưng thời cơ chưa chín muồi nên chưa hoàn thành đại nghiệp thống nhất. Từ thời Hiếu Công đến nay, vương thất suy vi, chư hầu tranh bá, các nước đánh nhau liên miên. Nay nước Tần quốc lực cường thịnh, đại vương anh minh, tiêu diệt sáu nước dễ như trở bàn tay. Đây chính là cơ hội rất tốt để hoàn thành đế nghiệp, thống nhất thiên hạ. Nếu

bỏ lỡ thời cơ, đợi các nước lớn mạnh và liên hợp lại với nhau thì khi đó dù hoàng đế anh minh cũng khó thôn tính được thiên hạ.

Tần Thuỷ Hoàng nghe xong vô cùng hưng phấn, lập tức đề bạt Lý Tư làm Trưởng sử, theo mưu lược của ông, phái mưu sĩ thích khách đến các nước, dùng nhiều vàng mua chuộc đại thần danh sĩ các nước, không mua chuộc được thì giết. Song song đó, lại phái danh tướng dẫn trọng binh dùng võ lực uy hiếp, buộc các nước phải tuân theo sự điều khiển của mình.

Trong thời gian mười năm, Lý Tư đã phò tá Tần Thuỷ Hoàng tiêu diệt được sáu nước, hoàn thành đại nghiệp thống nhất thiên hạ. Vì vậy ông được Tần Thuỷ Hoàng trọng dụng, quan vị lên đến Thừa tướng.

DÁM LÀM DÁM CHỊU



*M*ạnh Tử nói: “Thành giả, thiên chi đạo dã; tư thành giả, nhân chi đạo dã. Chí thành nhi bất động giả, vị chi hữu dã; bất thành, vị hữu năng động giả dã” (Thành tín là đạo của trời, nghĩ đến thành tín là đạo của con người. Chí thành mà không khiến người cảm động là điều chưa từng có; không chân thành thì không thể khiến người cảm động).

Thành thực luôn là một phẩm chất đáng quý của con người.

Vào thời Ngụy Thế Tổ Thái Vô Đế, Cao Doãn và Tư Đồ Thôi Hạo phụng mệnh cùng soạn sách “Quốc kỷ”. Cao Doãn làm Thị lang, Tùng thị trung lang kiêm nhiệm Trước thư lang, ông tinh thông thiên văn lịch pháp, trong quá trình biên soạn, thường sửa lỗi giúp Thôi Hạo, ai cũng thán phục.

Khi ấy, có bọn Trước tác lệnh sứ Mân Tràm hay gian nịnh, rất được Thôi Hạo tín nhiệm. Thấy các sách “*Thi*”, “*Luận ngữ*”, “*Thượng thư*”, “*Dịch*” do Thôi Hạo chú thích, bèn dâng tấu nói “*Lục kinh*” mà Mã, Trịnh, Vương, Giả chú thuật có rất nhiều chỗ sai, không tinh diệu bằng Thôi Hạo, vì thế xin cho thu hồi hết sách do các nhà chú thuật lưu hành trong nước, phát hành chú thư của Thôi Hạo cho người trong thiên hạ học tập. Đồng thời thỉnh cầu Thế Tổ ban mệnh cho Thôi Hạo tiếp tục chú thích “*Trát truyện*” để kẻ hậu sinh văn bối thật sự lĩnh ngộ được nghĩa lý trong đó. Có kẻ phụ họa, ra sức tâng bốc tán dương, khiến Thôi Hạo tự đắc, dâng tấu tự xưng ông có tài soạn sách. Không lâu sau, Mân Tràm lại xúi Thôi Hạo đem toàn văn “*Quốc kỷ*” mà ông biên soạn khắc lên bia đá, dựng ở các con đường giao thông trọng yếu hầu lưu danh thiên cổ, qua đó thể hiện sự tích Thôi Hạo cầm bút soạn sách. Cao Doãn hay chuyện, rất lo lắng, sợ rằng Thôi Hạo đắc ý mà quên hết tất cả, ắt không có kết quả tốt. Ông lo lắng bảo Trước tác lang Tông Khâm:

- Việc làm của Mân Tràm thực rất nguy hiểm, e sẽ đẩy cả gia tộc Thôi Hạo vào đại họa, chúng ta cũng rất khó được miễn tội.

Cao Doãn liệu sự như thần, không lâu sau quả nhiên xảy ra chuyện, Thôi Hạo vì soạn “*Quốc kỷ*” chọc giận Thế Tổ, nên bị bắt giữ thẩm vấn. Khi đó Cao Doãn đang nhậm chức ở Trung thư tỉnh, Cung Tông đã được Thế Tổ lập làm Thái tử, từng được Cao Doãn giảng dạy kinh sử, nên rất kính trọng ông, thấy Cao Doãn vì tham gia việc biên soạn “*Quốc kỷ*” mà bị liên lụy, không thể không cứu, bèn phái Đông cung thị lang Ngô Diên mời Cao Doãn đến, để ông lưu lại trong cung. Ngày hôm sau, Cung Tông vào gặp Thế Tổ, lệnh cho Cao Doãn theo mình vào cung triều kiến. Đến cửa cung, Cung Tông bảo:

- Giờ thầy cùng ta vào kiến Chí Tôn, đến nơi ta sẽ hướng dẫn cho thầy, nếu Chí Tôn có hỏi, thầy chỉ cần trả lời theo ý ta là được.

Hai người vào cung gặp Thế Tổ, Cung Tông thận trọng nói:

- Trung thư thị lang Cao Doãn luôn ở trong cung của thần, giao thiệp với thần nhiều năm, luôn biết thận trọng, thần rất hiểu điều này. Ông ấy tuy cùng làm việc với Thôi Hạo, nhưng chức thấp, lời nói không có trọng lượng, bị Thôi Hạo khống chế, tội là ở Thôi Hạo, xin xá cho Cao Doãn không chết.

Thế Tổ bảo Cao Doãn bước lên, hỏi:

- Sách “*Quốc kỷ*” có phải chỉ do mình Thôi Hạo biên soạn?

Cao Doãn đáp:

- Sách “*Thái Tổ kỷ*” nguyên do Trước tác lang Đặng Uyên biên soạn, sách “*Tiên đế kỷ*” và “*Kim kỷ*” do thần và Thôi Hạo cùng soạn, nhưng Thôi Hạo tổng hợp xử lý toàn diện, sự việc phức tạp, tuy là cùng soạn, nhưng kỳ thực chỉ là tổng thẩm cắt gọt mà thôi. Còn chú thích trong sách thì thần làm nhiều hơn Thôi Hạo.

Thế Tông nghe xong cả giận:

- Như thế thì tội người nặng hơn Thôi Hạo, sao có thể tha đường sống cho người.

Cung Tông thấy Thế Tổ nổi giận, sự việc không hay, vội xen lời giải thích biện bạch:

- Xin phụ hoàng bớt giận, Cao Doãn chỉ là một viên quan nhỏ, vì sợ hãi mê loạn nên nói năng hồ đồ. Trước khi thần có tra vấn kỹ, Cao Doãn đều nói sách “*Quốc kỷ*” là do Thôi Hạo soạn.

Cao Tổ lại hỏi Cao Doãn:

- Có đúng như lời Thái tử nói không?

Cao Doãn mặt không có vẻ sợ hãi, bình tĩnh đáp:

- Thần tài học nông cạn, biên soạn có nhiều chỗ sai sót, vi phạm thánh ân, lại chọc giận thiên uy, thân đã biết tội, đáng diệt tộc. Thần sắp chết đến nơi, không dám nói năng hồ đồ, bịt tai thánh. Thái tử diện hạ vì thần đi theo hầu phò bên cạnh giảng thụ kinh học nhiều năm nên xót thương thần, mới ra sức xin khoan dung, thực ra diện hạ chưa từng

hỏi thần, thần cũng không nói như vậy, xin tâu như thực, không dám giấu giếm.

Thế Tổ nghe xong, nguôi giận, bảo Cung Tông:

- Thật là trực ngôn không kiêng huy! Đây cũng là điều hiếm có, đến chết cũng không nói dối che tội, khó lắm thay! Là thần mà không khi quân, cho trăm biết sự thực, thật là tôi trung. Tuy có tội, cũng có thể miễn.

Thế là Cao Doãn được xá miễn. Sau đó Thế Tổ cho triệu Thôi Hạo, sai người thẩm vấn, Thôi Hạo hoảng sợ mê loạn, không trả lời được, không như Cao Doãn, mọi việc đều nói rõ ràng, có trình tự. Lần này Cao Tổ càng giận, lệnh cho Cao Doãn thảo chiếu thư, đem chém Thôi Hạo và gia tộc, tổng cộng 128 người, tru di đến ngũ tộc.

Cao Doãn phụng mệnh thảo chiếu thư, nhưng ông lần nữa mãi không chịu viết, Thế Tổ liên tục sai người hối thúc, Cao Doãn xin tâu kiến Thế Tổ, nói rõ tình hình rồi mới thảo chiếu. Thế Tổ chấp thuận, Cao Doãn tấu:

- Thôi Hạo nếu có tội trạng khác thì thần không dám nói nhiều, nhưng nếu chỉ luận tội theo việc này thì tội không đáng chết.

Thế Tổ thoát nghe, cả giận, sai Thị vệ lôi Cao Doãn xuống. Cung Tông đành phải đến xin. Thế Tổ nói:

- Nếu không nhờ người này khuyên gián thì còn hàng nghìn người nữa phải chết.

Cung Tông và Cao Doãn không dám nói nhiều nữa, bái tạ lui xuống. Cuối cùng Thôi Hạo vẫn chuốc lấy hoạ diệt tộc diệt môn, liêu thuộc của Thôi Hạo cũng bị xử tử, nhưng chỉ xử đến bản thân họ chứ không liên lụy đến vợ con họ. Trước lúc chết, Trước tác lang Tông Khâm nhớ đến lời dự báo của Cao Doãn, thở dài một tiếng:

- Cao Doãn có tài tiên tri, quả là bậc thánh nhân vậy!

Sau sự việc, Cung Tông trách Cao Doãn:

- Làm người phải biết tùy cơ ứng biến, nếu không đọc nhiều sách phỏng có ích gì? Khi ấy ta đã sắp xếp hướng dẫn cho thầy, sao thầy lại không làm theo lời ta, đến nỗi chọc giận thánh đế, đến nay nghĩ lại tim vẫn đập thành thịch.

Cao Doãn khi ấy sao lại không hiểu nỗi khổ tâm của Cung Tông? Nhưng ông có cái lý riêng của mình, khi đó mới cho Cung Tông biết:

Thần là một kẻ phạm phu tục tử nơi thôn dã, vốn không có ý muốn làm quan, không ngờ được triều đình cho vời, tẩm thánh ân, làm quan trong Trung thư tỉnh. Tự nghĩ nhiều năm nay ngồi mát ăn bát vàng, hưởng bổng lộc, gây trở ngại cho người hiền lương, lòng luôn thấy bất an. Còn nói về sử sách, nên ghi chép trung thực lời nói và hành động của đế vương, làm tấm gương cho đời sau. Đời nay theo đó có thể hiểu được quá khứ, đời sau có thể hiểu được triều nay, vì thế mọi lời nói việc làm đều ghi chép lại, người làm vua tất nhiên sẽ rất cẩn thận về

việc này. Thôi Hạo được hưởng hoàng ân, vinh dự một đời, nhưng lại phụ thánh ân, đến nỗi tự chuốc diệt vong, con người và việc làm của Thôi Hạo quả thực có chỗ không phải. Thôi Hạo dùng cái tài tầm thường mà gánh vác trọng trách lớn, trong triều không có lòng trung thành chính trực, tư dục lấn át thanh liêm, tốt xấu cá nhân che lấp chính trực và công lý, đây đều là tội của Thôi Hạo, còn về việc ông ta ghi lại sinh hoạt trong triều, bình luận được mất của chính sự nước nhà, vốn là thông lệ trong việc chép sử, không có vi phạm gì quá đáng. Thần và Thôi Hạo cùng soạn một cuốn sách, cùng gánh vác một việc, cũng là sự thực. Sống chết vinh nhục, đáng lẽ không nên khác nhau, theo lý mà nói, thần không xứng đáng được đối xử đặc biệt. Nay được miễn, vô cùng cảm tạ ơn tái sinh của điện hạ. Nếu trái lương tâm để xin miễn thì không phải là bản ý của thần.

Cao Doãn nói rất hào sảng, Cung Tông nghe xong, rất cảm động.

CÔNG CAO KHÔNG KIÊU



Từ Đạt sinh ra trong một gia đình nông dân ở Hào Châu (nay là Phụng Dương – An Huy), thuở nhỏ từng cùng chăn trâu với Chu Nguyên Chương. Trong cuộc đời chinh chiến của mình, ông hữu dũng



hữu mưu, có tài dụng binh, lập chiến công hiển hách trong công cuộc sáng lập nhà Minh và thống nhất Trung Quốc, là một vị tướng tài nổi tiếng trong lịch sử, rất được Chu Nguyên Chương sủng ái.

Thế nhưng con người có chiến công hiển hách ấy lại không cậy công kiêu ngạo. Mùa xuân hàng năm, Từ Đạt nhận ấn soái dẫn quân xuất chinh, đến mùa đông trở về triều. Về đến nơi ông lập tức trả lại ấn soái, về nhà sống cuộc đời giản dị. Theo lý, một người là chí giao thuở nhỏ từng đi chăn trâu với Chu Nguyên Chương, lại chiến công hiển hách, thậm chí còn được Chu Nguyên Chương gả con gái thứ cho, hoàn toàn có thể “hưởng thanh phúc”. Chu Nguyên Chương cũng bảo riêng ông:

- Từ Đạt huynh đã lập kỳ công cái thế, chưa bao giờ được nghỉ ngơi đúng nghĩa, nay ta ban dinh thự cũ cho huynh, để huynh được hưởng thanh phúc mấy năm.

Dinh thự cũ của Chu Nguyên Chương là phủ đệ ông ở khi còn là Ngô hoàng trước khi lên ngôi. Nhưng Từ Đạt không chịu nhận. Bất đắc dĩ, Chu Nguyên Chương đành mời Từ Đạt đến phủ đệ này uống rượu, phục cho say rồi đắp chăn lên, đích thân dìu ông lên giường ngủ. Từ Đạt nửa đêm tỉnh rượu, hỏi người xung quanh là mình đang ở đâu, nội thị đáp:

- Đây là cự nội.

Từ Đạt cả kinh, vội nhảy xuống giường, phủ phục xuống đất tự kêu tội chết. Chu Nguyên Chương thấy ông khiêm cung như vậy, lòng vô cùng vui mừng,

lệnh cho các bộ phận liên quan xây một toà nhà trước phủ đệ cũ, trước cửa dựng một tấm bảng rồi đích thân đề lên hai chữ “Đại Công”.

Từ Đạt công cao mà không kiêu, điều này còn thể hiện ở việc ông ham học không chán, nghiêm khắc với mình. Xuất thân chăn trâu, thuở nhỏ Từ Đạt không có cơ hội đi học, nhưng ông rất ham học. Mỗi lần xuất chinh ông đều mang theo rất nhiều sách, cứ có thời gian là lôi ra đọc say sưa, nắm được lý luận quân sự uyên bác. Do đó mỗi khi lâm trận chỉ huy, ông đều liệu địch như thần, tiến thoái có căn cứ, trăm trận trăm thắng, khiến người tâm phục.

Thân làm thống soái, Từ Đạt còn biết đồng cam cộng khổ với binh sĩ. Gặp khi quân lương chưa tiếp tế kịp, binh sĩ không no, ông cũng không ăn không uống; đóng trại chưa xong, ông cũng không vào trướng nghỉ; sĩ tốt bị thương hay có bệnh, ông đích thân an ủi hỏi han, cho thuốc trị bệnh. Gặp sĩ tốt hy sinh, ông càng trọng thị và cho quan tài mai táng. Tướng sĩ vô cùng cảm kích và kính trọng ông.

Vốn có thể chơi bởi thả sức, nhưng Từ Đạt bình sinh không thích tửu sắc, “phụ nữ không yêu, của cải không lấy, trung chính không ghét, sáng như nhật nguyệt”. Chu Nguyên Chương ban cho ông một bãi đất bồi, do khu đất nằm ngay đường thủy mà nông dân phải đi qua, nên thuộc hạ của ông lợi dụng tự ý mưu lợi, Từ Đạt biết được, lập tức giao khu đất ấy cho quan phủ, “ông ấy không tư lợi, thực là đại tiết hiếm có”.

Năm 385, Từ Đạt bị bệnh qua đời ở Nam Kinh. Chu Nguyên Chương vì vậy không thiết triều, đau lòng vô cùng, truy phong cho ông làm Trung Sơn Vương, đồng thời đặt chân dung của ông ở vị trí đầu trong miếu công thần, xưng ông là “Đệ nhất khai quốc công thần”.

CẨN THẬN CHÍNH CHẨN



Lý Bật là đại tướng đầu thời Đường, tên thật là Từ Thế Huân, từng tham gia quân Ngôã Cương, sau khi thất bại ông theo nhà Đường, làm Tả võ hầu đại tướng quân, được phong làm Tào quốc công, được ban họ Lý, đổi sang tên đơn để tránh kỵ húy với Đường Thái Tông Lý Thế Dân. Sau khi Đường Cao Tông Lý Trị lên ngôi, Lý Bật làm Tư không, là người khôn khéo, hành sự cẩn thận.

Cao Tông Lý Trị muốn lập Thái tử, do Vương hoàng hậu không có con trai, mà Võ Tắc Thiên lại có, bèn trưng cầu ý kiến các đại thần.

Thượng thư tả bộc xạ Chử Toại Lương đề nghị:

- Vương hoàng hậu là con gái thế gia, là tiên đế chọn cho bộ hạ, khi lâm chung tiên đế đã nắm tay bộ hạ nói với các đại thần: “Con trai, con dâu ngoan của ta, nay giao phó chúng cho các khanh”. Bộ hạ

từng nghe những lời này, đến nay như vẫn còn văng bên tai, chưa từng nghe nói Vương hoàng hậu có lỗi gì, sao có thể tùy tiện phế trừ? Nếu bệ hạ nhất định thay hoàng hậu, xin hãy chọn con nhà vọng tộc trong thiên hạ, hà tất phải chọn Võ thị? Võ thị từng theo hầu tiên đế, đây là điều ai cũng biết, sao có thể bịt được tai mắt của chúng nhân thiên hạ?

Hàn Viện, Lai Tể cũng dâng sớ lên Lý Trị, ra sức khuyên không chọn Võ Thị, nhưng Cao Tông không nghe.

Sau đó, Cao Tông hỏi quan điểm của Lý Bột, Lý Bột là người khôn ngoan, nghĩ rằng trong lúc quan trọng này nếu cho ý kiến vượt quá bốn phạm thì có thể chuốc họa sát thân, phế lập hoàng hậu có thành công hay không đều có liên quan đến tính mạng. Đồng ý phế trừ Vương hoàng hậu, nếu không thành công thì sẽ đắc tội với Vương hoàng hậu; không đồng ý phế trừ Vương hoàng hậu, nếu Võ Tắc Thiên được chọn thì rõ ràng là tự chui đầu vào rọ.

Lý Bột suy tính rồi úp mở nói với Cao Tông:

- Đây là việc nhà của bệ hạ, việc gì phải hỏi người ngoài?

Cao Tông nghe xong bèn quyết định giáng chức Chủ Toại Lương xuống làm Đô đốc Đàm Châu, lập tức phế trừ Vương hoàng hậu và Tiêu thực phi, hạ lệnh lập Võ Tắc Thiên làm Hoàng hậu.

Sau khi lên làm Hoàng hậu, Võ Tắc Thiên lệnh cho đại thần Hứa Kính Tông xử lý các đại thần không đồng ý ủng hộ lập bà làm Hoàng hậu, bọn



Trưởng Tôn Vô Kỵ, Chủ Toại Lương, Hàn Viện hoặc bị biếm trục, hoặc bị tru sát. Nhưng Lý Bật nhờ ứng phó khôn ngoan nên tránh được hoạ sát thân, còn được trọng dụng, phụ trách thẩm tra vụ án của bọn Trưởng Tôn Vô Kỵ.

TRÁNH THỰC THEO HU



Năm Tần Hiếu Công thứ 24 (năm 338 trước Công nguyên), sau khi du thuyết Tần Huệ Văn Vương thất bại, Tô Tần mình mặc y phục cũ rách, chân đi giày cỏ rách, vai đeo tay nải, thất thủ lê bước về quê nhà Lạc Dương. Bất chấp chị dâu và vợ chê cười, ông đóng cửa chăm chỉ học hành, khi buồn ngủ thì lấy dùi đâm vào đùi. Một năm sau, học thành tài, Tô Tần bắt đầu hoạt động du thuyết.

Mục đích chuyến đi này của Tô Tần là muốn làm cho sáu nước Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Sở, Tề liên minh với nhau cùng đối phó nước Tần, đây chính là sách lược “hợp chúng kháng Tần” nổi tiếng trong lịch sử. Trước tiên Tô Tần lên bắc thuyết phục Yên Văn Hầu, Yên Văn Hầu rất vui, nói với Tô Tần:

- Nước ta nhỏ, lực yếu, phía tây bị nước Tần lớn mạnh đe dọa, phía nam sát nước Tề và nước Triệu, hai nước Tề, Triệu đều là nước mạnh, nay tiên sinh lấy sách lược hợp chúng kháng Tần để khai đạo cho

ta, ta sẵn lòng soái lĩnh trăm họ cả nước nghe theo sự sắp đặt của tiên sinh.

Sau khi Yên Văn Hầu qua đời, Yên Dịch Vương lên ngôi, nhân cơ hội nước Yên làm tang sự, nước Tề phát động tấn công nước Yên, đoạt được mười thành. Tô Tần hay tin, bèn du thuyết Tề Uy Vương giúp cho nước Yên, Tề Uy Vương tiếp kiến Tô Tần với lễ tiết dành cho thượng khách. Trước tiên Tô Tần quỳ lạy Tề Vương hai lần, chúc mừng nước Tề đoạt được mười thành trì Yên, tiếp đó lại ngửa mặt nhìn trời, điếu tang cho nước Tề. Tề Vương vô cùng kinh ngạc, chống giáo lùi xuống mấy bước, hỏi Tô Tần:

- Người trước là chúc mừng, sau lại điếu tang, rốt cuộc có ý gì?

Tô Tần thủng thẳng đáp:

- Khi đói, người ta sợ dĩ không uống thuốc độc Phụ tử, là bởi nó tuy có thể lột da tạm thời, nhưng vẫn sẽ chết, điều này cũng khiến người ta đau khổ giống như bị chết đói. Nay nước Yên tuy nhỏ yếu, nhưng lại là con rể của nước Tần mạnh. Thê tử của Yên Dịch Vương chính là con gái của Tần Huệ Văn Vương, đại vương tham mười thành nước Yên, nhưng lại kết thù sâu với cường Tần. Việc làm này của đại vương là muốn làm cho nước Yên trở thành tiên phong cho việc tấn công nước Tề, khiến cho cường Tần trở thành hậu thuẫn của nước Yên, rước binh Tần tinh nhuệ nhất thiên hạ đến đánh nước Tề, thế có khác gì uống thuốc độc Phụ tử?

Tề Vương nghe xong vô cùng lo sợ, hỏi Tô Tần:

- Vậy thì phải làm sao?

Tô Tần đáp:

- Thánh nhân xử sự thì phải “chuyển hoá thành phúc, vì bại mà lập công”. Nếu đại vương nghe theo kiến nghị của tôi, thì hãy trả lại mười thành nước Yên, khiêm cung tạ tội với Tần, Tần Vương biết đại vương trả lại mười thành Yên vì nước Tần ắt sẽ cảm kích đại vương; nước Yên không phí sức mà lấy lại được mười thành, ắt cũng cảm kích đại vương, đó chính là biện pháp bỏ thâm thù để xây dựng tình hữu nghị sâu sắc. Nếu Tần và Yên đều phụng sự Tề, thì hiệu lệnh đại vương phát ra, các nước chư hầu trong thiên hạ có ai dám không phục tùng? Làm như vậy sẽ giúp đại vương thuận theo nước Tề bằng lời nói suông, đồng thời đổi lấy thành quả ra lệnh cho thiên hạ bằng việc trả Yên mười ngôi thành, đấy cũng chính là sự nghiệp xưng bá thiên hạ, chuyển hoá thành phúc, chuyển bại thành công, sao đại vương không nhanh chóng mà làm?

Tề Vương nghe xong, vô cùng mừng rỡ, lập tức trả lại mười thành cho nước Yên, đồng thời biếu hoàng hậu nước Yên một nghìn cân vàng, tỏ ý xin lỗi nước Yên. Khi Tô Tần ra đi, Tề Vương dọc đường không ngừng khấu đầu, tỏ ý sẵn lòng kết anh em với nước Yên và tạ tội với nước Tần.

Khi Tô Tần rời Yên đi sứ nước Tề, một số đại thần vì ghen ghét Tô Tần nên nói xấu Tô Tần trước mặt Yên Dịch Vương, bởi mối quan hệ của Tô Tần với Yên Vương. Bọn họ nói với Yên Vương:

- Tô Tần là kẻ không đáng tin nhất thiên hạ. Đại vương là vua của một nước mà lại cam chịu đứng dưới Tô tần, tôn sùng hấn trên triều đình, như thế là tỏ cho thiên hạ biết vua nước Yên cùng hạng với tiểu nhân.

Yên Dịch Vương tin lời sàm, sau khi Tô Tần từ nước Tề trở về, Yên Vương không những không khen ngợi Tô Tần đã có công lấy lại được mười thành nước Yên, khiến nước Tề cầu hoà hảo với nước Yên, trái lại còn xa lánh Tô Tần, không bổ Tô Tần làm quan.

Tô Tần thấy hành động trung tín của mình đối với nước Yên không được Yên Vương coi trọng, trái lại bị Yên Vương lạnh nhạt, biết là có kẻ nói xấu mình trước mặt Yên Vương, bèn đi gặp Yên Vương, nói:

- Thần vốn là một kẻ quê mùa vùng Lạc Dương, ngày trước đi bộ nghìn dặm đến bái kiến đại vương, không chút công lao, vậy mà được đại vương đích thân ra đón, cho thần làm quan trong triều. Nay thần là sứ giả của đại vương, đòi được mười thành trì từ nước Tề, giúp nước Yên đang gặp nguy được yên định, vậy mà đại vương lại không tin thần. Nhất định là có kẻ nói xấu thần trước mặt đại vương, hành động trung tín của thần lại đắc tội sâu sắc với kẻ bên mình đại vương. Như vậy, coi trọng trung tín là có tội.

Yên Vương nói:

- Coi trọng trung tín thì có tội gì?

Tô Tần đáp:

- Đại vương có điều không biết, thần xin đại vương cho phép kể một chuyện vì trung tín mà bị tội. Hàng xóm của thần có một người đến nơi xa làm quan, vợ anh ta không chịu được cô đơn, bèn tư thông với người khác. Khi được biết chồng sắp về, kẻ tư thông với thị rất lo sợ, đứng ngồi không yên. Người vợ kia nói: “Chàng không phải sợ, thiếp đã chuẩn bị rượu thuốc chờ hẩn”. Hai ngày sau, chồng thị trở về, thị sai cô hầu gái dâng rượu thuốc lên cho chồng. Người hầu gái biết đó là ly rượu độc, nếu dâng lên thì sẽ giết chết ông chủ mình; còn nếu nói thực, ông chủ sẽ đuổi bà chủ đi. Thế nên cô giả vờ bị ngã, đổ rượu xuống đất. Ông chủ cả giận, giơ roi đánh cho cô một trận. Cô đánh đổ rượu độc, trên thì đã cứu sống ông chủ, dưới giữ được bà chủ. Lòng trung của cô đã đến nước ấy mà vẫn không tránh được một trận đòn, cô chính vì trung tín mà mang tội. Việc của thần, không may lại giống với cô hầu gái dâng rượu kia. Thần lòng trung phò đại vương, đi sứ nước Tề, giương cao đại nghĩa nước Yên và mang lại lợi ích cho nước Yên, ấy vậy mà mắc tội, thần lo là những người phò đại vương sau này chẳng ai còn trung tín với đại vương nữa. Huống hồ, thần du thuyết Tề Vương, nếu không nói được những lời làm lay động Tề Vương thì dù có trí tuệ như Nghiêu, Thuấn cũng không thể đòi được mười thành trì mà nước Tề xâm chiếm.

Yên Vương nghe xong, biết mình đã trách lầm Tô Tần, vội tỏ ý xin lỗi và trọng dụng Tô Tần như trước.

CHÂN NHÂN BẤT LỘ TƯỚNG



Năm 1944, sau khi quân đồng minh đổ bộ lên Normandie, tập đoàn quân số 5 do tướng Mark Clark chỉ huy đóng trại tại Italy.

Trong thời gian này, Charles De Gaulle đến Italy hội kiến Clark. Thông dịch viên là A.Walters, chỉ huy phó của tướng Clark, người này sau đó làm Đại sứ của Mỹ tại Liên hiệp quốc trong chính phủ Reagan. Walters khi đó rất lấy làm lạ, vì tướng De Gaulle đã ở Luân Đôn đến bốn năm, ông đoán hẳn De Gaulle nói tiếng Anh rất tốt, sao lại còn cần thông dịch? Lúc này, có người mang đến một tờ tạp chí Mỹ rất thịnh hành cho Walters xem. Trên có một bài viết dài giới thiệu về con người tướng De Gaulle, có nhắc đến chuyện mặc dù ông sống ở Luân Đôn rất lâu, nhưng không biết nói tiếng Anh, qua đó mới xua tan mối nghi ngờ trong lòng Walters. Sau khi De Gaulle đến, ông hội đàm với tướng Clark trong doanh trại.

Chủ đề của cuộc hội đàm là điều quân đoàn Pháp do tướng Clark chỉ huy đến tham gia cuộc đổ bộ vào miền nam nước Pháp sắp sửa bắt đầu. Walters dịch lại lời của tướng De Gaulle sang tiếng Anh, dịch lời của tướng Clark sang tiếng Pháp. Đôi khi, tướng Clark dùng từ “không” để trả lời câu hỏi. Gặp tình



huống này, De Gaulle đều hỏi Walters xem Clark đang nói gì? Tình huống này và các dấu hiệu khác nhanh chóng chứng thực cho suy nghĩ của Walters: Tướng De Gaulle không biết nói tiếng Anh, cũng không nghe được tiếng Anh. Thế nên Walters trở nên mạnh dạn, khi dịch lời của Gaulle sang tiếng Anh, ông bắt đầu thêm vào lời của mình. Thí dụ, có khi ông nói: “Tướng De Gaulle nói ông ấy không thể làm như vậy; nhưng tôi cho rằng nếu ngài cứ kiên trì thì ông ấy sẽ đồng ý”. Hoặc: “Ông ấy nói ông ấy đồng ý, nhưng tôi cho rằng ông ấy không thật nhiệt tình với việc này”.

Sau khi cuộc hội đàm kết thúc, tướng De Gaulle đứng dậy cáo từ. Ông quay sang nói với tướng Clark bằng tiếng Anh với giọng trôi chảy nhưng lơ lớ:

- Thừa tướng quân Clark, cuộc nói chuyện của chúng ta rất có ích, rất thú vị. Lần gặp sau của chúng ta sẽ là trên đất Pháp đã được giải phóng, đây là điều tôi thật lòng mong muốn, hơn nữa tôi tin chắc trong tương lai không xa sẽ trở thành hiện thực.

Walters lập tức ý thức được rằng, De Gaulle hiển nhiên nghe hiểu những lời ông xen vào. Walters bất giác lo sợ. Ông tựa mình vào vách trướng, nhường đường cho De Gaulle. De Gaulle quay sang ông, mỉm cười, vỗ vai ông, nói bằng tiếng Anh:

- Walters, anh làm việc rất xuất sắc.

Đây là cuộc gặp đầu tiên của họ, sau đó họ còn gặp nhau nhiều lần nữa. Và họ đã trở thành những người bạn rất thân thiết.

KỊCH GIẢ LÀM THẬT



Thái Ngạc, sinh ngày 8 tháng 12 năm 1882, quê ở tỉnh Hồ Nam, đời cha làm nông, là một gia đình nông dân bình thường. Thuở nhỏ Thái Ngạc du học ở Nhật Bản, sau khi về nước, ông tham gia Tân quân. Đầu năm 1911 ông đến Vân Nam, làm Hiệp thống Hiệp số 17 của Tân quân, liên lạc nhiều với hội viên Đồng minh hội. Sau khởi nghĩa Vũ Xương, ông cùng Lý Căn Nguyên và nhiều người khác phát động Tân quân khởi nghĩa, ban đầu làm Tổng chỉ huy và Đô đốc kiêm Dân chính trưởng chính phủ quân Vân Nam, từng hiệp trợ Quý Châu và Tứ Châu độc lập. Năm dân quốc thứ nhất, ông tham gia tổ chức thống nhất đảng Cộng hoà, “nhằm củng cố sự thống nhất toàn quốc, xây dựng nền chính trị cộng hoà hoàn mỹ, tuân theo xu thế của thế giới, phát triển quốc lực, theo đuổi tôn chỉ tiến bộ”, đồng thời tiến hành cải cách đối với chính quyền tỉnh.

Sau khi trấn áp “cuộc cách mạng lần hai” của những người theo đảng cách mạng, Viên Thế Khải bắt đầu thực hiện giấc mộng hoàng đế, khôi phục đế chế ở Trung Quốc. Hành động của ông khơi dậy sự căm phẫn tột độ của nhân dân khiến cả nước nổi dậy. Trong đó tổ chức võ trang thảo phạt quy mô lớn

đầu tiên chính là khởi nghĩa quân hộ quốc do phái Thái Ngạc ở Vân Nam lãnh đạo. Để tổ chức và phát động cuộc đấu tranh khởi nghĩa lật Viên này, Thái Ngạc đã thể hiện được mưu lược trong cuộc đấu trí với Viên Thế Khải.

Trong thời kỳ cách mạng lần hai, Thái Ngạc ở thế trung lập đối với hai bên giao chiến, đứng vai trò trung gian, chủ trương hai bên ngừng chiến, giải quyết theo pháp lý. Trước hành động này của Thái Ngạc, Viên Thế Khải rất hận, nhưng y biết Thái Ngạc là một nhân tài, e sau này sinh biến, nên triệu Thái Ngạc đến Bắc Kinh, danh nghĩa làm trợ thủ cho mình.

Thái Ngạc biết rõ ý đồ của Viên Thế Khải, để không cho Viên Thế Khải nắm đằng chuôi, nên sau khi vào kinh, ông giả vờ ngây ngô, mỗi lần nói chuyện với Viên Thế Khải, ông đều thác cớ mình còn trẻ, hiểu biết nông cạn, trải đời chưa nhiều, không hiểu rõ đại cuộc ngoại trừ một chút hiểu biết về quân sự.

Viên Thế Khải cũng là người khôn ngoan, liệu rằng chỉ cần không thả Thái Ngạc thì Thái Ngạc cũng chẳng làm được gì.

Thế nên Viên Thế Khải uỷ thác “trọng trách” cho Thái Ngạc, trước tiên bổ làm Tướng quân Phủ tướng quân, rồi bổ làm Đốc biện Cục kinh giới toàn quốc, đồng thời chọn làm Tham chính Chính viện.

Thái Ngạc không tỏ vẻ gì, phong cho chức quan gì, giở trò gì, ông cũng ứng thuận, được phong quan

cũng không vui mừng, thêm một chức cũng không từ chối. Thái độ đó khiến Viên Thế Khải lấy làm khó hiểu.

Một hôm, Viên Thế Khải cho triệu Thái Ngạc vào phủ Tổng thống, bàn chuyện khôi phục đế chế. Thái Ngạc nói:

- Tôi vốn tán thành nền cộng hoà, nhưng sau cách mạng lần hai, tôi mới biết, đất nước Trung Quốc lớn nhường này mà không có một hoàng đế thì không thống trị được, tôi cũng chuẩn bị đề xướng thay đổi quốc thể, nay Tổng thống có ý này, thật sự rất hay, tôi là người đầu tiên tán thành.

Viên Thế Khải giao hoạt hỏi lại:

- Cậu nói thật chứ? Tại sao khi Nam Kinh, Giang Tây biến loạn, cậu lại làm người hoà giải, nói đỡ cho họ?

Thái Ngạc trả lời ngay:

- Khi ấy khác, bây giờ khác. Lúc đó tôi đóng mãi tận miệt Vân Nam, cách Bắc Kinh quá xa, vùng Trường Giang lại phần lớn thuộc phạm vi của thế lực Quốc dân đảng, e ném chuột sợ vỡ bình, nên buộc phải trái lương tâm mà làm người trung gian, xin Tổng thống hiểu cho.

Thái Ngạc vẻ mặt thản nhiên, giải thích hợp tình hợp lý, Viên Thế Khải nghe xong, vuốt râu gật đầu mỉm cười, lảm nhảm vài câu rồi tiễn khách.

Ra khỏi phủ Tổng thống, Thái Ngạc mới cảm thấy toát mồ hôi lạnh.



Từ đó, Thái Ngạc chủ động gia nhập với những người hô hào khôi phục đế chế, trở thành “bạn tri kỷ”, cổ súy, hô hào cho đế chế ở khắp nơi.

Một hôm, Thái Ngạc ăn uống no say cùng một bọn ô hợp, ai nấy mặt đỏ tía tai, lại bàn chuyện đế chế. Thái Ngạc phụ hoạ:

- Hai chữ cộng hoà chẳng có gì không tốt, nhưng dân tình nước ta không hợp với cộng hoà.

Đại đầu mục của hội Trù An ủng hộ đế chế là Dương Độ lập tức đáp lời:

- Thái Ngạc huynh, hôm nay anh mới biết lợi hại của hai chữ “cộng hoà” sao?

Thái Ngạc không dám chậm trễ, vội đáp:

- Tục ngữ nói: “chưa trải việc chưa biết khó”. Dương đại nhân còn chưa chịu hiểu cho Thái mỗ ư?

Dương Độ không chịu thôi:

- Cậu là học trò của Lương Khải Siêu, gần đây ông ấy có một bài viết bài xích đế chế. Thế mà cậu lại tán thành đế chế, chẳng phải là phản thầy hay sao?

Thái Ngạc cười nói:

- Thầy trò thì cũng ai có chí nấy. Khi trước Dương đại nhân và Lương Khải Siêu cùng là phe Bảo hoàng, sao ông ấy bài xích đế chế, ngài lại tổ chức hội Trù An? Hôm nay theo phép trách tôi, vậy tôi hỏi ngài, ai đúng ai sai?

Mọi người cả cười, đều cho Thái Ngạc nói có lý, khí khái ngay thẳng. Dương Độ mặt mày.

Dương Độ không cam tâm, mặt đỏ gay, lấy ra một tờ giấy, đưa cho Thái Ngạc, nói:

- Cậu đã tán thành đế chế, thì nên tham gia thỉnh nguyện, sao không ký đại danh vào? – Dương Độ muốn qua đó làm nhục Thái Ngạc.

Thái Ngạc nhận lấy tờ giấy, thấy là một tờ thư thỉnh nguyện, bèn sảng khoái nói:

- Tôi đã thỉnh nguyện trước mặt Tổng thống rồi, tôi ký tên vào có gì không được?

Rồi cất bút lông, hươ tay, viết hai chữ “Thái Ngạc” trông rất thanh thoát, rồi đưa cho Dương Độ.

Mọi người thấy ông hào sảng như thế, đều cho Thái Ngạc thực đã thoát thai, đổi cốt, hết ngờ vực, ai nấy vỗ tay khen hay.

Khi đó, Thái Ngạc đang tìm cơ hội thoát thân.

Để làm cho Viên Thế Khải hết nghi ngờ mình, Thái Ngạc cởi bỏ võ phục, mặc đồ tây, đi giày tây, ăn diện đến kỹ viện tìm hoa gheo nguyệt.

Không ngờ Thái Ngạc làm quen được với Tiểu Phụng Tiên nổi tiếng kinh thành về tài sắc.

Ở chỗ Tiểu Phụng Tiên vừa có thể tiêu khiển giải sầu, vừa có thể làm cho Viên Thế Khải tưởng rằng mình chỉ biết tìm hoa gheo liễu, tâm tư chỉ nghĩ đến chuyện trăng hoa, giải toả nghi ngờ, nên Thái Ngạc cứ năm ba ngày lại đến chỗ Tiểu Phụng Tiên qua đêm.

Để cho màn kịch được diễn chân thật hơn, Thái



Ngạc bảo Tiểu Phụng Tiên bày một bàn tiệc rượu, mời bọn Dương Độ, Lương Sĩ Trị, Tôn Sơ tay chân của Viên Thế Khải đến vui chơi. Sau mấy ly rượu, Thái Ngạc rêu rao sẽ ly hôn vợ, lấy Tiểu Phụng Tiên làm vợ. Dương Độ, Lương Sĩ Trị tin lời Thái Ngạc, tưởng Thái Ngạc đã không còn là Thái Ngạc thời làm Đô đốc Vân Nam nữa, bèn lữ lượt báo cáo lên Viên Thế Khải.

Lại thấy Thái Ngạc bỏ bê mọi việc công, không hỏi han đến, suốt ngày chỉ biết quẩn quanh Tiểu Phụng Tiên, không màng chuyện gì khác.

Một hôm, Thái Ngạc chờ đến nửa đêm yên tĩnh, ghé tai nói nhỏ với vợ, diễn vở kịch ly hôn “thật”.

Sáng sớm hôm sau, nhân lúc Viên Thế Khải chưa thức dậy, Thái Ngạc đã đến phủ Tổng thống, yêu cầu gặp Viên Thế Khải, quan hầu cận nói Tổng thống chưa dậy, ông lại tỏ vẻ ảo não:

- Khi Tổng thống dậy, xin lập tức điện thoại cho tôi.

Nói xong trở về nhà.

Viên Thế Khải thức dậy, nghe quan hầu cận bẩm báo, tưởng có chuyện thật, vội lệnh điện thoại cho Thái Ngạc, đúng lúc đó thì nghe báo cáo: Thái tướng quân ẩu đả với phu nhân ở nhà, đập vỡ rất nhiều đồ đạc.

Viên Thế Khải lập tức phái Vương Tập Đường, Chu Khải Linh đến hoà giải.

Vương Tập Đường và Chu Khải Linh đến nhà Thái

Ngạc, thấy Thái phu nhân đầu tóc rối bời, nước mắt đầm đìa nằm dưới đất, đồ đạc bị đập vỡ ngổn ngang. Thái Ngạc đứng một bên chửi bới. Khi hai người khuyên giải, Thái Ngạc như bị đổ thêm dầu vào lửa, mắng chửi thậm tệ hơn, nhưng Thái phu nhân cũng không chịu kém:

- Thà tôi về nhà mẹ còn hơn bị anh đánh chết.

Nói xong thu xếp hành lý, mang theo hai người hầu, ai khuyên cũng không được, lập tức về nhà mẹ.

Vương Tập Đường thấy Thái Ngạc nhà tan cửa nát, cũng mừng thầm, nói:

- Tổng thống triệu ngài vào phủ, ngài mau theo chúng tôi đi.

Thái Ngạc giả vờ ảo não, nói:

- Vì con vợ dê tiện đó mà tôi suýt quên việc này.

Viên Thế Khải hay chuyện, cuối cùng mới hoàn toàn yên tâm, bảo con trai là Viên Khắc Định:

- Ta nghĩ Thái Ngạc có tài cán, làm được việc lớn, nào ngờ hắn cũng chẳng trị được việc nhà. Ta có thể kê cao gối ngủ rồi.

Thái Ngạc thấy Viên Thế Khải đã nói lỏng kiểm soát, bèn bí mật cùng Lương Khải Siêu lên kế hoạch phản Viên.

KẾ KHÍCH TƯỚNG



*M*etternich là Đại sứ của nước Áo. Trong giao thiệp, ông khó tránh phải tiếp xúc với nhiều nhân vật có địa vị khác nhau, Metternich quen dùng thuật khích tướng, rất khéo, lần nào cũng thắng lợi, không thể không nói ông giàu mưu lược.

Năm 1812, sau khi Napoleon thất bại trong cuộc chiến tranh xâm chiếm Nga, các nước Nga, Anh, Phổ tổ chức quân đồng minh phản Pháp, bắt đầu phản công. Napoleon tuy giành được một vài trận thắng, nhưng xu thế chung ngày càng suy yếu. Áo – nước đồng minh của Pháp một mặt tích cực chuẩn bị chiến tranh, một mặt đe dọa dùng liên minh, đưa ra rất nhiều điều kiện, Napoleon dứt khoát cự tuyệt.

Tháng 7 năm 1813, Napoleon hội kiến Đại sứ Áo Metternich tại Dresden. Ông muốn nhân cơ hội này uy hiếp Metternich, đồng thời dò hỏi ông kết quả hội đàm giữa ông và Sa hoàng gần đây. Napoleon treo bảo kiếm, nách cấp mũ, bộ dạng uy nghi tiếp kiến Metternich. Sau vài câu khách sáo, hỏi thăm hoàng đế và hoàng hậu Francis, ông nghiêm mặt đi thẳng vào vấn đề:

- Thì ra các ông cũng muốn đánh nhau. Tốt thôi, có trận chiến cho các ông đánh đấy. Ta đã đánh bại

Nga ở Bautzen, nay các ông muốn đến lượt mình. Các ông muốn vậy thì như vậy đi, hẹn gặp các ông ở Vienne. Bản tính khó đời, bài học kinh nghiệm chẳng ích gì với các ông. Ta đã ba lần cho Hoàng đế Francis lên ngôi, ta hứa sẽ chung sống hoà bình với ông ấy. Ta đã lấy con gái ông ấy, khi đó ta tự bảo mình: “Người đã làm một chuyện ngu xuẩn”. Nhưng rốt cuộc đã làm rồi, giờ ta thật hối hận.

Metternich thấy đối thủ đã nổi giận, quên mất sự tôn nghiêm của mình, bèn cố tình chọc giận con bò mộng hiếu thắng Napoleon. Ông nhắc nhở Napoleon:

- Hoà bình phụ thuộc vào ngài, thế lực của ngài phải thu hẹp đến một giới hạn hợp lý, nếu không ngài sẽ bị hạ bệ trong các cuộc đấu tranh sau này.

Napoleon bị chọc giận, tuyên bố bất kỳ đồng minh nào cũng không doạ được ông, bất kể đối phương binh lực lớn mạnh đến đâu ông cũng đều có thể chiến thắng. Tiếp đó, ông nói rất hiểu quân đội Áo, mỗi ngày đều nhận được tin tức tình báo chi tiết. Metternich ngắt lời, nhắc nhở Napoleon rằng binh sĩ của ông hiện nay không phải người lớn mà toàn là trẻ con. Napoleon bực tức nói:

- Ông không hiểu được một quân nhân nghĩ như thế nào. Người như ta chẳng để ý đến sinh mạng của một triệu người.

Nói xong, ông vút chiếc mũ sang một bên. Metternich không nhặt lên cho ông.

Napoleon nhận thấy sự miệt thị không lời này, đành nói tiếp:

- Ta kết hôn với một nàng công chúa là muốn dung hoà cái mới và cái cũ, thiên kiến của thời kỳ trung cổ và chế độ của thế kỷ này. Đó là tự lừa dối mình, nay ta đã nhận thức đầy đủ sai lầm của mình. Có lẽ ngôi báu của ta sẽ vì thế mà sụp đổ, nhưng, ta muốn thế giới này bị vùi chôn trong một đồng hoang tàn.

Metternich nghe xong vẫn thản nhiên như không. Napoleon thấy uy không dọa được, bèn chuyển sang dùng lời đường mật. Khi đuổi Metternich ra, Napoleon vỗ vai vị đại sứ nước Áo, hoà nhã nói:

- Được rồi, ông biết sự việc sẽ như thế nào? Chắc ông không khai chiến với ta chứ?

Metternich đáp ngay:

- Thưa bề hạ, ngài hết rồi. Khi đến thần đã có dự cảm, khi đi thì chắc chắn không nghi ngờ gì.

Sau đó ông nói với người khác:

- Ông ấy đã nói rõ tất cả cho tôi, con người này đã xong hết rồi.

Không lâu sau, Áo gia nhập hàng ngũ đồng minh phản Pháp lần thứ sáu.

LIỆU ĐỊCH NHƯ THẦN



Gia Cát Lượng trăm phương nghìn kế, sỉ nhục, chửi mắng, Tư Mã Ý vẫn mặc kệ, không chịu ra, để chờ thời cơ.

Đang lúc hai quân đối địch, không ngờ Gia Cát Lượng lao lực sinh bệnh, tự thấy dương thọ không lâu, lại không thể lâm trận chống địch. Ông biết rằng, trong khi hai quân đối địch nhau, bên địch biết chủ soái bên ta mắc bệnh qua đời ắt sẽ thừa cơ tập kích, hậu quả khó lường, trong lúc nghìn cân treo sợi tóc Gia Cát Lượng bảo Dương Nghi:

- Sau khi ta chết, không được phát tang. Có thể làm cho ta một cái ghế, đặt xác ta ngồi trên ghế, lấy bảy hạt gạo cho vào miệng ta, chân đặt một ngọn đèn cháy; trong quân yên tĩnh như thường, không được khóc lóc, như thế thì chòm sao của ta sẽ không bị rơi. Khi đó âm hồn ta sẽ không bị tan, có tác dụng thị uy với đối phương. Tư Mã Ý thấy chòm sao của ta không rơi, tất hoài nghi. Khi đó, quân ta có thể từ từ rút lui, các trại rút dần. Nếu Tư Mã Ý đuổi theo, người có thể lệnh cho quân quay đầu lại, bố thành trận thế quyết chiến, chờ hấn đến trước trận, lại đẩy tượng bằng gỗ thông tạc hình ta ra trước trận, lệnh cho ba quân tướng sĩ rẽ sang hai bên. Ta liệu định

Tư Mã Ý thấy tình hình đó tất sẽ hoài nghi mà rút quân.

Dương Nghi vâng lời. Đêm hôm đó, Gia Cát Lượng qua đời. Tư Mã Ý đêm xem thiên tượng, thấy một ngôi sao lớn màu đỏ, sáng rực, từ phía đông bắc bay về phía tây nam, rơi xuống trại Thục. Tư Mã Ý mừng rỡ nói:

- Khổng Minh chết rồi!

Bèn truyền lệnh khởi đại binh đuổi theo. Vừa ra khỏi cửa trại, chợt nghi ngại nói:

- Khổng Minh giỏi phép Lục Đinh Lục Giáp, thường giả thần giả quỷ. Hắn thấy mình mãi không xuất chiến, nên dùng thuật này giả chết, dụ ta xuất chiến. Nay nếu ta xuất binh, há chẳng phải mắc kế hắn sao?

Nên ghì cương ngựa quay về trại, vẫn đóng cửa không ra đánh, chỉ lệnh cho Hạ Hầu Bá bí mật dẫn hơn 20 người đến trước trận của quân Thục dò thám thực hư.

Hạ Hầu Bá dẫn mấy chục thám tử đến doanh trại quân Thục, chỉ nhìn thấy trại trống, không một bóng người, vội trở về báo Tư Mã Ý “binh Thục đã rút”. Tư Mã Ý nghe xong, vô cùng hối hận, bất chợt hô to:

- Khổng Minh chết thật rồi! Mau truy đuổi quân Thục!

Hạ Hầu Bá nói:

- Đò đốc không nên khinh suất đuổi theo, nên để các tướng đi trước.

Tư Mã Ý nói:

- Giờ ta còn không đích thân xuất mã thì còn đợi đến bao giờ?

Rồi dẫn quân cùng hai con đuổi đến Ngũ Trượng Nguyên, khi đến trại Thục thì quả thấy không một bóng người. Tư Mã Ý bảo hai con:

- Các con ra sau thúc đại quân nhân mã tiến lên, ta dẫn quân tiên phong truy sát trước.

Tư Mã Ý đích thân dẫn quân tiên phong truy kích, đuổi đến chân núi, thấy quân Thục đi chưa xa, bèn tăng tốc truy đuổi. Đang tiến, chợt nghe thấy một tiếng pháo vang sau núi, tiếng hò hét vang trời. Rồi thấy quân Thục quay cờ giống trống, lại thấy cột cờ lớn phấp phới, dòng chữ rất bắt mắt: “Hán Thừa Tướng Công Hầu Gia Cát Lượng”. Tư Mã Ý bất giác cả kinh thất sắc. Lại thấy mười viên thượng tướng bước ra từ trong trận trung quân, vây quanh một chiếc xe bốn bánh từ từ quay lại, Khổng Minh ngồi ngay ngắn trên xe với vẻ mặt bình thản an nhiên. Thấy tình cảnh đó, Tư Mã Ý như nằm mộng, kêu lớn:

- Khổng Minh chưa chết, ta khinh suất dẫn binh truy đuổi, nay đã vào nội địa, trúng kế hấn rồi.

Vội ghì ngựa quay đầu, rút lui. Khương Duy dẫn quân Thục sau lưng hô lớn:

- Tướng giặc chạy đi đâu, người trúng kế thừa tướng rồi!

Binh Ngụy thấy vậy, cũng hoảng hốt, sợ đến hồn phi phách tán, bỏ chạy tán loạn, bị chết vô số. Tư Mã Ý đã chạy được hơn 50 dặm, hai viên tướng Ngụy phía sau đuổi theo, hô:

- Đô đốc đừng sợ.

Tư Mã Ý sờ đầu hỏi:

- Đầu ta còn không?

Hai tướng nói:

- Đô đốc đừng sợ, quân Thục đi xa rồi.

Khi ấy Tư Mã Ý mới thở phào một hơi, lấy lại thần sắc.

Hai ngày sau, trăm họ cho quân Ngụy hay:

- Khi quân Thục rút lui, tiếng khóc vang trời, trong quân giương cờ trắng, Khổng Minh đã chết thật, chỉ là Khương Duy chặn hậu, Khổng Minh ngồi trên xe hôm đó là một tượng gỗ.

Tư Mã Ý tự lấy làm hổ thẹn.

SỞ TRANG VƯƠNG



Trong lịch sử Trung Quốc có câu chuyện nổi tiếng về việc giấu tài, đó là câu chuyện Sở Trang Vương “ba năm không lên tiếng, đã lên tiếng thì sẽ khiến người kinh sợ” thời Xuân Thu.

Trước khi Sở Trang Vương lên ngôi, nội chính nước Sở có thể nói đã trải qua thời kỳ rối ren lâu dài. Ông nội của Sở Trang Vương là Sở Thành Vương muốn tranh bá Trung Nguyên, bị nước Tấn đánh bại trong trận Thành Bộc, không lâu sau lại gặp hoạ ở Tiêu Tường. Ban đầu, vốn định cho Thương Thần làm Thái tử, nhưng không hiểu sao Sở Thành Vương lại phát hiện Thương Thần có đôi mắt giống ong vàng, giọng nói như sài lang, tính tình tàn nhẫn, nên muốn cải lập Công tử Chúc làm Thái tử. Để làm rõ sự tình, Thương Thần cố ý thết tiệc chiêu đãi cô mẫu, trong tiệc sỉ nhục cô mẫu, cô mẫu của Thương Thần quả nhiên phản nộ nói:

- Chẳng trách phụ thân ngươi muốn giết ngươi để lập Thái tử khác!

Vì Sở Thành Vương chuyện gì cũng bàn với em gái, nên Thương Thần cho rằng lời cô mẫu đã chứng thực lời đồn. Thương Thần vội đến tìm thầy mình là Phan Sùng hỏi kế, Phan Sùng hỏi:

- Thái tử có chịu phụng sự Công tử Chúc không?

Thương Thần đáp:

- Không thể!

Phan Sùng cuối cùng hỏi:

- Thái tử có thể làm nên việc lớn không?

Thương Thần kiên định đáp:

- Có thể!

Năm 262 trước Công nguyên, Thương Thần dẫn vệ đội cung đình xông vào cung điện của Thành Vương,

Thành Vương đang chờ ăn tay gấu, lúc ấy tay gấu hầm chưa chín, Thành Vương thỉnh cầu để ông ăn hết tay gấu hãy giết ông. Thương Thần nói:

- Tay gấu khó chín.

Ông sợ đêm dài lắm mộng, ngoại viện đến, bèn thúc Thành Vương treo cổ tự sát, mình lên ngôi làm Sở Mục Vương. Mục Vương ở ngôi được 12 năm, sau khi chết truyền ngôi cho con là Lữ, tức Sở Trang Vương.

Sở Trang Vương lên ngôi khi còn rất trẻ, lúc mới lên ngôi, ông không thể hiện tài năng như các quân vương khác, cũng không thềm hởi han việc nước, chỉ chăm lo hưởng lạc. Khi thì ông mang theo vệ sĩ, thê thiếp đi săn bắn, khi ở trong cung uống rượu xem múa, say sưa chìm đắm trong tử sắc suốt ngày đêm. Mỗi khi các đại thần vào cung báo quốc sự, ông đều bực bội đuổi đi, mặc cho bọn họ tự lo liệu. Ông hoàn toàn không giống một ông vua, trên dưới trong triều đều xem ông là hôn quân. Thấy tình cảnh đó, một số đại thần chính trực trong triều sốt ruột lắm, nhiều người còn vào cung can gián, nhưng Sở Trang Vương chẳng những không nghe lời khuyên, mà còn thấy mất hứng. Ông rất phản cảm với những lời khuyên này, sau còn ra một mệnh lệnh: Ai còn đến can gián, chém không tha.

Ba năm trôi qua, chính sự trong triều hỗn loạn, nhưng Sở Trang Vương vẫn không có ý hối cải. Trong thời gian này, hai người thầy của ông là Đấu Khắc và Công tử Nhiếp đoạt được quyền lực rất lớn, Đấu

Khắc vì có công trong việc liên minh Tần – Sở, mà Sở Trang Vương không thưởng hậu nên sinh lòng oán hận; Công tử Nhiếp muốn làm vua mà không thực hiện được nên cũng sinh lòng bất mãn, hai người do đó cấu kết làm loạn. Bọn họ phái Tử Khổng, Phan Sùng đi chinh thảo, lại phân chia tài sản của Tử Khổng, Phiên Sùng, còn sai người thích sát họ. Việc thích sát không thành, Phiên Sùng và Tử Khổng về kinh thảo phạt, Đấu Khắc và Công tử Nhiếp bèn ép Trang Vương bỏ trốn, khi đến đất Lư, tướng giữ nơi đây là Chiến Lê giết chết họ, nên Trang Vương mới được về Sính Đô thân chính. Ngay cả khi trải qua sự hỗn loạn như vậy, Sở Trang Vương vẫn chưa thấy khởi sắc.

Đại phu Ngũ Tham lòng như lửa đốt, không nhẫn nhịn được nữa, liều chết đến tấn kiến Sở Trang Vương. Vào đến cung thì thấy mọi thứ bữa bộn, Trang Vương tay trái ôm cơ thiếp nước Trịnh, tay phải ôm mỹ nữ nước Việt, bàn bày rượu ngon, trước mặt là nhóm ca múa. Trang Vương thấy Ngũ Tham vào, ngẩng đầu lên hỏi:

- Lẽ nào người không biết mệnh lệnh của trẫm? Đến tìm chết phải không?

Ngũ Tham kìm nén hoảng hốt, vội cười làm lành:

- Thần nào dám vào can gián, mà có một câu đố, đoán mãi không ra, biết đại vương thiên sinh trí tuệ, nên muốn nhờ đại vương đoán giúp, cũng muốn giúp vui cho đại vương.

Sở Trang Vương khi ấy mới nguôi giận, bảo:

- Vậy khanh nói mau.

Ngũ Tham nói:

- Trên núi cao có một con chim lạ, mình khoác ngũ sắc sắc sỡ, đẹp dễ và sang trọng, nhưng đậu suốt ba năm, không bay cũng chẳng hót, chẳng ai đoán được nó là con chim gì.

Thời ấy người ta gọi các câu đố là “ẩn ngữ”, những “ẩn ngữ” này thường có ngụ ý nhất định chứ không đơn thuần như câu đố ngày nay, vì vậy, người ta thường dùng ‘ẩn ngữ’ để chế giễu hoặc khuyên gián. Sở Trang Vương nghe xong câu đố, suy nghĩ một lát rồi nói:

- Ba năm không bay, bay một cái là lên trời; ba năm không hót, hót một tiếng mọi người kinh sợ. Con chim phi phạm đó, người phạm sao biết được.

Ngũ Tham nghe xong, biết Trang Vương đã có dự tính, rất mừng, bèn nói khích:

- Đại vương kiến thức cao, đoán là trúng ngay, có điều con chim đó không bay không hót, e thợ săn sẽ bắn tên ngầm!

Sở Trang Vương nghe xong rùng mình một cái, rồi bảo ông lui xuống.

Ngũ Tham trở về bèn bàn bạc với Đại phu Tô Tùng, cho rằng Trang Vương sắp giác ngộ, không ngờ mấy tháng trôi qua, Trang Vương vẫn như trước, chẳng những không sửa đổi mà còn càng không ra

thể thống. Tô Tùng thấy vậy không thể nhẫn nại, xông vào cung nói với Trang Vương:

- Đại vương thân là vua nước Sở, lên ngôi đã ba năm mà không hỏi triều chính, cứ thế này e sẽ chuốc lấy hoạ vong quốc diệt thân như Kiệt Trụ mất thôi.

Trang Vương nghe xong, dựng ngược đôi mày rậm, lộ ra hình tượng bạo chúa, rút trường kiếm chĩa vào tim Tô Tùng, nói:

- Lẽ nào người không nghe mệnh lệnh ta, dám nhục mạ ta, muốn chết phải không?

Tô Tùng trầm tĩnh, ung dung đáp:

- Thần chết đi còn được tiếng thơm tôi trung, còn đại vương thì mang tiếng bạo chúa. Nếu cái chết của thần có thể làm cho đại vương tỉnh ngộ, có thể làm cho nước Sở cường thịnh thì thần cam lòng chịu chết.

Nói xong, mặt không biến sắc, xin Trang Vương xử tử.

Sở Trang Vương chờ đợi đã nhiều năm mà không có một bề tôi liêu chết can gián, lòng ông đã nguội lạnh. Lúc này, ông nhìn Tô Tùng vài phút với vẻ nghi ngờ, rồi chợt rút trường kiếm, ôm chầm lấy Tô Tùng, cảm động nói:

- Tốt lắm, Tô đại phu, khanh chính là bề tôi lương đồng của xã tắc mà trăm tìm kiếm bao năm nay.

Trang Vương nói xong, lập tức cho bọn ca kỹ phi tử đang kinh sợ lui xuống, kéo tay Tô Tùng ngồi

xuống bàn chuyện. Hai người càng nói càng hợp ý nhau, đến mức quên ăn quên ngủ.

Tô Tùng kinh ngạc nhận thấy, Trang Vương tuy ba năm không màng triều chính, nhưng rất quan tâm mọi chuyện lớn bé trong đối nội đối ngoại, hiểu đại sự trong triều cũng như tình hình các nước chư hầu như lòng bàn tay, cũng đã có đối sách với mọi tình hình, phát hiện này khiến Tô Tùng vô cùng xúc động.

Thì ra, đây là sách giấu tài của Trang Vương. Khi lên ngôi ông còn rất trẻ, không hiểu thế sự, mọi việc trong triều không hiểu rõ, cũng không biết xử trí từ đâu, hướng hồ lòng người phức tạp, nhất là họ Nhược Ngao chuyên quyền, không biết nguồn cơn, ông càng không dám khinh cử vọng động. Trong lúc bất đắc dĩ, ông nghĩ ra cách mũi ni che tai này để lặng lẽ quan sát. Trong ba năm, ông đã ngấm ngấm khảo sát sự trung gian hiền ngu của quần thần, thử thách lòng người. Ông ban bố lệnh xử tử kẻ khuyên gián cũng là để phân biệt những ai là người chính trực dám nói không sợ hoạ sát thân, những ai là tiểu nhân chỉ biết xum xoe nịnh bợ nhằm được thăng quan phát tài. Nay, ba năm đã qua, tuổi ông đã lớn, trải nghiệm đã nhiều, tài cán đã thành, lòng người đã tỏ, ông cũng thể hiện ra con người thật của mình.

Ngày hôm sau, ông triệu tập bá quan đến họp, bổ nhiệm Tô Tùng, Ngũ Tham cùng những đại thần có đức có tài khác, công bố hàng loạt pháp lệnh, còn áp dụng biện pháp làm suy yếu họ Nhược Ngao,

đồng thời giết hàng loạt phạm nhân phạm tội ác tày trời để yên lòng người. Từ đó, con “chim lớn ba năm không hót” bắt đầu tập trung trị nước, tranh bá Trung Nguyên, sau đó Sở Trang Vương dẹp yên phản loạn họ Nhượng Ngao trong nước, đối ngoại thì tiến hành cuộc chiến tranh trường kỳ, cuối cùng trở thành một trong ngũ bá thời Xuân Thu.

LẤY GẬP LÀM DUỖI



Đầu thời nhà Hán, Hoài Âm Hầu Hàn Tín là một viên chiến tướng hô phong hoán vũ, lập được chiến công hiển hách trong việc xây dựng vương triều Hán. Mặc dù cuối cùng bị Lã Hậu tru diệt, nhưng ông là một đấng anh hào cái thế.

Hàn Tín vốn là người Hoài Âm, xuất thân bản hàn, không được tiến cử làm quan, cũng chẳng biết sản xuất hay kinh doanh kiếm tiền, vì vậy ông thường đến nhà người quen ăn chực cơm khiến nhiều người không thích ông.

Ông từng ăn nhờ nhà một Đình trưởng ở làng bên, liền mấy tháng. Vợ Đình trưởng rất ghét ông, nên dậy rất sớm nấu cơm ăn, đến khi Hàn Tín đến thì không còn cơm nữa. Hàn Tín đương nhiên biết rõ nguyên nhân, từ đó không đến nhà Đình trưởng nữa.



Hàn Tín đến bờ sông ở thành Hoài Âm câu cá, có mấy bà lão giặt lụa ở đó. Trong đó có một bà lão thấy Hàn Tín đến giờ ăn cơm mà vẫn ngồi bên bờ sông, trông có vẻ đói, biết ông chưa ăn, bèn nhường phần cơm mình mang theo. Sau đó liên tiếp mấy chục ngày đều như vậy. Hàn Tín cảm động lắm, cảm tạ bà lão:

- Sau này cháu nhất định sẽ báo đáp bà gấp bội!

Nhưng bà lão nổi giận, nói:

- Ai cần người báo đáp? Đường đường một nam tử hán mà không nuôi nổi mình, ta thấy người tội nghiệp nên mới cho người cơm ăn thôi.

Khi đó, thành Hoài Âm có một người đồ tể trẻ tuổi rất coi thường Hàn Tín. Hắn nói với Hàn Tín bằng giọng khinh miệt:

- Người có thân hình cao lớn, lại thích mang kiếm, thực ra người là đồ nhát gan!

Hàn Tín không thèm chấp. Gã đồ tể trẻ tuổi lại sỉ nhục ông trước mặt mọi người:

- Sao mi không lên tiếng? Chẳng lẽ mi không thừa nhận sao? Thế thì, nếu mi không phải kẻ nhát gan, hãy đâm ta một kiếm; nếu mi không dám đâm ta thì hãy thừa nhận mi nhát gan, luồn qua háng ta mà đi!

Hàn Tín nhìn gã đồ tể một lúc rồi ngẫm nghĩ một hồi, bất chợt cúi xuống luồn qua háng hắn. Gã đồ tể cười lớn, người đi đường cũng cười chê Hàn Tín, cho rằng ông nhát gan.

Sau đó, Hạng Lương dấy binh khởi nghĩa, Hàn Tín mang kiếm tòng quân, nhưng mãi chẳng có công danh. Sau khi Hạng Lương thất bại, Hàn Tín lại theo quân Hạng Vũ, cũng làm đến Trung lang quan. Ông nhiều lần hiến sách lên Hạng Vũ nhưng đều không được chấp nhận. Khi Hán Vương Lưu Bang dẫn quân tiến vào đất Thục, Hàn Tín trốn khỏi quân Sở theo quân Hán. Ban đầu vẫn không được trọng dụng, chỉ làm một viên quan nhỏ coi kho. Sau được Tiêu Hà tiến cử với Lưu Bang, làm đến đại tướng, từ đó thành danh, giúp Lưu Bang lấy được phân nửa giang sơn.

Trận Cai Hạ đã đánh bại triệt để Hạng Vũ, Lưu Bang phong Hàn Tín làm Sở Vương. Hàn Tín đến đất phong, tìm được bà lão từng nhường cơm cho ông năm xưa, thưởng cho bà một nghìn lạng vàng để báo đáp. Ông lại tìm đến vị Đình trưởng kia, chỉ thưởng cho ông một trăm tiền, bảo ông:

- Ông là kẻ tiểu nhân, làm việc tốt có đâu không đuôi.

Cuối cùng, ông cho gọi gã đồ tể bắt ông chịu nổi nhục luôn háng, chẳng những không giết hấn, mà trái lại còn bổ hấn làm Trung úy nước Sở và bảo các tướng lĩnh:

- Hấn là một tráng sĩ. Khi hấn làm nhục ta, lẽ nào ta thật sự không dám giết hấn? Không phải. Nhưng ta giết hấn thì không thể thành danh, không thể thực hiện được hoài bão của mình, bởi vậy ta nhẫn nhục và đạt được như ngày hôm nay. Ta thật sự nên cảm ơn hấn, hấn đã tôi luyện ý chí cho ta.

DÙNG “NHÃN” CHẾ DŨNG



Tô Tuần người thời Minh từng nói: “Một nhĩn có thể chế được trăm dũng, một tĩn có thể chế được trăm động”.

Điều này đã chỉ rõ mối quan hệ giữa tiểu nhĩn và đại mưu, nhĩn mạnh uy lực vô hình của “tiểu nhĩn” (nhĩn nhĩn việc nhỏ). Loại tiểu nhĩn này được Khổng Minh vận dụng hay nhất với tư cách là một mưu lược xử thế. Khổng Minh bảy lần bắt rồi tha Mạnh Hoạch, kìm nén thù hận, cuối cùng chế phục được phản quân bằng sự nhĩn nhĩn của mình, giữ cho nước nhà bình an.

Mạnh Hoạch là thủ lĩnh của một dân tộc thiểu số ở vùng Nam Trung thời Tam Quốc, là nhân vật rất có ảnh hưởng thời đó. Ông câu kết với bọn Chu Bao, Ung Khải, Cao Định, tôn Ung Khải làm chủ soái. Thừa cơ nước Thục chiến bại trước nước Ngô, nguyên khí tổn thương nặng nề, Lưu Bị vừa mất, ông sách động dân tộc thiểu số, giết chết quan lại vùng này do nước Thục phái đến, công khai phát động phản loạn.

Thời Tam Quốc ở Nam Trung có rất nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, là tổ tiên của các dân tộc Thiên Di, Choang, Tày, Bạng Long ngày nay. Vào thời Hán, họ bị gọi là “Tây Nam di” (mọi vùng Tây

Nam). Họ sống chung với người Hán, phát triển biên cương Trung Quốc bằng lao động và trí tuệ, đóng góp rất lớn vào sự phát triển kinh tế văn hoá của Trung Quốc. Cuộc phản loạn của bọn Mạnh Hoạch ở vùng Nam Trung vừa phá hoại nguyện vọng đoàn kết hoà mục của nhân dân các dân tộc, vừa đe dọa nghiêm trọng đến chính quyền Thục Hán, cản trở kế hoạch bắc phạt Trung Nguyên, thống nhất toàn quốc của Gia Cát Lượng. Để duy trì sự thống nhất của nước Thục, Gia Cát Lượng tích cực chuẩn bị, năm 225, ông chia quân làm ba đường, tiến vào Nam Trung.

Khi bắt đầu xuất quân, Gia Cát Lượng nghe theo kiến nghị của Tham quân Mã Tắc:

- Mục đích của cuộc xuất chinh này không phải là chém giết hết các phần tử phản loạn, chiếm lĩnh thành trì của họ, mà là phải chinh phục tấm lòng của các nhân vật lãnh tụ địa phương, khiến họ vui vẻ thành phục theo sự thống trị của Thục Hán, sau này không còn phát động phản loạn. Đây gọi là công tâm là thượng sách, công thành là hạ sách.

Gia Cát Lượng xuất binh không lâu, nội bộ phản quân vùng Nam Trung nảy sinh thay đổi. Ung Khải bị bộ hạ giết chết, Mạnh Hoạch lên làm chủ soái. Tiếp đó Gia Cát Lượng giết Cao Định, phá Chu Bao. Tháng 5, Gia Cát Lượng dẫn quân vượt Hộ Thủy, truy kích Mạnh Hoạch.

Do Mạnh Hoạch có uy vọng nhất định, quần chúng địa phương, dân tộc thiểu số địa phương và Hán tộc đều phục tùng sự chỉ huy của y, nên Gia

Cát Lượng ra lệnh không giết hại y, mà phải bắt sống. Mạnh Hoạch thấy quân Thục đánh đến, bèn xua quân nghênh chiến. Tướng Thục là Vương Bình đánh nhau với y, đánh chưa bao lâu thì Vương Bình quay đầu ngựa bỏ chạy. Mạnh Hoạch xua quân tiến lên, men theo đường núi truy kích. Bỗng có tiếng hò reo vang lừng, quân Thục từ hai bên xông ra, Mạnh Hoạch trúng mai phục, đành dẫn quân tháo lui. Quân Thục truy đuổi ráo riết, bắt sống Mạnh Hoạch.

Binh sĩ áp giải Mạnh Hoạch đến đại doanh gặp Gia Cát Lượng, Gia Cát Lượng hỏi Mạnh Hoạch:

- Chúng ta đãi người không tệ, sao người lại phản triều đình? Giờ bị bắt sống, còn có gì để nói?

Rồi ông đích thân dắt Mạnh Hoạch đi tham quan doanh trại Thục, hỏi Mạnh Hoạch:

- Người thấy quân đội của ta thế nào?

Mạnh Hoạch thấy trận doanh quân Thục chỉnh tề, quân kỷ nghiêm minh, sĩ khí thịnh vượng, trong lòng phục lắm, nhưng ngoài miệng nói:

- Ta không phải bị đánh bại, chỉ là không biết thực hư, trúng mai phục của các người nên mới bị bắt sống. Nay thấy quân đội của các người cũng chẳng qua chỉ có thế thôi. Nếu đánh tiếp, ta có thể thắng.

Gia Cát Lượng cười nói:

- Đã vậy, ta thả người về. Người chỉnh đốn đội ngũ đến đánh lần nữa.

Nói xong, dặn binh sĩ bày tiệc rượu chiêu đãi Mạnh Hoạch rồi thả y về.

Mạnh Hoạch trở về, lại đánh với Gia Cát Lượng liên tiếp bảy lần, bị bắt cả bảy. Lần cuối cùng, Gia Cát Lượng dụ quân Mạnh Hoạch đến một sơn cốc, cắt đứt đường lui của y, rồi phóng hoả đốt núi. Khắp núi lửa cháy dữ dội, khiến tướng sĩ của Mạnh Hoạch tóc tai cháy sém, kêu la rầm trời. Mạnh Hoạch lần thứ bảy bị bắt sống.

Mạnh Hoạch lại bị áp giải đến doanh trại quân Thục, binh sĩ truyền tướng lệnh của Gia Cát Lượng:

- Thừa tướng không muốn gặp Mạnh Hoạch nữa, hạ lệnh thả Mạnh Hoạch về, để hấn chinh đồn nhân mã rồi quyết một phen thắng bại.

Mạnh Hoạch suy nghĩ, rồi nói:

- Bảy lần bắt rồi tha, đây là việc chưa từng có xưa nay, Thừa tướng đã giữ thể diện cho ta, ta tuy không có bao nhiêu tri thức, nhưng cũng hiểu đạo lý làm người, sao có thể không nể mặt Thừa tướng?

Nói xong quỳ xuống, rơi lệ, nói:

- Thừa tướng thiên uy, chúng tôi không làm phản nữa!

Gia Cát Lượng mừng lắm, vội ra dìu Mạnh Hoạch dậy, mời y vào trại, bày tiệc chiêu đãi, cuối cùng khách khí tiễn Mạnh Hoạch ra cửa trại, để y trở về.

Sau khi dẹp xong loạn Nam Trung, để củng cố thành quả thắng lợi quân sự lần này, tăng cường sự thống trị của chính quyền Thục Hán đối với vùng

này, Gia Cát Lượng bổ nhiệm các nhân vật lãnh tụ dân tộc thiểu số làm quan lại trung ương và địa phương, Mạnh Hoạch được bổ làm Ngự sử trung thừa của Thục Hán. Đồng thời, Gia Cát Lượng thực hiện đổi mới vùng Nam Trung, truyền thụ kỹ thuật tiên tiến của Hán tộc, phát triển Nam Trung. Những chính sách, biện pháp này của Gia Cát Lượng đóng vai trò tích cực trong việc tăng cường sự thống nhất của miền tây nam, duy trì mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc miền tây nam.

NHÂN TRONG BIẾN LOẠN



Một ngày cuối xuân năm Kiến An thứ tư nhà Đông Hán, Tào Tháo – khi ấy đang khống chế triều đình Hán với danh nghĩa Tư không lục thượng thư sự – chợt thấy phẫn chấn, phái Đô tướng Hứa Chử, Trương Liêu đi mời tướng quân Lưu Bị đến.

Lưu Bị chiêu mộ khởi binh khi quần hùng nổi dậy, tranh bá một phương, đáng tiếc thời vận chưa tới, nhiều lần thất bại. Năm Kiến An thứ nhất, ông được bổ làm Châu mục Dự Châu, tạm đóng ở Tiểu Bái – Từ Châu, nhưng chưa ổn định, lại bị Viên Thuật, Lã Bố giáp kích, ông bỏ vợ con, chỉ dẫn theo Quan Vũ, Trương Phi cùng mấy chục người chạy trốn. Giữa đường, Lưu Bị gặp Tào Tháo, khi ấy đang đông chinh

đánh Lã Bố. Tào Tháo bắt giết Lã Bố, Lưu Bị mới cứu được vợ con. Do binh mã tổn thất hết, Lưu Bị đành theo Tào Tháo về quốc đô lâm thời Hứa Xương của nhà Đông Hán, sống kiếp tầm gửi, an phận qua ngày. Tào Tháo có lẽ tiếc cho một đấng anh hùng, nên rất kính trọng Lưu Bị, ông tấu xin Hán Hiến Đế phong cho Lưu Bị làm tả tướng quân.

Lưu Bị tự thị là dòng dõi vua Hán, coi bọn quyền thần ép thiên tử ra lệnh cho chư hầu như Tào Tháo là kẻ thù không đội trời chung. Sau lưng, ông cùng Quốc cữu Đồng Thừa mật mưu trừ khử Tào Tháo, nên Lưu Bị không khỏi lo lắng, luôn đề phòng Tào Tháo nghi ngờ, gia hại mình. Bình thường, Lưu Bị rất ít giao du, thường trồng rau ở vườn sau nơi ở, tránh người khác chú ý.

Hôm đó, Lưu Bị đang tưới rau ở vườn sau, chợt nghe người hầu vào báo, Tào Tháo phái Hứa Chử, Trương Liêu mời Lưu Bị mau đến Tào phủ. Lưu Bị không biết dụng ý của Tào Tháo, đành thấp thỏm đến gặp.

Tào Tháo trông thấy Lưu Bị, cười sang sảng, nói:

- Huyền Đức ở nhà làm việc tốt.

Lưu Bị giật nảy mình, cảm thấy tim như thót lên tận họng, nào ngờ Tào Tháo lại nói:

- Lưu tướng quân trồng rau vất vả quá.

Lưu Bị khi ấy mới yên lòng, đáp:

- Vô công rồi nghề nên tiêu khiển mà thôi.

Tào Tháo dẫn Lưu Bị đến tiểu đình ở hậu hoa viên

ngồi, trên bàn đá trong tiểu đình đã bày hai đĩa mơ, một bầu rượu. Tào Tháo nói với Lưu Bị:

- Sáng sớm, ta trông thấy quả mơ xanh trên cây, chợt nhớ đến chuyện nhìn mơ hết khát khi đánh Trương Tú năm xưa. Hôm đó trên đường hành quân, binh sĩ miệng khát như cháy, bước đi chậm dần. Ta nghĩ ra một kế, lấy roi ngựa chỉ về phía trước rồi nói: “Phía trước có rừng mơ”. Binh sĩ nghe nói đến mơ miệng chảy nước miếng, chân như được gió đẩy, nhanh chóng đến tiên tuyến. Hôm nay trông thấy mơ, không thể không thưởng thức. Vừa hay, rượu mới cất được, nên mời tướng quân đến cùng vui say.

Khi đó Lưu Bị đã hoàn toàn yên tâm, bèn cùng uống thoả thích với Tào Tháo, luận bàn cổ kim.

Rượu đang nồng, thời tiết chợt thay đổi, mây đen kéo đến, mưa trút như xối. Người hầu chỉ vòi rồng phía xa, mời hai người thưởng lãm. Cổ nhân nói vòi rồng là thiên long hút nước, Tào Tháo nói:

- Huyền Đức có biết rồng biến hoá thế nào không?

Lưu Bị nói:

- Bị không được biết nhiều.

Tào Tháo nói:

- Rồng biến hoá đa đoan, khi to khi nhỏ, khi thăng khi ẩn. Lớn thì nuốt mây nhả gió, nhỏ thì ẩn thân giấu hình; thăng thì bay lượn trong vũ trụ, ẩn thì nấp dưới sóng biển.

Tào Tháo chuyển giọng:

- Anh hùng trên đời chính là rỗng trong nhân gian. Huyền Đức chinh chiến bốn phương, nghe rộng thấy nhiều, chắc biết những ai xứng là anh hùng đời nay, xin kể cho ta nghe.

Lưu Bị nào dám ba hoa, vội thoái thác:

- Bị người trần mắt thịt, sao phân biệt được anh hùng?

Tào Tháo nghe xong, bất giác lấy làm không vui, bảo:

- Huyền Đức đừng quá khiêm tốn.

Lưu Bị sợ thoái thác nữa sẽ hỏng chuyện, khiến Tào Tháo nghi ngờ, bèn giả vờ xòe bàn tay ra đếm, rồi nói:

- Viên Thuật hùng cứ Hoài Nam, binh cường lương đủ, có thể coi là một vị anh hùng.

Tào Tháo xua tay, nói:

- Viên Thuật đâu xứng! Ta coi hấn như bộ xương khô trong mồ, sớm muộn cũng bắt được hấn.

Lưu Bị lại nói:

- Viên Thiệu hổ cứ Hà Bắc, xuất thân danh môn, tổ tiên bốn đời đều quan đến tam công, học trò và bằng hữu khắp thiên hạ, có phải là anh hùng?

Tào Tháo nghe xong cười lớn, nói:

- Viên Thiệu bề ngoài uy võ, nhưng bên trong khiếp nhược; dã tâm lớn nhưng tầm nhìn nông cạn, do dự thiếu quyết đoán, lại tranh công ham lợi, không phải anh hùng.

Lưu Bị nói tiếp:

- Lưu Biểu được xưng là tuấn kiệt đời nay, danh tiếng lẫy lừng thiên hạ, có phải là anh hùng?

Tào Tháo bĩu môi, nói:

- Lưu Biểu sang trọng bề ngoài, thối nát bên trong, sao xứng làm anh hùng?

Lưu Bị lại nói:

- Tôn Sách ở Giang Đông, anh dũng thiện chiến, có thể coi là anh hùng thiếu niên không?

Tào Tháo lắc đầu, nói:

- Tôn Sách dựa vào uy thừa của cha hấn Tôn Kiên mà dựng được cơ nghiệp, không thể coi là anh hùng.

Cuối cùng Lưu Bị nói:

- Lưu Tân, châu mục Ích Châu, có thể coi là anh hùng không?

Tào Tháo khoát tay cười lớn, nói:

- Lưu Tân dù xuất thân hoàng thất, nhưng chỉ xứng làm con chó giữ cửa cho ta, sao có thể xứng làm anh hùng?

Lưu Bị thấy Tào Tháo phủ định hết thảy, không khỏi nản lòng, ông nói:

- Thế bọn Trương Tú, Trương Lỗ thì sao?

Tào Tháo cười ha hả, nói:

- Loại tiểu nhân vô dụng bất tài này, cần gì phải nhắc đến?

Lưu Bị xua tay, nhúu mày, nói:

- Ngoài những người này, Bị không biết còn có ai xứng là anh hùng.

Tào Tháo nói:

- Anh hùng là kẻ có chí lớn nuốt trời đất, bụng chứa huyền cơ quyền thần không hay.

Tào Tháo chỉ vào Lưu Bị, rồi chỉ vào mình, nói:

- Anh hùng thiên hạ thời nay, chỉ có Huyền Đức và Tháo này thôi!

Lưu Bị nghe xong thất kinh, đánh rơi đôi dũa trong tay lúc nào không hay. Vừa hay có tiếng sấm rền vang, Lưu Bị vội lấp liếm:

- Sấm lớn quá khiến người thất kinh.

Tào Tháo nhìn Lưu Bị bằng ánh mắt châm chọc:

- Đại trượng phu mà còn sợ tiếng sấm sao?

Lưu Bị nói:

- Khổng Tử gặp mưa gió sấm sét còn biến sắc mặt vì kính sợ trời, Bị sao lại không sợ?

Một tiếng sấm đã khiến Tào Tháo bỏ qua chi tiết Lưu Bị thất kinh vì nghe nói mình là anh hùng. Một lát sau, Quan Vũ, Trương Phi tìm đến, Lưu Bị bèn đứng dậy cáo từ, rời khỏi hang hùm.

Về đến nhà, Lưu Bị bảo Quan Vũ, Trương Phi:

- Hôm nay ta sợ quá!

Quan Vũ, Trương Phi vội hỏi chuyện gì, Lưu Bị nói:

- Ta trồng rau ở vườn sau, chủ yếu là muốn để Tào Tháo cho là ta không có chí lớn, nào ngờ Tào Tháo ánh mắt sắc sảo, lại chỉ vào ta nói ta là anh hùng.

Trương Phi cười ha hả:

- Tào Tháo nói không sai, huynh trưởng vốn là anh hùng mà.

Lưu Bị nói:

- Tào Tháo nói ta và hấn là hai anh hùng duy nhất đời nay. Song hùng không đứng chung, hấn đã coi ta là kẻ địch lớn nhất, thì chúng ta ở Hứa Xương, trong tầm tay hấn, chẳng phải nguy hiểm tính mạng bất cứ lúc nào sao? Vì vậy, ta kinh sợ đánh rơi cả dưa, may là có tiếng sấm rền vang, giúp ta lấp liếm được.

Không lâu sau, Viên Thuật binh bại thế cùng, bỏ Hoài Nam, trốn lên bắc đến Thanh Châu. Lưu Bị thừa cơ tự tiến cử với Tào Tháo cho mình truy kích Viên Thuật, Tào Tháo nhất thời lơ là, đồng ý ngay. Lưu Bị được lệnh, lập tức nhanh chóng xuất chiến, như chim sổ lồng, tiến về phía đông, cuối cùng thoát được sự kiểm soát của Tào Tháo.

LẤY KHỔ LÀM VUI



Phạm Lãi phò tá Việt Vương Câu Tiễn hơn 20 năm, cuối cùng đánh bại nước Ngô, trả được mối thù Hội Kê. Nhờ công tích hiển hách, ông được phong làm “Thượng tướng quân”. Sau khi thụ phong, Phạm Lãi nghĩ rằng con người Việt Vương Câu Tiễn chỉ có cùng hoạn nạn chứ không thể cùng an lạc, mình danh tiếng lẫy lừng như thế khó ở yên lâu, chi bằng từ quan về quê. Phạm Lãi từng nói với người khác:

- Sách lược của Kế Nhiên có bảy mục, nước Việt chỉ dùng năm mục mà đã thành cường quốc, ngày trước ta dùng kế sách của ông ấy mà giúp nước mạnh, nay ta phải dùng kế sách của ông ấy để trị gia.

Kế Nhiên là một Công tử của nước Tấn thời Xuân Thu Chiến Quốc, họ Tân tên Nghiên, tự là Văn Tử. Ông du học đến nước Việt, làm quen với Phạm Lãi. Phạm Lãi thỉnh giáo ông đại kế trị nước, hai người càng bàn càng hợp nhau, nên trở thành bạn thân. Khi đó nước Việt đã thành nước phụ thuộc của Ngô, Việt Vương Câu Tiễn vừa được Ngô Vương thả về nước, luôn không quên phục thù, ông cũng thỉnh giáo Kế Nhiên sách lược phục quốc. Kế Nhiên bèn đưa ra bảy kế cho nước Việt, ông nói:

- Sau chiến tranh Ngô Việt, nước Việt nguyên khí đã tổn thương nặng, muốn giàu mạnh trở lại, chỉ còn

cách phấn đấu gian khổ, trên dưới đồng lòng, đồng thời còn phải có kế hoạch nhất định. Tình hình của quý quốc là, trong 12 năm đầu có 6 năm được mùa, sáu năm mất mùa. Năm được quy luật tuần hoàn này, năm được mùa thì lo tích trữ thêm lương thực để dùng cho năm mất mùa, sẽ không lạc quan mù quáng, tùy tiện lãng phí, năm mất mùa cũng không có người chết đói.

Kế Nhiên cho Câu Tiễn hay, dân dĩ thực vi thiên (dân lấy ăn làm trời), lương thực là loại hàng hoá đặc biệt để duy trì sự an nguy của nước nhà và sinh tử của nhân dân, cần do nhà nước kiểm soát, hơn nữa nhà nước phải khuyến khích sản xuất nông nghiệp. Ông một mạch kể ra bảy kế sách, nước Việt thực hiện được năm. Mười năm sau, nước Việt trở nên dân giàu nước mạnh, nên Phạm Lãi rất khâm phục Kế Nhiên. Sau khi bỏ quan theo thương, ông vận dụng lý luận của Kế Nhiên vào kinh doanh, không lâu sau cũng thành cự phú.

Sau khi từ quan, Phạm Lãi trước tiên đến nước Tề, mai danh ẩn tính, tự xưng là Nha Di Tử Bì và bắt đầu việc sáng nghiệp của mình. Tề là một nước lớn ở phương đông, nông nghiệp và công thương nghiệp đều rất phát triển. Cha con Phạm Lãi ở ven biển sống bằng nghề trồng trọt, chăm chỉ lao động, hợp lực sản xuất. Nhờ đồng tâm hiệp lực, trời không phụ kẻ có công, không bao lâu, ông đã tích lũy được một tài sản lớn. Nhờ năng lực và tài cán, ông nhanh chóng trở thành người nổi tiếng nước Tề. Người Tề nghe nói Phạm Lãi rất cần lao, hiền năng, bèn mời

ông ra làm khanh tướng, còn gửi ông ấn tướng. Điều này trái với mong muốn của Phạm Lãi, ông than:

- Ở nhà có thể phấn đấu gian khổ tích lũy nghìn vàng, làm quan thì có thể đến khanh tướng, đây thực là điều đặc ý với một kẻ bình dân, nhưng hưởng thụ tôn danh lâu dài cũng chẳng phải việc lành.

Thế nên ông trả lại ấn tướng, chia gia sản cho bạn bè và hàng xóm, nhà mình chỉ mang theo vàng bạc châu báu bí mật dọn đi.

Ông đến Định Đào (nay là Tri Bắc tỉnh Sơn Đông), cho rằng nơi đây là đầu mối thông thương, nằm ở giữa thiên hạ, làm ăn ở đây hoàn toàn có thể giàu có. Trước tình thế mới, ông lại có điều chỉnh mới với việc làm ăn của mình.

Phạm Lãi cùng các con trai trồng trọt và chăn nuôi, chiến thắng mọi khó khăn, hoa màu luôn được mùa, gia súc béo tốt. Ông còn không bỏ lỡ thời cơ hoạt động kinh doanh, tích lũy vốn, mạnh dạn mua vào bán ra, chỉ lấy lợi nhuận một phần mười, việc kinh doanh rất phát triển. Chẳng bao lâu sau, ông tích lũy được một khối tài sản lớn. Người trong thiên hạ đều biết Định Đào có ông Đào Chu Công, giàu nhất thiên hạ.

Một người tên là Giá Đốn đến thỉnh giáo Phạm Lãi cách làm giàu, Phạm Lãi cho biết, muốn nhanh chóng giàu có, phải chăm chỉ lao động, không được sợ gian khổ, đồng thời chăn nuôi nhiều gia súc. Còn có người hỏi ông:

- Trong mười mấy năm, ông ba lần tích lũy được nghìn vàng, có bí quyết gì không?

Phạm Lãi liệt kê mười tám nguyên tắc trong kinh doanh và quản lý tài sản của ông:

- Thứ nhất, làm việc phải cần cù, không được lười biếng, lười biếng thì không làm việc gì thành; thứ hai, phải biết rõ giá cả; thứ ba, sinh hoạt phải tiết kiệm, không được xa hoa, miệng ăn thì núi lở; thứ tư, không được lạm dụng; thứ năm, hàng hoá phải kiểm tra kỹ càng; thứ sáu, xuất nhập phải cẩn thận; thứ bảy, dùng người phải đúng đắn; thứ tám, tốt xấu phân minh; thứ chín, hàng hoá phải ngay ngắn, không được bừa bãi; thứ mười, phải có kỳ hạn rõ ràng; thứ mười một, mua bán phải nhanh chóng, không được kéo dài; thứ mười hai, tiền tài phải rõ ràng, cẩn thận, không được hàm hồ; thứ mười ba, sổ sách phải kiểm tra, không được lười biếng; thứ mười bốn, không được nóng vội, hoà khí sinh tài; thứ mười lăm, không được khinh suất, khinh suất thì hỏng việc; thứ mười sáu, gặp việc phải tận trách; thứ mười bảy, làm việc phải tỉ mỉ, không được qua loa; thứ mười tám, không được hời hợt, hời hợt thì hỏng việc.

Trong những kinh nghiệm này, hầu như không có điều nào tách rời cái gốc cần cù làm giàu, gian khổ sáng nghiệp, bởi vậy Phạm Lãi mới có thể ba lần kiếm được nghìn vàng chỉ trong mười mấy năm.

PHÚ QUÝ THÌ TỰ KIỀM CHẾ



Sự vật luôn có mặt không nhìn thấy, không thể dự liệu, mà sự gian trá, phong ba trên đời thì không ai lường trước được, bởi vậy chủ trương lập thân phải cẩn thận, tránh hiềm nghi, xa hoạ hoạn, việc gì cũng phải chừa đường lùi. Đây thì tự làm cho vơi, quý thì tự kiềm chế, nhờ thế có thể giữ được thân.

Sự tích Quách Tử Nghi thời Đường dẹp loạn An – Sử ai ai cũng biết, nhưng rất ít người biết rằng, vị đại tướng có công lao hiển hách này lại rất cẩn thận trong đối nhân xử thế, hoàn toàn trái ngược với phong cách mạnh mẽ của ông trong chỉ huy quân đội tác chiến.

Năm Đường Túc Tông Thượng Nguyên thứ hai (761), Quách Tử Nghi được tấn phong quận chủ Phần Dương, vào ở trong vương phủ lộng lẫy nằm ở phố Thân Nhân – Trường An. Điều khó hiểu là, Vương phủ Phần Dương ngày nào cũng mở rộng cửa để mọi người tùy ý ra vào, không tra hỏi, khác hẳn với sự kín đáo thâm nghiêm ở các nhà quan khác. Khách đến thăm, Quách Tử Nghi đều niềm nở mời họ vào nhà, lệnh cho tì thiếp ra tiếp đãi. Một lần, một vị tướng quân rời kinh đi nhậm chức, đến vương phủ từ biệt, thấy phu nhân và con gái ông đang trang điểm, sai Quách Tử Nghi mang cái này, lấy cái nọ, chẳng

khác sai bảo người hầu. Các con trai ông cho rằng thân làm Vương gia, làm như vậy không hay lắm, bèn cùng khuyên giải cha sau này cần phải phân biệt để người ta khỏi chê cười.

Quách Tử Nghi cười bảo:

- Các con không biết dụng ý của cha, ngựa của ta ăn cỏ công có đến 500 con, thuộc hạ, người ở của ta, ăn cơm công có đến nghìn người. Nay ta có thể nói là địa vị hơn người, hưởng tận ân sủng. Nhưng ai có thể đảm bảo không có ai ngấm ngầm ghen ghét chúng ta? Nếu cha cứ xây tường cao, đóng chặt cửa, không giao thiệp với người trong ngoài triều đình, giả như có người kết thù oán với cha, vu cho cha hai lòng, thì cha cũng chỉ biết nhắm mắt bịt tai, không có cơ hội biện giải. Nay ta không giấu giếm điều gì, không để lời đồn có đất sinh sôi, thì dù có kẻ muốn sàm ngôn để hại ta, cũng chẳng có cơ nào.

Mấy người con trai nghe xong, đều quỳ xuống, khâm phục mưu sâu và sự lo xa của cha. Trong lịch sử Trung Quốc có rất nhiều văn thần võ tướng có công lớn với triều đình, nhưng phần lớn đều không có kết cục tốt đẹp. Quách Tử Nghi trải qua nhiều triều từ Huyền Tông, Túc Tông, Đại Tông đến Đức Tông, ở chức cao suốt 60 năm, dù hoạn lộ mấy phen sóng gió, nhưng vẫn bảo toàn được cho mình và con cháu, thọ đến 80 tuổi, đặt dấu chấm hoàn hảo cho cuộc đời lưng ngựa suốt mấy mươi năm, được điều đó chính là nhờ sự can trọng của ông vậy.

HOÃN XUNG VƯƠNG



“Hoãn xung vương” là khâu cuối cùng, trên thực tế cũng là khâu quan trọng nhất trong chiến lược lớn “xây tường cao, tích lương rộng, hoãn xung vương” của Chu Nguyên Chương.

Khi Chu Thăng đề xuất “hoãn xung vương”, trong các thế lực cát cứ gồm mấy lộ nghĩa quân chủ yếu và các chư hầu lớn, ngoại trừ Minh Ngọc Trân ở Tứ Xuyên, Phương Quốc Trân ở Chiết Đông, các lãnh tụ còn lại đều đã xưng vương, xưng đế. Đầu tiên là Từ Thọ Huy, được sự ủng hộ của bọn Bành Doanh Ngọc, xưng đế vào năm Nguyên Chí Chính thứ mười một (năm 1351), lấy quốc hiệu là Thiên Nguyên. Trương Sĩ Thành tự xưng Thành Vương năm Nguyên Chí Chính thứ mười ba (1353), lấy quốc hiệu là Đại Chu. Lưu Phúc Thông vì Hàn Sơn Đồng bị hại, Hàn Lâm Địa không rõ tung tích nên dấy binh nhiều năm không lập “thiên tử”, đến năm Nguyên Chí Chính thứ hai mươi (1360), Từ Thọ Huy bị bộ hạ là Trần Hữu Lương giết, Trần Hữu Lương tự lập làm đế, lấy quốc hiệu là Đại Hán. Minh Bảo Trân ở Tứ Xuyên hay tin, cũng tự lập làm Lũng Thục Vương. Một thời gian, khắp Cửu Châu đều là “vương” với “đế”.

Khi đó chỉ có Chu Nguyên Chương vẫn rất tỉnh táo. Ông hiểu rằng “ai cười sau cùng, người ấy mới

là kẻ chiến thắng thực sự”. Bởi vậy, ông kiên quyết nghe theo kiến nghị “hoãn xưng vương”. Chu Nguyên Chương trở thành lãnh tụ một lộ nghĩa quân, không bị ám ảnh bởi “vương”, “đế”, cho đến năm Nguyên Chí Chính thứ hai mươi bốn (năm 1364), Chu Nguyên Chương mới xưng là Ngô Vương. Còn về xưng đế, thì là chuyện của năm Nguyên Chí Chính thứ hai mươi tám (năm 1368). Khi đó, cục thế thiên hạ đã rõ ràng, có nghĩa là, Chu Nguyên Chương dù không xưng đế nhưng cũng sắp trở thành “đế” thực sự.

So với việc xưng vương vội vã của các lộ nghĩa quân khác, chiến lược “hoãn xưng vương” của Chu Nguyên Chương có thể nói là sáng suốt. Mục đích căn bản của việc “hoãn xưng vương” là giảm sắc thái chính trị độc lập phản Nguyên của phe mình xuống mức thấp nhất, từ đó giảm mức độ chú ý của triều Nguyên, tránh hoặc giảm thiểu khả năng quyết chiến với quân đội chủ lực của quân Nguyên và các chư hầu lớn mạnh quá sớm. Như thế, Chu Nguyên Chương sẽ bảo tồn thực lực một cách có lợi, tích lũy sức mạnh, từ đó phát triển ổn định.

Cần biết rằng, trong các triều đại phong kiến mà thiên hạ rối ren, dấy binh cát cứ không có nghĩa là đối đầu, không đội trời chung với triều đình trung ương. Nhưng một khi dựng nên một ông “vương” hay “đế”, giống lên cờ hiệu nào đó thì có nghĩa là thế lực này chống lại triều đình. Bởi vậy, ở đâu có vương hay đế, triều đình sẽ phái đại quân đến trấn áp. Từ Thọ Huy xưng đế được hai năm thì đại quân triều đình tấn công chính quyền Thiên Nguyên trên quy

mô lớn. Tương tự, bọn Trương Sĩ Thành, Lưu Phúc Thông đều bị quân Nguyên vây công.

So sánh ra, chỉ có Chu Nguyên Chương chưa xưng đế, cho đến trước khi bắc phạt nam chinh, là chưa bị chủ lực quân Nguyên tấn công. Một trong những nguyên nhân là xung quanh Chu Nguyên Chương có thế lực của Từ Thộ Huy (sau là Trần Hữu Lương), Tiểu Minh Vương, Trương Sĩ Thành hộ vệ, quân Nguyên muốn tấn công Chu Nguyên Chương trước hết phải vượt qua khu vực họ chiếm cứ. Nhưng điều này cũng không phải tuyệt đối. Quân Nguyên từng tấn công Lục Hợp của Trương Sĩ Thành, cách Ứng Thiên chỉ có năm sáu mươi cây số, quân Nguyên có thể đến Lục Hợp thì đương nhiên cũng có thể đến Ứng Thiên, nếu không Chu Nguyên Chương cũng không phải vội vã phái quân đi cứu viện Lục Hợp. Nguyên nhân thứ hai là trước khi xưng vương, Chu Nguyên Chương luôn “nhấn nhục”, lệ thuộc vào chính quyền của Tiểu Minh Vương. Khi đó có đến ba bốn người xưng đế trong thiên hạ, triều Nguyên đang lung lay hẳn không để ý đến thế lực đang phụ thuộc vào một chính quyền nào đó như Chu Nguyên Chương. Chu Nguyên Chương đã nắm lấy thời cơ có lợi này, tăng cường mở rộng địa bàn, phát triển lực lượng, cuối cùng trở thành người chi phối thu dọn toàn cục.

“Hoãn xưng vương” còn tránh được sự khiêu chiến chính quyền cát cứ lớn mạnh cá biệt. Triều Nguyên tuy loạn, nhưng “quán quân” cuối cùng chỉ có một. Xét theo ý nghĩa này, bất kỳ chính quyền cát cứ nào

cũng là đối thủ cạnh tranh trên đường đến vương quyền. Do đó, chính quyền cát cứ ngoài đấu tranh với triều đình, còn “cạnh tranh” với nhau, sự “cạnh tranh” này trên thực tế là tàn sát lẫn nhau. Chính nhờ “hoãn xưng vương” nên Chu Nguyên Chương không chỉ tránh được bị cuốn vào cuộc tàn sát này, mà còn mượn việc lệ thuộc vào chính quyền của Tiểu Minh Vương, một mặt lấy được lòng, mặt khác cũng nhận được sự che chở của chính quyền, có thể nói là một mũi tên trúng hai đích.

GIẤU TRỜI QUA BIỂN



Đường Thái Tông ngự giá thân chinh, thống lĩnh 30 vạn binh muốn chiếm Cao Ly. Khi đến bờ biển, chỉ thấy đại dương mênh mông, không thấy bờ. Nhìn xa về phía Cao Ly, thấy cách biển nghìn dặm. 30 vạn đại quân vượt đại dương mênh mông này bằng cách nào? Đường Thái Tông thấy ân hận, bèn triệu tập quần thần, hỏi đối sách. Mọi người đều nhìn nhau, không biết đối đáp sao. Đại tướng Trương Sĩ Quý trở về doanh trại, tìm Tiết Nhơn Quý hỏi ý. Tiết Nhơn Quý đáp:

- Hoàng thượng chẳng qua là lo đại dương cách trở, khó đánh Cao Ly. Tôi dùng một kế, đảm bảo dù biển rộng nghìn dặm, ngày đến cũng không có tung

tích cũng có thể giúp hoàng thượng và binh sĩ vượt biển an toàn, như đi trên đất bằng.

Mấy ngày sau, Thái Tông lại hỏi có kế gì vượt biển, Trương Sĩ Quý tấu:

- Có một phú hào sống gần biển, nay đến kiến giá, nói rằng ba mươi vạn quân lương vượt biển sẽ do nhà họ đảm trách.

Thái Tông nghe xong cả mừng, truyền lệnh cho người nọ vào gặp. Người này mời Thái Tông và văn võ bá quan ra bờ biển. Lúc đó, đại dương đã biến mất, chỉ thấy trước mắt có hơn một vạn ngôi nhà đều được vây bằng bạt màu. Vị phú hào mời Đường Thái Tông vào một ngôi nhà, bốn vách tường trong nhà đều treo hoa, sàn trải thảm quý. Thái Tông và các quan tùy tùng ngồi dưới chiếu, khoan khoái thưởng thức rượu ngon. Một lát sau, chợt thấy màn che xung quanh nhà bị gió thổi, tiếng sóng biển ào ạt, ly rượu trên bàn nghiêng ngã, Đường Thái Tông sinh nghi, vội ra lệnh vén màn chướng ra xem. Chỉ thấy nước biển dập dềnh, mênh mông không bờ. Đường Thái Tông cả kinh, vội hỏi mình đang ở đâu. Trương Sĩ Quý đáp:

- Đây là kế qua biển của thần, được thế gió, ba mươi vạn đại quân cưỡi thuyền qua biển, đến bờ đông.

Việc đã đến nước này, Đường Thái Tông đành phải hạ quyết tâm đánh Cao Ly.

VÂY NGUY CỨU TRIỆU

Năm 354 trước Công nguyên, nước Ngụy tấn công nước Triệu, bao vây kinh đô Hàm Đan, Triệu cầu viện Tề. Tề phái một cánh quân tám vạn người do Điền Kỵ làm thống soái, Tôn Tấn làm quân sư đến cứu viện nước Triệu. Điền Kỵ dự định dẫn quân đến thẳng nước Triệu, quyết một phen tử chiến với quân Ngụy. Nhưng kế hoạch này bị Tôn Tấn phản đối:

- Nếu muốn cởi nút dây thừng thì không thể dùng sức kéo mạnh. Muốn tách oan gia quyết đấu, không thể để mình cũng bị cuốn vào. Muốn giải phá trùng vây, tốt nhất là tránh nơi quân địch người đông thế mạnh, mà công kích nơi họ phòng thủ lơ lửng. Toàn bộ tinh nhuệ quân Ngụy đã đến nước Triệu, trong nước chắc không còn trọng binh phòng thủ. Vì vậy chúng ta nên đánh đô thành Đại Lương (nay là Khai Phong - Hà Nam) của nước Ngụy. Như thế, quân Ngụy sẽ ngưng bao vây Hàm Đan, lập tức trở về cứu viện bản thổ.

Điền Kỵ nghe theo kiến nghị của Tôn Tấn, dẫn quân đánh Đại Lương. Quân Ngụy công Triệu được tin, vội rút quân khỏi nước Triệu, nhanh chóng trở về Ngụy. Khi đó, quân Tề nhanh chóng rút khỏi Ngụy, mai phục ở Quế Lăng – nơi quân Ngụy phải đi qua khi trở về, chuẩn bị tác chiến. Khi tướng Ngụy là Bàng Quyên dẫn quân Ngụy mệt mỏi tiến vào Quế

Lăng thì bị quân Tề phục kích. Quân Tề dĩ dật đãi lao, xuất kỳ bất ý, lại chiếm được địa hình có lợi, nên dễ dàng đánh bại quân Ngụy, bắt sống Bàng Quyên. Quân Tề vừa giải vây được cho nước Triệu, vừa đánh bại quân Ngụy.

NHÂN CHÁY HÔI CỦA



Trên đường đi thỉnh kinh, Đường Tăng tá túc ở một ngôi chùa. Phương trượng trông thấy cà sa của Đường Tăng, sinh lòng tham, nửa đêm phóng hoả nhằm nhân hoả hoạn đến cướp áo. Tôn Ngộ Không dùng cái chụp tránh hoả mượn được của Quảng Mục Thiên Vương chụp cho Đường Tăng và bạch mã, sau đó thổi một hơi cho ngọn lửa lan đến chỗ bọn hoà thượng tham lam. Lũ hoà thượng tự dẫn hoả đốt mình, lãnh chịu hậu quả. Đám cháy này đánh thức con yêu quái trong động Hắc Phong cách đó không xa. Nó vốn có giao tình với phương trượng, thấy bạn gặp nạn, vội đến cứu hoả. Vào đến chùa thì thấy chiếc cà sa, vật chí bảo Phật môn. Vừa trông thấy của báu, ý định dập lửa của con yêu tắt ngấm, sinh lòng hôi của. Nó cầm chiếc cà sa lên rồi cười mây đen, trở về sơn động.

Nhân đám cháy đến hôi của được áp dụng vào quân sự, đây là kế thừa lúc địch nguy mà giành



thắng lợi. Địch gặp nguy nan, thông thường có hai phương diện, một là nội ưu, hai là ngoại hoạn. Nội ưu là nỗi lo bên trong, hoặc là gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai gây ra, dẫn đến dân tình đói khổ, hoặc là nội bộ đấu đá tranh quyền đoạt vị, sinh ra chia rẽ, hoặc là gian thần nắm quyền, triều chính hủ bại dẫn đến nội bộ bạo loạn. Ngoại hoạn là kẻ địch bên ngoài xâm lấn. Xuất binh tiến đánh trong các trường hợp đó sẽ rất dễ giành chiến thắng.

Cuối thời Đông Hán, sau khi thảm bại ở Quan Độ, Viên Thiệu buồn bã mà chết. Trước khi chết, ông lập con út là Viên Thượng làm người kế vị. Sau cú sốc này, thế lực của gia tộc họ Viên không còn như trước. Thế nhưng, con trai và con rể Viên Thiệu vẫn nắm trọng binh, chiếm cứ địa bàn rất rộng, nếu họ biết đoàn kết thì thế lực vẫn không thể xem thường.

Khi đó, quân đội do Tào Tháo thống lĩnh trăm trận trăm thắng, sĩ khí thịnh vượng. Ông bèn nhân cơ hội quần long không đầu sau khi Viên Thiệu chết, dẫn đại quân đến thảo phạt, tiêu diệt tập đoàn họ Viên. Trước hết, Tào Tháo chĩa mũi giáo tấn công về phía con trưởng Viên Thiệu là Viên Đàm khi ấy đang chiếm cứ Lê Dương. Viên Đàm không chống nổi, hoá tốc cầu cứu con út Viên Thiệu là Viên Thượng. Anh em họ Viên thấy thế Tào Tháo hung mãnh, bèn hợp lực tử thủ thành Dục Châu. Tào Tháo đánh mãi không hạ được thành, rất sốt ruột. Lúc này, mưu sĩ Quách Gia hiến kế:

- Viên Thiệu chết đi, lập con út hấn làm người

kế vị, chứ không lập con cả. Việc phế truất lập thứ này ắt khiến anh em đấu đá tranh giành quyền lực. Cuộc tranh đoạt này sở dĩ chưa xảy ra là vì cuộc tấn công của chúng ta khiến chúng không để ý đến. Nếu lúc này chúng ta lui binh để đánh Kinh Châu thế lực yếu hơn, chinh thảo Lưu Biểu, thì cuộc tranh giành quyền thế giữa anh em họ Viên sẽ xảy ra. Một khi cuộc tranh giành bắt đầu, chúng ta lại thừa khi chúng hỗn loạn xuất binh, sẽ có thể giành chiến thắng.

Tào Tháo lập tức áp dụng mưu này. Quả nhiên, đại quân Tào Tháo vừa rút đi, con cả Viên Thiệu là Viên Đàm tranh giành quyền thừa kế với Viên Thượng. Hai bên đại động can qua, tàn sát lẫn nhau. Viên Đàm thất bại, cầu viện Tào Tháo. Tào Tháo vốn đã chuẩn bị toạ sơn quan hổ đấu, không chịu giúp. Nhưng mưu sĩ Tuần Du ra sức khuyên ông đổi ý:

- Thiên hạ đang lúc rối ren, mà Lưu Biểu chiếm giữ Giang Hán, lại không có ý mở rộng thực lực, có thể thấy người này không có chí lớn, không đáng ngại. Nhưng anh em họ Viên giáp binh mười vạn, chiếm đất nghìn dặm, nếu họ hoà mục với nhau thì muốn đánh họ cũng không phải dễ. Nay anh em họ Viên tranh giành nhau, không đội trời chung, nếu một bên giành chiến thắng, binh lực thống nhất vào một người, đến khi đó, muốn chinh thảo cũng khó khăn muôn trùng. Bởi vậy, chúng ta cần nhân chúng nội loạn mà thu nhận Viên Đàm, thời cơ không thể bỏ lỡ, bỏ lỡ sẽ không đến nữa, mong chúa công suy xét kỹ.

Tào Tháo nghe theo kế “nhân cháy hôi của” của Tuân Du, phát binh đến Lê Dương, trước tiên liên thủ với Viên Đàm, tấn công Viên Thượng. Tháng 8 năm sau, cuối cùng tiêu diệt được tập đoàn Viên Thượng. Mùa xuân năm thứ ba, Tào Tháo lại lấy danh nghĩa “bội ước”, tiêu diệt Viên Đàm. Địa bàn mấy đời họ Viên chiếm giữ đều rơi vào tay Tào Tháo. Từ đó đặt nền tảng cho việc thống nhất phương bắc của ông sau này.

TRONG KHÔNG SINH CÓ



*T*rong thời kỳ thế chiến thứ hai, để nguy trang hành động quân sự đánh chớp nhoáng nước Pháp, làm tê liệt đầu não đồng minh, Hitler thay đổi thời gian khai chiến đánh Pháp liên tục hơn 20 lần, đồng thời nhiều lần cho các quốc gia phương Tây biết ngày giờ thay đổi theo các cách khác nhau, để họ xem thường mà lơ là cảnh giác. Khi cơ quan tình báo Anh một lần nữa phát đi rất nhiều tin tức về việc quân Đức điều quân đến biên giới nước Pháp trước khi quân Đức chính thức tấn công, chính quyền Anh Pháp vẫn tưởng đó lại là “cuộc chiến thần kinh” giống như trước kia, nên không để ý, từ đó giúp âm mưu đánh chớp nhoáng nước Pháp của Hitler được thực hiện.

Tháng 9 năm 1942, quân Anh phản công phòng tuyến quân Đức ở vùng Al Alamein thuộc Bắc Phi. Trong quá trình chuẩn bị phản công, công binh quân Anh đã xây dựng ba trận địa pháo binh giả của đoàn bán dã chiến, bắc các dây cột điện được nguy trang bằng chụp lưới giả làm họng đại pháo. Bên ngoài những khẩu đại pháo này tuy được nguy trang, nhưng không giấu đi, mà cố ý để lộ, làm cho quân Đức phía trước trận địa có thể nhìn thấy trận địa pháo binh giả này thông qua lưới nguy trang. Qua quan sát, quân Đức nhận ra trận địa pháo binh giả của quân Anh, từ đó mất cảnh giác, cho là người Anh đã phải dùng cột điện giả làm đại pháo thì không có vẻ đủ sức phản công, chỉ là dọa dẫm mà thôi.

Khi cuộc phản công sắp bắt đầu, quân Anh nhanh chóng nhưng bí mật đưa pháo thật vào trận địa pháo giả, chiêu thuật trong không sinh có này đã che mắt được quân Đức. Cuộc phản công bắt đầu, một tiếng hạ lệnh, các khẩu pháo trong trận địa pháo binh giả cùng khai hoả. Cuộc pháo kích đột ngột khiến quân Đức trở tay không kịp. Pháo hoả “trong không sinh có” của quân Anh phối hợp chặt chẽ với xe tăng và bộ binh quân Anh tấn công dữ dội.

Năm 1944, trước chiến dịch đổ bộ Al Alamein, quân đồng minh dự định phái ba sư đoàn dù đột kích cầu, nơi mà quân Đức cứ thủ ở khu vực Sanite Marie để tiếp ứng với quân đổ bộ quy mô lớn vượt biển đến sau đó, đồng thời ngăn chặn quân Đức tăng viện vào khu vực đổ bộ Al Alamein.



Để giảm thiểu sự ngăn cản có thể gặp phải trong hành động nhảy dù, quân đồng minh đã tổ chức nhảy dù giả nhiều lần ở hai cánh khu vực nhảy dù. Từng đoàn máy bay vận chuyển từ Anh bay đến liên tiếp thả xuống rất nhiều lính nhảy dù giả mang theo đạn thật. Cảnh đó không những rất giống tác chiến nhảy dù thật, mà khí tài những lính nhảy dù giả đó mang theo sẽ phát ra tiếng pháo súng giống như bắn thật khi tiếp cận mặt đất. Quân Đức bị dụ báo động khẩn cấp hết lần này đến lần khác, bao vây vùng nhảy dù giả. Kết quả mỗi lần tìm kiếm không có gì ngoài người giả và binh khí giả phát hiện được. Dần dà, quân Đức sinh tâm lý mệt mỏi với cơn ác mộng liên tiếp này, trở nên lơ là, không còn cảnh giác đối với dấu hiệu nhảy dù và rơi vào tê liệt.

Trước khi cuộc đổ bộ Al Almein bắt đầu, máy bay nhảy dù của quân đồng minh lại ồ ạt tiến vào bầu trời Saint Maria, quân nhảy dù của ba sư đoàn mang theo súng thật đạn thật nhảy xuống. Quân Đức vốn đã mệt mỏi sau nhiều lần bị quấy rối với việc nhảy dù giả, nên khi nhận được báo cáo lính dù quân đồng minh nhảy xuống thì bán tín bán nghi, không nhanh chóng xuất quân nghênh chiến, từ đó mất thời cơ chiến đấu có lợi. Quân đồng minh vận dụng kế “trong không sinh có” đã giúp trận tác chiến nhảy dù này thành công.

GIẤU DAO TRONG NỤ CƯỜI



Sau trận Xích Bích, Tào Tháo, Tôn Quyền, Lưu Bị, mỗi bên đều muốn chiếm hết Kinh Châu. Năm Kiến An thứ hai mươi hai (217), đại tướng Đông Ngô Lỗ Túc, người luôn chủ trương Tôn Lưu liên minh, nhuốm bệnh qua đời, Lã Mông đại thống nhân mã bộ hạ của ông trấn thủ Lục Khẩu, gần với Quan Vũ đóng giữ Giang Lăng. Lã Mông từ lâu đã có chí đoạt lấy Kinh Châu để chiếm cứ Trường Giang, sau khi đến Lục Khẩu, bề ngoài ông giả đồ giao hảo với Quan Vũ, nhưng lại ngấm ngấm tích cực chuẩn bị đoạt lấy Giang Lăng.

Tháng bảy năm Kiến An thứ hai mươi tư, thừa thế Lưu Bị đoạt được Hán Trung, cùng với thời cơ Tôn Quyền tấn công Hợp Phì kìm chế quân Tào ở Hoài Nam, Quan Vũ để lại một phần binh lực giữ Giang Lăng, còn mình đích thân dẫn chủ lực đến Phàn Thành, Tương Dương, vây công tướng Ngụy là Tào Nhân. Tôn Quyền nghe nói Quan Vũ bắc tiến, cho rằng thời cơ đã đến, bèn nghe theo kiến nghị của Lã Mông, lệnh cho ông giả bệnh trở về Kiến Nghiệp (nay là Nam Kinh), để Lục Tốn giữ Lục Khẩu. Sau khi đến nhậm chức, Lục Tốn gửi thư đến Quan Vũ, hết lời tâng bốc:



- Tôi vốn là một kẻ thư sinh, tài học nông cạn, múa văn vung bút thì tôi còn ứng phó được, chứ bày binh bố trận thì không phải sở trường. Lần này được phái đến miền tây, e khó làm tròn trách nhiệm. May là cách tướng quân không xa, tướng quân là người thiện chiến, uy lừng thiên hạ, mong được chỉ giáo đôi điều cho kẻ hậu sinh này. Xin dâng lên chút lễ mọn, kính mong vui lòng nhận cho.

Quan Vũ thấy Lục Tốn chẳng qua chỉ là một gã thư sinh mặt trắng, lại khiêm cung với mình, nên không coi quân Ngô là mối lo, mà rút binh lực đến Phàn Thành, khiến cho việc phòng bị Giang Lăng càng thêm trống rỗng.

Thì ra, cái gọi là Lã Mông bệnh nặng, Tôn Quyền phái Lục Tốn vô danh đến tiếp nhiệm cũng như Lục Tốn phái người gửi lễ vật cho Quan Vũ v.v... đều là kế “tiểu lý tàng đao” (giấu dao trong nụ cười) mà Đông Ngô giăng ra nhằm mục đích làm cho Quan Vũ lơ là cảnh giác. Không ngờ Quan Vũ, một dũng tướng đại danh lừng lẫy, trải qua nhiều chiến trận, lần này lại bị lật thuyền trên dòng kênh nhỏ, mắc mưu hiểm của một tên nhãi hậu sinh.

Tháng 10 nhuận, Tôn Quyền lệnh cho Lã Mông làm Đại đốc, dẫn quân tập kích Giang Lăng. Ngoài ra ông phái Hữu quát quân Tưởng Khâm dẫn thủy quân tiến vào Miến Thủy (nay là Hán Thủy), đề phòng Quan Vũ thuận dòng đi xuống. Lã Mông đến Tầm Dương (nay là phía tây nam Hoàng Mai – Hồ Bắc), nguy trang chiến thuyền thành thương thuyền,

binh sĩ lái thuyền mình mặc áo trắng, giả làm thương nhân, binh sĩ còn lại nấp trong khoang. Chiến thuyền chạy ngày đêm, đến Công An, buộc tướng giữ Thục là Bác Sĩ Nhân quy hàng. Tiếp đó dùng Bác Sĩ Nhân khuyên hàng tướng thủ Giang Lăng là Mi Phương. Như thế, quân Lã Mông không mất một giọt máu mà chiếm được thủ phủ Giang Lăng của Kinh Châu. Do khi công chiếm Giang Lăng, đại quân Lã Mông mặc áo trắng, nên trận đánh này được gọi là “Bạch y độ giang”. Quân Thục thất bại là do Quan Vũ kiêu ngạo tự mãn, lơ là mất cảnh giác. Do đó người ta gọi ông là “sơ ý mất Kinh Châu”. Khi Tôn Quyền xuất Binh, Tào Tháo đồng thời cũng tăng binh để giải vây cho Tào Nhân, buộc Quan Vũ rút lui. Trên đường lui binh, Quan Vũ được tin Giang Lăng thất thủ, tiến thoái lưỡng nan, bèn về Mạch Thành, bị Tôn Quyền bắt giết.

MẶN CHẾT THAY ĐÀO



Một nhà nọ có bốn năm anh em, đều là quan cao. Cứ năm ngày họ lại về nhà tụ họp, bên đường người ta tụ tập bàn tán xôn xao. Phục sức của họ rất sang trọng, ngay cả hàm thiếc và dây cương ngựa cũng đều làm bằng vàng, ánh vàng rực rỡ. Bên bờ giếng có một cây đào, bên cây đào có một cây mận.



Sâu hại ăn rễ cây đào, cây mận tuy không bị sâu hại, nhưng lo lắng sốt ruột thay cho cây đào, đến nỗi chết cứng. Ngay cả cây cối không có nhân tính mà còn biết tương thân tương ái, đổi thân cho nhau. Vậy mà anh em đồng bào lại quên hết tình máu mủ. Trong xã hội phong kiến, việc đấu đá nhau để tranh quyền đoạt lợi xảy ra vô số, thậm chí anh em ruột cũng tàn sát lẫn nhau.

Trong chiến tranh, muốn giành toàn thắng là điều không thể. Bởi vậy có câu: “Lưỡng lợi tương quyền, lưỡng hại tương hoành xu kỳ khinh” (cân nhắc giữa hai điều lợi thì chọn cái có lợi hơn, cân nhắc giữa hai điều hại thì chọn cái ít hại hơn). Vì vậy, sử dụng kế mận chết thay đào đã trở thành một kế sách thường dùng của người lãnh đạo chiến tranh.

Sau khi Cách mạng tháng Mười thắng lợi, nước Nga khi ấy vẫn ở trong tình trạng chiến tranh với Đức, Áo. Để có thời gian tập trung lực lượng trấn áp phản loạn vũ trang chống phá cách mạng trong nước, khôi phục và phát triển kinh tế, ngày 8 tháng 11 năm 1917, chính quyền Nga Xô nhóm họp các nước tham chiến, đề xuất kiến nghị ngừng chiến hoà đàm. Nhưng kiến nghị này bị các nước Hiệp ước từ chối. Thế nên Nga Xô đàm phán riêng với Đức tại Brest-Litovsk.

Trong cuộc đàm phán, căn cứ pháp lệnh hoà bình của chính quyền Xô Viết, đại diện Liên Xô đề xuất ký kết Hoà ước công chính không cắt đất, không bồi

thường. Đại diện phía Đức thì đưa ra điều kiện rất hà khắc, yêu cầu Nga Xô cắt đất bồi thường. Về vấn đề có chấp nhận đòi hỏi hà khắc của Đức, ký kết hoà ước hay không, Đảng Bôn-sê-vích đang tranh luận với các ý kiến bất đồng. Lenin cho rằng: Nền kinh tế Nga đã phá sản, quân đội cũ bị tan rã, Hồng quân mới chưa được xây dựng, không có sức mạnh để chiến đấu với Đức. Vì vậy chủ trương lập tức ký hoà ước để đảm bảo cho chính quyền Xô Viết non trẻ. “Phe tả” do Bukharin đứng đầu phản đối thoả hiệp với Đức, chủ trương không ký Hoà ước, tiếp tục tiến hành chiến tranh. Trước tình hình chia rẽ nội bộ đảng như vậy, đại biểu đàm phán phía Liên Xô Trotsky đưa ra khẩu hiệu “không chiến không hoà”, từ chối ký hoà ước. Lấy cớ đó, Đức tấn công Nga Xô, xâm nhập Ukraine và Belarus, đồng thời đe dọa đến Petergrad. Chính quyền Nga Xô đứng trước nguy cơ bị Đức tiêu diệt.

Trong lúc nguy cấp, chính quyền Nga Xô khẩn cấp động viên nhân dân chống cự. Quân đội Xô Viết non trẻ chặn được thế công của quân Đức. Nhưng thắng lợi cục bộ không thay đổi được tương quan lực lượng chung. Hai bên lại tiến hành đàm phán, điều kiện của Đức càng khắt khe hơn. Trong tình hình này, Lenin đã thực hiện rất nhiều công tác thuyết phục bên bĩ, khiến hầu hết mọi người trong trung ương đảng hiểu được tầm quan trọng của việc ký hoà ước. Ủy ban trung ương cuối cùng đã thông qua dự thảo lập tức ký hoà ước mà Lenin đề xuất.

Theo Hoà ước, quân Đức chiếm Ba Lan, Lithuania,

một phần Belarus, Estonia và Phần Lan; Ukraine độc lập, Nga mất 126,7 cây số vuông lãnh thổ, 6.200 nhân khẩu, 32% đất canh tác, 26% đường sắt, 3% nhà máy, 75% mỏ than, còn phải trả 6 tỷ Mark tiền bồi thường.

Hoà ước này là một “Hoà ước bất hạnh” đối với nước Nga. Nhưng nhờ ký kết Hoà ước này mà Nga thoát được chiến tranh, giành được hoà bình tạm thời, tranh thủ được một khoảng thời gian nghỉ ngơi rất cần thiết. Chính quyền Xô Viết tận dụng thời gian này tăng cường điều chỉnh và khôi phục kinh tế đất nước, xây dựng và mở rộng Hồng quân, tạo điều kiện có lợi cho việc phá tan sự can thiệp vũ trang của chủ nghĩa đế quốc và phản loạn bạch phỉ trong nước, củng cố chính quyền mới. Sau khi Đức chiến bại đầu hàng trong Thế chiến thứ nhất, chính quyền Xô Viết lập tức tuyên bố huỷ bỏ điều ước này.

THUẬN TAY DẮT BÒ



Tổng Thái Tổ Triệu Khuông Dã bình định Kinh Hồ, có thể nói là thí dụ điển hình về việc thuận tay dắt bò. Sau khi thành lập, Bắc Tống vẫn ở trong cục diện “nằm bên cạnh giường, đều là nhà người khác”. Phía nam còn có các chính quyền cát cứ Nam Bình, Võ Bình, Hậu Thục, Nam Đường, Ngô Việt.

Phía bắc vẫn còn chính quyền Liêu và Bắc Hán. Để thống nhất thiên hạ, Triệu Khuông Dẫn quyết định áp dụng phương châm chiến lược trước dễ sau khó, trước nam sau bắc, trước tiên chia mũi giáo thống nhất vào các thế lực cát cứ Nam Bình và Võ Bình ở miệt Kinh Hồ.

Nam Bình là chính quyền cát cứ do Cao Quý Hưng xây dựng thời Lương, định đô ở Giang Lăng, có đất ba châu Kinh, Quy, Hiệp. Võ Bình vốn là chính quyền cát cứ do Võ An tiết độ sứ Mã Ân xây dựng vào cuối thời Đường. Tháng 9 năm Kiến Long thứ ba, Võ Bình tiết độ sứ Chu Hành Phùng bệnh chết, người con trai 11 tuổi của ông Chu Bảo Quyền kế vị. Hoàn Châu thứ sử Trương Văn Biểu không phục, phát động binh biến, sau đó dẫn quân nguy trang về chịu tang, tiến thẳng đến Lang Châu (nay là Thường Đức – Hồ Nam). Khi Võ Bình xảy ra nội loạn, Nam Bình cũng phát sinh biến cố. Chu Bảo Quyền được biết Trương Văn Biểu dấy binh phản loạn, một mặt phái binh đến dẹp, mặt khác sai sứ cầu viện Tống triều. Triệu Khuông Dẫn đang dự định thôn tính Kinh Hồ, nhưng không tìm được lý do chính đáng, nay thấy Chu Bảo Quyền đến cửa cầu viện, bất giác cả mừng, bèn quyết định áp dụng kế thuận tay dắt bò, “xuất binh đánh Hồ Nam, giả dò đến Kinh Hồ”, một mũi tên trúng hai con nhạn, lấy danh nghĩa mượn đường tiêu diệt Nam Bình, lấy lý do cứu viện tiêu diệt Võ Bình.

Triệu Khuông Dẫn bổ Mộ Dung Diên Chiêu làm Hành doanh đô bộ thủ đạo Hồ Nam, Lý Xứ Vân làm

Đô giám, dẫn đại quân xuống nam. Mừng bảy tháng giêng năm Càn Đức thứ nhất, quân Tống bắt đầu hành động. Khi quân Tống còn chưa tiến vào Hồ Nam, sự phản loạn của Trương Văn Biểu đã bị dẹp yên. Nhưng quân Tống vẫn nam tiến theo kế hoạch ban đầu. Lý Xứ Vân dẫn quân đến Tương Châu (nay là Tương Dương – Hồ Bắc), phái người đến Kinh Nam mượn đường. Cao Kế Xung không những chấp thuận yêu cầu của quân Tống, mà còn phái thúc phụ ông là Cao Bảo Dân đến uỷ lạo quân Tống.

Mùng chín tháng hai, Cao Bảo Dân mang theo rất nhiều đồ uỷ lạo đến Kim Môn, gặp quân Tống. Lý Xứ Vân nhiệt tình tiếp đãi họ, đồng thời lưu giữ họ trong quân doanh nghỉ đêm. Tối hôm đó, Mộ Dung Diên Chiêu bày tiệc linh đình, tẩy trần cho Cao Bảo Dân. Song song với tiệc vui, Lý Xứ Vân đã bí mật dẫn hàng nghìn kỵ binh thẳng tiến đến Giang Lăng. Cao Kế Xung nghe nói quân Tống đã đến, đành phải ra thành nghênh đón. Lý Xứ Vân lệnh cho ông ở ngoài thành đợi đại quân của Mộ Dung Diên Chiêu, còn mình thì dẫn quân tiến vào thành, nhanh chóng chiếm lĩnh các yếu địa trong thành. Cao Kế Xung thấy thế lớn đã mất, đành dâng biểu đầu hàng.

Sau khi chiếm lĩnh Kinh Nam, quân Tống không ngừng tiến về phía Hồ Nam. Chu Bảo Quyền thấy quân Tống đến có ý không tốt, bèn phái quân chống cự. Triệu Khuông Dẫn sai sứ khuyên hàng:

- Theo thỉnh cầu của các vị, ta mới phái đại quân tương trợ. Nay các vị nói lời nuốt lời, chống lại quân

vua, là đạo lý gì? Mong các vị hiểu rõ tình thế, đừng châu chấu đá xe, tự chuốc diệt vong, còn gây tai ương cho trăm họ!

Nhưng việc khuyên hàng của triều Tống bị Chu Bảo Quyền khước từ. Quân Tống thấy khuyên hàng không xong, quyết định sử dụng vũ lực.

Mộ Dung Diên Chiêu chia binh thành hai ngả, thủy lục cùng tiến. Quân thủy sang đông đến Nhạc Châu (nay là Nhạc Dương – Hồ Nam); lục quân đến Lễ Châu (nay là huyện Lễ – Hồ Nam), rồi thẳng đến Lang Châu. Thủy quân Tống từ Giang Lăng xuôi Trường Giang xuống, cuối tháng hai đến cửa Tam Giang phía bắc Nhạc Dương đánh bại quân Võ Bình, chiếm được hơn trăm chiến thuyền, diệt địch hơn 4000 người, tiếp đó chiếm lĩnh Nhạc Dương. Lục quân do Lý Xứ Vân soái lĩnh đi trước, Mộ Dung Diên Chiêu dẫn đại quân theo sau. Đầu tháng ba tiến đến phía nam Lễ Châu, tao ngộ đại tướng của Chu Bảo Quyền là Trương Tùng Phú. Hai quân chưa giao phong, quân Trương Tùng Phú vừa nghe phong thanh đã rút lui. Quân Tống đuổi theo bén gót, đến thẳng thành Lang Châu. Chu Bảo Quyền chỉ còn lại một mình, ngoan ngoãn làm tù binh. Chính quyền cát cứ bị diệt vong như thế.

Vùng Kinh Hồ “nam thông Trường Sa, đông gần Kiện Khang, tây giáp Ba Thục”, có vị trí chiến lược quan trọng. Triệu Khuông Dẫn khéo dùng kế thuận tay dắt bò, đánh nhanh thắng nhanh, không phí bao nhiêu sức lực đã bình định được Kinh Hồ, tạo điều

kiện cực kỳ có lợi cho việc vào Xuyên diệt Thục, tiến quân Lĩnh Nam và đông diệt chính quyền cát cứ Nam Đường.

ĐẬP CỎ ĐỘNG RẮN



Tháng 11 năm 1956, để trả đũa hành động Ai Cập quốc hữu hoá Công ty kênh đào Suez, hai nước Anh – Pháp đã tổ chức một đội quân tác chiến liên hợp gồm 8 vạn quân lục chiến, hàng trăm máy bay quân dụng, hơn 100 chiếc tàu, vũ trang tiến vào khu vực kênh đào Suez và chia mũi giáo tấn công vào Port Said.

Trước cuộc chiến tranh mang tính xâm lược mà liên quân Anh – Pháp có thể phát động, Ai Cập đã sớm có cảnh giác và chuẩn bị. Họ xây dựng trận địa ở gần Port Said, tổ chức binh lực, tăng cường phòng thủ. Chiều ngày 3 tháng 11, liên quân Anh – Pháp sử dụng chiến thuật dương đông kích tây, sau khi không kích, lại tiến hành nghi binh cảng Suez, hòng quấy rối quân Ai Cập, dụ quân Ai Cập tăng cường phòng ngự cảng Suez và lơ lửng cảnh giác ở Port Said. Nhưng mưu kế này bị người Ai Cập phát giác nên hiệu quả không cao. Đón nghi binh của liên quân Anh – Pháp bị quân Ai Cập đánh bại, còn quân đóng ở Port Said vẫn tăng cường thế trận phòng ngự để chờ đợi.

Ngày 5 tháng 11, liên quân Anh – Pháp tấn công Port Said theo kế hoạch đã định. Do kế dương đông kích tây không thành, họ đành phải kiên trì tấn công Port Said vốn được phòng vệ cẩn mật. Theo lẽ thường, trước khi thực hiện đổ bộ hoặc nhảy dù, phải tổ chức hoả lực dữ dội, oanh kích cứ điểm và trận địa ven bờ của địch, tiêu hao sinh lực địch để giảm thiểu thương vong cho quân đổ bộ hoặc quân nhảy dù khi tấn công. Nhưng khi đó liên quân Anh – Pháp thiếu hiểu biết về hệ thống phòng ngự của phía Ai Cập tại Port Said, hoả lực mù quáng khó đạt được hiệu quả mong muốn. Để thực hiện tập kích hoả lực chuẩn xác vào trận địa phía Ai Cập, liên quân Anh – Pháp áp dụng chiến thuật đánh cở làm kinh động rắn.

Tảng sáng, đoàn máy bay Anh – Pháp dần tiến vào tầm nhìn của trạm quan sát phía Ai Cập ở Port Said. Quân dân Ai Cập lập tức vào trận địa chuẩn bị nghênh chiến. Đoàn máy bay bay đến bầu trời Port Said, thả xuống những cái bóng mờ ảo của lính nhảy dù, từng chiếc dù từ từ đáp xuống. Người Ai Cập không phân biệt được hư thực, trúng kế đập cở động rắn của địch, tiếng pháo rền vang, bắn dữ dội về phía quân nhảy dù, khói pháo phụt ra từ các điểm hoả lực làm lộ ra vị trí trận địa. Thì ra, những kẻ nhảy dù không phải là lính nhảy dù của địch, mà là người giả bằng gỗ và cao su. Trong khi quân dân Ai Cập bắn vào quân nhảy dù giả thì chiến đấu cơ Anh – Pháp bắt đầu oanh kích chính xác. Như thế liên quân Anh – Pháp đã thực hiện được hoả lực hữu hiệu, tiêu hao khả năng phòng ngự mặt đất của Ai

Cập, tạo điều kiện có lợi cho cuộc nhảy dù và đổ bộ sau này.

Sau khi thực hiện nhảy dù giả và chuẩn bị hoả lực kèm theo, chỉ trong một ngày, liên quân Anh – Pháp đã lần lượt tổ chức nhiều cuộc nhảy dù lính thật, quá trình nhảy dù không bị quấy rối nghiêm trọng. Ngày hôm sau, liên quân Anh - Pháp thực hiện đổ bộ trên biển. Trong trận Port Said, phía Anh - Pháp bị thương vong 155 người, quân dân Ai Cập trận vong hơn 1000 người, bị thương đến hơn hai vạn người. Nếu liên quân Anh – Pháp không thực hiện kế đập cổ động rần thì thương vong của hai bên e sẽ không chênh lệch đến thế.

MƯỢN XÁC HOÀN HỒN



Cuối thời Chiến Quốc, sau khi lên ngôi, Tần Vương Chính đã xây dựng nhà nước phong kiến đa dân tộc đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Bảy nước thành thống nhất, quốc vương trở thành hoàng đế. Trước thắng lợi chưa từng có và thành tựu rực rỡ, Tần Thủy Hoàng vô cùng đắc chí, tự cho là “đức kiêm Tam Hoàng, công qua Ngũ Đế”. Vì thế ông trở nên tự cao, kiêu xa dân dật, tham lam tàn bạo, biến xã hội thành một địa ngục sống. Sau khi Tần Thủy Hoàng chết, Tần Nhị Thế kế vị, thực hiện chính sách tàn

hại nhân dân. Trăm họ trong thiên hạ “mười nhà đến năm muốn làm phản”. Trần Thắng, Ngô Quảng là những người nông dân nghèo khổ đã đứng lên, được sự hưởng ứng của đại chúng, tiến hành phản kháng vương triều Tần với thế dõng non lấp bể.

Bị khởi nghĩa nông dân tấn công dữ dội, vương triều Tần nhanh chóng tan rã. Một số quý tộc của sáu nước giương cờ phục quốc, thừa cơ đứng lên tranh đoạt thành quả thắng lợi của khởi nghĩa nông dân. Hạng Vũ, người có sức mạnh cái thế chính là một người trong số đó.

Sau khi khởi nghĩa của Trần Thắng nổ ra, Hạng Vũ theo chú là Hạng Lương dấy binh hưởng ứng. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của đội ngũ, họ cần suy tôn một thủ lĩnh dẫn dắt. Hạng Lương vốn có ý tự lập làm Sở Vương, nhưng mưu sĩ của ông là Phạm Tăng cho rằng: Tần từng lừa Sở Hoài Vương đến nước Tần bỏ tù rồi giết. Mối sỉ nhục này người Sở luôn ghi khắc trong lòng. Nếu tìm một hậu duệ đích thực của vương thất Sở lập làm Sở Vương thì có thể thu hút trăm họ nước Sở về với mình, hơn nữa còn có thể nhận được sự ủng hộ của các quân khởi nghĩa khác ở nước Sở.

Hạng Lương nghe theo kiến nghị của Phạm Tăng, phái người đi khắp nơi tìm hậu duệ của Sở Vương, cuối cùng tìm được một người tên là Hùng Tâm, một đứa trẻ chăn trâu 13 tuổi. Hạng Lương đưa đứa trẻ chăn trâu lên ngôi, vẫn gọi là Sở Hoài Vương. Sự xuất hiện của Sở Hoài Vương mới đã thu hút rất



nhiều người dân nước Sở đi theo, đội ngũ khởi nghĩa nhanh chóng lớn mạnh, liên tiếp giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống Tần.

Phạm Tăng chủ trương lập hậu duệ của Sở Hoài Vương làm vua chính là mưu mượn xác hoàn hồn. Nước Sở bị Tần tiêu diệt, đã trở thành cái xác rữa, nhưng trong lòng người dân bình thường thì vẫn có sức ảnh hưởng nhất định. Lợi dụng lá đại kỳ nước Sở sẽ giúp hiệu lệnh thiên hạ, đeo lên cái mặt nạ hợp lý hợp tình cho cuộc khởi nghĩa phản Tần của Hạng Lương. Bọn Hạng Lương không phải thực lòng ủng hộ Sở Hoài Vương, mà chỉ lợi dụng cái xác Sở Hoài Vương để đạt mục đích diệt Tần. Sau khi triều Tần bị tiêu diệt, “cái xác” Sở Hoài Vương mất đi giá trị lợi dụng, Hạng Vũ gạt Sở Hoài Vương sang một bên, tự xưng Tây Sở Bá Vương, còn đại phong chư hầu vương, đáng tiếc là sau đó thất bại diệt vong khi tranh giành thiên hạ với Hán Vương Lưu Bang.

ĐIỀU HỔ LY SƠN



Mùa hè năm 205 trước Công nguyên, Lưu Bang thất bại ở Bành Thành (nay là Từ Châu – Giang Tô), lui về thủ ở phía tây bắc Huỳnh Dương – Hà Nam. Các nước chư hầu Ngụy (nay là phía tây nam Sơn Tây), Triệu (nay là phía tây nam Hà Bắc) vốn

quy Hán nay lại lần lượt phản Hán theo Sở, đe dọa nghiêm trọng đến cánh tả quân Hán. Để giải toả mối đe dọa hai cánh, từ đó tạo thành thế bao vây chiến lược đối với quân Sở, Lưu Bang phái đại tướng Hàn Tín dẫn quân từ miền Nhạc Dương (nay là phía đông bắc Lâm Đồng – Thiểm Tây) đánh theo hướng đông bắc, chia mũi giáo về phía nước Ngụy. Tháng 8 năm này, Hàn Tín dẫn quân đại phá hai nước Ngụy, Đại, bắt Ngụy Vương và tướng nước Đại là Hạ Thuyết. Tháng 10 năm 204 trước Công nguyên, Hàn Tín dẫn hàng vạn quân vượt núi Thái Hàng sang đông đánh nước Triệu.

Triệu Vương Yết và thống soái quân Triệu là Trần Dư tập trung 20 vạn binh lực tại cửa Tỉnh Hình, chuẩn bị quyết chiến với Hàn Tín. Cửa Tỉnh Hình (nay là Thổ Môn Quan cách Hoạch Lộc – Hà Bắc mười dặm về phía tây nam) là một trong tám cửa ải ở núi Thái Hàng. Phía tây cửa này có một con đường hẹp dài khoảng trăm dặm, bất lợi cho quân đội hành động. Mưu sĩ Lý Tả Xa hiến kế cho Trần Dư:

- Hàn Tín vượt qua Hoàng Hà, bắt Ngụy Vương, Hạ Thuyết, thừa thắng tấn công nước Triệu, sĩ khí đang vượng, phải tránh mũi nhọn của chúng. Tỉnh Hình đường hẹp, ngựa xe không thể đi song song, do đó quân lương của quân Hán nhất định ở phía sau. Chỉ cần quân Triệu lợi dụng rãnh sâu vách cao, không xuất chiến, sau đó phái binh đi ra từ tiểu đạo đoạt lấy quân nhu của quân Hán, cắt đứt lương thảo của Hán Tín, khiến hấn muốn đánh không được, muốn lùi không xong, không đầy mười ngày là có thể

bất sống Hàn Tín, Trương Nhĩ, nếu không, chúng ta nhất định sẽ bị quân Hán đánh bại.

Thế nhưng, Trần Dư cho rằng “binh nghĩa không dùng gian kế”. Ông nói, Hàn Tín binh ít lại mệt mỏi, tác chiến với địch yếu như vậy sẽ khiến chư hầu chê cười, do đó không chịu nghe theo kiến nghị đúng đắn của Lý Tả Xa.

Hàn Tín do thám biết phương án tác chiến của Lý Tả Xa không được áp dụng, thống lĩnh quân Triệu là Trần Dư có ý khinh địch và muốn tốc chiến tốc thắng, lấy làm mừng lắm, lập tức chỉ huy quân đội tiến đến đóng trại cách cửa Tỉnh Hình 30 dặm. Nửa đêm hôm đó, ông truyền lệnh cho quân xuất phát, chọn ra 2000 kỵ binh, mật lệnh cho họ mỗi người tay cầm một lá cờ đỏ của quân Hán, từ đường nhỏ đi vòng đến bên đại doanh quân Triệu rồi ẩn nấp, chờ cho quân Triệu rời trại truy kích quân Hán thì chiếm lấy doanh trại quân Triệu, dựng cờ quân Hán, chặn đường lui của địch từ phía sau. Hàn Tín còn phái một vạn quân đến bờ đông sông Miên Diên (nay thuộc địa phận huyện Tỉnh Hình – Hà Bắc), dựa vào dòng sông để bày thế trận. Quân Triệu thấy quân Hán đi ngược lại tri thức binh pháp, bày trận dựa vào dòng sông, đưa quân mình vào chỗ chết, đều thầm cười Hàn Tín không hiểu binh pháp, nên càng coi thường quân Hán.

Trời vừa sáng, Hàn Tín đích thân soái lĩnh quân Hán thẳng tiến đến cửa Tỉnh Hình. Quân Triệu rời trại xuất chiến. Hai bên giao chiến chưa lâu thì quân

Hán giả chiến bại, rút bỏ cờ trống nghi trượng, rút về phía sông Miên Diên, hội hợp với quân bày trận quay lưng về phía dòng sông. Triệu Vương Yết và Trần Dư tướng quân Hán bại rút thật, bèn chỉ huy quân đội truy kích bén gót. Quân Hán trước có cường địch tấn công, sau có dòng sông ngăn cản, đành phải liệu mình chống cự. Lúc này, kỵ binh quân Hán mai phục phía sau doanh trại Triệu thừa cơ binh lực hậu phương quân Triệu không còn, chiếm lấy doanh trại Triệu, rút bỏ cờ Triệu, thay bằng cờ Hán. Trần Dư đánh mãi không thắng, hạ lệnh thu binh, dự định ngày mai đánh tiếp, nào ngờ đại doanh đều đã được thay bằng cờ Hán. Quân Triệu thấy sào huyệt đã bị quân Hán tấn công, hồn phi phách tán, chạy trốn khắp nơi. Quân Hán chiếm cứ trại Triệu thừa cơ xuất kích, Hàn Tín cũng chỉ huy quân đội phản công. Quân Triệu bị tiêu diệt sạch, Triệu Vương Yết bị bắt, chủ tướng Trần Dư cũng chết dưới lưỡi đao.

THẢ CON SĂN SẮT, BẮT CON CÁ RÔ



Nhật Bản tập kích Trân Châu Cảng, tuy giáng một đòn nặng nề vào hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ, nhưng mục đích của Nhật không đạt được toàn bộ. Mẫu hạm hàng không Mỹ may mắn tránh được tai nạn, đồng thời không ngừng chạy trên Thái Bình

Dương, tạo thành mối đe dọa rất lớn cho người Nhật. Bộ tư lệnh hạm đội liên hợp hải quân Nhật cho rằng: Muốn ngăn chặn hoạt động của biệt đội tàu sân bay Mỹ, phải nhanh chóng đoạt lấy đảo Midway cách Hawaii 1130 hải lý, biến nó thành căn cứ tiến quân tuần tra trên không của quân Nhật. Đồng thời tấn công đảo Midway có thể dụ hạm đội Mỹ ra và tiêu diệt trong một trận quyết chiến. Vì đảo Midway là căn cứ hải quân Mỹ, có địa vị chiến lược rất quan trọng, là trạm trung chuyển giữa Mỹ và các quốc gia châu Á, rào chắn tây bắc của quần đảo Hawaii. .

Ngày 27 tháng 5 năm 1942, hạm đội Nhật hùng mạnh rời khỏi cảng khẩu, tiến về vùng biển đảo Midway. Hạm đội này bao gồm hơn 100 chiếc tàu, trong đó tàu sân bay 8 chiếc, chiến hạm 11 chiếc, tuần dương hạm 22 chiếc, tàu khu trục 65 chiếc, tàu ngầm 21 chiếc cùng với khoảng 700 chiếc máy bay. Hôm đó đúng vào ngày kỷ niệm hải quân Nhật tiêu diệt hạm đội Nga trong trận hải chiến Tsushima thời chiến tranh Nga – Nhật. Hải quân Nhật sĩ khí dâng cao, quả thực có thể tái diễn được cảnh tập kích Trân Châu Cảng. Người Nhật hoàn toàn không ngờ quân Mỹ lại biết trước ý đồ của Nhật và đã sớm bố trận chờ đợi, chuẩn bị đáp trả.

Trên thực tế, ngay từ đầu tháng 5, quân Mỹ đã phát giác hải quân Nhật đang chuẩn bị một trận đại chiến và sẽ tiến hành cuộc đại chiến này vào cuối tháng 5 hoặc đầu tháng 6 từ rất nhiều thông tin vô tuyến điện thu được và giải mã. Thế nhưng ban đầu họ chưa biết rõ địa điểm chính xác của trận

chiến này. Trong điện báo của quân Nhật thường xuất hiện hai chữ “AF”. Trong điện văn, hai chữ này là mã của địa điểm tấn công, vậy mã này rốt cuộc chỉ nơi nào? Chỉ cần giải được câu đố này, làm rõ địa điểm quân Nhật tấn công là sẽ có thể sớm tổ chức phòng bị, phản kích “giặc Nhật” điên cuồng.

Theo suy đoán của nhóm giải mã Mỹ, “AF” rất có thể là đảo Midway, nhưng lại không dám chắc, điều này gây rất nhiều phiền toái cho việc quyết định tác chiến. Để giải câu đố này một cách triệt để, cơ quan tình báo Mỹ quyết định sử dụng kế “thả con săn sắt, bắt con cá rô”, dụ cho Nhật tiết lộ sự thực. Quân Mỹ cố tình cho Ban tư lệnh hải quân đóng ở đảo Midway gửi một bức điện báo lên cấp trên bằng tiếng Anh có nội dung rõ ràng, “thả con săn sắt” đi, cho biết “thiết bị nước ngọt ở đây xảy ra sự cố”. Quân Mỹ dự liệu người Nhật sẽ giải mã bức điện báo này và nhân viên tình báo Nhật sẽ dùng vô tuyến điện báo cho hạm đội liên hợp Nhật. Hành động “thả con săn sắt” này quả nhiên đã dụ được “con cá rô”. 48 giờ sau, quân Mỹ dò được một mật điện của phía Nhật: “AF rất có thể thiếu nước ngọt”. Điều này đã chứng tỏ “AF” chính là đảo Midway. Theo đó, quân Mỹ tăng cường việc thu thập và phân tích chĩnh lý thông tin tình báo, tra rõ kế hoạch tác chiến tấn công đảo Midway của Nhật, từ đó giải quyết được một vấn đề quan trọng về đảm bảo tình báo và quyết sách chỉ huy trong trận hải chiến đảo Midway.

Căn cứ thông tin tình báo chuẩn xác nắm được, Tư lệnh hạm đội Thái Bình Dương Mỹ, Thượng tướng



hải quân Nimiz đã áp dụng biện pháp kịp thời, hữu hiệu. Một là tăng cường phòng ngự trên đảo Midway, hai là bày thế trận phục kích trên biển, chuẩn bị đón đầu đánh mạnh vào biên đội tàu sân bay Nhật một cách bí mật.

Trận đại chiến bắt đầu vào ngày 4 tháng 6. Quân Mỹ đánh chìm 4 chiếc tàu sân bay Nhật, khiến Nhật Bản bắt đầu mất quyền chủ động chiến lược trên chiến khu Thái Bình Dương. Nửa năm sau kiếp nạn Trân Châu Cảng, Hạm đội Thái Bình Dương Mỹ cuối cùng đã đánh một trận mang tính quyết định trên vùng biển đảo Midway. Trận đánh lừng danh này được các nhà sử học hải quân gọi là “thắng lợi của tình báo”. Đô đốc Raymond A. Spruance, tướng lĩnh nổi tiếng Mỹ đích thân tham gia trận chiến, cũng nói: “Chiến quả giành được trong trận hải chiến đảo Midway chủ yếu là nhờ chúng ta đã xuất sắc nắm được thông tin tình báo, giúp cho Thượng tướng Nimiz có thể phát huy hết lòng can đảm, sự dũng cảm cũng như tài chỉ huy sáng suốt của ông”. Công tác tình báo của quân Mỹ trong trận hải chiến đảo Midway không chỉ dựa vào kỹ thuật thám thính và giải mã tiên tiến, mà còn nhờ đã sử dụng kế “thả con săn sắt, bắt con cá rô” một cách khôn khéo, tài tình.

BẮT GIẶC PHẢI BẮT VUA



Tháng 12 năm 1946, quân đội Quốc dân đảng chia thành ba ngả, tấn công Lỗ Nam. Tả lộ địch là quân đông bắc, hữu lộ địch là quân tây bắc, hai ngả này đều là quân hỗn tạp; toàn bộ Sư đoàn 26 ở trung lộ là tay chân của Tưởng Giới Thạch, đồng thời còn có thêm một tung đội (tương đương với một quân đoàn ngày nay) chớp nhoáng, toàn bộ được trang bị vũ khí Mỹ, là quân chủ lực tấn công của địch. Sư trưởng Mã Lịch Võ của sư đoàn này là một kẻ háo thắng, kiêu ngạo. Trần Nghị và thủ trưởng quân đã chiến Hoa Đông phân tích tình hình địch, nghiên cứu chiến lược “bắt giặc phải bắt vua”, tập trung binh lực ưu tú đánh vào quân tinh nhuệ của Mã Lịch Võ ở trung lộ.

Ngày 27 tháng 12, chủ lực quân giải phóng bí mật di chuyển từ khu vực Thuật Dương, xác định phương án tác chiến như sau: Tổ chức 12 sư đoàn trong đó có Sư đoàn 8, Sư đoàn 9, Sư đoàn 10 thành Hữu tung đội, trước tiên tiêu diệt Lữ đoàn 44 thuộc Sư đoàn 26 của địch tại các vùng Bắc Sơn Khẩu, Thái Tử Đường, cắt đứt đường lui của địch về huyện Phong, Táo Trang, đồng thời chặn đánh địch đến tiếp viện. Một bộ phận chủ lực khác trước tiên đoạt lấy núi Thạch Long, sau đó tiếp tục công chiếm Hương Thành, cắt

đứt mối liên hệ giữa Lữ đoàn 169 và Lữ đoàn 44 của địch. Sau đó, phối hợp với Tả tung đội vây diệt Sư đoàn 26 và Tung đội chớp nhoáng số 1, tổ chức 15 Sư đoàn trong đó có Tung đội 1 và Sư đoàn 1 thành tả tung đội, đảm nhận nhiệm vụ tiêu diệt Lữ đoàn 169 và Tung đội chớp nhoáng số 1 của địch.

Tối ngày 2 tháng 1 năm 1947, quân giải phóng bất chợt tấn công địch, tiêu diệt toàn bộ Sư đoàn 26 và Tung đội chớp nhoáng số 1 của địch ở huyện Phong. Chiến dịch đến ngày 20 kết thúc, quân giải phóng đã tiêu diệt tổng cộng 5,3 vạn quân địch, phá rối kế hoạch tấn công Lỗ Nam của địch. Trần Nghi vận dụng kế “bắt giặc phải bắt tướng”, trước tiêu diệt chủ lực địch. Một khi tinh nhuệ địch bị tiêu diệt, quân hỗn tạp ở hai lộ còn lại tất nhiên sẽ tiêu diệt dễ dàng hơn.

Trong chiến tranh hiện đại, phương pháp bắt giặc phải bắt vua ngày càng phong phú và đa dạng. Phương cách “bắt vua” chỉ dựa vào sự dũng cảm cá nhân xông vào hang hùm lấy thủ cấp tướng địch đã rất khó thực hiện, thay vào đó là sử dụng phương thức nhảy dù để tiến hành “chiến thuật moi tim”, chiến pháp “bắt vua” dùng vũ khí hiện đại như bom đánh phá cơ quan đầu não, yếu địa chiến lược địch, làm tê liệt hệ thống chỉ huy thông tin địch ngày càng phổ biến và cũng hữu hiệu hơn.

ĐỤC NƯỚC BÉO CÒ



Sau khi thống nhất phương bắc, Hoàng đế Tiên Tần Phù Kiên đã toại chí, muốn thừa thế tiến xuống nam, tiêu diệt Đông Tấn, thống nhất thiên hạ. Khi trưng cầu ý kiến đại thần, kẻ tán thành ít kẻ phản đối nhiều, ngay cả em trai ông là Phù Dung cũng không đồng ý đánh Tấn. Họ chỉ ra đánh Tấn có ba điều khó: Thứ nhất, chinh chiến liên miên, binh sĩ Tiên Tần mệt mỏi, dân chúng cũng không chịu đánh Đông Tấn; thứ hai, nội bộ Đông Tấn tương đối đoàn kết, lại có Trường Giang ngăn trở, thời cơ đánh Tấn chưa chín; thứ ba, lo lắng lớn nhất là các quý tộc dân tộc bị Tiên Tần chinh phục không bao giờ quên mối huyết hải thâm thù bị Tiên Tần tiêu diệt, họ luôn chờ đợi thời cơ nổi dậy, một khi đại quân xuống nam sẽ có nguy cơ nảy sinh biến loạn, đến khi đó sẽ hối không kịp. Bọn Yên tướng quân Mộ Dung Thuỳ có dã tâm xấu, hy vọng Phù Kiên thất bại trong chiến tranh để thừa cơ khôi phục sự thống trị của nước Yên, nên ra sức ủng hộ Phù Kiên đánh Tấn. Phù Kiên không nghe lọt lời trung trái tai, bị mê hoặc bởi lời đường mật của bọn Mộ Dung Thuỳ, cuồng vọng tuyên bố: Với trăm vạn đại quân của ta, ném roi ngựa xuống sông cũng ngăn được dòng chảy, Trường Giang có gì đáng sợ?



Tháng 5 năm 383, Phù Kiên hạ lệnh nam chinh, lệnh cho toàn quốc cứ 10 tráng đinh chọn lấy một người đi lính, tổng cộng điều động được hơn 100 vạn quân. Tháng 8, xuất binh xuống nam. Phù Dung và Mộ Dung Thuỳ dẫn 25 vạn bộ binh và kỵ binh làm tiên phong, một bộ phận khác men theo Trường Giang xuống phía đông, quân các châu Dục, U từ Bành Thành xuống nam. Ba lộ bộ binh hơn 60 vạn, kỵ binh 27 vạn, “Ngự lâm quân” (tương tự thân binh) hơn 3 vạn kỵ binh. Trăm vạn đại quân từ đông sang tây, kéo dài hàng nghìn dặm, lại huy động hàng vạn chiếc thuyền, vận chuyển vật tư quân nhu.

Tháng 9, Phù Kiên dẫn quân chủ lực trung lộ qua Lạc Dương đến Hạng Thành (nay thuộc Hà Nam), quân tiên phong do Phù Dung soái lĩnh đã tiến đến Dĩnh Khẩu (nay là Chính Dương Quan huyện Thọ – An Huy). Nhưng quân xuất phát từ Lương Châu chỉ mới đến Hàm Dương. Quân Tần cờ trống rợp trời, từ đầu đến đuôi dài đến hơn 1000 dặm.

Trước tình hình đại quân Phù Kiên áp sát biên giới, Đông Tấn trên dưới đồng lòng đánh địch. Tấn Võ Đế lệnh cho Hoàn Xung làm Thứ sử Giang Châu (nay là phía đông Hồ Bắc và phía tây Giang Tây), khống chế trung du Trường Giang, ngăn cản quân Tần từ Tương Dương xuống nam; lệnh cho Xạ Thạch làm Chinh thảo đại đô đốc, Tạ Huyền làm tiên phong, dẫn 8 vạn quân Bắc Phủ men dòng Hoài Hà tây tiến; lại phái Hồ Bân dẫn 500 thủy quân tăng viện cho yếu địa chiến lược Thọ Dương (nay là huyện Thọ – An Huy).

Ngày 18 tháng 10, Phù Dung dẫn quân tiên phong công chiếm Thọ Dương. Quân Tấn do Hồ Bành soái lĩnh hay tin, lui giữ Hiệp Thạch (nay là phía tây nam Phong Đài – An Huy). Bộ tướng của Phù Dung là Lương Thành dẫn 5 vạn quân tiến đến Lạc Gián (nay là sông Lạc phía nam huyện Hoài Viễn – An Huy). Hồ Bân tử thủ Hiệp Thạch, lương thực cạn dần, hoàn cảnh rất khó khăn, viết thư yêu cầu Tạ Thạch tăng viện. Sau khi được thư của Hồ Bân, Phù Dung lập tức báo cáo lên Phù Kiên, cho rằng quân Tấn binh ít lương cạn, cần nhanh chóng tấn công để phòng địch bỏ trốn. Phù Kiên được báo, bèn lưu đại quân ở Hạng Thành, chỉ dẫn theo 8000 kỵ binh đến Thọ Dương. Phù Kiên phái Chu Tự đến Tấn khuyên hàng. Chu Tự vốn là tướng lĩnh phòng thủ Tương Dương của Đông Tấn, bị bắt khi Tương Dương thất thủ. Sau khi đến quân doanh Đông Tấn, Chu Tự tiết lộ hư thực của quân Tần cho Tạ Thạch và kiến nghị: Một khi trăm vạn đại quân Tần đến hết thì quân Tấn khó bề chống cự. Do đó cần thừa cơ các lộ binh mã chưa tập trung, ra tay trước, nhanh chóng phát động tấn công. Chỉ cần đánh bại quân tiên phong Tần, làm giảm sĩ khí của chúng thì sẽ giành thắng lợi. Tạ Thạch ban đầu có chút lo sợ trước thế công dữ dội của quân Tần, dự định dùng phương pháp kiên thủ không đánh để làm cho quân Tần mệt mỏi, sau khi nghe Chu Tự báo cáo và kiến nghị, ông thay đổi phương án quyết định tấn công.

Tháng 11, Tạ Huyền phái mãnh tướng Lưu Lao Chi dẫn tinh binh tấn công Lạc Gián. Lưu Lao Chi

chia quân một phần đi vòng đến phía sau quân Tần, cắt đứt đường lui của địch, đích thân dẫn quân vượt Lạc Giản, đêm tập kích đại doanh trung quân của Tần. Quân Tần chống cự không nổi, chủ tướng Lương Thành chiến tử, 5 vạn quân Tần tan rã, 1,5 vạn bị tiêu diệt. Thắng lợi Lạc Giản đã cổ vũ sĩ khí quân Tấn. Tả Thạch chỉ huy quân đội, lục bộ cùng tiến, chiến đấu với quân Tần ở Phì Hà. Phù Kiên lên thành Thọ Dương quan sát thế trận, thấy quân Tấn thế trận nghiêm chỉnh, lại nhìn về phía xa thấy cây cỏ trên núi Bát Công phía đông Phì Hà lay động, cũng tưởng là quân Tần, bất giác nói:

- Đấy cũng là cường địch, sao nói là ít?

Mặt lộ vẻ lo sợ.

Vì Phì Hà ngăn cản quân Tấn không thể vượt sông. Để nhanh chóng quyết chiến với quân Tần, sau khi lên kế hoạch chặt chẽ, tướng soái quân Tấn quyết định áp dụng kế “khuấy đục nước bắt cá”, phái sứ giả đến nói với Phù Dung:

- Hai bên cách dòng Phì Thủy không tiện tác chiến, mời quân Tần lui lại một chút để quân Tấn vượt sông, hai quân quyết phân thắng bại.

Phù Kiên, Phù Dung không biết là kế, trái lại muốn thừa cơ quân Tấn qua đến nửa sông thì dùng thiết kỵ tấn công mạnh tiêu diệt quân Tấn. Thế nên hạ lệnh cho quân Tần rút lui. Binh sĩ quân Tần không hiểu nguyên nhân rút lui, cho rằng quân tiên phong chiến bại, dẫn đến thế trận rối loạn. Quân Tấn thừa thế vượt Phì Thủy, triển khai

tấn công dữ dội. Chu Tự lại đứng sau trận quân Tần hô to:

- Quân Tần bại rồi! Quân Tần bại rồi!

Toàn quân Tần bỗng chốc đại loạn, lui mãi không dừng. Phù Dung thấy thế không hay, vội giục ngựa đuổi theo, định chặn đường lui của quân Tần, kết quả ngã ngựa, bị quân Tấn giết chết. Quân Tấn thừa thắng truy đuổi ráo riết, quân Tần người ngựa giẫm đạp lên nhau, tử vong vô số, thậm chí nghe thấy gió thổi hạc kêu cũng tưởng là quân Tấn đuổi đến. Như thế, mấy chục vạn quân Tần bỏ chạy đã bị tiêu diệt bảy tám phần, bản thân Phù Kiên cũng trúng tên bị thương, dẫn mười mấy vạn tàn binh bại tướng trốn về Lạc Dương.

MƯỢN ĐƯỜNG DIỆT QUẮC



Gần nước Tấn có hai nước nhỏ là Quắc và Ngu. Nước Tấn muốn thôn tính hai nước nhỏ này, dự định đánh nước Quắc trước. Nhưng muốn đánh Quắc thì phải đi qua Ngu. Nếu nước Ngu xuất quân ngăn chặn, thậm chí liên hợp với nước Quắc chống Tấn thì nước Tấn dù mạnh cũng khó thắng. Đại phu nước Tấn là Tuần Túc kiến nghị Tấn Hiến Công dùng ngựa hay và ngọc đẹp làm lễ vật, đem tặng nước Ngu, yêu cầu mượn đường cho quân Tấn đi qua. Đại phu nước Ngu

là Cung Chi Kỳ biết rõ dụng tâm của nước Tề, nên khuyên Ngu Công đừng đáp ứng yêu cầu mượn đường của quân Tấn:

- Hai nước Quắc – Ngu như môi với răng, nương tựa vào nhau, môi hở răng lạnh. Nếu nước Quắc diệt vong, nước Ngu ta cũng khó bề tránh khỏi vận xấu tương tự.

Nhưng Ngu Công tầm nhìn hạn hẹp, tham tài quên nghĩa, không nghe lời khuyên, chẳng những đồng ý cho mượn đường ngay, mà còn tỏ ý sẵn sàng xuất binh giúp quân Tấn, cùng đánh Quắc. Thế là, được sự trợ giúp của Ngu Công, quân Tấn dễ dàng tiêu diệt nước Quắc. Quân Tấn đắc thắng trở về, đóng trại ở nước Ngu nghỉ ngơi, Ngu Công vẫn không đề phòng. Không lâu sau, quân Tấn đột nhiên phát động tấn công, bắt Ngu Công, diệt nước Ngu.

TRỘM XÀ ĐỔI CỘT



Mùa xuân năm Kiến An thứ tư (199), trải qua mấy năm chiến tranh, Viên Thiệu cuối cùng chiếm được bốn châu U, Dục, Thanh, Bính, quân đội tăng đến mấy chục vạn, trung tâm thống trị tại Khâu Thành (nay là thôn Tam Đài phía đông nam huyện Từ tỉnh Hà Bắc), trở thành thế lực cát cứ lớn nhất phương bắc. Trong bốn châu thì dân số Dục Châu

đồng nhất, nông nghiệp cũng phát triển hơn cả, là căn cứ cung cấp nhân lực vật lực. Viên Thiệu giữ quan hệ hoà thân với các tộc Ô Hoàn, Tiên Ti ở phía bắc, hậu phương tương đối ổn định, ở vào địa vị có lợi tiến có thể công, lùi có thể thủ.

Tào Tháo chiếm cứ Sung Châu và Dự Châu, trung tâm thống trị ở Hứa (nay là Hứa Xương – Hà Nam). Sau khi trấn áp quân Khăn Vàng (Hoàng Cân) ở Thanh Châu, ông thu nhận quân tinh nhuệ của quân Khăn Vàng vào biên chế, mở rộng lực lượng vũ trang. Năm Kiến An thứ nhất (196), ông đón Hán Hiến Đế đến Hứa, “ép thiên tử để ra lệnh cho chư hầu”. Ở phương bắc, ông là lực lượng duy nhất có thể đối kháng với Viên Thiệu, thế nhưng, Sung Châu tương đối nhỏ hẹp, Dự Châu luôn chịu kiếp nạn chiến tranh. Để thoát khỏi hoàn cảnh bất lợi, Tào Tháo chiêu mộ nông dân đào vong, tu sửa thuỷ lợi, tiến hành đồn điền, đả kích và kìm chế hào cường ở vùng Hứa Xương. Những biện pháp này đóng vai trò tích cực trong việc giải quyết quân lương và củng cố hậu phương, thống nhất phương bắc.

Năm Kiến An thứ tư, Viên Thiệu tự thị binh nhiều lương đủ, quyết định xuất binh đến Lê Dương (nay là đông bắc huyện Tuấn tỉnh Hà Nam), tấn công Hứa Xương hòng tiêu diệt Tào Tháo. Khi đó, đại tướng Tữ Thụ cho rằng, do chinh chiến liên miên, quân đội mỗi mệt, trăm họ bần khốn, kho phủ trống rỗng, không nên tiến hành chiến tranh quy mô lớn, nên kiến nghị trước tiên phát triển sản xuất, yên định dân sinh, sau đó mới dự tính xuống nam. Ông



kiến nghị đóng chủ lực ở Lê Dương, một mặt chuẩn bị thuyền bè khí giới, một mặt phái kỵ binh tinh nhuệ quấy rối Tào Tháo để quân Tào không được yên. Nhưng Viên Thiệu muốn xuống nam đánh Tào Tháo ngay để ngăn ông xưng đế. Do đó không nghe kiến nghị của bọn Tử Thụ, điều 10 vạn binh, hàng vạn chiến mã, quyết tâm đánh Tào. Để giáp kích Tào Tháo, Viên Thiệu sai người liên lạc với Lưu Biểu ở Kinh Châu và Trương Tú ở Nhượng Thành (nay là huyện Đặng tỉnh Hà Nam). Thế nhưng Lưu Biểu không muốn phối hợp với Viên Thiệu, Trương Tú thì dẫn thủ hạ đầu hàng Tào Tháo.

Tào Tháo phân tích tình hình của Viên Thiệu, cho rằng ông “chí lớn mà trí nhỏ”, binh tuy đông nhưng tướng kiêu, chính lệnh bất nhất. Do đó, quyết tâm dùng khoảng 2 vạn binh lực, chống lại sự tấn công của Viên Thiệu. Để giành lấy thế chủ động về chiến lược, Tào Tháo tiến hành kế hoạch như sau: Tháng 8, dẫn quân vượt Hoàng Hà, đánh chiếm Lê Dương - thị trấn quan trọng của Dục Châu, ngoài ra lệnh cho Tào Bá tấn công đất Tề, Bắc Hải (nay là vùng Tri Bác và Thọ Quang thuộc Sơn Đông) thuộc Thanh Châu để kìm chế Viên Thiệu, củng cố Đông Dục. Phái Vu Cấm dẫn 2000 bộ binh và kỵ binh đóng ở Diên Tân (nay là phía bắc Diên Tân – Hà Nam), liên thủ với Lưu Diên giữ Bạch Mã (nay là phía đông huyện Hoạt tỉnh Hà Nam).

Tháng 9, Tào Tháo về Hứa Đô, chia binh đến Quan Độ (ở thượng du Hồng Câu, gần Biện Thủy) để phòng ngự, bảo vệ Hứa Đô. Tháng 12, Tào Tháo từ

Hứa Xương di chuyển đến đóng ở Quan Độ. Quan Độ là cửa ngõ phía bắc Hứa Xương. Xét thấy Viên Thiệu binh đông, Tào Tháo bèn chọn lấy Quan Độ – nơi có lợi cho mình, bất lợi cho địch - để xây dựng hệ thống phòng ngự trọng điểm, ngăn chặn quân Viên đánh vào Hứa Xương.

Trong lúc Tào Tháo đang bố trí tác chiến với Viên Thiệu thì Lưu Bị vốn dựa vào Tào Tháo lại chiếm cứ Hạ Phi (nay là phía đông huyện Phi tỉnh Giang Tô), liên thủ với Viên Thiệu chống lại Tào Tháo. Để tránh hai bên gặp địch, Tào Tháo nắm lấy thời cơ binh lực Lưu Bị chưa tập trung và Viên Thiệu trù trừ chưa quyết, quả cảm đông chinh, giành thắng lợi, bắt được tướng của Lưu Bị là Quan Vũ. Sau khi giành chiến thắng, Tào Tháo dẫn quân về gấp Quan Độ.

Tháng 2 năm Kiến An thứ năm, Viên Thiệu thống binh 10 vạn, kỵ binh 1 vạn tiến chiếm Lê Dương hòng tìm chủ lực Tào Tháo quyết chiến. Ông phái một cánh quân đánh tướng giữ Diên Tân là Vu Cầm, đồng thời phái đại tướng Nhan Lương vây công Bạch Mã để yểm hộ cho chủ lực qua sông. Mưu sĩ Tuân Du hiến kế “trộm xà đổi cột” cho Tào Tháo: Địch mạnh ta yếu, không thể liều đánh, chỉ có cách tìm cách phân tán binh lực, điều chủ lực của chúng đi mới có thể xoay chuyển tình thế, giành được thắng lợi. Phương án cụ thể là: Tào Tháo đích thân dẫn quân đội đến thẳng Diên Tân, nguy trang thành thế vượt sông lên bắc tấn công hậu phương của Viên Thiệu, đến Bạch Mã, xuất kỳ bất ý, có thể đánh bại quân Viên.

Tào Tháo áp dụng kế của Tuân Du, dẫn quân tiến đến Diên Tân ở cửa Hoàng Hà, bố trí binh sĩ, dân chúng mau đóng gấp thuyền bè, tạo cảnh giả sắp vượt Đông. Viên Thiệu hay tin vội dẫn quân chủ lực di chuyển về Diên Tân, chỉ để lại Nhan Lương tiếp tục vây công Bạch Mã. Tào Tháo thấy mục đích điều động tinh nhuệ địch, phân tán binh lực địch đã đạt được, bèn điều chuyển binh lực, phái kỵ binh tập kích Bạch Mã.

Sau khi giành thắng lợi ở Bạch Mã, Tào Tháo dẫn quân men theo dòng sông lui sang tây. Viên Thiệu lệnh cho chủ lực vượt sông truy kích, đồng thời đích thân dẫn quân đến phía nam Diên Tân, phái đại tướng Văn Xú và Lưu Bị dẫn năm sáu nghìn kỵ binh tiến đánh quân Tào. Tào Tháo lệnh cho quân đội cởi bỏ mũ giáp, bỏ lại vật dụng, dụ quân Viên. Văn Xú hữu dũng vô mưu, hấp tấp báo thù cho Nhan Lương, liều chết truy đuổi Tào Tháo. Đến trước trận, thấy khắp nơi đều là quân nhu, vật tư của quân Tào, quân Viên tản ra tranh nhau cướp, đội ngũ bỗng chốc hỗn loạn. Tào Tháo thừa cơ lệnh cho 600 kỵ binh xuất kích, chém chết Văn Xú, một lần nữa đánh bại quân Viên Thiệu. Đồng thời, Vu Cấm, Nhạc Tiến dẫn 5000 bộ binh và kỵ binh, từ phía nam Diên Tân men bờ sông đến Cáp, Hoạch Gia (nay thuộc địa phận Tân Hương – Hà Nam), hoả thiêu hơn 30 đồn quân Thiệu, diệt địch vô số, bắt tướng hơn 20 người. Vu Cấm xuống nam đến Nguyên Võ (nay là Nguyên Dương – Hà Nam), đánh phá đồn doanh họ Đỗ của quân Viên.

Nhan Lương, Văn Xú là các đại tướng thủ hạ Viên Thiệu, hai người bị giết khiến thực lực quân Viên suy yếu, làm giảm sĩ khí quân Viên, từ đó đặt nền tảng cho thắng lợi cuối cùng của trận Quan Độ. Trong trận chiến này, nếu không sử dụng kế “trộm xà đổi cột”, mà trực tiếp giải vây cho Bạch Mã thì Viên Thiệu ắt dẫn chủ lực đến tăng viện, hội quân với Nhan Lương vốn vây công Bạch Mã, hợp lực đánh quân Tào, Tào Tháo sẽ trước sau gặp địch, hoàn cảnh không hay. Kế này được vận dụng đã phân tán quân Viên, điều được chủ lực quân Viên đi, từ đó hình thành ưu thế cục bộ và giành thắng lợi.

CHỈ GÀ MẮNG CHÓ



Năm Chu Cảnh Vương thứ mười bốn (năm 531 trước Công nguyên), hai nước Tấn, Yên xâm phạm Tề, quân Tề liên tiếp thất bại rút lên bắc. Văn thư cấp báo từ biên cương gửi về tới tấp. Tề Cảnh Công bổ Tư Mã Nhương Thư xuất thân bình dân làm tướng quân, dẫn quân nghênh địch, lại phái q uyền thần Trang Giả làm giám quân. Tư Mã Nhương Thư và Trang Giả hẹn định trưa ngày hôm sau gặp nhau ở quân doanh, điểm quân xuất phát. Tư Mã Nhương Thư đến quân doanh trước, lập đồng hồ cát đếm giờ, chờ Trang Giả đến. Trang Giả kiêu ngạo địa vị cao



sang hoàn toàn không coi Tư Mã Nương Thư xuất thân bình dân ra gì. Đến giữa trưa, Tư Mã Nương Thư thấy Trang Giả không đến đúng giờ, bèn đập bỏ đồng hồ cát, kiểm duyệt quân đội, phân công nhiệm vụ, chuẩn bị xuất phát. Sắc trời tối dần, Trang Giả lão đảo đến muộn. Tư Mã Nương Thư hỏi rõ sự tình, lập tức xử trăm theo quân pháp. Cảnh Công hay tin, phái sứ giả mang lệnh đến xá miễn cho Trang Giả. Tư Mã Nương Thư phản bác:

- Tướng ở trong quân, quân mệnh không thể không theo.

Đồng thời đem chém sứ giả, chém đứt trụ gỗ xe sứ giả, giết chết con ngựa kéo xe để cho thấy quân uy nghiêm khắc. Hành động này của Tư Mã Nương Thư gây chấn động ba quân. Quân Tề trở nên phẫn chấn, sau khi đại quân xuất trận, nhanh chóng giành được thắng lợi.

BIẾT MÀ GIẢ NGU



Giả như không biết, nhưng trên thực tế lại biết rất rõ; giả vờ không hành động, nhưng thực tế lại hành động, hoặc chờ thời cơ đến sẽ hành động. Thời Tam quốc Tư Mã Ý giả dò già yếu bệnh nặng, từ đó giết được Tào Sảng; nhận lấy khăn quấn đầu và trang phục phụ nữ do Gia Cát Lượng gửi đến, giả dò

dâng biểu thỉnh chiến để quân Thục mệt mỏi, từ đó giành được thắng lợi. Sách Tôn Tử viết: “Người giỏi tác chiến giành được thắng lợi không hiển lộ thanh danh mưu trí, không biểu hiện công lao dũng cảm”. Khi thời cơ chưa chín muồi thì bình tĩnh, không lộ thần sắc, giống như kẻ ngây ngô. Nếu giả vờ điên cuồng thì chẳng những sẽ tiết lộ cơ mật, mà khinh cử vọng động còn khiến mọi người nghi ngờ. Do đó người giả vờ ngây ngô hồ đồ, không hành động mà giành được thắng lợi, kẻ giả vờ điên khùng mà hành động bừa bãi ắt thất bại. Có người nói: “Người giả vờ hồ đồ có thể dùng để đối phó kẻ địch, cũng có thể dùng để chỉ huy quân đội của mình”.

Thời Tống, miền nam có phong tục mê tín sùng bái quỷ thần. Địch Than dẫn quân chinh thảo Nùng Trí Cao phản loạn, đại quân vừa tiến đến phía nam Quế Lâm thì giả vờ nói:

- Lần dụng binh này thắng bại thế nào còn chưa nắm chắc.

Thế nên lấy ra một trăm đồng tiền cầm trong tay, cầu nguyện thần linh:

- Nếu giành được đại thắng thì những đồng tiền tung xuống đất đều ngửa.

Tướng lĩnh tả hữu khuyên ông:

- Nếu không được như ý thì e sẽ làm nản lòng quân, ảnh hưởng đến sĩ khí.

Địch Thanh không nghe lời khuyên. Khi hàng vạn quan binh đang chăm chú nhìn vào ông, ông đột

nhiên vung tay lên, ném hết nắm tiền xuống đất, một trăm đồng tiền đều ngửa. Thế là toàn quân trên dưới giơ tay hò reo, tiếng reo hò chấn động núi rừng. Địch Thanh cũng rất mừng, lệnh cho thị tùng tả hữu lấy ra trăm cái đinh, đóng những đồng tiền xuống đất theo vị trí rải ra của các đồng tiền, rồi dùng vải xanh đậy chúng, đích thân ông bọc lại. Rồi nói:

- Khi khải hoàn trở về, nhất định sẽ bái tạ thần linh, nhận lại tiền.

Sau đó, Địch Thanh bình định Ung Châu, dẫn quân trở về, khi lấy lại tiền như đã nói lúc trước, quan binh nhìn kỹ, thì ra hai mặt những đồng tiền này giống hệt nhau.

HOA NỞ TRÊN CÂY



Tháng 8 năm Đại Nghiệp thứ 11 (615), Tùy Dạng Đế hoang dâm vô đạo, cây có công lớn lại một lần nữa tuần du biên giới phía bắc để khoe khoang võ lực với các dân tộc thiểu số phương bắc. Không ngờ, mục đích khoe khoang võ lực không đạt được, trái lại còn bị kỵ binh tộc Đột Quyết tập kích bất ngờ. Khi đó, Thuỷ Tất Kha Hãn của tộc Đột Quyết được biết binh lực hộ vệ Tùy Dạng Đế bắc tuần không nhiều, bèn điều hàng chục vạn kỵ binh vây Tùy Dạng Đế ở Nhạn Môn Quan. Vùng Nhạn Môn có 41 thành thì

39 thành đã bị Đột Quyết công chiếm. Tùy Dạng Đế co cụm ở Nhạn Môn, quân dân trong thành 15 vạn, chỉ có mấy ngày lương thực, tình thế hết sức nguy cấp. Theo kiến nghị của các quan, Tùy Dạng Đế treo chiếu thư cầu cứu lên cọc gỗ, thả xuống dòng Phần Thủy cuộn cuộn để nó trôi theo dòng nước, hy vọng có viện binh đến cứu viện. Lúc này, Lý Thế Dân đang phục dịch dưới trướng Đôn Vệ tướng quân Vân Định Hưng khi ấy mới 18 tuổi đề xuất kiến nghị dùng kế hoa nở trên cây để giải vây:

- Thủy Tắt dám cất binh vây Thiên tử, ắt tướng quân ta không thể có quân cứu viện. Thực tế cũng đúng là như vậy, trong lúc gấp gáp, khó có thể điều tập đại quân. Với chút binh lực của chúng ta thì khó bề giải vây cho Nhạn Môn. Vì vậy chúng ta nên hư trương thanh thế, kéo đội ngũ ra hàng chục dặm, cho địch tưởng là chúng ta người đông thế mạnh. Đồng thời, ban ngày treo cờ lớn, ban đêm gióng trống trận hưởng ứng, địch ắt tưởng cứu binh chúng ta đến, thấy sợ mà rút lui. Nếu không, địch đông ta ít, nếu toàn quân đến giao chiến với ta thì quân ta chắc chắn không phải đối thủ của chúng.

Vân Định Hưng vui mừng nghe theo mưu kế của Lý Thế Dân, quả nhiên quân Đột Quyết tưởng cứu binh triều Tùy đã đến, bèn tháo vây rút lui, dẫn quân về bắc, vòng vây Nhạn Môn được giải.

MỸ NHÂN KẾ



Để Ngô Vương Phù Sai chìm đắm trong tử sắc không màng tiến thủ, Việt Vương hạ lệnh tuyển chọn mỹ nữ trong nước. Kết quả Tây Thi và Trịnh Đán không may được tuyển. Phạm Lãi đã huấn luyện họ suốt ba năm, cho đến khi họ hát hay múa giỏi, quyến rũ lòng người mới gửi sang cho Ngô Vương. Ngũ Tử Tư thoát nhìn đã biết ngay dụng tâm của nước Việt, bèn bạo gan khuyên ngăn Ngô Vương:

- Nhà Hạ vì Muội Hỷ mà vong, nhà Thương vì Đát Kỷ mà mất, nhà Chu vì Bao Tự mà diệt. Mỹ nữ là họa thủy, đại vương không nên thu nhận!

Nhưng vừa trông thấy Tây Thi có nụ cười tươi tắn mê hồn, Ngô Vương đã bủn rủn chân tay, nào còn nghe được lời trung trái tai. Từ đó, Ngô Vương ngày đêm nghe đàn hát, đắm chìm trong tử sắc, bỏ bê triều chính. Bài thơ của đại thi nhân Lý Bạch có thể minh chứng:

Phong động hà hoa thủy điện hương,

Cô Tô đài thượng kiến Ngô Vương.

Tây Thi túy vũ kiều vô lực,

Tiểu y đông song bạch ngọc sàng.

(Gió động bông sen, ngát điện hương;

*Cô Tô vui mở tiệc Ngô vương
Tây Thi ẻo lả, say sưa múa
Cười đến bên song, ngã xuống giường.)*

KHÔNG THÀNH KẾ



Thời Tam Quốc, thừa tướng nước Thục Gia Cát Lượng dẫn quân đóng ở Dương Bình, chuẩn bị vận chuyển lương thảo về Hán Trung. Lúc này, mười mấy mật thám liên tiếp phi ngựa về báo cáo, thống soái Ngụy là Tư Mã Ý dẫn 15 vạn quân đang ồ ạt tiến về phía Dương Bình. Lúc đó, bên cạnh Gia Cát Lượng không còn một viên võ tướng nào ngoài một số quan văn trời gà không chặt. Tội tộ hơn nữa là quá nửa trong số 5000 binh sĩ mà ông soái lĩnh đã áp vận lương thảo rời khỏi Dương Bình, nay trong thành chỉ còn chưa đầy 2500 quân. Một chút binh lực này sao có thể chặn được đại quân của Tư Mã Ý? Gia Cát Lượng lên thành lầu, thấy chân trời khói bụi mịt mù, đại quân Tư Mã Ý sắp đến. Các quan đi theo mặt biến sắc, không biết nên làm thế nào cho phải. Trong lúc nguy cấp, Gia Cát Lượng trấn định, bảo:

- Ta có một diệu kế.

Ông hạ lệnh thu cờ trên thành lại, binh sĩ ai về vị trí nấy, không được tự ý rời khỏi hoặc la lớn, mở cửa



thành ra, mỗi cửa để 20 binh sĩ, mặc thường phục, quét dọn đường. Sau đó, với sự theo hầu của hai thư đồng, Gia Cát Lượng mang theo một cây đàn tranh đi lên thành lầu, ngồi xuống trước lan can, lại đốt mấy nén hương. Không lâu sau, từng làn điệu đàn tranh du dương lan khắp trong ngoài thành.

Quân trinh sát quân Ngụy đã đến chân thành, thấy cảnh đó, vội vàng phi ngựa về báo với Tư Mã Ý. Tư Mã Ý nghe xong cười ha hả, tỏ vẻ không tin. Ông lệnh cho quân đội ngừng tiến rồi giục ngựa lên đích thân quan sát tình hình trong thành. Sự tình quả đúng như quân trinh sát báo cáo. Chỉ thấy Gia Cát Lượng mỉm cười, ung dung ngồi ngay ngắn trên thành lầu, tay khảy đàn tranh, khói hương nghi ngút. Tiểu đồng bên trái ông tay cầm một thanh bảo kiếm, tiểu đồng bên phải tay cầm phát trần, gần cửa thành có mấy lao công đang quét đường như không có chuyện gì xảy ra. Thấy cảnh đó, Tư Mã Ý lòng thầm kinh hãi, vội lệnh cho hậu quân biến thành tiền quân, quay đầu rút về phía bắc núi. Người con thứ Tư Mã Chiêu lấy làm lạ, hỏi:

- Chắc hẳn Gia Cát Lượng không còn binh trong tay mới bày ra kế này. Phụ soái sao lại lệnh cho đại quân rút lui?

Tư Mã Ý đáp:

- Gia Cát Lượng là người cẩn thận, việc gì cũng suy nghĩ kỹ rồi mới làm, hắn chưa từng mạo hiểm bao giờ. Hôm nay bốn cửa thành mở rộng, trong đó ắt có mai phục. Một khi quân ta vào thành, sẽ mắc

mưu hấn, con còn chưa hiểu sao? Nghe ta, mau rút, không sai đâu.

Tư Mã Ý rút đi rồi, Gia Cát Lượng phủ tay cười lớn. Các quan không hiểu, hỏi:

- Tư Mã Ý là người thiện chiến, hôm nay dẫn mười lăm vạn đại quân đến đánh, thấy thừa tướng thì lại hối hả rút quân, thế nghĩa là thế nào?

Gia Cát Lượng đáp:

- Hấn tưởng ta xưa nay tính toán kỹ càng, làm việc cẩn thận, sẽ không mạo hiểm. Thấy cửa thành ta rộng mở nên tưởng có mai phục, nên rút lui. Ta vốn không muốn mạo hiểm, hôm nay dùng kế này, thực là vạn bất đắc dĩ.

Các quan tả hữu nghe xong vô cùng khâm phục:

- Thừa tướng thực là thần cơ diệu toán! Nếu chúng tôi gặp phải trường hợp này thì e đã bỏ thành trốn đi từ lâu.

Gia Cát Lượng nói:

- Chỉ có chưa đầy 2500 binh sĩ, nếu bỏ thành đi cũng chạy không bao xa, Tư Mã Ý sẽ tóm sống hết chúng ta.

KẾ LY GIÁN



Bị đại quân Hạng Vũ truy kích, Lưu Bang buộc phải rút về bảo vệ Huỳnh Dương. Hạng Vũ dẫn 10 vạn đại quân áp sát Huỳnh Dương, định tiêu diệt Lưu Bang. Trước tình thế bất lợi, Lưu Bang ăn ngủ không yên, buồn bã lo lắng, bèn tìm mưu sĩ Trần Bình bàn đối sách. Trần Bình nói:

- Trung thần bên Hạng Vũ chỉ có bọn Phạm Tăng, Chung Ly Muội. Nếu đại vương chịu bỏ mấy cân vàng để tiến hành ly gián, quấy rối quan hệ quân thần Hạng Vũ, để nội bộ chúng hỗn loạn, chắc sẽ có thể tiêu diệt hẳn.

Lưu Bang thấy kế này khả thi, bèn hào phóng nói:

- Vàng đâu có hiếm, ta cho ông bốn vạn lạng vàng. Bất kể ông sử dụng thế nào, chỉ cần đạt được mục đích là được.

Trần Bình nhận lấy bốn vạn lạng vàng, lập tức trích ra một phần giao cho tâm phúc để họ cải trang thành binh Sở, trà trộn vào quân doanh loan tin đồn. Vài ngày sau, tướng sĩ trong quân doanh Sở bàn tán xôn xao. Có người nói:

- Bọn Phạm Tăng, Chung Ly Muội thân làm đại tướng, lập rất nhiều công lao nhưng lại không được

chia đất phong vương, nghe nói hiện bọn họ đang định liên hợp với Hán Vương diệt Hạng Vũ để được phong đất và phong tước vương hầu.

Có kẻ nói:

- Nếu bọn Phạm Tăng làm tướng dưới trướng Lưu Bang thì đã được phong vương từ lâu rồi.

Hạng Vũ nghe đồn, quả nhiên không còn trọng dụng Chung Ly Muội, nhưng vẫn rất tin nhiệm Phạm Tăng. Lưu Bang không nản chí, tiếp tục đánh vào Phạm Tăng. Một hôm, sứ giả của Hạng Vũ đến Hán doanh, Trần Bình bày một bữa tiệc thịnh soạn tiếp đãi sứ giả. Trong bữa tiệc, Trần Bình tỏ ra nóng ruột, hỏi:

- Phạm Tăng tiên sinh gần đây có được khỏe không? Có thư do chính ông viết gửi đến không?

Sứ giả lấy làm lạ, đáp:

- Tôi do Sở Bá Vương phái tới, chứ không phải do Phạm Tăng phái tới.

Trần Bình nghe xong, giả vờ vỡ lẽ:

- Tôi lại cứ tưởng ngài là do Phạm Tăng tiên sinh phái tới. Đã là do Hạng Vũ phái tới thì cho tôi xin lỗi.

Nói xong đứng dậy bỏ đi, rồi lệnh bỏ tiệc rượu, thay bằng cơm nhạt trà thô. Sứ giả vô cùng ấm ức, sau khi trở về lập tức báo cáo lên Hạng Vũ, Hạng Vũ từ đó bắt đầu nghi ngờ Phạm Tăng, không còn nghe kế của ông nữa. Nhưng Phạm Tăng chưa hề biết Hạng Vũ nghi ngờ mình, vẫn lòng trung canh cánh



như cũ. Hạng Vũ càng không nghe, ông càng ra sức khuyên gián. Mà ông càng ra sức khuyên gián, Hạng Vũ càng thấy khả nghi. Bực tức, Phạm Tăng giũ áo bỏ Hạng Vũ. Từ đó, kế ly gián của Lưu Bang đối với Hạng Vũ thành công lớn. Trong các trận đánh sau này, ông dần nắm được quyền chủ động, cuối cùng đoạt được thiên hạ. Còn Hạng Vũ vì tin lời đồn mà dẫn đến chúng phản thân ly, cuối cùng binh bại tại Cai Hạ, tự vẫn dưới dòng Ô Giang.

LIÊN HOÀN KẾ



“*T*am quốc diễn nghĩa” hồi thứ 47: “Bàng thống khéo dùng liên hoàn kế”, kể câu chuyện Chu Du sử dụng liên hoàn kế thành công. Trong trận Xích Bích, Đông Ngô nhỏ yếu muốn chiến thắng Tào Tháo hùng mạnh, với người thường thì thực là việc khó khăn, thậm chí không thể; nhưng cuối cùng Đông Ngô đã chiến thắng, đấy chính là kết quả của việc Chu Du đã khôn khéo thực hiện hàng loạt mưu kế. Bản thân Tào Tháo là một bậc thầy về sử dụng nguy kế, muốn thực hiện mưu kế với ông là điều rất khó. Thí dụ, khi Hoàng Cái trá hàng, Tào Tháo nghĩ ngay đến khả năng ông trá hàng. Khi Bàng Thống hiến kế xích các chiến thuyền lại với nhau, ông nghĩ ngay đến vấn đề hướng gió và hoả công. Nếu Chu Du chỉ

sử dụng riêng lẻ một trong các kế kể trên thì e khó bề thành công. Khéo là ở chỗ Chu Du biết kết hợp các mưu kế này một cách hữu cơ, kế này được sử dụng liên tiếp với kế kia, khiến cho chúng kết nối với nhau trở thành một chuỗi mưu kế kín kẽ, từng bước đưa Tào Tháo vào cái tròng mình giăng sẵn. Kết quả, Tào Tháo dù mưu sâu kế hiểm cũng khó tránh vận mệnh bị lừa.

Hoàng Cái bị đánh, vượt sông trá hàng, Tào Tháo bán tín bán nghi. Dù nhận được mật báo của Thái Trung và Thái Hoà cũng vẫn chưa thể yên tâm. Khi đó Tưởng Cán lại tự xin vượt sông sang Đông Ngô lần nữa để do thám sự thực việc Hoàng Cái trá hàng. Chu Du nghe nói Tưởng Cán lại đến, bụng mừng lắm, nhưng bề ngoài vẫn tỏ ra vô cùng tức giận, hạ lệnh nhốt ông vào một cái am nhỏ ở núi tây; ở đây, Tưởng Cán ngẫu nhiên gặp Phượng Sồ tiên sinh Bàng Thống, người sánh tên với Ngọa Long Gia Cát Lượng, bèn trở tài thuyết khách, khuyên Bàng Thống lên bắc quy thuận Tào Tháo. Bàng Thống đồng ý ngay, cùng Tưởng Cán vượt sông về doanh Tào. Tào Tháo nghe nói Phượng Sồ tiên sinh giá đáo, đích thân ra khỏi trướng nghênh đón. Ông không ngờ rằng Bàng Thống qua sông chính là một khâu then chốt trong kế hoạch hoả thiêu Xích Bích, đại phá quân Tào của Chu Du.

Tào Tháo thịnh tình mời Bàng Thống đi quan sát doanh trại của ông, sau đó nhờ ông góp ý. Bàng Thống nhiệt tình hiến kế:

- Người phương bắc không quen thuỷ chiến, chủ yếu là vì say sóng thuyền, sức chiến đấu của quân đội khó bề phát huy hoàn toàn, dễ bị đánh bại. Nếu dùng xích sắt buộc các chiến thuyền lớn nhỏ lại với nhau, mặt thuyền lại trải sàn gỗ, nối các chiến thuyền thành một chỉnh thể thì có thể vững như trên đất liền. Như thế, người phương bắc đứng trên thuyền sẽ không bị say sóng.

Tào Tháo nghe xong, cảm thấy kế mà Bàng Thống hiến quả thực là kế sách hay tiện cho người phương bắc thuỷ chiến, lập tức hạ lệnh cho thợ sắt trong quân ngày đêm rèn xích sắt, sau đó hạ lệnh cho thuỷ quân cứ mười thuyền buộc lại với nhau bằng xích sắt, trên thuyền trải sàn gỗ. Như thế, quả nhiên vững như trên đất liền, không còn sợ gió thổi sóng đánh, binh sĩ cũng không còn bị say thuyền.

Khi đó, có người khuyên Tào Tháo:

- Máy chiếc thuyền lớn buộc lại với nhau hành động bất tiện, lỡ bị địch dùng hoả công thì chỉ cần mấy chiếc bốc hoả, tất cả đều thành than. Xin Thừa tướng cân nhắc.

Tào Tháo cười, tự tin đáp:

- Điều này không cần phải lo. Ta đã sớm nghĩ đến điểm này; nếu không sao ta lại dễ dàng đồng ý nối các thuyền với nhau? Hiện đang là tháng chạp đông giá, gió thổi đến không phải gió tây thì gió bắc, chúng ta ở bờ bắc, quân Ngô ở bờ nam. Nếu chúng dùng hoả công thì chẳng phải tự thiêu mình sao?

Trong điều kiện bình thường, điều Tào Tháo nói hoàn toàn đúng. Nhưng ông không xét đến trường hợp đặc biệt. Có câu “không sợ nhất vạn, chỉ sợ vạn nhất”. Chính lần vạn nhất này đã hại ông.

Khi đó, Hoàng Cái đang theo kế Chu Du, chuẩn bị mấy chục chiến thuyền, trên thuyền chất đầy củi cỏ, chứa đầy dầu, bên ngoài phủ bạt, trên thuyền cắm cờ thanh long quy ước với Tào Tháo. Có câu “mọi sự đầy đủ, chỉ chờ gió đông”. Ngày Đông chí năm Kiến An thứ 13 (208), quả thực là trời giúp Chu Du, đột nhiên nổi gió Nam hiểm thấy. Hoàng Cái lập tức theo kế hoạch của Chu Du, gửi một bức thư cho Tào Tháo, hẹn đêm đó đem chục chiến thuyền đến Giang Bắc đầu hàng. Đến hoàng hôn, gió thổi mỗi lúc một lớn. Hoàng Cái dẫn mấy chục chiếc thuyền lớn, đuôi mỗi chiếc thuyền lớn kéo theo hai ba chiếc thuyền nhỏ, bên trong có cung thủ ẩn nấp. Thuyền đến giữa sông, buồm no gió, chạy thẳng đến bờ bắc.

Tối hôm đó, ánh sao lấp lánh, có thể nhìn thấy thuyền chạy trên mặt sông. Tào Tháo dẫn mưu sĩ lên thuyền chờ Hoàng Cái đến. Lúc này, có mưu sĩ nói:

- Hôm nay có gió đông nam, chúng ta phải đề phòng bất trắc.

- Thuyền đi nhanh, không thể nào là thuyền lương như chúng nói.

Lúc này Tào Tháo đã phát giác có điều bất ổn, lập tức truyền lệnh:

- Thuyền đang đến phải thả neo giữa sông, không được bắc tiến.

Nhưng đã muộn. Trong nháy mắt, mấy chục chiến thuyền lớn đồng thời phóng hoả, theo cuồng phong lao thẳng đến doanh Tào. Lửa theo thế gió, gió trợ uy lửa. Doanh Tào một chỗ bốc lửa, nhanh chóng cháy lan sang xung quanh. Thuyền lớn trong thủy trại quân Tào đều buộc bằng xích sắt, tách không được, chạy không xong, trong chốc lát chìm trong biển lửa. Quân Ngô nấp trong thuyền nhỏ đi sau thuyền lớn áp sát doanh trại quân Tào, bắn mũi tên lửa. Như thế, không những chiến thuyền trong thủy trại quân Tào bị huỷ, mà doanh trại trên bờ cũng bốc cháy.

Bản thân Tào Tháo không lên bờ được, cũng không thể nhảy xuống nước. Trong lúc sinh tử, đại tướng Trương Liêu lái một chiếc thuyền nhỏ đến cứu ông. Trận đánh này, hàng chục vạn đại quân Tào Tháo hầu như bị tiêu diệt sạch, từ đó không còn lực đánh xuống nam. Đây chính là trận Xích Bích lừng danh trong lịch sử. Sau trận đánh này, thế chân vạc Ngụy – Thục – Ngô sơ bộ hình thành.

MỀM MỎNG PHA CỨNG RẮN



Thời Xuân Thu, Tấn Huệ Công Di Ngô lên làm vua là nhờ sự trợ giúp của Tần Mục Công. Trước đó, ông từng hứa sau khi lên ngôi sẽ cắt năm thành

ở Hà Đông cho nước Tần. Nhưng sau khi về nước lên ngôi, ông đã trở mặt, không thực hiện lời hứa. Nước Tấn bị mất mùa, mượn lương nước Tần, Tần Mục Công khảng khái tương trợ; nhưng nước Tần bị mất mùa, nước Tấn không hề viện trợ. Hai việc này khiến Tần Mục Công nổi giận, sau khi vượt qua nạn đói, ông lập tức tấn công nước Tấn, kết quả nước Tần đại thắng, Tấn Huệ Công bị bắt. Hơn ba tháng sau, Tần mới đồng ý giảng hoà với Tấn. Thế là, Tấn Huệ Công bèn phái Lữ Sanh đến Tần giảng hoà.

Lữ Sanh phụng mệnh đến Tần, Tần Mục Công cho triệu kiến. Tần Mục Công hỏi Lữ Sanh:

- Người nước Tấn có hoà mục không?
- Không hoà mục – Lữ Sanh đáp.
- Sao lại không hoà mục? – Tần Mục Công hỏi.

Lữ Sanh đáp:

- Bọn tiểu nhân xấu hổ vì vua bị bắt, xót thương người thân chết trong chiến tranh, không sợ trưng thuế luyện binh, lập Thái tử làm vua. Bọn họ nói: “Nhất định phải báo đại thù nước Tần, không chịu đầu hàng địch”. Bọn quân tử yêu mến vua mình, lại biết tội của mình, không sợ trưng thuế luyện binh để chờ mệnh lệnh của nước Tần. Bọn họ nói: “Nhất định phải đền đáp ơn đức nước Tần, dù chết cũng không thể hai lòng”. Vì vậy, người nước Tấn không hoà mục.

Tần Mục Công muốn giận cũng không được, không biết làm sao, đành chuyển đề tài:

- Người nước Tấn các người đánh giá vua của mình như thế nào?

Lữ Sanh đáp:

- Bọn tiểu nhân không biết điều, chỉ biết lo lắng, cho rằng vua ắt bị ngài xử tử. Bọn quân tử lấy bụng ta suy bụng người, cho rằng ngài nhất định sẽ trả lại vua cho họ. Bọn tiểu nhân nói: “Chúng ta làm hại nước Tần, nước Tần sao có thể thả vua ta?”. Bọn quân tử nói: “Chúng ta đã nhận tội, nước Tần chắc chắn sẽ thả vua ta. Chúng ta có hai lòng, Tần bắt vua ta; chúng ta đã phục tội, Tần ắt thả vua ta. Ôn đức không gì dày bằng thế, hình phạt không gì uy hơn thế. Kẻ phục tội lòng mang ơn đức, kẻ hai lòng sợ hãi hình phạt. Với hành động đó, nước Tần có thể xưng bá thiên hạ. Nếu ngày trước thu nạp vua chúng tôi, nay lại bắt không thả, khiến cho ngôi vua bất định, tức là phế bỏ mà không phục vị. Đây là biến ân đức ngày trước thành oán thù, nước Tần tuyệt đối không thể làm như vậy.

- Tần Mục Công đành nói theo:

- Đây chính là bản ý của ta.

Thế rồi lập tức thả Tấn Huệ Công.

100 CÂU CHUYỆN HAY THỂ GIỚI
MUỖ LƯỢC TRONG CHÍNH TRỊ - QUÂN SỰ & ĐỜI SỐNG

Quách Thành



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 39.260.031



Chịu trách nhiệm xuất bản : Giám đốc - BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung : Tổng biên tập - LÝ BÁ TOÀN

Biên tập : Phan Thị Ngọc Minh

Biên tập Văn Lang : Ngọc Phương

Trình bày : Mai Thảo

Vẽ bìa : Art Nguyễn

Sửa bản in : Ngọc Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA VĂN LANG

06 Nguyễn Trung Trực, P. 5, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

ĐT: (028) 38. 943.783 - 35.500.331 - Fax: (028) 35.500.332

VPGD & Nhà sách: 40 - 42 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP. HCM

ĐT: (028) 38.242.157 - 38.233.022

Website: vanlang.vn - Email: vhvl@vanlang.vn



In 1.000 cuốn khổ 13.5x21 cm tại Xưởng in Cty CP Văn hóa Văn Lang

06 Nguyễn Trung Trực, P.5, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM.

Xác nhận ĐKXB số: 4330-2020/CXBIPH/18-80/HĐ.

QĐXB số: 1444/QĐ - NXBHĐ, ngày 22/10/2020.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.